VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

từ loại trong tiếng việt
hồng huy
hélène péras & hàn mặc tử
thụy khuê
đẹp làm đẹp cái đẹp
ngu yên
đi tìm thú vui điền viên
tràm cà mau
ba miền
kịch mới của nam dao

văn
trúc chi ● diễm âu ● tràm cà mau
ngô nguyên dũng ● mai văn ● hoàng chính

thơ
lê cần sơn ● hoàng phố ● lưu hy lạc
đặng hiền ● xuyên trà ● nguyễn việt thường

tin văn
thế quân

194
THÁNG 6 2002

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: tapchivanhoc@aol.com
Homepage trên Internet: nhanvan.com/vanhoc.htm
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 194 ● tháng 6, 2002

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
THỤY KHUÊ	3	hélène péras & hàn mặc tử
HỒNG HUY	10	từ loại trong tiếng việt
NGU YÊN	21	đẹp làm đẹp cái đẹp
TRÀM CÀ MAU	26	đi tìm thú vui điền viên
LÊ CẦN SƠN	46	*bài thơ phù vân*
TRÚC CHI	48	'tôi' và lỗ tấn
NGUYỄN VIỆT THƯỜNG	53	*mai tiên, bài thơ mừng cưới*
HOÀNG PHỐ	54	*thơ hoàng phố*
DIỄM ÂU	56	lama
LƯU HY LẠC	71	*mưa giữa năm*
NGÔ NGUYÊN DŨNG	72	hương đêm vườn ổi chín
NAM DAO	94	ba miền (kịch)
ĐẶNG HIỂN	119	*sau vườn mùa hạ*
MAI VĂN	120	chuông
HOÀNG CHÍNH	123	tình khúc (truyện dài)
THẾ QUÂN	134	tin văn
XUYÊN TRÀ	148	*nếu có những điều*
VĂN HỌC	149	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	133	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2002
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2002

Thư Tòa soạn
Văn Học

Trong tháng vừa qua, Văn Học lần đầu tiên bị khốn đốn vì nạn vi khuẩn vi tính. Một loạt các thư email mang vi khuẩn loại nặng tàn phá hộp thư email của Văn Học, bao nhiêu bài vở do văn hữu gửi về chưa kịp đem xuống bị mất. Chẳng những thế, vi khuẩn len lỏi vào một số hồ sơ khác, lâu lâu lại bật dậy làm khó khăn cho công việc tòa soạn. Giải pháp cuối cùng là phải loại bỏ tất cả các hồ sơ nghi ngờ bị vi khuẩn ảnh hưởng, và "tái phối trí" từ đầu. Nạp các nhu liệu mới vào, lại có một số phụ ứng mới. Thực hiện số báo này gặp quá nhiều khốn đốn về kỹ thuật, nên chắc chắn có nhiều sơ sót, xin bạn đọc và bạn văn thứ lỗi cho.

Cũng do nạn vi khuẩn (hình như cả làng báo Việt ngữ hải ngoại đều bị), server saigonline.com bị ngưng trệ một thời gian dài, các thư email bạn đọc bạn văn gửi về địa chỉ vanhoc@saigonline.com hoặc bị trả về, hoặc có nhận được nhưng bị mất ở saigonline.com. Mà vấn đề liên lạc với bạn văn bạn đọc qua email càng ngày càng trở nên quan trọng đối với Văn Học. Cho nên, chúng tôi đã mua thêm một địa chỉ email mới trên American Online Com (AOL). Địa chỉ như sau:

tapchivanhoc@aol.com

Kể từ đầu tháng Sáu 2002, xin quí bạn liên lạc về Tòa soạn theo địa chỉ mới của aol.com hay địa chỉ email riêng của anh chủ bút Nguyễn Mộng Giác (nmg@vinet.com), đừng gửi theo địa chỉ của saigonline.com như trước.. Chúng tôi xin nhắc lại:

Kể từ đầu tháng Sáu 2002, địa chỉ email của Văn Học là tapchivanhoc@aol.com hoặc nmg@vinet.com

Website của Văn Học trên Internet là: nhanvan.com/vanhoc.htm

Kính xin quí bạn lưu ý các thay đổi kỹ thuật quan trọng này.

Văn Học

Hélène Péras và Hàn Mặc Tử

Thụy Khuê thực hiện

«Cả cuộc đời ngắn ngủi, tan vỡ từ tuổi 24 vì bệnh cùi, Hàn Mặc Tử đã dành cho thơ, dành cho những tìm kiếm trinh trắng thiết tha giao hòa một tình yêu tuyệt vọng hướng về những người con gái đã xa, và cái cõi ngoài của tình yêu trần thế ấy, ở trong những bài thơ cuối cùng, Hàn Mặc Tử gọi là Thượng Thanh Khí.

Cho tới tận cùng của vô vọng, thơ Hàn luôn luôn là một êm ái dịu dàng, một ánh sáng vô minh, một niềm vui huyền diệu làm cho Hàn rung động đến phút cuối. Hàn viết: «Vườn thơ tôi rộng rinh không bờ bến. Càng đi xa càng ớn lạnh».

Những lời trên đây của nhà xuất bản mà chúng tôi trích dịch ở bìa sau tập thơ *Le Hameaux des Roseaux*[1], *Đây Thôn Vĩ Dạ*, như lời bạt[2], nói về nhà thơ mệnh yểu, mất năm 29 tuổi, mà Hélène Péras đã dịch, và dịch với những rung động đồng điệu của hai tâm hồn thơ, một Pháp, một Việt, gặp nhau trên cung bậc tha thiết và bí mật của thi ca.

Hàn Mặc Tử chúng ta đã biết, còn dịch giả là ai? Bà là ai mà hiểu Hàn đến thế? Ở đây chúng tôi không tìm đến những chữ hoặc những hình ảnh đôi chỗ còn có thể bàn lại, bởi vì biết dịch là khó, dịch thơ lại càng khó hơn. Và dịch thơ Hàn Mặc Tử không dễ dàng gì. Thường thường những nhà thơ lớn là những nhà thơ không thể dịch được. Nguyễn Du, từ Nguyễn Văn Vĩnh đến nay đã có biết bao nhiêu bản dịch Truyện Kiều sang tiếng Pháp, nhưng thường là các dịch giả mới chỉ viết thơ Nguyễn Du ra văn xuôi. Hôm nay, đối diện với *Le Hameaux des Roseaux, Đây Thôn Vĩ Dạ*, độc giả có một tác phẩm của Hàn Mặc Tử được chuyển sang tiếng Pháp, dưới ngòi bút của nhà thơ Hélène Péras.

Tập thơ này, Hélène Péras đã dịch với sự cộng tác của Vũ Thị Bích, chứng tỏ mọi khó khăn rồi sẽ vượt qua với một tấm lòng, và từ nay, độc

giả Pháp có thể tiếp cận với thơ Hàn Mặc Tử qua bản dịch, có lẽ là đầu tiên này.

Như chúng tôi vừa nói, dịch giả là một nhà thơ, nhưng trước đó, bà đã đi theo con đường triết học và y học, rõ hơn, Hélène Péras là bác sĩ phân tâm, luận án trình năm 1956 có tựa đề *La notion d'intuition en psychopathologie –Khái niệm trực giác trong Bệnh lý học tâm thần*. Thiếu thời đã làm thơ, nhưng nguồn thơ thực sự trở lại từ những năm 60. Tác phẩm đầu tiên của bà xuất hiện năm 1978, tựa đề *Résonances – Âm Vang*. Tác phẩm thứ nhì, năm 1983, *La mémoire et la voix - Ký Ức Và Tiếng Nói* (Arfuyen, 1998). Tập thơ mới nhất *Le dévoilement - Vén Màn*, ngỏ thấy một khoảng trời thơ mà chất mãnh liệt nằm trong cái dịu dàng. Trước những hình ảnh có thể là thơ mộng, Hélène Péras *vén màn* vào những đau thương không hiểu được của thế giới vô minh, vô định. Bài thơ tựa đề *Việt Nam*, làm năm 1993 trong tập thơ này, đã giao hưởng những khía cạnh dịu dàng, tha thiết mà trào máu ấy.

Việt Nam, Hélène Péras đã đến từ khi bà bắt đầu tìm hiểu tiếng Việt gần mười năm nay, chuyến đi Việt Nam năm 1993 âm ỷ từ lâu, đã làm bà xao động, và có lẽ từ đó mà có quyết định dịch thơ Hàn Mặc Tử chăng? *Le Hameaux des Roseaux, Đây Thôn Vĩ Dạ*, là một công phu, một cố gắng trong năm năm trời, với 60 bài thơ chọn lọc trong các tập *Lệ Thanh thi tập, Gái Quê, Đau Thương, Xuân Như Ý* và *Thượng Thanh Khí*. Bài *Đây Thôn Vĩ Dạ*, thường được xếp vào phần *Hương Thơm* trong tập *Đau Thương*, được dịch giả xếp vào *Thượng Thanh Khí* [3].

Hélène Péras không chỉ có dịch mà bà đã nghiên cứu về Hàn Mặc Tử, về thơ mới một cách sâu sắc, tận tình. Cuối tập thơ là một tiểu sử Hàn Mặc Tử, vừa chính xác, vừa kỹ càng. Hélène Péras đọc và viết tiếng Việt thành thạo, nhưng khi nói bà còn gặp khó khăn với những cách phát âm, e rằng người nghe khó tiếp nhận, cho nên bà nghĩ có lẽ tốt hơn hết, bà nói tiếng Pháp, rồi chúng tôi chuyển sang tiếng Việt.

Thụy Khuê: *Thưa chị, lý do gì đã khiến chị tìm đến thơ Hàn Mặc Tử và không là một thi sĩ khác của Việt Nam?*

Hélène Péras: Tại sao tôi lại đến với thơ Hàn Mặc Tử? Mọi sự xẩy ra như sau: Khi tôi bắt đầu tiếp cận tiếng Việt, tôi học với chị Vũ Thị Bích, bạn tôi, chị Bích đưa tôi đọc vài mẩu thơ của Hàn Mặc Tử và tôi cảm thơ ông từ đấy. Lúc ấy, tiếng Việt của tôi vẫn còn thô sơ, cho nên

tôi phải học thêm, đào sâu thêm, và dần dần tiến thêm, tôi đọc được thơ Hàn Mặc Tử, sau đó tôi có ý định dịch và in tập thơ này, với sự cộng tác của chị Vũ Thị Bích, bởi vì, nếu không có chị thì chắc tôi đã không hoàn tất được tác phẩm này.

TK: *Chị và chị Vũ Thị Bích đã làm việc như thế nào?*

HP: Đây là một công việc dàn trải trên năm năm. Như tôi vừa nói lúc nẫy, bước đầu là tự tôi, phải đọc và hiểu thơ Hàn Mặc Tử, nhưng dĩ nhiên, với khả năng tiếng Việt còn non yếu, tôi phải nhờ chị Bích giúp, nhất là khi tôi dịch mà vấp phải những từ Hán Việt, hoặc những từ không có trong từ điển, chị Bích đã giúp tôi tránh dịch phản nghĩa, điều đó rất quan trọng. Và trong việc chọn lựa 60 bài thơ, chúng tôi cùng chọn với nhau. Tại sao lại 60, mà không 70 hay 50? Là bởi tôi có tham vọng in cuốn thơ này vào năm 2000, năm giỗ thứ 60 của Hàn Mặc Tử. Lục tuần là một con số quan trọng trong tuổi thọ, tuổi đời đối với người Việt. Năm đó lại là năm Canh Thìn, và cả một chu kỳ vừa chấm dứt để bắt đầu một kỷ nguyên mới. Do đó, trong thâm tâm tôi muốn tặng tác phẩm này cho Hàn Mặc Tử ở sinh nhật lục tuần ngày ông ra đi, cho nên số 60 là sự lựa chọn có ý nghĩa huyền bí.

TK: *Tại sao chị lại chọn thể thơ tự do trong khi thơ Hàn Mặc Tử có vần điệu?*

HP: Đơn giản thôi: Bởi vì việc chuyển ngữ sang thơ Pháp có vần sẽ đưa đến rất nhiều phản nghĩa. Hơn nữa, cũng không thể chuyển từ một ngôn ngữ đơn tiết như tiếng Việt, với những câu thơ bảy chữ, tám chữ, sang một câu thơ tiếng Pháp đều đặn, mà chữ Pháp như ta đã biết, thường đa tiết, làm như thế sẽ không tránh khỏi việc phá vỡ ý và lời thơ. Tôi nghĩ rằng trong việc dịch, chúng ta phải rất khiêm nhượng, cố gắng nói lên bằng giọng người dịch, cái tiếng của nhà thơ, chứ không được áp đặt một cách giả tạo những vần điệu không ăn nhập gì với ngôn ngữ thơ của tác giả.

Trong câu chuyện ngoài lề, Hélène Péras đã nói nhiều về trường thơ loạn, về Chế Lan Viên, Yến Lan, Bích Khê, như thể một dịch giả, ngoài việc tìm hiểu nhà thơ mà mình dịch, còn phải đi xa, đi càng xa càng hay, về những bối cảnh xung quanh nhà thơ, về thời đại của tác giả và về những người cùng thời với tác giả. Những nhận thức đó của

Hélène Péras dẫn chúng tôi đến câu hỏi:

TK: *Chị nghĩ gì về «Trường thơ loạn», về những người bạn của Hàn Mặc Tử như Chế Lan Viên, Yến Lan, Bích Khê... mà chị rất biết về họ?*

HP: Thời kỳ ấy, như mọi người đã biết, là một thời kỳ lịch sử đầy xao động, khó khăn và những biến cố lịch sử kinh hoàng của thế giới đang ngấm ngầm chuẩn bị. Tôi rất xúc động nhìn thấy, giữa những xáo động ấy, có một nhóm người Việt trẻ tuổi, sau này trở thành nhóm nhà thơ trẻ Bình Định, xoay quanh Hàn Mặc Tử; họ trao đổi với nhau, đưa ra những tranh luận sôi nổi về thi ca, những người viết trẻ này rất quý mến nhau, họ say mê thể loại Thơ mới vừa ra đời ít lâu trước đó, nhưng phải nói là nhờ họ mà phong trào Thơ mới được mở rộng: những cấm kỵ, những niêm luật khắt khe của thơ đường luật đã tan vỡ để nhường chỗ cho một cách diễn đạt mới, một trữ tình cuồng nhiệt và thành thực, và tôi nghĩ rằng những điều đó rất đáng được chú ý. Trong số những người ấy phải kể Chế Lan Viên, Yến Lan, sau nữa là Bích Khê và Quách Tấn, bạn thân của Hàn Mặc Tử. Tuy Quách Tấn là một nhà thơ cổ điển, nhưng ông vẫn giữ mối liên lạc chặt chẽ với nhóm này. Hiện tượng những nhà thơ trẻ này cần được nghiên cứu một cách cẩn trọng, nhất là người ta tìm thấy trong ngôn ngữ thơ của Hàn Mặc Tử, những điểm mà người ta lại thấy trong cách diễn tả của những người khác. Ví dụ có những điểm tương đồng trong thơ Hàn Mặc Tử và Bích Khê, Hàn Mặc Tử và Yến Lan. Tôi nghĩ rằng đây có một hiện tượng mà người ta gọi là *liên văn bản – l'intertextualité* rất thú vị.

TK: *Trong thơ Hàn Mặc Tử, chị có thấy một liên hệ tương quan nào đó giữa Hàn Mặc Tử và những thi sĩ lớn của Pháp, như Baudelaire chẳng hạn?*

HP: Tôi nghĩ rằng phải cân nhắc kỹ khi trả lời câu hỏi này. Dĩ nhiên là có dấu ấn của việc đọc những nhà thơ lớn của Pháp, những nhà thơ lãng mạn, hậu lãng mạn và tượng trưng. Nhưng nếu có những dấu vết ấy thì nó đã được tiêu hóa nhuần nhuyễn, được hội nhập sâu xa, trong tinh thần và cảm xúc thi ca Việt Nam. Chắc chắn là qua những tiếp xúc với các nhà thơ Pháp, có sự giàu thêm, phóng khoáng hơn, tự do hơn, về cách diễn tả những trữ tình và cảm xúc, nhưng ở Hàn Mặc Tử không bao giờ có sự bắt chước hay sao chép dưới bất cứ hình thức nào, mà ảnh hưởng này đã tan ra, biến vào thơ ông, để trở thành một nghệ thuật

hoàn toàn Việt Nam.

Lúc nãy chị có nhắc đến Baudelaire, tất nhiên là có dấu vết Baudelaire, ngoài ra, chính Hàn Mặc Tử cũng đã giải thích điều đó trong một bài viết về quan niệm thơ của ông. Trong bài này, Hàn vừa công nhận món nợ với Baudelaire, lại vừa giữ khoảng cách với Baudelaire, mà theo ông tự nhận xét, thì những đam mê của mình nghiêng về tinh thần, còn ở Baudelaire, những đam mê nghiêng về thể xác. Dĩ nhiên là ở Hàn Mặc Tử cũng có những đam mê thể xác, rất mãnh liệt nữa, nhưng chúng luôn luôn hướng thượng, về phía đạo. Chúng ta đừng quên Hàn Mặc Tử là nhà thơ công giáo, và điều này là cốt yếu trong tác phẩm của ông, nhất là trong phần cuối, ông đã nuôi dưỡng nguồn thơ của mình, không những qua thi ca mà còn qua cả thánh kinh, phúc âm, qua các lễ thức thánh giáo nữa.

Câu chuyện đến đây đã dài, Hélène Péras muốn từ giã thính giả bằng hai bản dịch thơ mà chị đã lựa:

Gái quê
Xuân trẻ, xuân non, xuân lịch sự
Tôi đều nhận thấy trên môi em
Làn môi mong mỏng tươi như máu
Đã khiến môi tôi mấp máy thèm

Từ lúc tóc em bỏ trái đào
Tới chừng cặp má đỏ au au
Tôi đều nhận thấy trong con mắt
Một vẻ ngây thơ và ước ao

Lớn lên em đã biết làm duyên
Mỗi lúc gặp tôi che nón nghiêng
Nghe nói ba em chưa chịu nhận
Cau trầu của khách láng giềng bên.
Hàn Mặc Tử

La jeune fille du village
Le printemps jeune, tendre, sage,
Je le reconnais sur tes lèvres,
Tes lèvres fines, éclatantes de vie
Qui font frémir les miennes de désir

Depuis le temps où tu laissais les mèches de tes cheveux
Frôler tes joues vermeilles
J'ai toujours vu dans tes yeux
L'innocence et l'espoir

En grandissant tu as appris le charme
Chaque fois que tu me rencontres tu te caches
en inclinant ton chapeau
On dit que ton père ne consent pas encore
À recevoir de l'étranger voisin l'arec et le bétel.
Hélène Péras dịch

Đây thôn Vĩ Dạ
Sao anh không về chơi thôn Vĩ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt qua xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền

Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?

Mơ khách đường xa, khách đường xa...
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?
Hàn Mặc Tử

Voici le Hameau des Roseaux
Pourquoi ne pas retourner au Hameau de Roseaux
Voir le soleil levant sur les rangs d'aréquiers
Un jardin tout luisant comme de jade vert
Le visage parfait au travers des bambous.

Le vent suit le chemin du vent, les nuages la route des nuages,

Tristesse de l'eau qui coule, frémissement des mais en fleurs,
À qui est cette barque à l'amarre là-bas aux rives de la lune
Et pourra-t-elle à temps la transporter ce soir?

Rêve le voyageur sur la route lointaine, lointaine...
Ta robe est par trop blanche, je ne la discerne pas
Ici les êtres sont voilés de brume et de fumée
Qui connait la profondeur d'un tel amour?
Hélène Péras dịch

Thụy Khuê thực hiện,
phát thanh trên đài RFI ngày 27/04/2002

[1] tập thơ song ngữ Pháp Việt do Hélène Péras và Vũ Thị Bích dịch, nhà xuất bản Arfuyen, Paris 2001.

[2] Chú thích của Hélène Péras: Người xuất bản Gérard Pfister cũng là nhà thơ, đã viết lời bạt ở bìa sau.

[3] Chú thích của Hélène Péras:
Trần Thanh Địch, trong Lời nói đầu tập *Đau Thương* (1993), khẳng định trên cơ sở bản gốc: « *Đây Thôn Vĩ Dạ: Bài này Hàn Mặc Tử đặt vào tập Thượng Thanh Khí*».

Tìm mua hai tập đầu của bộ trường thiên đồ sộ
người trăm năm cũ
của Hoàng Khởi Phong
Người Việt xuất bản
Giá mỗi tập 20 Mỹ kim

Liên lạc: Nhà xuất bản Người Việt
14891 Moran Street Westminster CA 92683
Phone: 714-892-9414

Từ loại trong tiếng Việt

(Tiếng Việt Thực Dụng)

Hồng Huy

Người Việt chúng ta biết đến từ loại (parts of speech; parties du discours) từ khi bắt đầu tiếp xúc với ngữ pháp Tây phương, cụ thể là ngữ pháp của tiếng Pháp. Trước đó, chúng ta chỉ chia các từ trong ngôn ngữ thành hai nhóm, thực từ và hư từ. Theo cách phân biệt xưa, những từ có ý nghĩa từ vựng là thực từ; những từ có ý nghĩa ngữ pháp là hư từ. Ngày xưa, "từ" được gọi là "tự", cho nên "thực tự" (chữ nặng) chính là "thực từ", và "hư tự" (chữ nhẹ) chính là "hư từ" nói đây. Nói một cách dễ hiểu, những từ ngày nay được coi là danh từ, động từ và tính từ (sách Tàu gọi là hình dung từ), thì ngày xưa được coi là thực từ. Những từ khác đều được coi là hư từ. Tuy nhiên, vì lúc bấy giờ, người Trung-Quốc cũng như người Việt chúng ta chưa mấy chú trọng vào ngôn ngữ học, vào ngữ pháp, vào vấn đề từ loại, nên sự phân biệt "thực từ" và "hư từ" chỉ được đặt nặng trong khi dạy và học lối văn biền ngẫu (có đối).

Trong khi nghiên cứu những tác phẩm cổ văn, tôi nhận ra một điều đáng ngạc nhiên. Tuy các từ trong ngôn ngữ chỉ được phân biệt thành hai nhóm, nhưng những câu đối, những vế đối thường rất chỉnh về từ loại, không phải chỉ chỉnh trong giới hạn thực từ và hư từ, mà còn chỉnh cả với cách phân biệt từ loại ngày nay: Danh từ đối với danh từ; tính từ đối với tính từ, v.v... Xin dẫn một ít thí dụ.

Hai cặp có đối trong bài Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh-Quan:

Lom khom dưới núi, tiều vài chú;
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.
Nhớ nước, đau lòng con quốc-quốc;
Thương nhà, mỏi miệng cái gia-gia.

Lom khom và *lác đác* đều là tính từ; *dưới* và *bên* đều là giới từ vị trí; *núi* và *sông* đều là danh từ; *tiều* và *chợ* đều là danh từ; *vài* và *mấy* đều là số từ bất định; *chú* và *nhà* đều là danh dừ.

Nhớ và *thương* đều là động từ; *nước* và *nhà* đều là danh từ; *đau* và *mỏi* đều là tính từ; *lòng* và *miệng* đều là danh từ; *con* và *cái* đều là loại từ (article); *quốc-quốc* và *gia-gia* đều là danh từ.

Xét chung, trong thơ của Bà Huyện Thanh-Quan, những cặp có đối đều rất chỉnh, chỉnh cả về từ loại hiểu theo ngữ pháp hiện đại.

Hai cặp có đối trong bài Thuật Hoài của Đặng Dung:

Thời lai, đồ điếu thành công dị;
Vận khứ, anh hùng ẩm hận đa.
Trí chúa, hữu hoài phù địa trục;
Tẩy binh, vô lộ vãn thiên hà.

Thời và *vận* đều là danh từ; *lai* và *khứ* đều là động từ;

đồ điếu và *anh hùng* đều là danh từ; *thành* và *ẩm* đều là động từ; *công* và *hận* đều là danh từ (phân tích cách khác: *thành công* và *ẩm hận* đều là động từ); *dị* và *đa* đều là tính từ (có người cho đây là trạng từ, adverbe).

Trí và *tẩy* đều là động từ; *chúa* và *binh* đều là danh từ; *hữu* và *vô* đều là động từ; *hoài* và *lộ* đều là danh từ; *phù* và *vãn* đều là động từ; *địa trục* và *thiên hà* đều là danh từ.

Tóm lại, tuy ngày xưa các từ chỉ được phân loại tổng quát thành thực từ và hư từ, nhưng trong thực tế hành văn, cách phân loại còn kỹ hơn nhiều.

Còn ngày nay, vấn đề phân biệt từ loại trong tiếng Việt đã ổn định chưa? Xin trả lời là chưa. Lý do là vì chúng ta chưa có một cuốn ngữ pháp hoàn chỉnh được mọi người chấp nhận. Thực trạng hiện nay liên hệ đến việc phân biệt từ loại còn những trở ngại này:

-Việc phân biệt từ loại chưa được đánh giá đúng mức.
-Việc qui loại không dễ dàng.
-Chưa có sự thống nhất trong việc gọi tên các từ loại.

Sau đây, chúng ta sẽ đi vào từng trở ngại, cố gắng tìm hiểu, phân tích, với hi vọng giải quyết được đôi phần.

Trước khi đề cập đến vấn đề từ loại, chúng ta hãy bàn qua về vấn đề ngữ pháp, vì phân biệt từ loại là một phần của cú pháp, mà cú pháp là một phần của ngữ pháp.

Nói chung, bất cứ người nào đã trưởng thành, đã bắt đầu sử dụng tiếng mẹ đẻ từ ngày thơ ấu, đều có thể tự nhiên nói được tiếng mẹ đẻ. Không có chuyện phải học ngữ pháp rồi mới nói được tiếng mẹ đẻ. Một đứa trẻ sinh ra, tới tuổi, nó tập nói tiếng mẹ đẻ với cha mẹ và người thân trong gia đình. Lớn hơn chút nữa, nó tập nói với bạn chơi, bạn học. Độ mười tuổi, tự nhiên nó nói được những câu, tuy không văn chương sâu sắc gì, nhưng rất đúng cách. Một đứa trẻ 3 tuổi gọi mẹ: *Mẹ ơi, con đói bụng*. Mẹ nó hiểu, và cho nó ăn. Nhưng nếu nó xếp lộn bậy 5 chữ đó theo kiểu tự phát: *Ơi bụng con đói mẹ*, thì có thể mẹ nó sẽ ngẩn ngơ không hiểu. Một đứa trẻ lớn hơn nói với bạn: *Tao không thích đá banh*. Bạn nó hiểu và bỏ đi rủ đứa khác. Nhưng nếu nó nói không đúng cách: *Banh đá không thích tao*, thì bạn nó chắc phải hỏi lại. Sự nói đúng cách này chính là cái nền của ngữ pháp. Ngữ pháp đây là ngữ pháp thực dụng, ngữ pháp cha truyền con nối của một thứ tiếng, không cần ghi ra giấy mực, chỉ cần thực tập. Một đứa trẻ người Việt tập nói tiếng Việt, chính là đang học ngữ pháp tiếng Việt. Người tập cho nó nói, chính là đang dạy ngữ pháp cho nó.

Cao hơn một bực, người lớn trong gia đình, ngoài xã hội, nói chuyện với nhau, đều dễ dàng hiểu nhau qua tiếng mẹ đẻ. Kết quả này là do ai nấy đều sử dụng ngôn ngữ theo cùng một cách. Cách sử dụng thống nhất này được học, được tập ngay từ khi mới tập nói.

Cao thêm một bực nữa, các nhà văn, nhà thơ, nhà báo, viết bằng tiếng mẹ đẻ (tôi muốn nói tiếng Việt), có người cả đời không biết đến một cuốn sách ngữ pháp (tiếng Việt), có học ngữ pháp chăng thì cũng là ngữ pháp của tiếng nước ngoài (Pháp hoặc Anh), nhưng những bài văn , bài thơ, bài phóng sự của họ viết đều có thể rất hay và dễ hiểu đối với mọi người đồng ngữ. Như vậy, thiết tưởng đâu có cần đến ngữ pháp làm gì? Cứ quan niệm việc nói tiếng mẹ đẻ giống như việc ăn, ngủ, hô hấp và bài tiết. Ai cũng làm được, không cần phải học tập. Rất đúng! Nhưng nếu chúng ta nghĩ lại, những nhu cầu tự nhiên của con người, tuy ai cũng biết làm, nhưng tựu trung vẫn có những cách làm hay hơn, hợp lý hơn. Việc sử dụng tiếng mẹ đẻ cũng vậy. Ai cũng sử dụng được, nhưng tựu trung vẫn có một cách sử dụng hợp lý và hay hơn. Chúng ta cần đến ngữ pháp là vì thế, chỉ vì thế.

Nói cách khác, chúng ta bàn đến vấn đề ngữ pháp, là vì tiếng Việt, chớ không phải vì bản thân từng người chúng ta. Chúng ta dạy con cháu chúng ta nói tiếng Việt, chúng ta nói và viết tiếng Việt được rồi , thành thạo rồi, nhưng vì yêu quí tiếng mẹ đẻ, chúng ta muốn ngôn ngữ của chúng ta đạt đến trình độ tinh luyện, không thua kém những thứ tiếng

tinh luyện nhất của nhân loại. Tiếng Anh và tiếng Pháp là hai ngôn ngữ đã được coi là tinh luyện, đã có ngữ pháp ổn định, nhưng những nhà nghiên cứu hai thứ tiếng này hiện vẫn còn bàn cãi về nhiều vấn đề liên hệ.

Tiếng Việt của chúng ta đã được các nhà nghiên cứu quốc tế xếp vào danh sách 42 thứ tiếng mệnh danh là "ngôn ngữ văn minh" (langues de civilisation), hoặc "ngôn ngữ văn hóa" (langues culturelles), trong khoảng 3000 ngôn ngữ của nhân loại. Chúng ta có thể tự hào, nhưng không thể tự mãn. Phải nhân đó tiến lên. Chúng ta hoài bão một ngày nào đó tiếng Việt sẽ được dạy tại hầu hết các trường đại học trên thế giới; một ngày nào đó tác phẩm viết bằng tiếng Việt sẽ được trực tiếp dự tranh giải Nobel Văn-Học, không cần qua bản dịch. Cái đích chắc không gần, nhưng chúng ta không đi thì chẳng bao giờ tới.

Vậy, chúng ta cần một cuốn ngữ pháp tiếng Việt? Phải, chúng ta rất cần. Hiện nay, trong nước cũng như ở hải ngoại, sách ngữ pháp tiếng Việt cũng đã có nhiều. Nhưng một cuốn ngữ pháp thích dụng cho mọi người, thì chưa có. Phần nhiều những người soạn sách đều nặng về lý thuyết, nặng về giáo khoa, tác phẩm có khi là một giáo trình dài hạn, cho nên không thể phổ cập đối với quần chúng độc giả. Chúng ta phải nhận ra chúng ta đang cần cái gì, và chưa cần cái gì. Tiếng Anh và tiếng Pháp, và một số ngôn ngữ Ấn-Âu (Indo-European) khác, đã có những bộ sách về ngôn ngữ học, về ngữ pháp, rất đồ sộ. Chúng ta đi sau, thiết tưởng không cần tranh đua với họ về những gì nặng lý thuyết hình thức. Chúng ta chỉ cần nghĩ đến những gì thiết thực. Khi nào trong sách báo của chúng ta không còn lỗi chính tả, không còn lỗi dùng chữ, không còn lỗi đặt câu, không còn lỗi chấm câu, chúng ta mới nên nghĩ đến việc bàn cãi thật sát sao về nguồn gốc tiếng Việt, về những vấn đề chuyên môn của ngôn ngữ học như phân vị, hình vị, âm vị, âm tiết, về ngữ pháp học đối chiếu... Những thứ ấy, chúng ta chưa cần đến bây giờ.

Nhưng việc phân biệt từ loại là bước đầu của ngữ pháp, nên chúng ta đưa ra bàn ở đây.

Đây là một vấn đề xem qua như dễ, nhưng đi sâu vào lại thấy rất phức tạp. Xin nêu thí dụ cụ thể để nhận xét. Chúng ta thử phân tích từ loại câu này:

Người cha lặng lẽ ngồi đọc báo trong phòng khách, còn mấy đứa con thì nô đùa ầm ĩ ngoài sân.

Bạn thấy có gì khó không? Riêng tôi, tôi thấy không dễ có một cách phân tích được mọi người đồng ý.

Tôi đã từng gặp những người, mỗi khi cần phân tích từ loại một câu

tiếng Việt đại để như trên, thường dịch ngược ra tiếng Pháp, rồi dựa theo những từ tiếng Pháp mà qui loại cho những từ tiếng Việt. Họ có căn bản Pháp văn, đã quen với môn "analyse grammaticale" của tiếng Pháp. Nhưng làm như họ, có lẽ chỉ có kết quả tốt khi gặp được một câu tiếng Việt gồm toàn những từ đồng từ loại một cách rõ ràng với những từ tiếng Pháp. Họ có thể đối chiếu để qui loại, và tên từ loại cũng dịch từ tên từ loại tiếng Pháp. Và cách phân loại của họ có thể chấp nhận được, vì dễ hiểu, vả lại cũng có lý.

Nhưng với câu nêu trên, nếu dịch "người cha" ra "le père", rồi qui chữ "người" vào "loại từ" (article) thì có ổn không? Nếu dịch chữ "còn" ra "tandis que" (locution conjonctive), hoặc ra "et" (conjonction), rồi qui chữ này vào "liên từ"; hoặc dịch ra "quant à" (locution prépositive), rồi gọi nó là "giới từ" sao? Như vậy, thứ ngữ pháp này đâu còn là ngữ pháp tiếng Việt nữa?

Còn chữ "thì" thuộc từ loại gì vậy? Hình như bên tiếng Pháp, không có một từ nào đồng loại với nó . Vậy, phải "làm ngơ" nó đi, hay sao?

Và "đứa" có phải là danh từ không? Hay "đứa con" là danh từ hai chữ (ghép)?

Và một vấn đề dễ hơn, nhưng không chắc ai cũng nghĩ giống nhau: "lặng lẽ" và "ầm ĩ" thuộc từ loại gì? Nếu luận nghĩa theo ngữ pháp tiếng Pháp, "lặng lẽ" tức là "một cách lặng lẽ", và "ầm ĩ" tức là "một cách ầm ĩ", thì dễ dàng qui loại cả hai vào "trạng từ" (adverbe). Nhưng hiện nay, có nhiều nhà ngữ pháp vẫn coi chúng là "tính từ" làm chức năng "trạng ngữ".

Thật không đơn giản chút nào!

Nhưng tới đây, dù chúng ta chưa thể đồng ý với nhau về từ loại của tất cả mọi từ, điều này đòi hỏi thời gian thảo luận, nhưng ít nhất, chúng ta cũng có thể đồng ý với nhau một điểm: Ngữ pháp của tiếng Việt phải là ngữ pháp của tiếng Việt, không qui chiếu, không mô phỏng một ngữ pháp nào khác. Chúng ta học hỏi tinh thần phân tích khoa học của những nhà ngôn ngữ và ngữ pháp quốc tế, nhưng không thể rập khuôn theo công trình của họ. Nói chung, tiếng của họ không phải là tiếng Việt. Nói riêng, về mặt từ loại, tiếng Việt có những đặc điểm mà những thứ tiếng Ấn-Âu không có.

Xin bắt đầu từ chỗ có thể nhiều người nghĩ là nên bắt đầu: Tiếng Việt có bao nhiêu từ loại?

Với ngữ pháp lý thuyết, chúng ta có thể nêu ngay một con số, là 9, là 10, là 11 chẳng hạn, đặt tên cho thỏa đáng, rồi đưa ra thí dụ thích hợp

(chỉ chọn thí dụ thích hợp thôi) để phân tích qui loại. Nhưng mục đích của chúng ta ở đây không phải là lý thuyết, mà là thực dụng. Vậy chúng ta hãy dùng thí dụ cụ thể để nhận ra những nét đặc thù của vấn đề từ loại của tiếng Việt. Những khó khăn này thanh giải được rồi, chúng ta sẽ đi vào hệ thống. Lúc đó, ai chưa quen với việc phân tích từ loại cũng có thể dựa vào ý kiến chung, mà nhận ra những từ nào là danh từ, những từ nào là động từ, những từ nào là tính từ... Để từ đó tiến lên chỗ nhận ra từ loại của những từ đặc biệt chỉ có trong tiếng Việt.

Không nhiều thì ít, trong đầu óc những ai đã quá quen với cách đặt câu của tiếng Pháp, tiếng Anh, thường có cái ý căn bản này: Một câu đủ ý luôn luôn phải có một động từ có ngôi (verbe conjugué). Cái ý này đã làm khó không ít cho việc nhận định từ loại ở một số trường hợp trong tiếng Việt. Thí dụ:

-Cô ấy có đẹp không?

Chữ nào là động từ? "Có" là động từ, được chăng?

-Cô ấy đẹp lắm.

Chữ nào là động từ? "Đẹp" phải không?

Với câu hỏi, vì chữ "có" đồng dạng đồng âm với động từ "có" (avoir), có người đã miễn cưỡng hiểu "có đẹp không" là "có nhan sắc không", để qui loại "có" ở đây vào động từ. Cũng giống như câu "Cô ấy có tiền không" vậy.

Nhưng với câu trả lời, khó lòng qui loại "đẹp" là động từ, họ liền cho rằng tiếng Việt có khi không theo qui cách.

Thật ra, tiếng Việt luôn luôn có qui cách, dù linh động cũng là linh động trong qui cách. Nói thuận theo cách nói thành thạo và thông dụng, là nói theo qui cách. Qui cách được hình thành do thói quen sử dụng lâu ngày (thời gian) của đa số người Việt (không gian). Qui cách này không cần phải giống qui cách của một thứ ngoại ngữ nào khác. Chúng ta nói "tôi ăn bánh", và nếu cần dựa một chút vào ngữ pháp tiếng Pháp để phân tích từ loại câu ấy, thì chỉ nghĩ "tôi" cũng giống như "je" là đại từ nhân xưng, "ăn" cũng giống như "mange" là động từ, và "bánh" cũng giống như "pain" là danh từ. Tuy là bước đầu, nhưng đối chiếu như thế là đủ. Xin đừng dịch câu ấy ra tiếng Pháp (Je mange du pain), rồi thắc mắc tại sao trong câu tiếng Pháp, trước chữ "pain" có chữ "du", mà trong câu tiếng Việt, trước chữ "bánh" không có gì cả, để rồi nghĩ là tiếng Pháp tinh vi hơn tiếng Việt. Có thể có những trường hợp tiếng Việt không tinh vi bằng tiếng Pháp, nhưng ở đây, tiếng Việt không có chút gì kém thua.

Cái thí dụ đơn giản vừa nêu nhắm mục đích nói lên điều này: Chúng ta đi sau các nhà nghiên cứu Tây-phương trong các lãnh vực ngôn ngữ học, ngữ pháp học, từ loại học, nên chúng ta phải biết lợi dụng những thành công của họ, kể cả những công trình nghiên cứu của họ về tiếng Việt, nhưng chúng ta chỉ đối chiếu chớ không rập khuôn.

Nói riêng về việc phân tích từ loại, tiếng Việt có thể có số từ loại không tương đương với số từ loại bên tiếng Pháp và tiếng Anh. Theo ngữ pháp hiện đại, từ của tiếng Pháp và tiếng Anh được chia thành 9 từ loại chính: Danh từ (nom, noun), đại từ (pronom, pronoun), động từ (verbe, verb), tính từ (adjectif, adjective), trạng từ (adverbe, adverb), giới trừ (préposition, preposition), liên từ (conjonction, conjunction), mạo từ (article), thán từ (interjection). Nhưng với tiếng Việt, nếu chỉ chia thành 9 loại thì không đủ minh bạch, có thể còn một số từ không biết qui vào loại nào cho phải. Xin nêu thí dụ:

-Sao con không dẫn em đi học mà để nó đi một mình cho nó lạc đường như thế ? Chắc mày mê đá banh chớ gì?

Một bà mẹ trách đứa con lớn ham chơi để em nhỏ đi học lạc đường, tất nói như vậy. Nếu bây giờ, chúng ta dịch ngược hai câu này ra tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, rồi phân tích từ loại thì sẽ không có từ nào không qui loại được. Nhưng bên tiếng Việt, sự qui loại sẽ không dễ dàng với những từ: "sao", "không", "mà", "cho", "như thế", "chắc", "chớ gì". Ngoài ra, những cặp "đi học", "lạc đường", "đá banh", cũng không dễ phân tích. "Đi học" là động từ ghép (hai chữ) hay là hai động từ đơn đi với nhau? "Lạc đường" là động từ hai chữ, hay "lạc" là động từ còn đường là danh từ? "Đá" là động từ, "banh" là danh từ, hay phải để chung, làm động từ ghép, làm danh từ kép (như "bóng đá")?

Thật không ít rắc rối! Vì sự rắc rối này, mà các từ điển tiếng Việt ngày trước đều không chỉ định từ loại sau các mục từ. Những từ điển ra đời gần đây có ghi từ loại, thì không được các nhà ngữ pháp cho là chính xác.

Nhưng chúng ta vạch ra khó khăn chỉ là để thấy trước, không phải để nói là không làm được. Riêng về mặt từ loại, tiếng Việt có phần phức tạp hơn tiếng Pháp, tiếng Anh thật đấy, nhưng chúng ta quyết không chịu thua. Sự bất đồng ý giữa chúng ta ở buổi đầu, cũng là một khó khăn. Nhưng chúng ta có một điểm mạnh chung: Chúng ta cùng yêu quí tiếng Việt, chúng ta quyết tâm làm cho tiếng Việt trở nên tinh luyện. Mọi khó khăn trở ngại đều có thể vượt qua. Chúng ta sẽ phân biệt minh bạch được mọi từ của tiếng Việt, từ đó tiến tới một cuốn ngữ pháp hoàn chỉnh.

Ở trên, chúng ta nêu sự phức tạp khó phân định từ loại của tiếng Việt, chẳng khác nào chưa chi đã nêu cái khó, có thể gây chán nản. Sau đây, chúng ta hãy nêu cái "hay" của tiếng Việt về mặt từ loại, để có một chút phấn khởi ban đầu. Tôi muốn nói về sự chuyển loại của từ tiếng Việt.

Có lẽ trong mọi ngôn ngữ đã phát triển đến trình độ cao, các từ đều có thể chuyển loại. Chẳng hạn nguyên là danh từ chuyển dụng làm động từ; nguyên là tính từ chuyển dụng làm danh từ... Trong tiếng Anh, tiếng Pháp, chữ Hán, hiện tượng này rất phổ biến:

"Eat" (động từ) là ăn, chuyển dụng thành "eats" (danh từ) là thức ăn; "drink" (động từ) là uống, chuyển dụng thành "drink" (danh từ) là thức uống, là rượu và nhiều nghĩa khác liên hệ đến rượu; "good" (tính từ) nghĩa là tốt, chuyển dụng thành "good" (danh từ) nghĩa là điều thiện, người tốt, v.v...

"Manger" (động từ) là ăn, chuyển dụng thành "manger" (danh từ) là đồ ăn, sự ăn; "boire" (động từ) là uống, chuyển dụng thành "boire" (danh từ) là đồ uống, sự uống; "beau, belle" (tính từ) là đẹp, chuyển dụng thành "beau, belle" (danh từ) có nghĩa điều thiện, vẻ đẹp, người đẹp, v.v...

"Thực" (động từ) là ăn, chuyển dụng ra "thực" (danh từ) là đồ ăn, miếng ăn; "ẩm" (động từ) là uống, chuyển dụng ra "ẩm" (danh từ) là thức uống, sự uống; "mỹ" (tính từ) nghĩa là tốt đẹp, chuyển dụng như danh từ, có nghĩa là cái đẹp (chân thiện mỹ), v.v...

Tiếng Việt không biến dạng, một khi đã phát triển đến trình độ cao với từ vựng rộng rãi đủ dùng như ngày nay, những trường hợp chuyển dụng tương tự như trên lại càng nhiều:

-"Ăn" là động từ có nghĩa là nhai nuốt vào bụng một thức gì để nuôi sống, hoặc thưởng thức vị ngon... (thức đó phải là chất cứng, chất đặc; nếu là chất lỏng, thì phải gọi là uống). Từ nghĩa động từ này, "ăn" được chuyển dụng sang danh từ với nghĩa "thứ để nuôi sống, thứ để đỡ đói": -Anh ta làm việc suốt ngày cũng không kiếm đủ cái ăn cho vợ con. Từ "ăn" trong câu này không còn là động từ nữa. Chuyển dụng sang tính từ, "ăn" sẽ có nghĩa là thích hợp: -Thảm màu nâu rất ăn với vách màu vàng. Ở đây, "ăn" không còn là động từ, hoặc danh từ nữa.

-"Đi" là động từ có nghĩa là di chuyển. Trong những nhóm từ "đi đường", "đi phố", "đi khách" (nói về gái giang hồ), "đi xe đạp", "đi giày da", "đi bước nữa", v.v... "đi" cũng vẫn là động từ, với nghĩa liên hệ đến di chuyển.

Nhưng trong những câu sau đây, "đi" không thể là động từ, mặc dù nghĩa vẫn còn dính líu ít nhiều với nghĩa gốc là di chuyển:

-Làm nhanh đi, trời sắp tối rồi kìa!.

-Tôi đưa cho anh hai trăm này nữa là đi một ngàn chẵn.

-Mày là anh, sao lại đi tranh giành với nó? Có nghèo đi nữa, chúng ta cũng phải sống cho có nghĩa khí.

Vậy, những chữ "đi" này thuộc từ loại gì? Chúng ta sẽ cố gắng qui loại cho được. Gọi chung là trợ từ thì dễ, nhưng sẽ gặp những trường hợp không ổn.

Tính cách không biến dạng của từ tiếng Việt, một phần đã làm dễ dàng sự chuyển dụng. Nhưng đồng thời, tính cách này cũng gây khó khăn cho sự nhận định để qui loại. Xin nêu thí dụ:

Từ loại gốc của "vui" (hoặc vui vẻ) là tính từ: *Hôm ấy, chúng tôi tổ chức một cuộc cắm trại thật vui.*

"Vui" có thể dùng làm danh từ: *Cái vui qua đi rất nhanh, và cái buồn lại đến.*

Nhưng trong câu sau đây, "vui" có phải là động từ hay không: *Trong cảnh sống nghèo khổ, ông ta cũng cố vui nhưng không vui được.*

Cũng với ý đó, nếu chúng ta thêm chữ "sống" vào trước hoặc sau chữ "vui", thì vấn đề sẽ trở nên dễ dàng: *... cố vui sống ... cố sống vui.* "Sống" nhận lãnh vai trò động từ, "vui" đóng vai bổ trợ, vẫn giữ từ loại gốc là tính từ.

Phải chi, tiếng Việt cũng có thể biến dạng như tiếng Pháp, thì chuyện phân vân không xảy ra. Với dạng gốc, "vui" là adjectif; muốn dùng làm nom thì thêm "esse" phía sau thành "vuiesse"; biến dạng thành "vuier" thì là verbe; biến dạng thành "vuiement" thì là adverbe... Thật là rõ ràng! (Xin mạn phép nói đùa một chút, cho bài bớt khô khan).

Sự chuyển dụng từ loại làm cho số từ tăng lên, ngôn ngữ càng ngày càng phong phú, nhưng nếu chuyển dụng phóng túng, thì lời nói sẽ trở thành không nghiêm chỉnh. Chẳng hạn:

"Xã giao", "ngoại giao" vốn là danh từ; "xã giao" chỉ sự giao tiếp trong xã hội; "ngoại giao" chỉ sự giao thiệp của một nước với nước khác (cũng có thể dùng rộng cho trường hợp cá nhân): *-Phép xã giao; -Cuốn sách này bàn về xã giao. -Bộ ngoại giao; -Ông ta có tài ngoại giao.*

Nhưng cũng có người dùng hai từ ghép ấy theo kiểu sau đây:

-Bà ấy rất xã giao (ý nói giao thiệp rộng, hoặc lịch thiệp, hoặc khéo ăn nói). Ở đây, "xã giao" có phải là tính từ không?

-Công việc gặp khó khăn, ông ta phải đi ngoại giao (ý nói phải đi

gặp nhiều người để nói khéo với họ). Ở đây, "ngoại giao" thuộc từ loại gì? Động từ chăng? Nếu nói "phải đi làm công việc ngoại giao" thì "ngoại giao" rõ ràng là danh từ. Nhưng trong câu thí dụ, từ loại của nó không rõ. Nếu chấp nhận cách nói, đành phải qui loại nó vào động từ.

Xin dẫn dụng một từ ghép khác, "văn chương". Từ loại gốc của "văn chương" là danh từ: *-Cuốn sách ấy xứng đáng được gọi là một tác phẩm văn chương.* Trong câu sau đây, "văn chương" là tính từ: *-Cô ta đọc tiểu thuyết quá nhiều, lời nói lúc nào cũng văn chương* (ý nói văn hoa). Nhưng nếu nói: *-Thôi đừng văn chương nữa, nói cụ thể là mày muốn gì đi !* Về nghĩa thì rõ ràng là người nói có ý chê bạn nói năng dông dài, nhưng về từ loại thì "văn chương" là gì? Động từ được chăng?

Cuối bài, để cho được đầy đủ, xin nói thêm một chút về sự biến dạng và không biến dạng của từ.

Động từ tiếng Anh, tiếng Pháp biến dạng tùy theo ngôi, tùy theo thì, nhưng động từ tiếng Việt vẫn giữ nguyên dạng trong mọi trường hợp: Từ dạng gốc, "go" của tiếng Anh có thể biến thành "goes", "gone", "going", "went"... Từ dạng gốc, "aller" của tiếng Pháp có thể biến thành "vais", "vont", "allé", irons... Nhưng động từ "đi" của tiếng Việt vẫn là "đi" trong mọi trường hợp: *-Tôi đang đi. -Họ đã đi. -Chúng ta sẽ đi...*

Trong tiếng Anh, tiếng Pháp, danh từ dùng cho trường hợp nhiều hơn một, được coi là số nhiều, thì phải biến dạng gốc: -Một con mắt viết là "eye", là "oeil"; nhưng nhiều hơn một con thì phải viết là "eyes", là "yeux"... Với tiếng Việt, dù độc nhãn hay thiên nhãn, thì vẫn là "mục", "nhãn", hay "con mắt", không hề thay đổi.

Trong tiếng Anh, tiếng Pháp, có những từ cùng "họ", có nghĩa giống nhau, chỉ khác ở từ loại. Một khi khác từ loại, thì chúng biến dạng. Nói cách khác, dạng cho biết chúng thuộc từ loại nào. Nhưng trong tiếng Việt, không thể có khái niệm "từ cùng họ", như trong ngữ pháp Anh-Pháp.

Xin lấy ý "chuyên cần" làm thí dụ.

Trong tiếng Việt, dù chuyển dụng làm từ loại nào, từ vẫn giữ nguyên dạng là "chuyên cần": -Tính từ: *Anh ta là người chuyên cần.* -Danh từ: *Sự chuyên cần đã đem lại thành quả.* Trạng từ: *Anh ta làm việc chuyên cần* (ở trường hợp này, có nhà ngữ pháp vẫn cho là tính từ). Sự không biến dạng này cũng có gây trở ngại một phần cho việc phân biệt từ loại.

Nhưng trong tiếng Pháp, tiếng Anh, thì nhờ từ có biến dạng, việc phân biệt từ loại trở nên dễ dàng: -diligent là tính từ; diligemmemt, diligently là trạng từ; diligence là danh từ. Không bao giờ có sự phân

vân, hoặc lầm lẫn.

Tính cách không biến dạng của từ tiếng Việt còn gây một ít khó khăn cho việc sử dụng từ. Cũng xin nêu thí dụ với từ "chuyên cần":

Sẽ không có trở ngại gì nếu dùng "chuyên cần" làm tính từ hoặc trạng từ: *-Nhận thấy anh ta chuyên cần, chủ đã tăng lương cho anh ta* (tính từ). *-Làm việc chuyên cần, anh ta đã được chủ tăng lương* (trạng từ).

Nhưng nếu dùng như danh từ, thì từ loại của "chuyên cần" chỉ trở nên rõ ràng khi được đặt sau một phụ danh từ biệt loại. Và khi ấy, cách đặt câu cũng dễ được chấp nhận hơn: *Tính* (sự) *chuyên cần đã đưa nó đến thành đạt*. Bây giờ, nếu chúng ta bỏ chữ "tính" (hoặc "sự") đi, câu chỉ còn: *Chuyên cần đã đưa nó đến thành đạt.* Câu có vẻ hơi Tây!

Ngoài ra, những từ đồng âm đồng dạng mà không cùng nghĩa gốc cũng gây phân vân cho việc nhận định từ loại:

-Anh cho nó thêm một ít tiền nữa cho nó đủ tiêu.

"Cho" trước là động từ, nhưng "cho" sau là gì?

-Tôi đã dặn nó làm cho xong, nhưng nó có chịu nghe cho đâu.

Hai chữ "cho" này có cùng từ loại không?

-Đã cho lấy chữ hồng nhan; làm cho cho hại cho tàn cho cân (Kiều).

Chữ "cho" đầu tiên là động từ, còn 4 chữ "cho" sau là gì?

Cuối cùng, trong tiếng Việt có rất nhiều từ láy có phần phụ đồng âm đồng dạng với nhau, nếu không nhận định kỹ, có thể tưởng lầm là từ đơn được chuyển từ loại:

-"Thiệt thà" (tính từ: chân thực); "thịt thà" (danh từ: thịt nói chung): Đây là hai từ láy có phần láy giống nhau theo cấu tạo ngữ âm, không liên hệ đến việc chuyển dụng từ loại.

Hồng Huy

Bạn đọc đã từng thích thú khi đọc truyện ngắn của nhà văn Tâm Thanh trên Văn Học, xin tìm mua:

gỗ thức trên rừng

tập truyện ngắn

Văn Mới xuất bản và phát hành

Đẹp làm đẹp cái Đẹp.

Ngu Yên

Đẹp là một ý nghĩa dễ hiểu và mơ hồ. Một bông hoa đẹp, một thiếu nữ đẹp, dễ hiểu. Một ý tưởng đẹp, bắt đầu hơi khó hiểu. Một câu thơ đẹp, mơ hồ. Tôi thường hay suy nghĩ về ý nghĩa của đẹp và quan niệm về đẹp vì tôi biết, làm nghệ thuật là làm đẹp. Tôi chọn làm thơ để làm đẹp cuộc đời tôi và làm nhạc để làm sướng cuộc sống tôi.

Đẹp dễ hiểu hay mơ hồ là tùy vào *cái gì đẹp* hoặc *làm đẹp cái gì*. Cái gì đó càng cụ thể càng dễ cảm nhận. Càng thực tế càng dễ hiểu. Càng cụ thể càng mang giá trị tương đối. Càng trừu tượng càng đòi hỏi giá trị cao cấp, tiến về tuyệt đối và chắc chắn sẽ không bao giờ có.

Một thanh niên bị sắc đẹp quyến rũ, thu hút, sẽ rơi vào một trong ba trường hợp sau đây. Hoặc anh tán tỉnh, tìm đủ mọi cách để cô ấy trở thành tình nhân, cưới về làm vợ. Hoặc anh thua cuộc, về tương tư ít lâu, tìm người đẹp khác. Hoặc anh cưỡng hiếp, chiếm đoạt sắc đẹp kia. Người làm thơ cũng có kẻ đến chơi với thơ một thời rồi bỏ đi. Tìm vui một nơi khác. Có kẻ yêu đủ, chung thủy, suốt đời với thơ thì mới tận hưởng được sắc đẹp của thơ. Nói ra như làm khó nhau nhưng kẻ mới vào thơ chỉ hưởng sắc. Phải ở lâu, tận tuy, mê mùi thơ mới nắm được cái đẹp. Đã được đẹp thì không cần sắc. Có kẻ làm thơ như thi tặc. Mỗi khi có nhu cầu, tìm đến áp bức thơ. Đẻ ra những bài thơ như sâu. Làm rầu nồi canh.

Cưỡng đoạt thì không thể hiểu được mối tình già, mối tình kết tinh từ khốn khó khoái lạc u uất bực bội thương xót ganh ghét khoan dung, đã được thời gian tác tạo và làm chứng. Thơ cũng như người. Thơ già theo thi sĩ. Đã già thì đẹp không thuộc về sắc mà thuộc về hương.

Trong đời, tôi đã nhìn thấy nhiều cảnh đẹp, gặp nhiều người đẹp, đọc nhiều văn thơ đẹp. Có cái đẹp khiến lòng tham muốn. Có cái làm ta

an lành. Có cái làm sung sướng. Có cái làm ta suy tư. Có cái khiến ta giác ngộ. Tôi yêu cái đẹp trước khi làm thơ làm nhạc. Tôi quả quyết rằng, chính sức đẹp này đã khiến tôi chọn thơ và nhạc để bày tỏ. Về sau tôi hiểu rằng không phải là bày tỏ mà là cách tự vệ trước những buồn khổ, phiền hà, hệ lụy của nợ đời. Một người sinh ra như dọn vào căn phòng riêng. Ở càng lâu càng khám phá ra nhiều hư hỏng. Nền vách tối tệ dần. Không dọn đi đâu được. Đành phải làm đẹp căn phòng của mình để tháng ngày còn lại thoải mái cưu mang. Dù giá trị cuộc đời là phiền toái, mỗi ngày sống với cái đẹp cũng tạo ra những niềm vui riêng. Tôi làm thơ vì vậy.

Đẹp mang đến cho tôi cảm giác lãng mạn, bóng dáng của ý nghĩa, cội nguồn không thật của lý do. Đẹp là cách sống hơn là mục đích và ý nghĩa sống. Đẹp là nghệ thuật của khoan khoái thở hơn chính là hơi thở mặc dù hết thở là chết. Đẹp vừa có giá trị tương đối vừa có giá trị tuyệt đối hão huyền đối với tôi.

Năm ấy tôi học lớp Ba. Thành phố Qui Nhơn vào đầu thập niên 60 còn đồng không nhà trống. Từ nhà đến trường, những dãy đất hoang tiếp tiếp gai lưỡi long, cây mủ và cây hoa vàng có trái giống trái đậu nành nhỏ. Một trưa, trên đường từ trường về, tôi để ý một chùm cây hoa vàng có gì khác lạ trên một bãi đất trống gần nhà. Đến gần, thấy những trái nhỏ dài bằng độ hai lóng tay ra đầy cây, nhiều hơn cả lá xanh. Trái màu xám xám nâu nâu. Cảm tưởng lúc đó như những mẩu thuốc cẩm lệ mà dì tôi dán xung quanh nhà khi hút dư. Sau khi ăn trưa, bỏ ngủ, đi học sớm, tôi ra lại cây hoa. Không hiểu động lực nào khiến tôi phải ra lại. Tôi không phải là người thích hoa. Trưa nắng và gió lặng. Tôi nhớ rất rõ. Đang đứng nhìn những trái cây và bâng quơ chờ giờ đi học, tôi thấy từ trong một trái có một vật bò ra. Nở ra một đóa hoa vàng hai cánh. Rồi một,, rồi hai, rồi trước sau trong thoáng chốc hoa vàng nở khắp cây. Tôi sững sờ nhìn những cánh hoa chập chờn. Vàng dần, lộ những chấm đen rõ rệt. Rồi từ từ một cánh hoa bay lên. Nhiều cánh hoa bay lên. Đồng loạt hoa rời cành bay lên không trung. Loạng choạng, lừng khừng nhưng rồi uyển chuyển tỏa ra khắp bãi trống. Cây hoa bấy giờ chỉ còn lơ thơ vài lá xanh và những trái kén bể ruột lung lay. Được chứng kiến cảnh sâu bướm thành hoa này đã hơn 40 năm. Nhớ lại vẫn như trước mắt. Sau này đọc một câu thơ Hài Cú, "Cánh hoa rụng xuống, bướm bay lên..." của Basho hoặc của Issa, tôi quên mất nhưng tôi biết người xưa muốn nói gì. Chuyện ấy đẹp vô ngần.

Càng nghĩ đến con bướm của lãng mạn, con bướm của Trang Tử, con bướm của triết lý, tôi càng thấy cái đẹp của hôm đó liên quan đến

đời tôi. Nghệ thuật phải chăng là những cái tầm thường phải rụng xuống để bay lên, để sống thật sự với hồn riêng. Tác phẩm rời tác giả với linh hồn riêng của nó. Hồn ấy có thể giống hồn tác giả nhưng không phải là hồn tác giả. Những tác phẩm không hồn, không thể tự sống, tự bay theo thời gian. Trưa hôm ấy, tôi trốn học. Ở lại quanh quẩn bên cây hoa. Tìm những cái kén còn treo trên cành không nở hoa. Tôi đã xé kén bằng cái kéo thủ công và đầu bút chì nhọn. Con bướm con run rẩy chui ra và chết như những bài thơ tôi vứt vào thùng rác.

Làm thơ là làm đẹp. Làm đẹp cho ai, cho cái gì hoặc cho chính cái đẹp, những điều này không quang trọng. *Thi ngôn chí*, người xưa thích làm đẹp lý tưởng. Lý tưởng lúc nào cũng là giấc mơ lớn của người. Thời nào, thế hệ nào cũng vậy. Có gì đáng chê thơ làm đẹp lý tưởng? *Vị nhân sinh*, làm đẹp con người. Đây là cách thật nhất để làm con người càng ngày càng cách xa loài vật. Không phải trí khôn, không phải văn minh, không phải luận lý, không phải vật chất... mà chính cái đẹp của trí khôn, cái đẹp của văn minh, cái đẹp của luận lý, cái đẹp của vật chất... làm chúng ta càng lúc càng thiên thần. *Vị nghệ thuật*, làm đẹp cho cái đẹp được đẹp hơn là việc đứng đắn. Làm đẹp không thuộc về bản năng sinh tồn mà thuộc về bản năng phát triển. Một trong những bản năng chỉ có nơi con người.

Có thể nói, một người sau khi ăn no mới nghĩ đến chuyện ăn ngon. Sau khi ăn ngon mới nghĩ đến cách ăn sao cho lịch lãm. Làm thơ là nghệ thuật bắt đầu từ ngon lên đến lịch lãm. Làm thơ là làm đẹp bằng ngôn ngữ. Như thế là đủ. Bởi vì không cần làm đẹp cho ai, cho cái gì, ngay cả cho chính cái đẹp cũng không, nên chữ *làm đẹp* có ý nghĩa rất mơ hồ. Không có gì cụ thể hay thực tế trong việc làm đẹp này.

Tôi nghĩ, cái đẹp tuyệt đối chỉ là sản phẩm tưởng tượng của loài người. Nói văn vẻ hơn, chân thiện mỹ là những ước mơ không bao giờ có. Đẹp chỉ có tương đối. Vì trong mỗi cái đẹp đều có cái không đẹp và cái xấu. Nhưng phần đẹp nhiều hơn, lấn lướt nên ta thấy đẹp, cảm nhận đẹp mà lờ đi, quên đi cái xấu.

Khi nói rằng làm thơ là LÀM ĐẸP, có nghĩa là làm xấu một phần nào. Trong thực tế, không thể tách rời đẹp và xấu. Khi làm đẹp một cách tương đối, có nghĩa là phần đẹp đánh động vào cảm súc, vào giá trị nghệ thuật, vào không khí sự việc, vào tổng quan đời sống. Suy tư như vậy là lý thuyết, là đơn giản. Chuyện thật phức tạp và nhiêu khê hơn.

Câu chuyện kể lại của một thầy tu sau thành nhà thơ:

" Tôi vào nhà tu dòng Sư Huynh từ năm lớp Nhất. Tiểu chủng viện nằm ở thành phố Nha Trang, ven biển. Khi đến các lớp lớn, mỗi mùa hè, chúng tôi chia nhau đi phục vụ ở các trại thiện nguyện, trại cùi, viện mồ côi....Hè năm Đệ Tứ, tôi theo một sư huynh lên ngôi làng nhỏ gần Ban Mê Thuột. Làng tân cải được phát rừng sơ sài làm tạm trại cùi cho người Thượng, về sau có cả người Kinh. Mọi phương tiện đều thiếu thốn. Những người ít bệnh hoặc mới phát bệnh ở phần ngoài. Càng vào sâu trong làng là những bệnh nhân trọng bệnh. Cuối làng là bãi tha ma, đầy cây thập giá chôn thẳng hàng. Có lẽ, đây là nơi ngăn nắp thứ tự nhất trong làng. Có ba giếng nước nằm ở đầu, giữa và cuối làng. Còn giếng nước thứ tư, tôi không được biết cho đến một đêm trăng.

Đêm ấy, trăng khá già nhưng chưa khuyết lắm. Mây nhiều nên ánh sáng khi tỏ khi mờ. Đêm nào thấy đom đóm nhiều, tôi đi bắt nhốt vào chai làm đèn. Hôm sau cho các trẻ em, chúng khoái lắm. Tôi đi chơi và dạy các em học nhiều hơn là giúp các ma sơ, các linh mục săn sóc bệnh nhân.

Tôi bắt đã đầy hai chai, đom đóm vẫn còn nhiều. Vào sâu trong rừng, bất chợt thấy có người đang tắm giếng. Cái giếng này tôi chưa đến bao giờ. Trăng mờ nhưng tôi rất xúc động khi biết người đang tắm là một cô gái.

Ở nhà dòng, vào tuổi dậy thì, chúng tôi có học về sinh lý. Nhưng với sức lực tràn trề và phát động của tuổi đang lớn, những điều học lý thuyết kia càng tăng lòng tò mò. Thấy một người nữ tắm trần truồng dù không rõ, đối với tôi lúc ấy là một hiện tượng kinh hãi, sung sướng, hồi hộp, tội lỗi, tham muốn....Trong mỗi con người đều có một con ma. Trong thầy tu, có con quỉ. Tôi lết lại gần, núp sau lùm cây. Nhìn một cảnh tượng rạo tực, đẹp đẽ, mê mẩn. Không có ngôn ngữ nào để tả thân hình đang xuân xoay lượn, ẻo lả, xuống lên trong ánh trăng huyền hoặc. Không gian lồng lộng nhạc côn trùng. Tiếng nước xối xuống từ chiếc gàu chạm vào da nghe rần rật ù tai. Người con gái múa. Đôi tay luồn qua chậm chậm luồn lại chậm chậm khắp người từ ngực xuống chân. Tóc rớt xỏa chợt hất tung lên. Cả người rung theo. Vũ điệu câm dìm tôi vào cơn sốt. Mãi mãi về sau này, tôi vẫn không gặp được cảnh tượng, cản giác nào đẹp sống như đêm ấy.

Tôi đoán trăng ra khỏi lùm mây. Ánh sáng rực rỡ hơn. Tôi nhìn thấy thân thể thiếu nữ rõ ràng hơn. Từ bao tử ựa trào lên nước chua. Nước cay thốc ra miệng. Tôi lấy gân bụm lại. Nuốt xuống. Mắt vẫn không rời thân thể dễ sợ kia. Trên làn da những ung mụt lở lói, những vết nứt, những sần sùi lộ dần dưới ánh trăng."

Đối với người từng trải, thấy thiếu nữ tắm trần không đến đỗi đẹp hừng hực như thầy tu. Người đã từng nằm ngủ chung với xác chết ung thối giữa trận địa, sẽ không mửa thốc khi thấy ung nhọt người cùi. Cái đẹp ảnh hưởng trên mỗi người mỗi khác. Do đó, cái đẹp tương đối ngoại trừ trong đẹp đã có xấu, còn tương đối ở chỗ mỗi người tiếp nhận, định giá và diễn đạt cái đẹp khác nhau. Quá trình từ đẹp để làm đẹp quả thật là nhiêu khê.

Nếu tương đối đã có từ bản chất của đẹp thì phương tiện và hành động của đẹp cũng chỉ có tính tương đối. Nghệ thuật thơ là làm đẹp thơ ca. Nghệ thuật sống là làm đẹp đời sống, Nghệ thuật yêu là làm đẹp yêu đương.....Cùng một lúc là làm xấu thơ ca, làm xấu đời sống, làm xấu yêu đương.....Nếu người nữ kia không có những mụt ung cùi vỡ mủ, phải chăng nàng là một mỹ nhân? Nhưng dù với bệnh phong cùi, phải chăng nàng đã là mỹ nữ?

Nghệ thuật là vừa làm đẹp lại vừa làm xấu. Làm đẹp nhiều làm xấu ít? Phải chăng nghệ thuật không phải là làm đẹp như thường được định nghĩa? Phải chăng nên bắt đầu tìm hiểu lại nghệ thuật? làm sướng? làm khoan khoái? làm thỏa mãn tham vọng hoặc ước mơ? Hoặc giả nghệ thuật là làm đẹp cái ta muốn và làm xấu cái ta không muốn, cái người khác muốn?

Tôi tưởng mình đã theo cái đẹp 50 năm là hiểu được một ít về cái đẹp. Không ngờ đến tàn cuộc lại bỡ ngỡ như vậy. Tuy nhiên tôi vẫn có thể kết luận như thế này: Chính nghệ thuật đã dự phần lớn vào việc càng ngày càng đẩy tôi rụng xuống thất bại. Đừng nói chi hai chữ số mạng. Nghệ thuật khiến hồn nhạy cảm hơn khi chạm mặt cuộc sống. Nghệ thuật làm nhân sinh quan dửng dưng trước những thành công của xã hội. Nghệ thuật làm xử thế với lòng ưu ái hơn là phòng thủ, tính toán. Nhưng đời như con sói, bản chất đời phải chăng hơn cả lang sói?, hễ thụt lùi, nó tiến lên. Hễ hiền hòa, nó hung dữ. Hễ không chống cự, nó nuốt chửng. Nhưng dù sao tôi vẫn chọn sống với nghệ thuật hơn những cách sống khác. Trước sau, những kẻ sống nghệ thuật, làm nghệ thuật, cống hiến nghệ thuật cho nhân loại thường là kẻ thất bại.

Ngu Yên

Đi tìm vui thú điền viên

(Viết tặng anh chị NĐK)

Tràm Cà Mau

Vợ chồng tôi đến Mỹ gần chẵn mười năm. Những lo lắng ban đầu vì sinh kế đã tạm quên. Cũng đã thực hiện được "cái mộng của người Mỹ" là mua được căn nhà khá khang trang. Thêm vào đó, tiền tiết kiệm trong ngân hàng khá dồi dào. Cũng nhờ công sức hai vợ chồng, làm ngày làm đêm, không quản ngại khó khăn. Thứ bảy, chủ nhật, đêm khuya, cứ có việc là có làm, có tiền là có chúng tôi. Chúng tôi chưa biết chê làm việc phụ trội bao giờ. Một hôm chủ nhật rảnh rang, thức dậy muộn, còn nằm trên giường, hai vợ chồng nằm gác chân nói chuyện tầm phào. Vợ tôi hỏi:

" Anh có nhớ câu: 'Một mai một cuốc, một cần câu' của ông Nguyễn Bỉnh Khiêm hay của ông Nguyễn Khuyến? Câu nầy tác giả muốn nói gì anh nhớ không ?"

Được một người nguyên là giáo sư Việt văn các lớp thi tú tài hỏi về văn chương, tôi cũng khoái chí , làm bộ hiểu biết, trả lời:

" Ông Nguyễn Khuyến hay Nguyễn Bỉnh Khiêm, không cần phải nhớ ai là tác giả làm chi cho mệt, cứ nhớ là ông Nguyễn thôi cũng đủ rồi. Câu thơ ca ngợi cái thú thanh nhàn khi sống nơi thôn dã."

Vợ tôi nói tiếp :

" Ngày xưa, anh thường nói với em về giấc mơ khi đất nước hết chiến tranh. Chúng mình sẽ về quê, mua mấy mẫu ruộng vườn, và vui thú điền viên. Sống đời thanh thản hạnh phúc. Anh còn nhớ không?"

" Ừ, thì nhớ chứ. Giấc mơ ấp ủ suốt một thời niên thiếu mà. Tiếc thay, sau khi hết mùa chinh chiến, thì đến mùa tù tội. Mà không tù tội, thì cũng không thể nào vui thú điền viên được trong cái xã hội vô cùng kỳ lạ, vô cùng gò ép con người đó. Nghĩ cũng tiếc."

Vợ tôi nắm chặt tay tôi, nói với giọng tha thiết:

" Bây giờ mình muốn vui thú điền viên cũng đâu có muộn. Cái mộng anh ấp ủ ngày xưa có thể trở thành sự thực dễ dàng. Hay là mình bán nhà , mua một nông trại, lấy hết tiền tiết kiệm ra đầu tư vào chăn nuôi, trồng trọt. Nuôi các thứ gà vịt thả trong vườn, bán cho đồng hương Việt nam mình, trồng các thứ rau ráng mà người Mỹ không sản xuất như rau muống, bí bầu, bạc hà, tàng ô, rau răm, rau thơm vân vân, chiếm luôn độc quyền cung cấp cho thị trường. Và gởi máy bay chuyển hàng lên miền đông bắc, tây bắc nước Mỹ mà bán. Không chừng mau phát đạt, mà lại nhàn nhã, có cơ sở vững chắc cho con cái sau nầy tiếp nối."

Nghe thì khoái, nhưng tôi thở dài:

" Em nghĩ cũng hay lắm. Nhưng anh tiếc công việc đang làm hiện tại. Lương bổng cũng khá. Công việc làm đã quen. Mình trở thành chuyên viên rồi. Bỏ đi cũng uổng. Vả lại, công việc em đang làm cũng khá bền vững. Bỏ cái bền vững, đi tìm cái bấp bênh, anh cũng hơi ngại."

Vợ tôi cũng thở dài, tiếng thở dài dài hơn và não nề hơn;

" Công ty em đang làm, cũng chuẩn bị dọn qua một xứ Nam Mỹ, có nhân công rẻ hơn , để cứu vãn tình trạng thua lỗ từ mấy năm nay. Em chưa nói với anh, vì ngại anh lo."

Tôi hỏi vợ:

" Ai bày cho em cái kế hoạch lui về làm nông trại, vui thú điền viên nầy? Em đã nghĩ kỹ chưa, và có chương trình kế hoạch gì trong đầu chưa?"

Vợ tôi trả lời tự nhiên:

"Không ai bày cả. Cách đây mấy tháng, một đêm mất ngủ, em bật truyền hình lên. Xem một phim kể về đời sống ở nông trại thời xưa. Sao mà thanh bình hạnh phúc như trong mộng. Đời sống dễ thương quá. Và những lần đi chợ Á Đông, em thấy họ bán rau muống, rau màu Việt Nam đắt như vàng . Bán khoai mì đắt như sâm nhung. Em nghĩ mình có một nông trại sản xuất ra các thứ hiếm hoi nầy mà cung cấp cho các chợ, thì có thể hốt tiền thiên hạ như hốt lá. Anh xem, những lần tiệc tùng họp bạn, mà có thịt gà tươi 'chạy bộ", ai ăn cũng khen rối rít, xít xoa. Đó là chưa kể mình nuôi vịt bán cho thiên hạ làm tiết canh. Mình cứ đánh đúng vào thị hiếu của họ, thì mặc sức mà hái ra tiền. Chỉ một thời gian ngắn thôi, là hai vợ chồng mình thanh nhàn sung sướng, thong thả, và khi đó thì có thể khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên, chứ không làm việc túi bụi như bây giờ. "

Nghe vợ vẽ vời hay quá, cái lãng mạn đã ngủ yên trong tôi bỗng dưng thức giấc xao xuyến. Thanh nhàn, sung sướng, ai mà không ưa,

họa là khờ. Và lại còn khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên, chao ôi, đẹp quá chừng. Dù khoái tai với cái mộng tưởng của vợ, tôi cũng thử vợ thêm:

" Em cũng biết, nhà anh suốt mấy đời chưa hề làm nông, chưa ai cầm đến cái cuốc, cái cày. Ông nội anh là nhà nho thất chí, suốt một đời mang áo dài the, cắp cái dù đi lang thang nhà bạn bè bàn chuyện cần vương hưng quốc, ba anh thì là nhà giáo, anh suốt đời cầm bút làm việc trong văn phòng, có biết chi về canh nông, về chăn nuôi, mà dấn thân vào đó."

Vợ tôi hăng hái thuyết phục thêm :

" Anh đã từng bị đi tù cải tạo, học tập lao động mấy năm, cũng đã cuốc đất trồng khoai, cũng có chút kinh nghiệm phần nào rồi chứ. Việc nào rồi cũng quen đi. Anh xem, ngày mới qua Mỹ, mình đâu có biết việc gì, mà rồi việc khó khăn đến đâu, cũng làm được cả. Đi qua biển với ngàn hiểm nguy như thế, còn làm được, thì việc gì mà không làm được?"

" Nầy, sao cái luận điệu của em hao hao giống luận điệu của những kẽ tự xưng là nhân dân anh hùng, họ thường bảo rằng vượt Trường Sơn đánh Mỹ còn được, thì việc gì mà không làm được. Anh nói thêm cho em rõ, học tập lao động trong trại tù, là học được cái trây lười, cái làm cho có. Và nếu lao động như thế để kiếm ăn, thì đói cho vẩu mỏ ra."

Cứ thế, vợ tôi nhẹ nhàng thuyết phục tôi về một cuộc đời vui thú điền viên, về cái hạnh phúc đơn sơ trong thanh nhàn, cái an bình trong tâm tưởng, được làm chủ lấy mình, không tùy thuộc vào công ăn việc làm của người khác, không lo kinh tế nay lên mai xuống, bấp bênh sụt trồi.

Thấy vợ tha thiết với nông trại, mà những vẽ vời của nàng cũng đẹp thật, tôi cũng muốn làm vui lòng vợ một lần. Vợ tôi đã khổ, đã chịu nhiều cay đắng trong đời khi chồng đi tù, khi chồng về tù , và đã theo tôi đi qua bao đoạn đường chông gai khó khăn của cuộc đời. Mơ ước của vợ tôi về lối sống nông trại, cũng rất chính đáng, có thể thực hiện được. Sao không làm cho vợ vui? Tôi bằng lòng bán nhà, mua đất làm ăn.

Chưa bán được nhà, mà chúng tôi đã bị mấy ông hành nghề địa ốc lôi chạy đôn chạy đáo theo mấy ông từ vùng nầy, qua vùng kia, để xem đất, xem các bảng tính toán lỗ lời do các ông đưa ra. Hình như cuộc đất nào cũng tốt, cũng đem lại một tỉ suất lời cao. Cuối cùng, chúng tôi cũng mua được một sở đất năm mẫu, cách thành phố Dallas bảy mươi dặm về hướng bắc. Lái xe chừng hơn một giờ thì đến thấu.

Năm mẫu đất nằm giữa đồng không mông quạnh, gió thổi vun vút, mùa hè bụi lốc xoáy mù. Chủ đất và người hành nghề địa ốc dẫn tôi đi, lội cỏ lút đầu gối để chỉ các cột mốc ranh giới. Tôi và vợ đi theo, mà thở hồng hộc, vấp té mấy lần.

Học theo các chủ nông trại đi trước, chúng tôi mua một căn nhà tiền chế có ba phòng ngủ, hai phòng tắm và thuê xe kéo về đặt trên thửa đất. Căn nhà trông bên ngoài cũng rất mỹ thuật, đẹp đẽ. Phòng ốc bên trong xếp đặt rất hợp lý và sáng sủa. Ngồi trong nhà, không có cảm giác chi là căn nhà tiền chế. Vợ tôi khen, căn nhà nầy còn mới, và rộng không thua chi căn nhà cũ của chúng tôi. Nhìn chiếc xe của hãng sản xuất nhà tiền chế kéo cái nhà về đặt trên sở đất mà ngán. Cái nhà dài lòng thòng, và rộng bề ngang, kéo đi choán hết bề rộng mặt đường. Hãng phải xin giấy phép đặc biệt để kéo đi. Cái nhà về đến trước đường cái, chiếc xe từ từ nhích vào nơi chúng tôi muốn đặt căn nhà, mới chạy được một đoạn ngắn, thì bánh xe lún xuống đất bùn nhão nhẹt và quay tít. Lui không được mà tiến cũng không xong, tiếng máy xe gầm lên từng hồi như con thú bị thương. Thì ra vì trời mưa suốt tuần trước, làm đất mềm và nhão, không đủ sức cho bánh xe cán lên. Ông tài xế râu ria xồm xoàm và ăn mặc áo da, giống như mấy tay găng tơ trong phim xi nê, nhảy xuống xe và chửi thề om sòm, làm như chính tôi là thủ phạm làm xe ông mắc lầy. Tôi lãng ra nơi khác, không muốn thấy cái thái độ thiếu lịch sự của gã. Ông đòi mượn ván gỗ để chêm bánh xe, tôi làm sao có được, y chạy lui chạy tới như gà mắc đẻ, rồi hét lớn;

" Tại sao không cho biết đất còn mềm, bây giờ làm sao mà lui ra đây?"

" Tôi làm sao mà biết được đất cứng hay mềm mà nói? Đâu phải là chuyện của tôi?"

" Thế thì cái nhà nầy của ai đây? Không phải của anh chắc?"

Ông tài xế lên xe, dùng điện thoại kêu về công ty và ngồi chờ. Chừng hơn một giờ sau, có chiếc xe khác tới phụ, lôi chiếc xe bị lún bùn ra. Cái nhà bị đẩy giật tới, giật lui, lúc lắc. Cuối cùng, cái nhà được tạm thời hạ xuống bên lề đường, và lấn ra, choán gần hết mặt lộ. Cái nhà nằm khơi khơi trên con đường trông rất chướng mắt. Ông tài xế bảo tôi:

" Cứ để tạm đó, chờ khi nào đất khô rồi kéo vào."

Tôi vô cùng bối rối. Cái nhà choán mặt đường, xe cộ ngược chiều đi qua không thấy nhau, và phải nhường cho nhau đi qua trong một phần nhỏ hẹp của lòng đường còn lại. Mà chẳng có bảng hiệu, bảng thông báo trước để xe chuẩn bị mà tránh nhau.

" Thế thì bao giờ cái nhà mới được đem vào bên trong?" Tôi lo ngại

hỏi anh tài xế.

" Không biết. Chờ"

" Để ngoài đường như thế nầy rất nguy hiểm cho người lái xe. Lỡ họ tông hư nhà thì làm sao"

" Anh không phải lo". Ông tài xế trả lời tôi như nói với đứa con nít..

Không biết làm gì hơn, tôi cùng vợ lái xe về, mà trong lòng không yên. Hôm sau, chúng tôi đến lại cuộc đất, thì thấy cảnh sát đã gài giấy phạt, và hăm phạt tăng nhiều lần nếu còn để cái nhà choán đường lưu thông. Tôi đem giấy phạt về công ty bán nhà và than phiền với hãng. Ông chủ hãng nầy không tiếp tôi, mà giao cho người khác giải quyết. Anh chàng nầy nói năng rất từ tốn, bảo là hãng sẽ giải quyết ngay, đừng lo. Thế nhưng cả tuần sau, cái nhà mới được đưa đúng vào vị trí mong muốn. Tôi tưởng đặt nhà là ở được. Nhưng không. Đi tiêu đi tiểu và nước thải đổ vào đâu? Không lẽ lấy cuốc đào chút đất trong vườn, sau khi đi tiêu, lấp lại như ở nhà quê sao? Thế là phải chạy đi mua cái hầm tiêu tự hoại. Mua thì dễ, mà giấy phép đặt hầm cầu, thì có những chi tiết kỹ thuật bắt buộc phải cung cấp cho văn phòng quận . Lại mất thêm tiền cho công ty kỹ thuật lập hồ sơ. Cái nhà tiền chế bị dịch lui dịch tới nhiều lần, làm gãy các ống nhựa bắt sẵn bên trong, cho nên khi nối đường nước vào, thì nước chảy tung tóe. Ướt hết từ trong ra ngoài. Tôi đứng nhìn mà ngao ngán. Phải chờ thêm mấy ngày để chờ thợ ống nước đến sửa chữa.

Khi đến công ty điện, công ty nước để xin nối điện, nối nước vào nhà, tôi mới giật mình thấy cái bảng ước tính chi phí bắt điện, bắt nước. Nhà tôi xa đường dây điện chính, phải trồng thêm nhiều trụ điện khác, mới chạy được đường dây vào. Tôi phải chịu phí tổn đó. Không ai nói trước cho tôi nghe điều nầy. Dù chi phí cao đến mấy, tôi cũng phải cắn răng mà ký tên vào tờ thỏa thuận. Không lẽ phải mua máy điện riêng, lôi thôi chịu chi nỗi. Đã đâm lao thì phải theo lao, chứ làm sao bây giờ. Đường nước, thì tôi may mắn hơn, nước đã đến cách cuộc đất chúng tôi không xa lắm, nhưng cũng phải chi tiêu khá nhiều để chuyển nước từ ống chính vào. Công ty nước đào đất, chuyển ống đến đồng hồ mà thôi, sau đồng hồ nước là mình phải tự lo lấy. Thợ ống nước tính tiền ngọt lắm, đào xới, lắp ráp, sửa chữa, chút chút là đòi bạc trăm, bạc ngàn, mình không có dụng cụ, và không có kinh nghiệm, nên cứ cắn răng mà trả, có kêu ca cũng vô ích. Tôi đứng quan sát các anh thợ, để học lóm nghề, thì ra cũng dễ dàng như chơi. Chịu khó mua một ít dụng cụ, thì cũng có thể tự làm được. Nhờ học lóm, mà sau nầy, tôi tự chạy đường nước tưới cây trong vườn.

Bốn góc nhà, tôi bắt thêm bốn vòi nước, để dễ câu ra vườn. Đất mùa mưa nhão nhẹt, không chạy xe vào nhà được, tôi kêu xe đổ sạn trắng, làm thành một vòng cung ngay trước nhà. Cái đỉnh vòng cung là cửa vào nhà, hai chân vòng cung nối ra đường. Phải đặt ống cống cho nước trong mương bên lề đường thông thương. Khi xe vào vườn, chỉ cần chạy một chiều, vào bằng một cửa, ra bằng cửa khác. Vợ tôi ví cái đường vòng cung nầy với sân tòa Bạch Ốc, cũng sang trọng và đẹp không kém.

Vợ tôi sung sướng ngâm nga: *"Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ. Người khôn người đến chốn lao xao"*. Ngâm đi ngâm lại mãi. Vợ tôi bàn rằng, làm thêm một cái bệ gỗ bên cạnh nhà, che song gỗ bên trên , mùa hè ban đêm cả gia đình ra ngồi ngắm trăng, uống trà ăn kẹo ngọt, để nhớ miền quê Việt Nam. Cũng để xem ông thi sĩ miền Bắc nước ta, bốc thơm đàn anh Trung Quốc rằng, " Trăng nước Mỹ không đẹp bằng trăng Trung Quốc", có đúng không. Nghe đã lỗ tai, tôi mua gỗ về hì hục, cưa đóng cả tuần mới xong. Tốn tiền, mà sau nầy vì công việc nông trại tối mắt, tắt mày, chưa bao giờ có thì giờ rảnh ra ngồi ngắm trăng uống trà, chỉ có những khi mệt vã mồ hôi, ngồi bệt lên sàn nghỉ một chốc mà thôi.

Bây giờ thì phải làm hàng rào bao quanh khu vườn lại. Tôi mua cọc sắt, và lưới làm hàng rào. Loại cọc mà bên Việt nam mình kêu là cọc sắt ấp chiến lược, và loại lưới gọi là lưới B40. Nhìn vào bảng ước tính giá mua cọc và lưới, mà mặt vợ tôi nhăn lại như ăn dấm chua. Cũng bộn tiền. Không thể chịu đựng nổi chi phí nầy, tôi quyết định chỉ rào khu chăn nuôi thôi, còn khu trồng trọt thì cứ để trống. Ai mà chạy xe ra đến đây để ăn cắp hoa màu của mình. Nước Mỹ chớ đâu phải châu Phi mà lo. Hãng bán cọc sắt và lưới đổ cho tôi một đống lớn trong vườn. Mình phải tự làm hàng rào lấy, chứ thuê thì tiền đâu mà chịu nổi. Tôi mua búa tạ và thang xếp, làm thành cái giàn. Con gái tôi mới mười bốn tuổi, giúp bố giữ cây cọc, tôi leo lên, dùng búa giáng xuống. Sức động của búa rung cây cọc sắt, làm tay con tôi đau buốt và buông cọc ra mà kêu thét lên. Tôi phải làm một nùi vải, chêm vào tay cho nó cầm. Cứ đóng vài ba búa, là thấy cọc có chiều nghiêng nghiêng, không đứng thẳng được. Tôi phải leo xuống, dùng dây dọi điều chỉnh rất khó khăn. Vợ tôi đứng nhìn và nói:

" Đóng cọc theo lối nầy, thì không chừng tốn cả năm trường mới xong được."

Hai bàn tay tôi đỏ và sưng lên. Con gái tôi cũng nhăn nhó mặt mày vì cái trò chơi không mấy hứng thú nầy, và phải đứng ngoài nắng gió cả buổi. Để việc rào dậu chóng hoàn tất, tôi phải tính đến chuyện thuê

người làm phụ. Tôi bàn với vợ, thuê một anh người Mễ. Vợ tôi ngại sẽ bị lôi thôi với pháp luật, vì thuê người nhập cảnh bất hợp pháp. Tôi bảo rằng, tôi không ra ứng cử dân biểu, nghị sĩ, thì sợ gì, có ai mất công mà tố cáo tôi thuê người nhập cảnh bất hợp pháp.

Sáng hôm sau, tôi lái xe về phía Nam nông trại, đi mất chừng hơn nửa giờ, đến gần khu có cây xăng. Nơi đây, các thanh niên người Nam Mỹ thường hay tụ tập, đứng lóng ngóng chờ người đến thuê đi làm. Xe tôi vừa đậu lại, thì có hơn hai chục thanh niên vây kín, lao nhao đòi đi làm. Có vài anh còn nhảy lên thùng xe ngồi đó. Không ai biết tiếng Anh, mà tôi thì mù tịt tiếng Mễ. Họ biết tôi cần người làm, tôi biết họ cần việc làm, nhưng không ai nói cho ai hiểu là phải làm việc gì. Tôi nhảy xuống xe, đứng cong lưng, hai tay đưa lên đưa xuống, ra dấu đóng cọc. Họ à à gật đầu và cười, nói "Ô kê, ô kê". Tôi ra dấu, đưa một ngón tay lên, bảo là chỉ cần một người thôi, thế mà bốn năm người nhảy lên thùng sau xe ngồi, và chục người khác bu theo nhao nhao, họ nói gì tôi không hiểu. Tôi chán quá, la lên và khoát tay, lắc đầu, có ý bảo họ là không thuê ai nữa cả, đồng thời ra dấu cho mấy người ngồi trên xe tôi đi xuống. Phải lâu lắm, tôi mới rời được đám người nầy. Khó quá, mình không biết nói, mà họ cũng không hiểu mình. Tôi lái xe đi, giả vờ như không thấy những người Mễ hai bên đường đang ra dấu, hỏi tôi có thuê họ hay không. Dừng xe lại là họ nhào đến, không đi được. Tôi đang phân vân, chưa biết phải làm thế nào, thì thấy có một anh Mễ to lớn, mập mạp, đang đi một mình trên đường, tôi chạy xe chậm lại, và hất đầu làm dấu như hỏi anh ta có muốn đi làm việc hay không. Anh vui vẻ gật đầu, tôi mở cửa cho anh lên xe, thì thấy có nhiều người khác chạy gấp về phía tôi, ồn ào nhốn nháo, có người níu xe. Tôi phải xua tay, và rồ máy chạy thẳng. Đến một góc đường xa, tôi dừng xe lại. Hỏi anh Mễ muốn tôi trả bao nhiêu một ngày. Hai bên không hiểu nhau, anh Mễ cứ đực mặt ra, như người điếc. Tự nhiên tôi cảm thương anh Mễ, vì anh làm tôi nhớ tới thời mới tới Mỹ, ai nói gì cũng không hiểu và chỉ cười. Tôi lấy giấy ra, ghi số tiền tôi muốn trả cho anh ngày hôm nay, cao hơn lương lao động tối thiểu chừng mười lăm phần trăm. Anh Mễ lắc đầu, ghi số tiền gấp đôi. Tôi ra dấu cho anh xuống xe. Anh lấy giấy ghi số tiền thấp hơn. Tôi lắc đầu. Cuối cùng, anh bằng lòng làm việc với số tiền công tôi ghi ban đầu.

Đi bốc người, vừa đi vừa về mất gần hai giờ, rồi buổi chiều phải mang trả anh ta tại chỗ cũ nữa. Nhưng không thể làm việc một mình được.

Tôi dẫn anh Mễ vào, dắt đi quanh vườn, ra dấu cho anh biết là tôi

sẽ đóng cọc hàng rào quanh khu nầy. Hai người nói chuyện với nhau bằng tay, ra dấu, và tôi nói tiếng Anh, anh ấy nói tiếng Mễ. Tôi cầm cọc sắt cho anh Mễ đóng. Tôi nghĩ là với cái tướng dáng to lớn vạm vỡ đó, anh chỉ đóng ba búa cho mỗi cọc, là đi tuốt xuống đất sâu. Nhưng không ngờ, anh Mễ giáng búa lên, và gõ nhẹ xuống cây cọc, như sợ cây cọc đau, cứ từ từ chầm chậm búa xuống, thong thả nhàn nhã và nhẹ nhàng. Đóng mãi mới xong được một cây cọc. Vợ tôi đứng nhìn. Khi đóng qua cây cọc thứ hai, thì vợ tôi hỏi:

" Anh ơi, ông Mễ múa thể dục tài-chi hay sao mà yểu điệu và khoan thai thế. Đóng cọc theo lối nầy, thì biết đến thuở nào mới xong được?"

Tôi cũng nóng ruột với cái dáng điệu khoan thai của anh Mễ, kêu anh xuống thang, và bảo anh cầm cây cọc cho tôi đóng. Anh cầm cây cọc chắc lắm, tôi cứ đóng xuống là thẳng đứng. Ừ thì ít ra cũng sử dụng được cái sở trường của anh nầy. Tôi tự an ủi là dùng người như dùng gỗ, dùng cái ưu điểm của anh ấy thôi. Chưa lao động quen, mồ hôi cứ vã ra như tắm, và tôi uống nước liên tục. Cứ nửa tiếng, là tôi nghỉ ngơi một chốc. Vợ tôi phàn nàn rằng, thuê người để họ làm, chứ đâu phải thuê người về vịn cây cọc. Sau nầy tôi mới được các bạn bè cho biết, họ làm theo đồng tiền được trả, khi cho là ít tiền, thì họ làm ít. Tiền nào của đó, và một lý do nữa, là họ làm chậm, thì hy vọng công việc làm được nhiều ngày hơn. Buổi chiều, trả tiền cho anh Mễ, anh kỳ kèo đòi thêm, cứ đưa tay ra mãi. Bực quá, tôi cho thêm năm đồng, anh vẫn chìa tay ra, tôi lắc đầu cương quyết không là không. Vợ tôi thấy tôi cho thêm tiền, tiếc của la lối :

" Không làm được gì mà anh còn cho thêm tiền ư?"

Vợ tôi kéo tôi ra nói nhỏ :

" Em nghĩ anh Mễ nầy không được lương thiện lắm. Cứ nhìn trộm em hoài, làm em sợ. Chắc mình phải mua súng, để tự vệ. Chứ nơi đồng không mông quạnh nầy, có chuyện gì xẩy ra chẳng biết làm sao."

Tôi cảm thấy lo, nói cho vợ yên lòng:

" Ừ, để rồi tính sau. Dễ mà, xứ nầy mua bao nhiêu súng cũng được, bất cứ loại súng nào."

Tôi ra dấu cho anh Mễ lên xe, để tôi chở trả anh về nơi cũ. Khi đến gần nơi xuống xe, anh nói : " Mà nha na, mà nha na" (manãna: ngày mai), có ý muốn ngày mai làm việc nữa. Tôi chỉ hiểu tiếng ngày mai thôi. Lắc đầu, tôi nói: " Nô mà nha na."

Chẳng thể không thuê người phụ đóng cọc được, hôm sau tôi lái xe về nơi cũ. Khi đi ngang chỗ các anh Mễ, tôi gia tăng vận tốc chút xíu,

thế mà cũng có những cánh tay đưa ra ngoắt tôi. Lòng tôi lại chợt chùng xuống, và thương những người lìa bỏ quê hương đi kiếm ăn. Tôi nghĩ đến thân phận mình may mắn hơn, được vào Mỹ hợp pháp ,được đi làm và cũng có cơ hội đồng đều như người Mỹ sinh trưởng tại đây. Tôi liếc mắt tìm những anh Mễ đứng đơn độc, và chạy xe chậm lại kềm sát một người đang đi ngược chiều. Tôi hất đầu làm dấu, anh Mễ gật đầu. Tôi mừng vì anh nầy biết lỏm bỏm tiếng Anh. Tôi nói giá tiền công mỗi ngày, anh bằng lòng ngay. Anh nầy cao, gầy, rắn chắc, tên là Pedro.

Rút kinh nghiệm ngày hôm qua, tôi không nói trước là phải làm bao nhiêu hàng rào để họ khỏi tính chuyện câu giờ. Tôi giữ cọc sắt cho Pedro đóng xuống. Anh đóng ào ào, mỗi nhát búa tạ của anh làm cây sắt đâm sâu xuống đất, sâu gấp hai lần mỗi nhát búa của tôi. Tôi bằng lòng lắm. Vợ tôi đem nước cam và thức ăn, cùng trái cây ra đãi trong khi chúng tôi nghỉ xả hơi. Ngày hôm đó, chúng tôi đóng được gần ba lần ngày hôm trước. Vợ tôi vui ra mặt và nói với tôi:

" Sao anh không đề nghị cho Pedro làm khoán , có lẽ mình đỡ mệt, mà đi lo việc khác."

Tôi cố gắng lắm mới nói cho Pedro hiểu. Anh bằng lòng làm, và cho một cái giá thấp mà tôi không ngờ được. Tôi chở Pedro về, và hẹn hôm sau trở lại đón lúc bảy giờ sáng. Hôm sau Pedro đem theo một người bạn, hai anh thay phiên nhau đóng cọc, và làm mãi cho đến khi trời tối mịt mới nghỉ. Tôi đãi hai anh nầy cơm nước, bánh trái rất hậu. Vợ tôi nói: "Ngày xưa Tào Tháo đãi Quan Công e cũng chỉ đến thế mà thôi." Chỉ mấy ngày, Pedro và bạn anh đã hoàn tất cái hàng rào. Họ còn nhổ lên và đóng lại những cái cọc xiên xẹo, những cái tôi đã đóng lúc đầu.

Hôm hoàn tất hàng rào, tôi làm tiệc đãi Pedro, thịt nướng ăn với rau, có mấy chục lon bia trợ lực. Trả tiền, và tính lại thì tiết kiệm được rất nhiều tiền công, nếu thuê hãng chuyên môn rào, thì tiền nhân công đắt gấp ba lần.

Xong cái hàng rào, tôi mua hai trăm con vịt xiêm, ba trăm con gà, thả vào vườn. Cho chúng mặc sức mà đi lại, chạy nhảy và phá phách khu cỏ chưa trồng trọt. Vịt thì ban đêm nó chui vào gầm nhà tiền chế mà ngủ, tránh sương tránh gió. Cứ đầu hôm, chúng kêu om sòm. Có khi nửa đêm giật mình vì tiếng vịt kêu. Con tôi cho rằng có lẽ vịt nó nằm mơ và la hoảng. Tôi nghĩ là vịt nó núp dưới sàn nhà rất tiện lợi, đỡ tốn tiền làm chuồng. Nhưng chỉ mới mấy ngày, vợ tôi la các con, hỏi có đứa nào đạp phân gà vịt và mang vào, làm dính thảm nhà hay không, sao có mùi hôi mãi. Tôi giật mình, thì ra vịt nó phóng uế đầy ngập dưới gầm

nhà. Thế là tôi phải lái xe đi mua vật liệu, về hì hục đóng chuồng. Đóng một mình thì không được, phải có thợ phụ. Vợ tôi giúp, và con gái đi học về cũng ra phụ. Tôi phải dùng vòi nước, bò vào gầm rất thấp của căn nhà mà rửa cho sạch phân. Vừa chật, vừa hôi, vừa khó chịu, tôi nghĩ mình dại quá, không nghĩ ra sớm cái chuyện vịt phóng uế . Thôi thì phải trả nợ cái tội thiếu nghĩ xa. Tôi định rào lưới che hầm sàn nhà, thì có nhân viên của thành phố đến, cho tôi biết rằng, theo luật thành phố, thì cái nhà phải mặc quần, nghĩa là che kín phần dưới chân lại, không có quyền ở truồng, vì mùa đông sợ lạnh bụng. Thế là phải đi đặt hàng, mua vật liệu để che kín cái chân nhà lại. Tôi cũng mất cả tuần mới hoàn tất cái quần cho căn nhà. Thức ăn gà vịt, phải qua thành phố bên cạnh mà mua, chất đầy cả chục bao trên xe, chạy về. Cũng chỉ có một mình tôi lăn xuống xe hơi , bỏ lên xe kéo, và mang vào chất trong kho. Nặng nề, mệt lữ và bụi bặm. Không quen lao động, khi nào tôi cũng thở phì phò, có khi quáng mắt, thấy đom đóm giữa ban ngày. Phân gà phân vịt tràn đầy cả sân cỏ, cả lối đi, nhão nhẹt và dơ bẩn. Tôi dùng vòi nước xối rửa mỗi ngày. Sau nầy, nhìn biên lai tiền nước, tôi giật mình không dám rửa ráy thường xuyên và xài phí nhiều. Có tháng phải trả cả năm trăm đồng tiền nước, mà chưa bán được đồng nào nông phẩm. Gà cũng thả rong, vịt cũng thả rong. Nhiều lúc chú gà trống lớn vô tình lảng vảng đi gần đàn vịt mái. Ông vịt xiêm đầu đàn hiểu lầm, phóng đến đánh đuổi chú gà. Thế là có cuộc đọ sức , như hai võ sĩ thượng đài. Chú gà đâu có chịu thua dễ dàng, nhảy lên, cấn vào mồng ông vịt, dùng hai chân đạp thốc vào ngực vịt, có lẽ hai cái cựa nhọn cũng đâm sâu vào địch thủ. Ông vịt dang hai cánh đập tạt vào, mạnh như roi quất. Có khi làm chú gà lộn ngược nằm lăn ra đất. Cuộc chiến kéo dài, tôi và thằng con trai ngồi coi khoái lắm, toét miệng cười, và có khi la hỗ trợ cho cuộc chiến . Vợ tôi thì nhảy đổng lên mà gào:

" Anh không ra mà can chúng ra, để chúng bị thương, có con chết đấy"

" Con nào chết thì đem nấu cháo ăn" Tôi trả lời .

Ông vịt hạ cái đầu xuống thấp , thẳng ra phía trước như võ sĩ đi xà quyền. Chú gà ngóc đầu lên cao mổ xuống. Ông vịt hất ngược cái đầu lên, thọc mạnh vào dưới hàm con gà, và hai cánh vịt đập vào như trời giáng, chú gà ngã lăn quay. Đứng dậy, bỏ đi mà không chạy trốn, rồi đập cánh bồm bộp, gáy hai tiếng dài, như thổi kèn chiến thắng. Ông vịt chắc cũng thấm đòn, gờm, không dám đuổi theo.

" Sao con gà mà đấu thua con vịt hở Ba?" Thằng con trai tôi hỏi.

" Vì con gà thiếu chính nghĩa. Léng phéng gần đám đàn bà của con

vịt. Vả lại, theo luật quyền Anh, đây là một cuộc đọ sức không cân xứng, con vịt nặng gần gấp đôi con gà." Tôi trả lời chưa xong, thì thằng con cắt ngang:

" Chính nghĩa là gì Ba?" Vợ tôi nghe con hỏi, nạt tôi:

" Thôi ba nó ơi. Đừng đầu độc con cái. Thấy gà vịt đánh nhau, đã không can mà còn ngồi xem, tán thưởng. Làm con nó quen với cái ác, hư đầu óc thơ ngây của chúng."

Đám gà vịt nầy, ăn mạnh và lớn mau, đẻ trứng lung tung đầy vườn. Chúng tôi phải đi nhặt cất vào thùng lớn, mua hộp có ngăn đựng trứng mà chứa. Bây giờ thì phải nghĩ đến cách tiêu thụ trứng nầy. Vợ tôi bàn rằng, mua một cái máy ấp, bán hột gà lộn hai mươi mốt ngày, và bán luôn hột vịt lộn.

Cái máy ấp đem về, mỗi lần ấp được ba trăm trứng. Ấp xong, tôi lựa những cái trứng lớn cho gia đình dùng. Trứng ấp tại nhà, ăn ngon vô cùng,

Nước trong trứng ngọt lịm. Tôi ăn một lúc sáu cái. Đứa con gái tôi rùn vai ghê sợ, không dám ăn. Thằng con trai bắt chước bố, cũng ăn được năm cái, và bị sình bụng suốt đêm nằm rên ư ử. Trứng ngon quá, đem đi bán thì uổng, tôi bàn với nhà tôi, chủ nhật nầy, đem về thành phố tặng cho các bạn bè bà con, mỗi người vài chục hột ăn chơi, hưởng cái thành quả đầu tiên của nông trại chúng tôi.

Thế là chúng tôi mất thêm một ngày chủ nhật, chạy từ nhà nầy qua nhà kia, chia cái vui của nông trại cho bà con. Ai cũng khen, vồn vã tiếp đón, vì mấy khi có trứng lộn tươi như thế nầy trên đất Mỹ. Chúng tôi ra về, dù đường xa mệt nhọc và tốn xăng, tốn sức, nhưng lòng vui như hoa nở.

Tôi đi ngoại giao, gặp các chủ tiệm bán thực phẩm Á châu, hứa sẽ cung cấp cho họ rau tươi, bầu bí, gà vịt tươi, trứng lộn, với giá rẻ. Đa số đều vui vẻ, và bảo tôi đem hàng đến cho họ xem, rồi họ sẽ mua. Về sau, trứng ấp được đem bỏ mối cho các chợ , ban đầu thì bán rất khá, nhưng càng lúc, thì càng ế ẩm, vì người ta an cho vui, ăn để nhớ hương vị quê nhà, không phải ăn vì ngon, và muốn ăn thường xuyên. Trứng không để lâu được, các tiệm bán không hết trả lui, tôi phải ôm về, còn phải năn nỉ bạn bè để tặng không cho họ. Thế mà có người từ chối, và nói thẳng thừng là không muốn ăn các thứ đó nữa. Đám gà vịt, cũng không bán được bao nhiêu, trong nhà ăn mãi cũng ớn. Đem cho bạn bè thì nhiều. Người thì làm tiết canh vịt, vịt xáo măng, gỏi gà, cháo gà, phở gà. Gà tươi nuôi trong vườn thì ăn ngon. Cho thì họ ăn, nhưng mua thì không mua. Tiền bán gà vịt gom lại, không bằng tiền thực phẩm mua

cho chúng ăn trong vài tháng. Ấp trứng thì lỗ vốn lớn, có lẽ tiền bán được chưa đủ tiền điện, tiền xăng, chưa kể công vận chuyển.

Khi nuôi vịt, tôi nghĩ vịt là phải có nước cho chúng tắm, tôi chưa biết vịt có thể ở khô. Tôi thuê xe ủi đất, hì hục đào một cái hồ lớn, cái hồ chứ không phải là ao. Mấy ngày ròng rã. Tôi vật lộn với cái máy ủi đất. Đào, xới hất lên cao. Khi đào xong cái hồ, thì tôi chợt nhận ra là cái xe ủi đất đang nằm dưới lòng hồ, mà bờ hồ thì cao, dốc đứng, xe không lên được. Tôi phải hì hục đào một đường dốc xiên cho xe đi lên. Thế là vợ tôi có dịp để cười và chế nhạo . Đào hồ xong, thì phải xả nước vào, và hy vọng mùa mưa khỏi phải tốn nước. Cuối tháng đó, đọc cái biên lai tiền nước mà tôi hoa mắt, chóng mặt. Tôi phải giấu cái biên lai tiền nước, không cho vợ biết, vì sợ vợ buồn. Cái ao đã đào lỡ rồi, mỗi ngày nước bốc hơi, phải châm thêm cho đầy. Nghe tiếng nước chảy, mà tôi đau như máu mình đang thất thoát. Bỗng tôi đâm ác cảm với bầy vịt, ăn thì như hạm, phóng uế vung vãi, bán thì khó. Để già thì thịt dai, không ai ăn, và họ có lỡ mua một lần, thì lần sau không dám đụng đến nữa. Vịt già cũng sẽ làm hại uy tín kinh doanh. Làm thịt bỏ tủ lạnh, thì tôi không đủ can đảm đầu tư thêm cái máy làm gà vịt, không đủ vốn, mà từ đó sinh ra nhiều chi phí khác nữa. Cứ nghĩ ra thêm một cái gì, thì tốn kém thêm tới đó. Có người mách tôi, cứ đem gà vịt ra chợ trời mà bán vào các ngày họp chợ, từ thứ sáu đến chủ nhật. Lại biết thêm nghề bán chợ trời. Bán ở chợ trời thì chịu nắng nôi, nhưng nhiều người mua. Về sau, tôi bán sỉ với giá rẻ cho những người bán lẻ. Như thế thì mau hơn, đỡ tốn công, đỡ mệt nhọc.

Tôi dựng giàn trồng bầu bí, chưa kịp đi mua gỗ đóng giàn, thì có người mách bảo : " Hãy mua ống nước bằng nhựa, mua thêm các khúc ống nối thẳng, nối cong, nối chữ T, chữ L. Cứ thế mà ráp vào thành giàn, làm mau như gió. Tội chi mà đóng giàn gỗ cho khổ công mà mau mục ải." Tôi nghe theo lời thầy bàn, nghe thì có lý lắm, nhưng khi vào thực tế thì gặp không biết bao nhiêu vấn đề. Thứ nhất là quá tốn kém, thứ hai là giàn không vững, khi gió thổi thì mấy cái giàn cứ đu đưa nhún nhẩy theo chiều gió. Thế là phải mua thêm ống nước lớn mà chống chõi, mà đâu phải là dễ chống, vì ống nước nhựa trơn lu, không có nơi tựa, mà đóng đinh thì xộc xệch lỏng lẻo. Lại tốn thêm bộn tiền. Phải mua thêm lưới mắt cáo trùm lên cho bầu bí leo. Mỗi ngày, buổi chiều đi học về, con gái tôi ra vườn tưới cây. Bầu bí lớn mau như thổi, chẳng bao lâu giàn cây lá sum sê xanh mướt, ra hoa vàng rực, và những nụ trái nhú ra đẹp như những nậm ngọc. Lũ ong bướm kéo đến nhởn nhơ . Tôi nhìn mà lòng vui không xiết. Rồi những trái bầu bí dài thòng, nặng chĩu, phải

buộc dây treo chúng lên.

Vợ tôi bàn rằng, nên thuê người đổ đất làm một con đường chạy từ ngoài vào đến cuối vườn, để mai đây, khi nông phẩm nhiều, xe vận tải lớn có thể vào chuyên chở thẳng ra chợ. Tôi thấy có lý quá, đi giao thiệp, và giao cho nhà thầu đổ đất, cán đường, làm mương thoát nước hai bên đường. Lại tốn kém thêm ngoài dự trù, nhưng nghĩ lại, mai đây, đỡ tốn công thuê người khuân vác từ nhà ra đường. Sau nầy, con đường chưa được hân hạnh đón chiếc xe vận tải nào đi qua, vì chúng tôi ước tính thì nhiều, mà thành quả nông nghiệp không gặt hái được bao nhiêu.

Những trái bầu non, nấu canh tôm ngọt nước, ban đầu thì ngon lắm, vợ chồng khen tấm tắc và như ăn canh thay cơm, nhưng ăn mãi thì cũng chán. Bạn bè bà con xa gần cũng hưởng được thành quả của chúng tôi. Chúng tôi đem bầu bí ra bỏ mối ở các chợ Việt Nam, có bao nhiêu bán được hết bấy nhiêu. Nhưng đó là thời gian đầu mùa, về sau, dù xuống giá rẻ rề, cũng không bán hết, phải mang các thứ trái cây héo về, đổ xuống làm phân xanh. Tôi lại chuyển bầu bí ra chợ trời, bán sỉ cho các gian hàng, người ta trả giá nào cũng phải bán tháo đi. Bạn bè bà con, ăn mãi cũng chán bí chán bầu, không ai muốn nhận các món quà nầy, vì ngoài chợ cũng rẻ rề . Chúng tôi tính toán sai cả, thì ra cái tưởng tượng khác xa thực tế. Chưa có kinh nghiệm, chưa từng trải, cứ vẽ vời trong trí tưởng tượng mà đem ra thực hành. Đôi khi tôi có cảm tưởng như vợ tôi là vị bí thư tỉnh ủy, cứ vạch hết kế hoạch nầy, đến kế hoạch kia, mà tôi là nhân dân, chỉ biết thi hành, và sai thì sửa, và càng sửa thì càng sai.

Tôi làm việc liên tục từ sáng sớm mới mở mắt, cho đến khuya mười giờ, mười một giờ. Buổi trưa ăn vội ăn vàng để tiếp tục công việc lở dở. Bây giờ tôi mới biết đến câu nói "làm đến mửa mật" như thế nào, vì có khi mệt quá, tôi ợ ra nước chua, nước đắng nghét. Đúng là mửa mật.

Mùa đông đầu tiên, một buổi sáng thức giấc , dậy đánh răng rửa mặt, mở nước không chảy. Tôi tưởng hãng cung cấp nước tạm thời khóa nước để sửa chữa. Tôi định sẽ kêu điện thoại than phiền vì khóa nước mà không báo trước. Nhưng sau tôi mới biết là thời tiết lạnh, đã làm đông đá nước trong ống. Mấy đứa con tôi không chịu đi học vì chưa đánh răng súc miệng. Tôi cũng chịu thua. Ống nước bị lạnh đông đá, làm nhiều nơi bị vỡ, khi đá tan, nước chảy lênh láng. Lại phải nhờ mấy ông thợ ống nước đến sửa chữa với tiền công chém rất ngọt. Nhà tiền chế, tường mỏng, mái mỏng, mùa hè thì thiêu đốt như lò lửa, mùa đông thì lạnh căm căm. Tôi lại phải tốn thêm tiền mua hệ thông sưởi, hệ thông điều hòa không khí.

Chỉ một thời gian thôi, tiền tiết kiệm, tiền bán căn nhà, đã đổ hết

vào cái nông trại. Thấy cạn tiền đầu tư cho mùa tới, vợ tôi bàn chuyện đi vay ngân hàng, đem cái nông trại nầy ra mà cầm cố. Thôi thì cũng liều - Sống trên xứ nầy không có nợ, thì không phải là người tốt - Một anh bạn tôi bảo vậy. Tôi chở vợ ra ngân hàng làm giấy tờ vay mượn. Chỉ mấy hôm sau, được giấy báo là ngân hàng đã chấp thuận. Chúng tôi hớn hở, cứ còn nước thì còn tát, để cứu vãn cái nông trại nầy. Nhưng khi nhìn vào bản chiết tính chi tiết các phí khoản vay, đủ các thứ chi phí, vay thì ít, mà nợ tốn kém thì nhiều. Vợ tôi nhăn nhó, nói tiếng Việt Nam với tôi, trước mặt ông nhân viên cho vay: " Bọn nầy là tụi ăn cướp ngày, ăn cướp có giấy tờ, ăn cướp có pháp luật che chở. Vay chừng đó, mà chi phí chừng đó, có chết thì thôi, tôi không mượn đâu. Thôi đi về."

Không mượn được tiền, chúng tôi lo lắng lắm. Thôi thì tạm thời chi tiêu bằng thẻ nhựa, chịu lãi suất cao, cũng còn đỡ hơn. Tôi thức khuya, dậy sớm chăm nom lũ gà vịt, lũ rau ráng. Có khi đến mười giờ khuya mà vẫn còn vác năng trên vai những bao thức ăn súc vật, còn xối nước tưới cây. Những lúc nầy, tôi cũng bắt chước vợ mà hổn hển ngâm nga: " Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ, người khôn người đến chốn lao xao..", và thấy ông Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm viết sấm ký giỏi quá, dự đoán tương lai cho tôi đúng phóc. Quả không có ai dại bằng mình, tìm đến nơi vắng vẻ nầy mà lao động khổ nhọc, đốt hết tiền tiết kiệm trong bao nhiêu năm.

Một hôm nửa khuya thức giấc, vợ tôi nhẹ nhàng hỏi :

" Anh có nhớ chuyện *Tam Quốc Chí* không? Khi đánh nhau, họ hay lập thế trận ỷ dốc. Anh có biết thế trận ỷ dốc là thế nào không?"

" Trời ơi, nửa đêm mà nói chuyện *Tam Quốc Chí*, anh lao động quần quật từ sáng đến khuya, rã người, em để anh ngủ cho có sức để mai còn lao động tiếp."

Tôi nghe tiếng thở dài não nuột của vợ mà động lòng, trả lời ấm ớ cho vợ khỏi buồn :

" Anh không biết chắc "ỷ dốc" là cái khỉ khô gì. Nhưng có lẽ họ chia quân đóng hai vị trí khác nhau, một nhóm tác chiến, còn nhóm kia yểm trợ".

Vợ tôi như bắt được ý, hăng hái nói:

" Em nghĩ, mình cũng nên bắt chước người xưa, lập thế trận ỷ dốc mà cứu vãn cái nông trại nầy. Có nghĩa là anh xin việc đi làm bên ngoài, đem lợi tức về bù đắp, yểm trợ cho khu nông trại của chúng ta. Nếu một năm sau nữa , mà còn không nên cơm cháo gì, thì bán quách, chúng ta đi làm công cho người khác. Nếu thành công, thì anh nghỉ việc bên ngoài, trở về với nông trại."

Nghe vợ bàn mà tôi tỉnh ngủ. Ừ, giản dị thế mà cũng nghĩ không ra. Cứ lo lắng hoài. Đàn bà cũng có nhiều cái suy nghĩ thật hay. Tôi nhẹ nhàng hỏi vợ:

" Nhưng một mình em, có kham hết công việc trong nông trại nầy chăng? Việc thì bề bộn, nặng nhọc, làm hoài không hết."

" Những việc thường thường, thì em có thể làm được, những việc nặng nhọc, thì chờ anh đi làm về giúp"

Tôi nghe mà ngao ngán. Thế nầy là vui thú điền viên trong tuổi xế chiều chăng. Ngày đi làm toàn thời gian, đêm về làm việc nặng. Nhưng có lẽ không còn giải pháp nào tốt hơn. Rán thêm vài năm nữa, may ra thời vận đến.

Nhờ có chuyên môn, tôi xin được việc làm có đồng lương khá. Mỗi tháng đem tiền lương về nuôi lũ gà vịt, lũ rau ráng bí bầu. Công ty tôi làm đang đến đến hồi phát triển mạnh, mỗi ngày tôi làm việc từ mười đến mười hai giờ, mỗi tuần làm sáu ngày, có khi làm luôn cả ngày chủ nhật. Mịt mờ trời đất, thế mà đêm về cũng phải lo thêm việc của nông trại nữa. Vợ tôi thỉnh thoảng phải thuê người phụ làm trong vườn. Lương tôi cũng tạm thời đắp đổi chi phí của nông trại. Ngày Chủ nhật tôi phải lái xe đưa nông phẩm ra chợ bán. Như một thương gia chính hiệu. Nghĩa là tôi không có một ngày nghỉ nào trong tuần.

Thỉnh thoảng nghe vợ tôi than phiền về chồn cáo bắt mất một số gà vịt, tôi chỉ cười bảo:

"Chia cho chúng tha bớt, mất càng nhiều, thì em càng đỡ mệt."

Chồn cáo xứ nầy khôn ngoan lắm, chúng biết con chó săn trong nhà đêm đêm đi tuần, rảo quanh hàng rào, rồi vào nằm nghe ngóng canh chừng. Chúng lập kế đánh du kích , để vài ba con kêu chí chóe xa xa về hướng đông, con chó chạy về hướng đó mà sục sạo. Thừa thế, chúng lẻn vào hướng tây mà bắt gà vịt lôi đi. Khi lũ gà vịt kêu lên thất thanh, con chó quay lại, thì chồn cáo đã đem theo được chiến lợi phẩm mà cao chạy xa bay, ra khỏi vòng rào.

Có hôm, thấy lũ vịt không xuống hồ bơi lội mà đứng trên bờ ngơ ngác, lông lá tả tơi. Tôi ra xem, thấy mặt hồ đóng váng, như có ai đổ dầu, và quanh bờ thì có những vờ bọt đen đặc quánh. Tôi vớt bọt, dùng cây mà quậy, thì thấy như có chất dầu. Đem đốt thì cháy ra khói đen đặc và hôi mùi dầu. Tôi tái mặt, và nhảy cẫng lên mà chạy mau vào nhà la lớn:

" Em ơi, mình sắp thành tỷ phú rồi em à. Dưới đất của mình có vàng đen. Dầu, dầu hỏa, mình sắp thành phó vương dầu hỏa rồi. Thôi, dẹp hết, bỏ hết, chẳng có bí bầu gà vịt chi nữa. Bỏ ra công sức thì nhiều,

mà thu hoạch chăng bao nhiêu. Bỏ ra cả trăm ngàn bạc mà thu lại chưa được vài ngàn. Trời thương chúng mình, trời dãi chúng mình."

Vợ tôi chưa tin, tôi ra hồ nước, vớt dầu vào làm thí nghiệm chứng minh. Vợ tôi thấy dầu cháy, ôm lấy tôi hôn nìa kể công, rằng đó là nhờ nàng đưa ý kiến làm nông trại, mà nay thành tỉ phú. Cả tuần, chúng tôi bỏ không tưới cây, gà vịt thì cho ăn cầm chừng. Kêu bạn bè đến, bảo muốn bắt bao nhiêu thì bắt. Giàu rồi, thì kể chi mấy con gà, con vịt lẻ tẻ. Nhiều đêm hai vợ chồng tôi nằm mơ chuyện sang giàu, gởi con qua Anh quốc cho học trường lớn nhất, chuyện ngao du khắp thế giới . Tôi chạy ngược chạy xuôi tìm hãng khai thác dầu. Và niềm vui của tôi xẹp xuống, khi nghe người ta nói về việc khai thác dầu. Hãng dầu còn xem trữ lượng được bao nhiêu, có đáng khai thác hay không, và nếu biết mỏ dầu có trữ lượng cao, thì họ chỉ thuê một khu đất nhỏ, với giá rẻ mạt, không đáng vào đâu. Thế là giấc mơ tỷ phú của chúng tôi xẹp xuống thảm hại.

Việc trông trọt và nuôi gà vịt quá nhọc nhằn, chúng tôi không kham nổi, vợ tôi bàn chương trình nuôi dê, bò. Chúng tôi bán tháo hết đám gà vịt, mua hai mươi lăm con dê cái, có con đã chửa bụng lưng lửng, và một anh dê đực râu xồm, có hai cái sừng quăn lại, xỉa ra đàng trước. Mua thêm bốn con bò, ba con cái, một con đực. Bọn dê tạp ăn, lá gì cũng bứt và nhai nuốt, thật là dễ nuôi. Thả chúng long rong trong vườn. Cách nuôi thật nhàn hạ, không cần chăm sóc chi nhiều. Bốn con bò cũng vậy. Mỗi ngày, con dê đực làm tình với bọn dê cái liên miên, làm vợ tôi ngượng. Tôi cũng cảm phục cái con dê đực vô cùng. Mình mà mạnh như nó, thì cũng khổ, làm chi có nhiều bà mà vui vẻ mỗi ngày. Con chó, cũng to lớn không thua gì con dê, nhưng sống độc thân, mỗi lần thấy con dê đực nhảy cái, thì nó ghen, chồm lên mà sủa om sòm. Có khi nó nhảy lên, tấn công sau mông con dê đực. Con dê dực tức giận vì kẻ phá đám, quay lại, dùng sừng ủi đại vào con chó. Có khi con chó tránh đòn không kịp. Cũng lăn kềnh ra . Vợ tôi đứng la lớn, bảo tôi can chúng ra. Sợ con chó bị thương vì cái sừng nhọn của dê. Tôi cũng nạt nộ, la hét mà hai bên không ngưng chiến. Tôi phải dùng cây roi da, vụt túi bụi vào cả dê lẫn chó, chúng mới chịu dang ra.

Vợ tôi nói:

" Con dê nầy hung tợn quá, có ngày con chó bị sừng dê đâm đổ ruột"

Tôi cười:

" Lỗi tại con chó. Trời đánh còn tránh bữa ăn. Huống chi nó đang làm cái việc truyền giống thiêng liêng, mà con chó nhảy vào phá đám. Ví như tụi mình đang vui vẻ, có đứa nào phá đám, mình có nổi điên lên

không."

" Thôi ông ơi, ăn nói đàng hoàng một chút có được không?"- Vợ tôi cằn nhằn.

" Con chó ghen tức cũng phải, nó thì chay tịnh, mà con dê thì cứ làm tình lia lịa, không ngứa mắt sao được?"

Mấy con dê cái bắt đầu sinh con, những con dê con như cục nhung mềm, môi đỏ hồng, hai mắt long lanh, dáng đi yếu đuối. Mấy đứa con tôi cưng chúng lắm. Cứ ẩm bồng hoài, đi học về là ra vườn ẩm dê con vuốt ve.

Vợ chồng chị tôi từ Úc châu qua Mỹ thăm, anh chị thấy tôi ở giữa đồng không mông quạnh gió hú vi vu mà ái ngại. Lắc đầu mãi. Cứ nói mãi câu:

" Cậu mợ tính như thế nầy là trật lất rồi. Mình đã xa quê hương, thiếu tình đồng bào, phải sống nơi nào phồn hoa đô hội, cho bớt nỗi cô đơn. Lại gần chợ búa, gần bệnh viện, gần các tiện ích công cọng, có bạn bè, có bà con láng giềng, khi đau ốm, khi trái gió trở trời có nhau. Lại khi muốn ăn tiệm Việt Nam cũng tiện lợi, không phải lái xe đi về hơn hai giờ , phí công quá. Phải tính lại đi."

Một buổi sáng sớm, cả nhà ngồi uống cà phê nhìn qua cửa sổ, thấy con dê đực đứng trước cửa chuồng, chổng râu dê lên đón bọn dê cái. Mỗi khi có con dê cái đi ngang qua, thì dê đực nhảy lên lưng làm tình. Liên tiếp mười mấy lần, mà chàng dê vẫn tỉnh táo như thường. Chị tôi phát mạnh vào vai anh rể tôi cười mà nói:

" Ba mầy chẳng bằng một phần nào của con dê cả."

Anh rể tôi bình tĩnh nói:

" Em xem, con dê đực thay đổi nhiều con dê cái khác nhau, chứ nếu chỉ có một con dê cái thôi, thì nó cũng chỉ làm một lần, chứ không làm đến lần thứ hai. Nếu có hai chục bà khác nhau, thì anh đâu có thua anh dê kia chút nào."

Trưa hôm ấy, một người bạn cũ của anh rể tôi ghé nhà thăm, thấy con dê đực, anh chắp hai tay kính cẩn xá dài và kêu lên : "Sư Phụ". Khi nghe kể lại chuyện tiếu lâm buổi sáng, mắt anh sáng lên, rủ chúng tôi đi đến tiệm bán thịt dê của người Ấn Độ nằm về phía Bắc của thành phố. Đi mua thịt dê về nhậu chơi, tăng cường sức khỏe mà bổ dương. Mấy bà ở nhà, chúng tôi ba người đàn ông lái xe đi. Tiệm rộng lớn, có hai căn, như một căn chợ. Nồng nặc mùi cà ri, mùi hương vị. Đủ loại cà ri, đủ loại hương vị trong bao ni lông, chất đầy trên kệ. Bên kia thì dê đã lột da treo lòng thòng nhiều con trần truồng. Khách hàng muốn mua cẳng, đùi, ngực, thì cứ việc chỉ vào đó. Anh Ấn Độ đầu quấn khăn chà

chóp đem cưa đến, cắt ào ào gọn nhẹ lắm. Chúng tôi mua nguyên cái đùi sau con dê, hơn mười cân Anh. Anh rể tôi thấy nhiều cặp ngọc dương (dái dê) tròn trĩnh, trắng tươi, gói trong giấy bóng rất bắt mắt, xuýt xoa, đòi mua đến năm cặp. Tôi hỏi ai mà ăn hết, anh bảo không ai ăn thì để cho anh. Mấy khi mà có thứ quý báu nầy trên miền đất văn minh. Anh thì thầm: "Ăn thứ nầy vào, thì phải biết. Không có hiệu quả sao có ghi trong sách thuốc người Tàu?"

Chúng tôi mua thêm một ít hương liệu, rồi hớn hở chạy xe về. Ông bạn anh rể tôi giành làm bếp, nấu các món đặc biệt, mà ông nói đùa là món "ông ăn bà khen". Ông bạn đem ướp ngọc dương rồi xào với hành tây, đem ra nhậu trước. Mấy bà biết đó là cái gì, thì cứ la oai oái ngoảnh mặt đi. Mười viên xào tròn trịa nằm trên dĩa, có hành xắt lát, có tiêu rắc lấm chấm đen. Trông thật ngon. Tôi bắt chước ông anh, gắp một viên đưa vào miệng, mới cắn sơ, đã có mùi thum thủm, tôi muốn nhả ra. Trong lúc ông bạn của anh tôi thì gắp bỏ vào mồm, nhai nuốt ực ngon lành, còn hít hà khen ngon. Ông anh rể tôi cũng thưởng thức tận tình và nói:

" Bổ lắm đấy nhé. Cứ ăn vào là nghe máu chuyển rần rật , mặc sức mà rượt các bà chạy có cờ. Người Ấn Độ và Trung Hoa biết món ăn nầy nên đông con là phải"

" Nếu có thêm rượu thuốc toa Minh Mạng nữa, nhấp vào, thì là một phối hợp hết sẩy" - Bạn ông anh tôi tiếp lời - "Hồi còn ở bên nhà, tôi thấy mấy ông già trộn huyết dê với rượu, uống vào thì như thần dược."

Thịt dê được nấu ca ri, thêm nhiều hương vị khác, nước cà ri vàng màu đỏ sền sệt, chấm với bánh mì mà ăn . Bà chị tôi nói:

" Vẫn còn mùi mồ hôi dê. Nghe đâu khi làm dê, để thịt khỏi hôi, người ta cho dê uống nước, rồi cột dây, đánh nó chạy quanh một cái cọc, cho vả mồ hôi ra. Xong xối nước tắm cho nó. Bao nhiêu mùi hôi đều ra hết. "

Vợ tôi xen vào:

" Ở Mỹ mà làm thế là đi tù sớm, vì mang tội hành hạ súc vật. Ngon đâu không thấy, đi tù mệt lắm"

Mấy hôm sau, có con dê cái trong vườn bị thương tích, ông bạn của anh tôi đề nghị làm dê thui mời bạn bè ăn chơi. Ông nhận trách nhiệm thọc thuyết và lột da dê. Cái chậu đựng rượu Vodka được chôn lưng chừng xuống mặt đất, ông thọc dao vào cổ dê mà ngoáy. Máu dê tuôn ra kêu ọc ọc. Các bà khiếp sợ la lên và bỏ chạy cả. Mổ bụng ra, mới biết con dê có chửa. Cái tử cung chứa bốn con dê con đã tượng hình. Ông bạn anh tôi xuýt xoa, bảo rằng thứ nầy quý lắm, để ông làm dê "hà

nàm" cho mà ăn. Cái bọc tử cung để nguyên, đổ vào nồi, đặt lên bếp hầm với nhiều vị thuốc bắc. Khi chín đem xuống, vớt ra dĩa, dùng dao mà cắt từng khoanh, thịt dê con mềm nhũn, nuốt vào cổ như ăn đông sương. Con dê được xuyên qua cây cọc, quay trên đống lửa than đá. Khói bốc mịt mù vì mỡ dê cháy, thơm lừng cả nông trại.

Tôi điện thoại mời đám bạn bè xa gần đến tham dự buổi tiệc thịt dê. Nghe có tiết canh dê, dê thui, dê " hà nàm", ông nào cũng hớn hở, đòi mời thêm các bạn bè khác nữa.

Đám đàn ông ăn uống nhồm nhoàm, miệng môi đầy máu tiết canh, nói chuyện tiếu lâm bao quanh vấn đề tình dục, không kiêng cữ gì cả, và cười ha hả, làm nhiều bà nhăn mặt bất bình.

Buổi tiệc thịt dê thật vui, anh em ra về hỉ hả, và hẹn có ngày trở lại làm một chầu khác. Tối hôm đó, tôi nằm chờ kết quả của dê " hà nàm" và tiết canh dê, nhưng không thấy gì cả, và ngủ quên cho đến sáng. Vợ tôi nhìn tôi cười hỏi:

" Có thật thịt dê làm tăng cường năng lực sinh lý không?"

" Toàn cả chuyện tào lao, tiếu lâm chơi thôi, đàn ông ưa ăn tục nói phét, bịa chuyện cho vui bữa rượu ấy mà"

Bọn dê sinh sản nhanh, mau lớn, và ăn tạp, phá tơ trụi cả khu vườn. Chúng biết đứng lên trên hai chân sau, mà bứt lá những cành cao, làm cho khu nông trại tiêu điều trống trải. Mỗi Chủ nhật, tôi đẩy dê lên xe, đem ra bán ở chợ trời. Thấy mình giống mấy anh nông dân Âu châu tả trong tiểu thuyết của Pháp, mà ngày xưa thường hay đọc.. Đem dê bán cũng không phải là chuyện giản dị, đứng chờ, trả giá, cò cưa. Loại người như tôi không thích hợp với công việc thương mãi, nên cảm thấy chán lắm. Một lần đứng bán dê, có cô thư ký trong sở đi chợ trời, thấy tôi, nhảy đến ôm chầm như gặp cố nhân - mà ngày nào không gặp nhau chứ - Cô cười nói huyên thuyên và ôm hôn mấy con dê như người Mỹ thường hôn chó. Thấy cô thích quá, và hỏi chuyện dê tíu tít, tôi cho cô một con. Lấy cái áo cũ bao mông nó lại, đẩy lên băng sau chiếc xe hơi sang trọng của cô thư ký. Con dê phá tan cả vườn hoa của nhà cô và hai vợ chồng gây nhau, suýt li dị. Cô đem con dê trả lại cho tôi ngay tại sở. Tôi lại phải khổ sở kiếm vải bọc mông con dê, cho lên băng sau chiếc xe mình, chở về. Vợ tôi thấy con dê la lên:

"Dê bán không hết, anh mua thêm về làm chi ?"

Vợ tôi nhọc nhằn vì cái nông trại quá, bàn với tôi bán đi, về lại thành phố ở. Phải gần nửa năm mới bán được đám đất nông trại. Bán lỗ vốn, vì chúng tôi muốn phủi tay cho xong. Căn nhà tiền chế, người mua đất đòi chúng tôi trả thêm tiền họ mới nhận. Còn không thì phải dẹp đi.

Chúng tôi năn nỉ mãi, họ mới nhận với điều kiện tất cả trang bị về máy sưởi, máy lạnh, điện nước để nguyên. Vợ tôi nói:

" Ai đời cho không căn nhà mà phải năn nỉ người ta. Lại còn đòi hỏi đủ điều."

Chúng tôi thở phào, thoát ra được cái "vui thú điền viên" nhọc nhằn đó, dọn về phố, thuê nhà ở. Dù còn nợ nần nhiều, nhưng chúng tôi cảm thấy như trút được gánh nặng ngàn cân trong lòng. Hai vợ chồng đi làm công , chiều về ngồi xem truyền hình, đọc sách đọc báo. Buổi tối ngủ thẳng giấc không lo lũ chồn cáo du kích tấn công. Ngày nghỉ rủ nhau đi chơi, đi phố, thăm bạn bè bà con. Thảnh thơi không lo lắng nhiều. Suốt ba năm làm nông trại, tôi chỉ có được một lần vui toàn vẹn, là lần mời bạn bè cùng ăn thịt dê. Tôi chưa có một lúc rảnh rang để ngửng đầu lên trời nhìn trăng, chứ khoan nói là *khi xem hoa nở khi chờ trăng lên*. E rằng quần đảo ngục tù thời trước bên Liên Xô cũng chưa nhọc nhằn bằng.

Tôi bảo với vợ rằng:

" Mấy ông thi sĩ, văn sĩ, cứ vẽ vời ra cảnh thơ mộng để gạt gẫm tụi mình.. Tiêu phí sạch cả tiền bán căn nhà, tiền tiết kiệm, mà lại ngày đêm đầu tắt mặt tối trong mấy năm. May mà thoát ra được. Sướng quá. Thôi nhé, từ nay em đừng vẽ vời thêm chuyện thơ mộng nữa nhé."

Vợ tôi cười:

" Ông Nguyễn Bỉnh Khiêm có nói rồi: "Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ". Lỗi tại mình, không chịu hiểu nghĩa đen mà cứ hiểu nghĩa bóng. Nên mới ra nông nỗi."

" hồ sơ đen CỘNG SẢN VIỆT NAM từ 1945 đến nay "
của Michel Tauric, Nguyên Văn chuyển ngữ,
bìa Khánh Trường, 310 trang, giá $14.00, tính luôn cước phí.

"Lời Giáo Huấn của Padmasambhava Bậc Sanh Trong Hoa Sen"
Thích Giác Hải dịch, 386 trang, giá $15.00 tính luôn cước phí.
Quí vị muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa và gửi về địa chỉ: Nhà Xuất Bản Văn Mới
P.O.Box 287
Gardena, CA 90248

Bài thơ phù vân

LÊ CẦN SƠN

gã làm thơ như kẻ trồng cây nhân sinh
trên vùng đất khắc khổ
để mỗi hoàng hôn rồi đến bình minh
tìm hoài hoa trái trên từng luống tuổi
mà quá khứ khốn nỗi
không tiếp nối được chồi lộc tương lai

gã làm thơ như người viễn khách
đang hành trình qua sa mạc chang chang
xung quanh là ảo giác
có ma nữ tiếng khàn nhện giăng
có em ruồi gieo máu lửa
và có người yêu đang chạy giỡn trăng

gã làm thơ bắt đầu vào thất
chữ nghĩa mắm muối căn nghiệp quá to
ngồi trên bồ đoàn tâm vẫn còn lo
ngoài phố vàng thau lẫn lộn
mùi cà phê làm tê phiền não
lại mọc thêm chồi vần điệu nguyên do

gã làm thơ như nhà thám hiểm
lạc vào vùng hư cấu cuộc đời
người sống và kẻ chết hợp quần với nhau
làm những cơn ngà say văng tục
trong từng vần thơ đục ngầu
như màu sắc trên từng móng tay

gã làm thơ như đứa con hoang trở về
nhìn khung cảnh kỷ niệm hỗn độn chất chồng
chân đứng trên đóng tro phần thư năm xưa
mà hồn còn ngẩn ngơ hát ca chờ chết
tất cả trở thành điều ước
chờ đón một tin mừng thật vu vơ

gã làm thơ như con chiên thuần thành
mỗi tuần đều nhận rượu và bánh hằng sống
nhưng vì tất cả vẫn còn im lặng
cùng ánh sáng trần gian
cùng con cá và chiếc bánh
vì Ngài bên tôi mà tôi chẳng thấy Ngài

gã làm thơ đã về dưới mái nhà bất tử
mà nơi đó cây nhân sinh, người viễn khách
nhà thám hiểm, đứa con hoang hay con chiên
đều qua cuối tầng hạ nguơn
ma quỷ trần gian hớn hở
bởi lẽ kẻ dữ lành gì cũng được hóa thân

"*Tôi*" và Lỗ Tấn

Trúc Chi

Gửi HQA, người bạn đã cùng tôi cạn nhiều ly tâm sự vào những ngày tháng đong đưa ấy.

Một chiều Đông xám, ngồi một mình trong phòng trọ, bên ngoài tuyết bắt đầu lả tả, nhân vật xưng Tôi trong truyện *Trong Quán Rượu* (1) của Lỗ Tấn đã khóa cửa phòng, bước ra đường. Mỗi lần đọc lại truyện ngắn này, cảm tình của tôi đối với nhân vật xưng Tôi lại thêm nồng hậu.Tôi thấy con người này thật và sống, ít ra đối với cái nhìn của tôi. Ngoài ra – lý do sau đây chủ quan một trăm phần trăm – người lữ khách xưng *Tôi* hình như rất gần với kẻ đang loay hoay gõ những hàng chữ sau đây. Tôi thích đoạn mở đầu này. Bởi vì, nhiều lần tôi cũng đã từng kéo cửa phòng trọ mà bước vào cái lành lạnh của một ngày thu đã hết lá khô, cái vắng lặng của một con đường khuya lù mù ánh điện đường ẩm sương, cái êm ả của một chiều Xuân mát mẻ.

Vả chăng, đến một khách sạn, một quán trọ, ít có ai ngồi chóc ngóc một mình trong phòng làm chi, trừ những lúc ngả lưng mà nghỉ xả hơi sau khi bị xe xóc, tàu lắc, máy bay nhồi. Chưa nói đến chuyện ngồi một mình mà đối diện với chính mình – như người *ca nhi đối gương ôm sầu riêng bóng* trong bài Đêm Đông của Nguyễn Văn Thương - là một việc không phải bất cứ ai cũng làm được mà không phát khùng! "Nội lực" phải thâm hậu lắm mới chống lại được cực hình của chính mình dày vò, tra tấn mình.

Một người bạn của tôi từng bị bỏ đói bỏ lạnh khi bị biệt giam tại một trung tâm "cải tạo" – tôi bỏ cải tạo trong dấu ngoặc kép vì xét ra những trại khổ sai ấy không cải tạo được cái gì hết trơn, nếu quả là có những điều nên cải tạo trong suy tư của lớp người bất hạnh lọt vào đấy– kể cho tôi nghe rằng có những giờ phút sống giữa đường tơ kẽ tóc của

tỉnh táo và điên cuồng, anh đã phải nhắm mắt lại mà nghĩ rằng mình đang bơi giữa hơi ấm trong bụng mẹ, mặc dù, lời anh bạn, "ai mà nhớ được nhiệt độ trong bụng mẹ khi mình chỉ mới là cái thai trong tử cung!"

Dĩ nhiên, hoàn cảnh tù nhân bị biệt giam và lữ khách cô độc trong phòng trọ khác nhau một trời một vực. Nhưng phản ứng có chỗ tương đồng: ở vào cảnh ấy, ai cũng muốn hít thở một thứ không khí khác, dù rằng không khí ở bên ngoài có thể nhiều bụi bặm, ô nhiễm, đặc sệt một lớp *smog* vàng đục, như không khí ở thung lũng San Fernando, California giữa một ngày nóng bức, đứng gió. Bước ra ngoài, dù chưa biết đi đâu hoặc tìm gặp ai, cái đa dạng của quang cảnh, sinh hoạt, màu sắc cũng giúp cho nỗi trơ trọi của chính mình nó loãng ra, bớt nặng nề.

Khóa trái cửa phòng trọ... Phải rồi, một căn phòng rẻ tiền không có sưởi giữa ngày Đông, một căn gác xép ẩm mùi meo mốc vì đã lâu không ai thuê, một khung cửa sổ nhỏ và hẹp nhìn xuống một cái sân rêu hiu quạnh...những ngày tháng không có chi là huy hoàng hoặc, nói theo ngôn từ của người Việt hải ngoại hiện nay, những đoạn quá khứ không lóe một tia hào quang, nào nhưng lại là những ngày tháng nổi trôi theo nhịp đập của cái mạch giang hồ trong người tôi... thành thử mỗi lần giở quyển *Truyện Chọn Lọc Của Lỗ Tấn*(2) tôi vẫn đọc lại *Trong quán Rượu* nhiều hơn là những danh tác khác của ông trong tuyển tập mà một anh bạn người Việt gốc Hoa cách đây nhiều năm đã cho tôi và dặn dò:" Văn Lỗ Tấn giản dị, sáng sủa lắm, dễ đọc."

Dễ đối với bạn tôi thôi. Chứ còn riêng đối với tôi thì, chữ Hán lỗ mỗ, câu được câu chăng, vất vả lắm mới hiểu trọn một đoạn. Nhưng mà những chỗ hiểu được thì quả là không bõ công tìm bộ thủ, đếm nét, đối chiếu chữ phồn thể và giản thể vân vân... Tóm lại, những việc mà những kẻ ngồi lâu một chỗ không yên như tôi phải kiên trì lắm mới làm xong, dù có khi chỉ để tìm nghĩa một chữ mới học thêm. Hay thiệt. Thú lắm.

Tôi không muốn làm một việc thừa. Tôi không muốn giới thiệu Lỗ Tấn. Tôi cũng không muốn nói về cái hay cái khéo của *Trong Quán Rượu*. Tôi cũng sẽ không thuật hết cốt chuyện vốn cũng không có chi là lạ, là lắt léo, sợ phạm vào cái lỗi lanh chanh, lắc xắc làm cụt hứng những ai chưa đọc mà lại muốn xem thử kiệt tác này. Tôi chỉ muốn nói về cảm tình của tôi đối với nhân vật xưng Tôi, mối cảm tình nẩy sinh một cách hết sức tự nhiên ngay sau khi đọc xong *Trong Quán Rượu*.

(Bắt đầu từ đây, *Tôi* in chữ nghiêng trong bài này là nhân vật của Lỗ Tấn.)

Tôi trèo lên tầng gác của quán Nhứt Thạch Cư, chọn một cái bàn gỗ nhìn xuống một mảnh vườn bỏ hoang. Ngồi bên cửa sổ hoặc ngồi

trong góc – dù lúc ấy trong quán chưa có một người khách nào khác – thường là tâm trạng của một người muốn sống với chính mình giữa đám đông. Ngồi bên cửa sổ dễ kín đáo quan sát sinh hoạt xung quanh. Dù không quan sát nữa thì cũng dễ thấy và nhìn. Xong, *Tôi* bắt đầu săn sóc đến chất men, thức nhắm cho bữa rượu độc ẩm

- Cho một cân rượu Thiệu Hưng... thức nhắm à? Thì... mười miếng đậu khuôn rán, cho nhiều tương ớt vào."(3)

Ấy, ngoài trời tuyết đang rơi, ngồi trong quán nhìn xuống một mảnh vườn hoang phế, lại một mình nâng chén nữa, lòng nào mà không lạnh, không vướng chút phiền muộn, chút sầu ở vào cảnh ngộ này. Cho nên cần đến rượu hâm nóng là phải, nhưng cũng phải là rượu Thiệu Hưng trứ danh, hẳn đắt tiền. *Tôi* là một giáo viên, mà cách đây gần 80 năm,(Lỗ Tấn viết *Trong Quán Rượu* vào năm 1924) lương giáo chức ở Trung quốc cũng không cao lắm. Nội cái chuyện gọi cho kỳ được rượu Thiệu Hưng cũng đủ khiến tôi nghĩ rằng con người này chịu chơi lắm. Rượu Thiệu Hưng "mồi" bằng đậu khuôn (đậu phụ) rán, một món giản dị, khắp Trung Quốc đâu cũng có – không khác chi dĩa rau sống, rau luộc, dĩa dưa, chén cà trong bữa cơm Việt Nam.

Thói thường, đối với người thích uống thì rượu ngon là ưu tiên, thức nhắm nếu "đi" được với độ nặng hoặc nhẹ và vị nồng hoặc dịu của rượu thì càng tốt, không cũng không sao. Nhưng mà tôi nghĩ đối với *Tôi*, dù "không sao" đi nữa, cũng phải cho ra hồn, phải hợp với thời và địa điểm của dăm chén tiêu sầu. Thời điểm là buổi chiều, chưa đến giờ cơm tối, cho nên *Tôi* mới gọi đậu khuôn rán, không động đến thịt thà tôm cá. Nó nhẹ hơn mà cũng rất hợp với tâm trạng của *Tôi*, lúc ấy chỉ muốn mượn rượu giải muộn thôi, không cốt uống đến bí tỉ.

Hơn nữa, trở lại cái quán tuy quen thuộc nhưng đã đổi chủ, chưa biết tài nghệ của đầu bếp như thế nào, thì cứ gọi ngay một món mà trừ phi củi lửa lạc vào tay mơ, chứ còn nhâm nhi ngay tại chỗ, miếng đậu khuôn rán đang bốc hơi ít khi dở. Tôi nghiệm ra rằng *Tôi* là một người ăn uống kén lắm, nhưng không cầu kỳ. Miếng đậu khuôn rán, dù rán già hay non, tự nó chỉ có hương mà lại lạt, không có vị, cho nên nước chấm đi kèm cần phải đậm đà. Do đó, *Tôi* mới nhấn mạnh là phải cho nhiều tương ớt. Gì chứ riêng về vụ ăn cay này thì quả là tôi chịu *Tôi* lắm rồi. Chắc chắn là vào một tiệm nào cũng thể khoán trắng cái khoản gọi thức ăn thức uống cho người này, nếu có dịp đánh bạn và đánh chén. Chắc chắn là không thất vọng. Sau đây là cảm tưởng và cảm giác của *Tôi* sau khi thong thả hớp một hớp rượu và thử một miếng đậu khuôn:

-Rượu nguyên chất, không vướng tạp vị; đậu khuôn rán cũng tới

thật, đáng tiếc là tương ớt lại lạt, không đủ cay. Quả là dân miền S. này không biết ăn cay(4).

Sau đó, *Tôi* điềm nhiên nhấp thêm hai chén rượu nữa, không gắt gỏng, không hạch sách hoạnh họe, không gọi thêm ớt, không đòi phải có một thứ tương ớt cay hơn nữa. Đến một nơi mà người bản địa không thích ăn cay rồi lại đòi cho được ớt chìa vôi, ớt tím, ớt hiểm thì, có thể vì chiều khách, nhà hàng cũng kiếm ra được, nhưng mà làm vậy lại bỉ mặt người ta. Cất chén tiêu sầu, thức nhắm đưa rượu, chứ có phải làm cách mạng cách miếc, đảo chính đảo chiếc gì đâu, việc gì, tội gì mà gây ác cảm với người xung quanh vì một chút khoái khẩu. Con người này quả là tế nhị và lịch lãm.

Đến đây thì cốt chuyện của *Trong Quán Rượu* mới thực sự bắt đầu. Vừa đặt chén rượu xuống, *Tôi* nhận ra một người bạn học cũ vừa bước lên lầu. Nhưng mà... tôi không muốn nhắc đến cốt chuyện... Ở một đoạn sau, theo đề nghị của người chạy bàn, hai người bạn này đồng ý gọi thêm bốn món. Và *Tôi* kê khai rõ bốn món: đậu ướp hồi hương, thịt đông, cá mặn và thêm đậu khuôn rán nữa.

Lỗ Tấn thường vẫn tiết kiệm chữ nghĩa, hiếm thấy một chi tiết thừa trong tiểu thuyết của ông. Vậy thì mắc mớ gì mà ông lại để cho *Tôi* kê khai rõ bốn món cho dông dài? Thật ra thì nó cần để làm sáng tỏ một chi tiết ở cuối truyện. Nhưng mà... tôi đã nói rằng tôi không thuật hết chuyện. Lúc bước vào quán Nhứt Thạch Cư, *Tôi* chỉ gọi một dĩa đậu khuôn rán để đưa rượu. Thêm một người bạn nữa, thêm mấy món kể trên, nhìn kỹ cũng vẫn là thức nhắm trong một bữa rượu chiều, chưa đến giờ cơm tối. Coi mà coi, chỉ toàn là những món nhậu, nhưng không phải thứ xào xẹt - nhất là xào theo lối ăn miền Quảng Đông mà người mình đã quen thuộc - nhiều dầu mỡ, dễ ớn. Cho nên, lúc cần đến một món thịt không thể không có trong một bữa rượu, thì thịt đông là được rồi, béo mà không ngấy.

Mà còn có lời nào dùng để khen tài nấu nướng của đầu bếp lại hay hơn, khéo léo hơn cách gọi thêm... một dĩa đậu khuôn rán nữa. Chuyện ăn uống này trong *Trong Quán Rượu* khiến tôi nhớ đến một nhân vật của Proust, ông de Norpois, một tay ăn uống sành sõi.Trong một bữa cơm tối đãi ông de Norpois tại nhà, bà mẹ của Proust đã dọn đến cái món thịt bò nguội, một món không cầu kỳ, nhưng khó nấu cho ngon, để thết ông de Norpois. Ông này đã khen đầu bếp bằng cách nhã nhặn nói với bà mẹ của Proust:

- Bà cho phép tôi được nếm thêm chút thịt nguội nữa.(Permettez-moi d'y revenir)

Khéo léo, nhã nhặn và tế nhị đến mức ấy, tôi nghĩ rằng *Tôi* và ông de Norpois thuộc vào hạng "bên tám lạng người nửa cân". Nói gì thì nói, Đông và Tây vẫn có chỗ giống nhau đấy chứ.

Dĩ nhiên, ăn uống không phải bữa nào cũng thấy ngon và biết ngon. Nó còn tùy ở nhiều ở nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài. Tôi nghĩ rằng những lúc hoàn cảnh cho phép, *Tôi* là một người ngồi vào bàn để thưởng thức món ăn hơn là ăn lấy no. Bởi vì ngay từ đầu truyện, *Tôi* đã kể rằng cái khách sạn *Tôi* đến trọ chỉ cho thuê phòng mà không có nấu nướng chi, thành thử muốn ăn uống gì phải gọi mua ở ngoài đem vào, mà loại cơm nước kiểu ấy thì quả tình cho vào miệng nuốt không trôi.(nguyên văn là *như tước nê thổ, "như nhai đất bùn")*

Tôi chưa có dịp đọc được một quyển tiểu sử đầy đủ về cuộc đời của Lỗ Tấn, có biết về ông thì cũng là nhờ vào những danh tác như *A Q Chính Truyện, Cuồng Nhân Nhật Ký* và phần đóng góp lớn của ông trong cuộc *Ngũ Tứ Vận Động* bên Trung Quốc. Trong bài viết này, tôi không muốn nói đến Lỗ Tấn trong vai trò một người hành động, một nhà trí thức từng dấn mình vào những phong trào và công cuộc cải cách ở Trung quốc sau khi ông bỏ học y khoa ở Nhật Bổn để xoay sang viết văn, làm báo.

Và cũng vì biết rất ít về "con người" Lỗ Tấn, nên tôi không dám khẳng định rằng *Tôi* trong truyện *Trong quán Rượu* là Lỗ Tấn một trăm phần trăm. Vẫn biết, "phong cách ra sao thì con người ra vậy" (le style c'est l'homme), nhưng mà nhân vật ở ngôi thứ nhất không cứ luôn luôn phải là tác giả. Tôi viết về *Tôi* – một nhân vật phụ – chẳng qua là vì khung cảnh trong truyện, dù không hẳn là phù hợp với dăm đoạn đường mà tôi đã từng xuôi ngược, đã nhắc nhở và gợi nhớ rất nhiều... nhớ về dăm chén rượu trong mưa rào Saigon, bên làn sương Dalat, giữa bụi đỏ Kontum, dưới mưa dầm Huế... nhớ ơi là nhớ! Chén rượu bốn phương trời, nhấp một mình vốn đã đậm đà, lại càng thêm đậm đà những khi thở được cái không khí ấm cúng thân mật của một đôi lần tình cờ gặp một người bạn cũ cũng đang bước vào quán.

Những phút ấy, tôi nghĩ chọn rượu và thức nhắm cũng nên bỏ một chút nghệ thuật vào đấy. Nghệ thuật nào? Phải chăng là nghệ thuật làm tăng mỹ thuật của những gì vốn đã có cái nét đáng yêu của nó như... rượu Thiệu Hưng, như miếng đậu khuôn mà *Tôi* cho là *mười phân vẹn mười* (*thập phân hảo*).

Xem sách, đôi khi gặp được cảnh ngộ mình từng sống qua, tự nhiên thấy vui, vui như mới trúng số, dù không phải là số độc đắc. Tôi nhìn vào nét mặt cương nghị trong bức ảnh của Lỗ Tấn ngoài bìa sách.Tôi

Mai Tiên,
Bài thơ mùa cưới

Tặng hai con Thủy Tiên-Michael

Mừng nay tròn cuộc lễ
In dấu tình trăm năm
Khung tim chung lời lẽ
Em hiền từng bước chân.

Thiên duyên nền phước cũ
Im lắng vẹn chân hương
Em về trên pháo đỏ
Nét thâm trầm Đông phương

Nguyễn Việt Thường
Rochester, MN - June 2002

thầm cám ơn ông.

Trúc Chi

(1)Tại Tửu Lâu Thượng

(2)Lỗ Tấn Tiểu Thuyết Tuyển

(3)*"Nhứt cân Thiệu tửu.... thái? Thập cá du đậu, lạt tương yếu đa"* Tôi để nguyên chữ "*cân*" khi chuyển câu nói sang tiếng Việt, cốt để giữ không khí Trung Quốc của quán, của chuyện.

(4)*"Tửu vị ngận thuần chính, du đậu hủ diệc chử đắc thập phân hảo, khả tích lạt tương thái đạm bạc; bổn lai S thành nhân thị bất đổng ngật lạt đích"* Trong bản chữ Hán, Lỗ Tấn dùng chữ "S" để chỉ địa danh mà ông không muốn nêu rõ.

Thơ Hoàng Phố

Nhớ những con ve của ông Từ

Mỗi lần ta ghé môi hôn
một bầy ve nhỏ hết hồn kêu vang...
Trần Dạ Từ

nhìn bọn trẻ hôn nhau như mút kẹo
ta thấy thương mà cũng lại tức cười
miệng tròn vo tay cùng chân lạng quạng
khác một bộ đồ che phận đười ươi.

điện không giật làm sao bây thấy thích?
ve không kêu đời hết cả ý rồi.
ta nghĩ quá: bây chỉ là bồ bịch
chẳng qua như một cặp đũa có đôi.

đũa có đôi cũng chỉ là thân gỗ
người có đôi sao lại giống tượng thờ?
cái cảm giác trắng trong như hơi thở
có còn không trong vị ngọt bợn nhơ?

ta lại nhớ khi mình còn con nít
đặt nụ hôn lên má của "người...tình"
ve ông Từ chắc cũng đang thút thít
tuy mũi ta còn cách một đồng trinh.

vậy mà lạ cả hai đều đỏ mặt
tránh mắt nhau như che cái lõa lồ
chiều hôm ấy ta đắp mền nằm nhớ
gót em thơm nghiền nát chiếc lá khô.

ta những tưởng cảm giác người vẫn thế
nào hay đâu thoắt cái đã lỗi thời.
rồi lại chợt nghi ngờ mình già ngắt
trong nụ hôn không thấy một cõi người.

Thuyền Huế

em ca giọng Huế buồn như khóc
tiếng "mạ" nằm chen tiếng "dẹ dàng"
một khúc sông Hương nghe em hát
rợn lên bao nhiêu là xót tan.

mái tóc cứng khô như dây dọi
từ em rơi chặt vào khoang thuyền
âm thanh dội ngược vào run rẩy
tình tứ nghe còn muốn vỡ điên

ta bước lên bờ lòng trắc ẩn
giọng ca còn phát tận a tỳ
rần rần trống nổi âm binh giục
có tiếng nào đẩy thuyền phân ly?

Lama

Diễm-Âu

1.

Khoảng thời gian năm tôi lên tám, lên chín tuổi, lâu lâu vào ngày Chủ Nhật, bố mẹ tôi vẫn hay dắt chị em chúng tôi tới một tiệm sách chuyên bán sách báo của Pháp nằm xế bên hông Vương Cung Thánh Đường Sàigòn. Cái không khí tĩnh lặng, tinh khôi, trong vắt như một ly nước suối trong tiệm sách đó đã luôn luôn là cảm giác rất quyến rũ cho một đứa bé sớm thích mơ mộng như tôi. Tôi nhớ mang máng (và không biết mình có nhớ lầm không), phía trên những kệ sách dài khắp bốn bờ tường là những khung kính hình chữ nhật, nơi những khoanh nắng rất tươi của buổi sáng luôn hối hả luồn vào. Tiệm sách sáng trong, ánh sáng cũng tinh khôi như ly nước suối. Có những hôm, tôi ngồi khoanh chân dưới đất, trong lòng ôm một quyển sách mở toang. Tôi giở nhẹ từng trang giấy, và lúc đó, thầm ước, phải chi có một ông nhà văn nào đó, chẳng hạn như là người đã viết cái quyển sách đang mở toang trong lòng tôi này, tình cờ bước chân vào tiệm sách, tình cờ nhìn thấy tôi với quyển sách của ông... Ông sẽ cúi xuống mỉm cười với tôi, xoa tóc tôi, và sẽ hỏi, bé con, em thích nhất trang nào trong quyển sách của tôi, em có muốn đóng vai con bé con trong đêm khuya khoắt bị sai đi lấy gầu ra giếng kéo nước trong truyện của tôi không? Và tôi sẽ gật đầu, và sẽ trả lời ông rằng, vâng, em thích được đóng vai con bé bị hất hủi ấy lắm, và em sẽ đóng... rất hay!

Buồn cười, tôi luôn luôn hay mơ mộng những chuyện lăng nhăng và buồn cười như thế! Và tôi hay mơ mộng lăng nhăng như thế là bởi vì tôi ít khi thích bỏ thời giờ ra ngồi nhá mấy quyển sách Pháp văn mà chúng tôi bị bắt phải đọc trong trường. Thường thường, tôi chỉ đọc đoạn

nào tôi thích nhất, rồi tha hồ vẽ ra những bức tranh tưởng tượng trong đầu. Tranh mặc tình nhảy muá uyển chuyển như sóng lụa, tôi cũng mải mê uốn mình bay bổng trên sóng lụa, đợt ngày tiếp đợt kia, quên tuốt mất những trang còn lại trong cuốn sách cần phải đọc, nên cuối cùng , có nhớ được gì đâu! Lý do là bởi vì tôi yêu tiếng Việt và say mê đọc sách, đọc truyện tiếng Việt hơn cả, nhất là sử Việt, bởi thế, Pháp văn tôi chưa từng bao giờ giỏi ngày nào, vốn liếng chỉ vừa đủ dùng mà thôi!

Nhưng thủa ấy, tôi thích đọc, hay xem, truyện hình 'Tin-Tin' bằng tiếng Pháp lắm (bởi vì nó nhiều hình, ít chữ!). Và lạ lùng thay, bây giờ, hơn ba mươi mấy năm sau, tôi mới hiểu ra được rằng, chính 'Tin-Tin' đã là cái giềng mối sớm nhất và đầu tiên nhất trong đời gợi cho tôi nhớ lại được những quan hệ cội rễ vô cùng mật thiết bắt nguồn từ những... tiền kiếp xa xôi!

Buổi trưa hôm ấy, tôi đã ngồi xem 'Tin-Tin' trên chiếc giường mà tôi ngủ với bà tôi mỗi tối, vừa xem vừa cười khúc khích. Nhưng chỉ mới đọc được vài trang thì tôi đã khựng lại. Trong tranh, tôi nhớ , có vẽ hình con thú bốn chân trông giống một con lừa. Đó là một con... la ở xứ Peru! Người dẫn đường bản xứ, một anh trai trẻ người Peru đội mũ quấn khăn sặc sỡ, đã cắt nghĩa cho Tin-Tin biết... đây là con 'lama' (La-ma), cẩn thận nhé, khi nào nó giận thì nó phun nước miếng đấy! Anh ta phải cắt nghĩa như vậy vì con lừa mất lịch sự ấy vừa mới phun xong nước miếng vào mặt ông già thuyền trưởng đang đứng sớ rớ ngay đó không thương xót. Ít phút trước đó, nó đã bị ông ta chọc ghẹo! Cuối cùng, trước khi quay lưng bỏ đi, hình như ông bạn già lẩm cẩm này của Tin-Tin đã vùng vằng la lên mắng nó, đại khái...'đồ con la-ma'.

Tôi đọc đến đây thì... khựng lại. Tôi còn nhớ như in cái cảm giác ngỡ ngàng, tột cùng ngỡ ngàng trong lòng vào giây phút ấy! Ba mươi mấy năm sau, mà cái cảm giác ngỡ ngàng vẫn còn hiện rõ như một vết cắt ngọt sớt trên mảnh da non khi hồi nhớ lại. Tôi đã ngồi thừ rất lâu, cố moi móc trong đầu ra xem tại sao con lừa ngu ngốc và kém lịch sự này lại có tên là con La-ma như vậy. Lúc ấy, tôi đã lý luận rất đơn sơ rằng, đây là con lừa, không phải con... La-ma, và nếu hỏi tôi tại sao tôi quả quyết như thế thì tôi không trả lời được . Đơn giản lắm, tôi nghĩ, La-ma là... La-ma, là tiếng gọi một.. cái gì khác, nhưng nhất quyết, không phải tiếng để gọi con lừa! Cái cảm giác ngỡ ngàng và khó chịu đã đeo theo

tôi suốt buổi, cho đến tối. Ăn cơm xong, tôi lấy quyển sách truyện hình ra đưa cho bố tôi xem. Tôi chỉ tay vào hình con lừa xứ Peru và hỏi bố tôi rằng, 'tại sao' người ta lại gọi con lừa này là con La-ma vậy hở Bố? Lúc hỏi câu hỏi ấy xong, tôi chỉ mong chờ thấy bố tôi nhíu mày lại, hay cũng kêu lên một tiếng gì đó biểu lộ sự ngạc nhiên chẳng hạn. Nhưng ông không ngạc nhiên, và cũng chẳng nhíu mày. Ông đã trả lời hết sức hồn nhiên và điềm đạm, đâu có gì 'tại sao' đâu con, đây là một con lừa, nhưng người dân Peru gọi nó là con 'Llama' (La-ma) , tiếng đó cũng có nghĩa giống như là con lừa, giống như tiếng Pháp người ta gọi con lừa là 'l'âne' (đọc âm là 'lan', chú thích của người viết). Tôi đã im mất một lúc lâu sau đó. Rồi tôi ngớ ngẩn nhắc lại cái lý luận rất đơn sơ và cũng rất ngớ ngẩn của mình... Tôi nói một cách cương quyết:

- Bố ơi Bố, nhưng mà La-ma không phải là con lừa! La-ma là tiếng để gọi... cái gì khác!

Bố tôi hỏi tôi:

- Vậy thì con nghĩ đó là tiếng gọi... cái gì?

Tôi lắc đầu:

- Con không biết. Bố không biết thật hay sao Bố?

Bố tôi cũng lắc đầu. Và câu chuyện buổi tối của hai bố con tôi chấm dứt ở đó! Quahôm sau, tôi hỏi mẹ tôi, rồi hỏi bà ngoại tôi, cùng một câu hỏi ấy. Qua hôm sau nữa, tôi đem sách truyện ra chỉ cả cho hai chị giúp việc trong nhà tôi xem, và cũng hỏi cùng một câu hỏi ấy. Tôi vào lớp học, chờ đúng lúc (hay không hẳn là... đúng lúc), giơ tay lên hỏi cô giáo, hỏi Soeur giám thị, hỏi luôn mấy con bé bạn thân nhất của tôi, rằng 'La-ma' có phải 'đúng' là tiếng gọi một con lừa không, rồi vội vàng lập lại điều tôi quả quyết, rằng con lừa 'không thể' là... 'La-ma' được! Lẽ dĩ nhiên, mỗi người trả lời tôi hoặc góp ý với tôi một cách khác, tùy theo trình độ hiểu biết của từng người, nhưng chẳng có một ai nói lên điều tôi mong mỏi cả!

Ba mươi mấy năm sau, khi ngồi viết lại những giòng này, tôi thấy trong lòng một niềm vui nhẹ nhàng như hương trà buổi sớm, khói mỏng manh quyện lên cao, dấy lên những cánh cung tròn lơ lửng. Không biết bám vào đâu, mà cũng chẳng bám vào đâu. Ôi, con La-ma của tôi!

Tôi thấy tôi thật buồn cười, và... ngây thơ không kém gì cái cậu-bé-tác-giả St. Exupéry của truyện Hoàng-Tử-Bé ! Cũng gần gần, đâu đó! Lên sáu tuổi, cậu vẽ bức tranh một con trăn quấn mồi, nuốt tuột con mồi vào bụng. No nê, bụng trăn căng phình lên, to như cái trống với một cái lõm lún xuống ngay giữa bụng. Cậu đem bức hình đi khoe với

mọi người, gặp người quen người lạ nào cậu cũng hỏi, có biết em vẽ cái gì đây không? Ai cũng trả lời cậu, đây là cái mũ, em vẽ cái mũ, phải không? Cậu lắc đầu, trong lòng buồn bã. Không, đây là con trăn nuốt mồi, bụng nó căng cứng, phình to lên đó! Mọi người nhìn cậu trố mắt, chẳng biết phải nói năng gì. Rồi cậu thôi, không vẽ nữa, chẳng buồn vẽ nữa. Cậu bỏ mộng làm họa sĩ vì cái kinh nghiệm vẽ vời không được mấy vừa ý của những ngày bé thơ. Cho đến khi cậu trở thành một người đàn ông, điềm nhiên, chững chạc. Người đàn ông quên mất chuyện con trăn-cái mũ và giấc mộng vẽ vời, say mê học lái máy bay, trở thành một phi công tài giỏi. Người phi công đó đã được gặp Hoàng-Tử-Bé trong một hoàn cảnh cực kỳ lạ lẫm, không thể ngờ trước được, và ông bắt đầu vẽ trở lại, vì người bạn tí hon của ông, là người cũng có thể nhìn thấy được con mồi trong bụng chú trăn tham ăn. Mà còn hơn thế nữa, bạn ông còn thấy được cả con cừu con hiền lành ngơ ngác trong bức hình ông vẽ một chiếc hộp kín bưng nữa kìa!

Hỏi mãi về La-ma không xong, tôi cũng đành... thôi không hỏi nữa. Nhưng cái cảm giác lấn cấn cứ còn nguyên vẹn trong lòng. Như một hạt cát mỏng kẹt đâu đó trong chiếc giầy đang mang vừa chân. Cho đến năm cả gia đình chúng tôi chạy tỵ nạn sang Hoa Kỳ, hạt cát mỏng lâu lâu vẫn làm chân tôi ngứa ngứa, chỉ vừa đủ ngứa ngứa thôi chứ không còn ngỡ ngàng , khó chịu như buổi đầu tiên. Tôi vào lớp Bảy, ghi tên đủ hết cả các môn học, kể cả Pháp văn. Khi bắt đầu quen thân với bà giáo dạy Pháp văn hơn, tôi lại tự động đem câu hỏi cũ ra nhào nắn. Mười ba tuổi, khôn ngoan hơn một chút, tôi biết đặt vấn đề một cách dè dặt hơn, và không cả quyết điều gì nữa hết. Tôi hỏi, thưa Bà, tôi đọc thấy trong truyện người ta viết con lừa bên Peru họ gọi là con Llama (La-ma), như thế có đúng không ạ? Có phải đúng là có một giống vật giống con lừa gọi là con... Llama không thưa Bà? Lẽ dĩ nhiên, bà giáo Pháp văn vui vẻ gật đầu! Tôi liền vào thư viện trong trường, tìm sách về... Peru để đọc, và lục tự điển tìm chữ 'Llama' để tra! Đó là vào khoảng năm 75, 76. Hơn hai mươi lăm, hai mươi sáu năm trước, hoặc là sách giáo khoa và tự điển ở Hoa Kỳ vẫn còn thiếu sót nhiều lắm, tầm nhìn của soạn giả thu hẹp trong văn hoá và địa lý của Mỹ Châu và Âu Châu, hoặc là vì nhân duyên chưa đủ nên tôi tra không đúng được một quyển tự điển có tầm nhìn bao quát hơn cũng không biết chừng... Dù sao đi nữa, điều gì tôi tìm thấy trong sách hay trong tự điển vào thời gian đó cũng đều công nhận những câu trả lời tôi đã được nghe từ bao lâu nay.

Tôi bỏ cuộc, không đi tìm La-ma (mà-không-phải-là-con-lừa-xứ-Peru) nữa!

Tôi lớn lên, trở thành một cô gái dậy thì, thích mơ mộng, biết yêu rất sớm, rồi trở thành vợ, thành mẹ, và sống êm đềm trong cái tổ chim ấm áp có lót những cọng rơm hiu hiu vàng còn thơm nức hương mùa xuân. Tôi học vẽ, rồi bỏ vẽ. Mon men viết văn, rồi bỏ viết văn. Làm kiến trúc, rồi bỏ kiến trúc. Theo Kháng Chiến, bỏ Kháng Chiến. Học Hán văn, bỏ Hán văn. Say mê sách thiền, rồi bỏ cả sách thiền. Chuyện gì tôi cũng làm nửa chừng, dang dở. Nhưng tôi không thấy tiếc nuối hay khó chịu với những cái dang dở của tôi. Buồn cười thế đấy! Lúc nào cũng có những chuyện 'mới mẻ' khác đang chờ, những cánh buồm no căng mới đang chực giong ra khơi. Lâu lâu, rảnh rang một chút, tôi lại ngồi lan man nghĩ đến con... La-ma của tôi! Rồi tôi nghiệm thấy rằng, hình như chỉ có mỗi mình câu chuyện dang dở này là vẫn còn làm tôi băn khoăn, khó chịu mỗi khi nhớ đến, có lạ lùng chưa!

2.

Và cứ thế, mãi sau này, cho đến ngày hôm nay (và biết đâu... sau hơn nữa), truyện trẻ thơ luôn luôn trở thành những đầu mối tháo gỡ được những gút mắc trong tôi.

Lạ thật! Như con lừa kém lịch sự trong một quyển truyện bằng tranh!

Khoảng giữa năm 1990, khi chúng tôi có ý định thụ thai để mang vào đời những hạt giống mới, chồng tôi mua về làm quà cho tôi một quyển truyện bằng tranh rất dễ thương (chắc chắn là dễ thương gấp bội phần truyện bằng tranh của Tin-Tin và con lừa kém lịch sự). Quyển truyện mang tên, Những Rặng Núi Ở Tây-Tạng, trong đó có những bức họa màu sắc tươi vui, nét vẽ đơn sơ mềm mại. Chồng tôi viết, *"để em-bé-Mẹ đọc cho em-bé-Con nghe"*... Anh biết vốn dĩ tôi cũng vẫn còn ưa thích truyện trẻ con lắm. Tôi luôn luôn tìm thấy trong đó những khám phá mới mẻ, nhẹ nhàng nhưng lại rất... vằng vặc. Cũng có thể, tôi nghĩ, truyện trẻ con vừa giống như là nắng đầu ngày, vừa giống cả bờ hồ phản ảnh ánh trăng vào đêm. Người ta thức dậy buổi sáng, ngắm ánh nắng ban mai chan hòa, rồi hấp tấp vội vàng đến sở. Quên lửng mất đi. Khuya về, tình cờ bắt gặp mảnh trăng lung linh trên nước, có thể người ta sẽ nhớ đến nắng sớm mai, mà cũng có thể... sẽ không hề nhớ đến. Nhưng không có nắng đó, thì làm gì có được trăng đó? Thi sĩ hay làm

thơ ca tụng ánh trăng non, trăng ngà, mà quên mất bầu mặt trời vòi vọi. Bởi thế tôi vẫn thường hay nghĩ đến những quyển sách truyện bé thơ như những luồng sáng non, mà về đêm, nếu để lòng lắng xuống một chút, chúng ta cũng có thể bắt gặp được luồng sáng non đó trên một chiếc tô ngà, chiếc tô trăng tròn xoe, nạm vàng, đang nhởn nhơ dầm mình trong nước mát.

Quà tặng của chồng tôi là một quyển truyện kể về cuộc đời tầm thường, đơn sơ của một ông lão tiều phu người Tây-Tạng. Tôi đã từng dịch quyển truyện trẻ con này ra, và đã đăng báo trong một truyện ngắn tôi viết tặng cho con trai đầu lòng. Ông lão tiều phu sinh ra và lớn lên trên những rặng núi trắng tuyết ở xứ Tây-Tạng. Từ ngày còn là một chú bé, ông đã rất mê thả diều. Những khi đứng thả diều, chú bé cũng thường thả hồn mình bay xa, bay vượt qua khỏi những rặng núi cao bao bọc quanh ngôi làng chú ở. Chú mơ ước có ngày sẽ được đi du lịch đến những xứ sở khác, viếng thăm những nơi chốn xa xôi khác. Chú bé lớn hơn nữa, trở hành một người đàn ông, lấy vợ, có con, sống an bình cho đến ngày chú trở thành một ông lão. Đến khi ông lão ra đi khỏi cuộc đời này, ông chưa hề một lần bước chân ra khỏi ngôi làng nơi ông đã sinh ra. Bây giờ đã đến lúc ông phải chạm mặt với cái chết và chạm mặt với những chọn lựa khác nhau trong giai đoạn chuyển tiếp sau khi chết. Bao nhiêu những hình ảnh, âm thanh và ánh sáng liên tục hiện ra, rầm rập, ào ào. Xuất hiện trước mắt ông, bao nhiêu là những kỳ quang của vũ trụ, những đền đài tráng lệ, thành phố nguy nga, những khu rừng nhiệt đới, những dải biển biếc xanh, những nơi ông mơ ước được đi thăm nhưng chưa bao giờ được đặt chân đến. Ông còn thấy nào chim bay, nào cá lội, từng đoàn thú vật diễn hành tuần tự qua trước mặt ông. Chỉ suýt chút nữa thôi là ông đã quyết định để đầu thai làm một con chim hải âu đang lượn cánh bay tuyệt đẹp, nhưng vô tình ông cũng nhìn thấy một đứa bé đang đứng thả diều ngay phía dưới, trên bãi cát mịn màng. tiếng cười của nó lắc rắc như thủy tinh trong suốt, bay cao. Ông nhớ đến những cánh diều ngũ sắc sặc sỡ của ông ngày còn thơ... Thế là ông đổi ý, muốn được làm người thay vì làm chim. Rồi bỗng nhiên ông lại nhìn thấy một vùng núi cao không hiểu sao quen thuộc lắm, gợi trong lòng ông nhiều nỗi rưng rưng. Ông thấy thêm rất nhiều những ông bố và những bà mẹ trẻ đang dang tay ra mời gọi ông hãy đến làm con của họ. Ông nghĩ, tôi muốn trở lại nơi vùng núi cao đó, làm con của một ông bố có vòng tay bao bọc, và của một bà mẹ có nụ cười êm ái sưởi ấm lòng tôi. Nhưng trước kia tôi đã từng làm con trai, giờ đây, tôi muốn

được đầu thai làm con gái, để xem làm con gái sẽ ra thế nào. Và bức tranh minh hoạ cuối cùng trong sách vẽ hình một cô bé gái thất bím, mặc áo mang ủng sặc sỡ, đang thả bay con diều ngũ sắc trên một rặng núi cao. Cô bé con người Tây-Tạng, chào đời trên một rặng núi tuyết, mê thả diều không kém gì ông lão tiều phu năm xưa!

Ở trang sau chót của quyển truyện, tôi tìm thấy có ghi mấy giòng giới thiệu tác giả Mordicai Gerstein, nhà văn chuyên viết truyện nhi đồng, người đã từng đoạt được một số giải thưởng cao quý trong lãnh vực văn chương thiếu nhi. Trong mấy câu giới thiệu ngắn ngủi trên, có kèm theo một giòng, chỉ một giòng, còn... ngắn ngủi hơn thế nữa!. Chỉ một giòng thôi, mà lại chính là cái chìa khóa rất khéo, rất tinh xảo, mở hé ra khung cửa quá khứ trong tôi.

Chỉ một giòng đó, như sau... 'Tác giả cảm hứng câu chuyện thiếu nhi này sau khi được đọc quyển *Tử-Thư Tây-Tạng*.

Tử -Thư Tây-Tạng? Cho đến giờ phút ấy, tôi chưa bao giờ nghe đến cả! Sách dành cho người chết? Sách viết về cõi chết? Về cái chết? Tôi đứng vụt dậy khỏi chiếc ghế mây đang ngồi trong căn phòng ngập ánh sáng, một phòng sách nhỏ, với một ô cửa kính rộng đối diện hướng Nam - căn phòng có nhiều ánh sáng nhất trong một căn nhà thiếu ánh sáng. Phòng nào trong nhà cũng tối, ngoại trừ căn phòng sách của chúng tôi! Trong cõi sáng tầm thường bình dị của căn phòng sách nhỏ, tôi đã tình cờ bắt được sợi dây-mối dẫn dắt tôi lần mò tìm về lại với một cõi ánh sáng khác, một cõi bao la không thể nghĩ bàn!

Nhưng... phải mãi đến tận sau này, tôi mới hiểu ra được điều đó!

Tôi rời khỏi chiếc ghế đang ngồi, đi tìm chồng tôi để hỏi xem anh có biết Tử -Thư Tây-Tạng là gì không? Anh có bao giờ đọc nó chưa? Tôi tin là anh sẽ biết vì vốn liếng về văn hoá và lịch sử thế giới của anh rất dồi dào. Chúng tôi hay đùa với nhau rằng, lẽ ra anh phải nên làm một nhà ngoại giao quốc tế, để có thể sử dụng khả năng giao thiệp và vốn liếng ngôn ngữ, văn hoá, lịch sử thế giới của mình, thay vì làm một kỹ sư vi tính, và theo đuổi một công việc không mấy hứng thú đối với anh! *Tử -Thư Tây-Tạng?* Anh bảo anh có nghe nói đến, anh chưa đọc nó bao giờ, và anh thêm rằng không phải chỉ người Tây-Tạng mà người Ai-Cập cũng có một quyển sách viết riêng cho người chết, gọi là Tử-Thư Ai-Cập, quyển đó thì anh nhớ mang máng là đã có xem qua một lần.

Tôi ôm câu trả lời của chồng tôi và ôm hình bóng quyển kinh chưa một lần giáp mặt vào lòng, như ôm một chiếc gối lông ngỗng. Chiếc

gối mềm, êm, chỉ mới lần đầu chạm tay vào thôi mà không hiểu sao đã thấy có nhiều hơi hướm thơm tho, quen thuộc. Tôi gối đầu trên chiếc gối ấy, ngủ những giấc ngủ mơ màng. Khi thức dậy, khi làm công việc hằng ngày, khi bận rộn chăm lo cho con, khi đi chợ, mua sắm bó rau, chiếc bánh, trong lòng rất nhiều lúc thấy nhớ nhớ chiếc gối êm, thèm được ngã đầu lên đó!

Khi ấy, tôi chẳng có một khái niệm gì rõ rệt về Tây-Tạng cả. Tôi không biết là Tây-Tạng đã bị Trung Cộng chiếm đóng từ năm 1959. Tây-Tạng mất chủ quyền, bị buộc phải sát nhập vào lãnh thổ của Trung-quốc. Hằng ngàn tu viện bị phá hủy và kinh sách đã bị đốt ra tro. Hằng chục ngàn tu sĩ phải sa vào vòng tù ngục, bị giết hại, bị tra tấn. Ở một quốc gia mà một phần tư dân số là tu sĩ Phật giáo sống hiền hoà trong tu viện, thì chắc chắn, vũ khí của quốc gia ấy không phải là súng đạn và bạo lực để có thể chống đỡ lại với bạo lực xâm lăng của một cường quốc như Trung Hoa. Khi ấy, tôi hoàn toàn không biết gì về những chuyện này, mãi cho đến về sau...

Một hôm, chúng tôi có dịp đi ra biển Laguna Beach, đó là một vùng biển rất thơ mộng ở miền Nam tiểu bang California, Hoa Kỳ. Phố chính của biển Laguna có những tiệm bán tranh và sản phẩm tiểu công nghệ tuyệt đẹp. Nghệ sĩ, hoạ sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ, lãng tử... lang thang khắp nơi, góc đường nào cũng có. Phố chính nằm giáp lưng vào một rặng núi sững, rậm xanh. Có núi chở che, nên thành phố mang nét vững vàng, yên ổn. Từ phố chính, người ta có thể nhìn băng qua con lộ hẹp, băng qua một công viên có bãi cỏ mượt, băng qua vùng cát óng, nhìn suốt ra đến tận dải nước sẫm màu ngọc bích của Thái Bình Dương. Thành phố nghệ sĩ này, lãng mạn đến độ có thể biến thành một... cuộn phim tình đen trắng, vừa cổ kính, vừa tân thời, có lúc ồn ào mời mọc, có lúc im lắng mà như chỉ muốn gào lên những tiếng sóng lòng mênh mang! Vợ chồng chúng tôi hay rủ nhau, dắt nhau ra thành phố ven biển này vào bất kể lúc nào, có khi còn thuê phòng trọ ngủ lại qua đêm (cho dù chúng tôi chỉ ở cách đó chưa đầy 15 dặm). Chỉ để sáng hôm sau được thức dậy trong... cuộn phim tình đen trắng! Ở đó còn có một tiệm sách mà chúng tôi yêu thích lắm, mang tên Farenheit 451. Đó là tên một quyển truyện khoa học giả tưởng viết về những kẻ thù ghét văn chương (một loại Tần Thủy Hoàng thời đại). Họ đã đi lùng tìm đốt sạch ra tro hết tất cả sách vở khiến thức nhân loại, nhưng cuối cùng, đành bó tay trước lòng can đảm tột cùng của những người một lòng yêu quý sách,

chịu hy sinh tất cả để cho văn chương kiến thức được trường tồn.

Và cũng chính trong cái tiệm sách Farenheit 451 mà tôi đã tìm thấy ra được tập *Tử-Thư Tây-Tạng** lần đầu tiên! Một điều tôi không bao giờ ngờ đến... Cái thành phố làm bối cảnh đóng phim tình đã đem trả về cho tôi tập kinh viết về sự chết và cái chết, về âm thanh và ánh sáng, của một cõi bao la không thể nghĩ bàn.

Đó là bản dịch bằng Anh-Ngữ của ông Walter Y. Evans-Wentz, giáo sư đại học Oxford tại Anh quốc. Bản dịch này được phát hành lần đầu vào năm 1927. Thật ra, đây là một công trình nhuận biên của giáo sư Evans-Wentz khởi đầu từ tài liệu được cung cấp bởi một số người Tây-Tạng trong đó có ông Kazi Dawa Samdup. Ông Kazi Dawa Samdup đã từng là thông dịch viên cho chính quyền Anh-quốc ở tiểu quốc Sikkim cũng như cho tòa lãnh sự của Tây-Tạng tại Ấn-quốc. Ông còn là thầy dạy ngôn ngữ và thông dịch viên riêng của bà Alexandra David-Neel trong thời gian bà trú ngụ tại xứ Sikkim. Đó là người đàn bà đầu tiên đã khởi đầu những cuộc thám hiểm Xứ Tuyết Tây-Tạng, một người đàn bà can đảm và phi thường. Ông Kazi Dawa Samdup mất đi vào năm 1922, khoảng 5 năm trước khi bản dịch *Tử-Thư Tây-Tạng* đầu tiên được giáo sư Evans-Wentz cho xuất bản, gây ra nhiều tranh luận sôi nổi ngay trong vương triều Anh-quốc và trong giới trí thức khoa bảng tại Luân-Đôn thời bấy giờ.

Buổi tối trở về phòng trọ ven biển, tôi nằm nhẩn nha đọc quyển *Tử-Thư* của Evans-Wentz bên cạnh chồng và chỉ chừng chưa đầy một chục trang sau đó, tôi đã cảm thấy một nỗi thất vọng tràn dâng. Chưng hửng! Chiếc gối lông ngỗng mà tôi hằng ao ước và mơ tưởng sao không giống một chiếc gối lông ngỗng chút nào, nó nặng nề, trì trì như một tảng đá. Tôi không thể phủ nhận công trình đồ sộ cũng như hông thể phủ nhận sự dốc tâm dốc lòng của giáo sư Evans-Wentz, nhưng phải vất vả lắm, tôi mới có thể bắt ý và đoán mù mờ được về những điều ông đã nhuận dịch. Văn phong của ông là văn phong của thời đại... của ông, nó cứng ngắc, thuần lý, thấm nhuần rất nhiều tư tưởng bác học và triết học Tây Phương, kể cả thần-học (theology). Dùng văn phong đó một cách cứng ngắc để giảng dịch về Phật pháp và về những điều rất trừu tượng không hiện diện trong ngôn ngữ bình thường hằng ngày, thật là một việc làm khó khăn cùng tột. Tôi gấp sách lại, còn nhớ rõ cảm giác hụt hẫng và chán nản như chiếc lưới mỏng giăng quanh quấn lấy người mình. Cảm giác từa tựa giống hai con mắt đang chau mày nhìn vào hai

con mắt khác của mình (cũng đang chau mày) trong gương! Tự hỏi, rồi tự trả lời. Sao mình lại tệ đến mức này, sao chẳng thể nào thật sự nắm bắt được cái gì hết cả? Sáng ra, tôi nói với chồng tôi, đây là một quyển kinh đọc bên linh sàng người chết, tả cho họ biết họ sẽ thấy những gì sau khi chết, lại có đầy đủ từng chi tiết hướng dẫn hương linh người chết phải làm gì, nghĩ gì, hành động như thế nào trong 49 ngày sau khi chết. Đại khái là như vậy, nhưng đọc nhức đầu lắm, hết vị Thần này hiện ra đến vị Thần kia hiện đến, càng đọc càng thấy rối mù, chẳng thể ghi nhớ lại được gì trong đầu hết! Chồng tôi... xoa đầu tôi, anh có thói quen nựng vợ lạ lùng như thế, rồi anh bảo đùa với tôi là, mai mốt khi nào cưng lớn lên thêm chút nữa thì đến lúc đó cưng sẽ hiểu được nhiều hơn.

Năm đó, tôi đúng ba mươi tuổi, không lớn rồi thì là gì? Đợi lớn lên thêm nữa thì biết đợi đến bao giờ, đợi đến... già ư? Người trẻ thường chẳng bao giờ quan tâm đến cái chết. Đó là đề tài muôn thuở của người già khi người già đến tuổi biết rằng cái chết sẽ là chiếc trạm ngưng nghỉ cuối cùng trong đời mình, nơi bao vạn ức người trước đã đi qua, và bao vạn ức người sau sẽ phải tìm đến. Tôi bắt đầu đặt câu hỏi về cái trạm xe cuối cùng đó cũng vào khoảng năm lên tám lên chín tuổi, khi ngồi bên thềm nhà xem Bà tôi làm lễ hoá vàng, tụng kinh hoá độ. Câu hỏi không phải 'chết là gì', cũng không phải 'chết sẽ ra sao'. Không triết lý sâu xa, hiện thực, hay... không hiện thực! Câu hỏi của một đứa bé con, khi ấy, chỉ đơn giản là... không biết mình sẽ nhớ đến ai nhiều nhất, nhớ đến cái gì nhiều nhất khi mình chết, bỏ lại sau lưng không biết bao nhiêu là kỷ niệm tươi hồng, búp bê, sách truyện, bố mẹ, bà ngoại, em trai, cô giáo, chiếc gối mềm chưa từng một ngày xa rời, những hạt mưa lăn tăn như hạt ngọc... Mấy câu hỏi buồn cười ấy, vậy mà, hoá ra, cuối cùng, lại là những câu nên hỏi! Điều này, mấy chục năm sau, tôi mới thấu hiểu được, mù mờ như sương nhàn nhạt khi tôi bắt đầu đọc sách dịch *Tử-Thư* lần đầu. Và cứ dần dần sáng lên ánh trời quang đãng trong những lần nghiền ngẫm *Tử-Thư* sau này qua tay những người dịch khác, sau ông Evans-Wentz. Tôi hiểu ra được rằng chính những gì mình nghĩ đến, nhớ đến, ước ao đến trong trạng thái giao chuyển sau khi chết, những cảm giác đó, những hình tượng đó, những mong tưởng đó sẽ chính là chiếc bè đưa tôi qua sông, đến bến. Mà bến sông, trong hay đục, thấp hay cao, an lành hay sóng gió, cũng tùy thuộc rất nhiều vào đó, vào những cảm giác, những hình tượng, những mong tưởng dùng làm chiếc bè đưa tôi ra đi khỏi cuộc đời này. Những điều vừa kể trên,

tưởng rất đơn sơ mà thật ra là thăm thẳm sâu không trông thấy đáy, trân châu ngọc quý cũng chẳng thể sánh bằng, như một mảnh ván gỗ già nua bỗng biến thành chiếc phao cứu người trên biển cả. Tôi sẽ viết thêm sau về những điều này trong những chương sắp tới, những khám phá lẽ dĩ nhiên không phải của tôi, về cái cõi sáng không thể nghĩ bàn của giai đoạn giao chuyển sau khi chết.

Rời phòng trọ ven biển, tôi đem bản dịch quyển *Tử -Thư* của ông Evans-Wentz về nhà, cất lên kệ, lâu lâu vẫn nhớ đến nó, nhưng chẳng bao giờ có can đảm đọc lại một cách nghiêm chỉnh cho tới nơi tới chốn. Một đôi khi, tôi lấy nó xuống, ngồi ngắm nghía cái bìa màu đen tuyền có vẽ hình một ngọn lửa cháy đỏ rực, lật lật vài trang ra xem, nhìn chữ mà như không thấy chữ, mân mê, ngẫm nghĩ một hồi rồi lại cất nó trở lại lên trên kệ.

Khoảng thời gian ấy, con trai đầu lòng của chúng tôi sắp sửa tròn hai tuổi. Chúng tôi rời căn nhà nhiều bóng tối hơn ánh sáng ở Irvine, dọn đến một căn nhà mới rất xinh xắn lưng đồi Laguna Niguel, gần vịnh Dana thuộc phía Nam Cali. Hoàn toàn khác hẳn! Căn nhà mới là một cõi sáng mênh mông! Ánh nắng hồng và tươi rói luôn luôn tràn vào những khung cửa kính lớn, từ sớm tinh mơ cho đến ráng chiều, không ngưng một phút. Lâu lâu chúng tôi có muốn đi... trốn nắng một chút cũng chẳng thể được - chẳng biết trốn vào đâu được trong căn nhà đó! Đó là một căn-nhà-mặt-trời ! Sau nhà là một triền đồi thoai thoải, mởn xanh. Mùa xuân hoa vàng mọc tràn lan nhiều như ... bươm bướm, từng đàn từng đàn hớn hở đuổi bắt nhau trên mảng đồi non! Tôi nghỉ làm ở nhà từ ngày mang thai con đầu lòng, chưa bao giờ ở trong một căn nhà đem đến cho tôi nhiều niềm vui mới toanh, nhẹ nhàng như thế. Hằng ngày, tôi lái xe xuống vịnh, dẫn con đi dạo bộ hoặc cho con chơi cát, hai mẹ con cũng vẫn thường hay ném bánh vụn cho chim hải âu ăn. Cuối tuần, ba bố mẹ con dẫn nhau ra vịnh, ngồi ngắm những cánh thuyền buồm thong thả giong xa, những cánh buồm nõn nà như có phết kem trắng mịn, lướt êm trên mặt nước với phong thái ung dung tự tại của một kẻ nhàn cư !

Đằng sau giải biển lấp lánh ánh hồng, an bình và trải rộng, những rặng núi ở Tây-Tạng cứ mờ nhạt dần đi. Cả quyển Tử-Thư trong tôi cũng thế! Mọi thứ nằm yên, thụ động, ngái ngủ, giống như một đứa bé say ngà ngà trên bờ vai của bố nó hằng đêm ...

3.

Bỏ rơi Evans-Wentz, tôi bắt đầu đọc sách dịch của Nguyên Phong, quyển đầu tiên mang tựa *Đường Mây Qua Xứ Tuyết*, một loại tự truyện của một vị Lạt-Ma Tây Tạng tên Govinda. Đến nay, tôi không còn nhớ được hầu hết tất cả những gì đã đọc được trong quyển sách đó, chỉ duy có một khung cảnh là không sao quên được. Đó là cảnh Lạt-Ma Govinda miêu tả gia đình ông tưng bừng nôn nức chuẩn bị cho ông lên đường đi xuất gia làm một Lạt-Ma tí hon... Gia đình ông là một gia đình khá giả, thuộc giai cấp thượng lưu, kẻ hầu người hạ tấp nập ra vào lo sắp đặt cho những nghi lễ cần thiết trong dịp tiễn ông đi tu. Những buổi tiệc thết đãi họ hàng, làng xóm, những lời chúc tụng, những túi xách hành trang, bà mẹ ông trong bộ áo màu sắc tươi vui đẹp mắt nhất, nữ trang lịch lãm nhất, tất cả những gì quý nhất, sáng nhất, trang trọng nhất, người ta mang ra mặc vào trên người trong dịp ấy. Tôi chỉ nhớ rõ cảm giác quen thuộc một cách... *bất thường (!)* khi đọc về cảnh này, như đã từng được chứng kiến, từng được tham dự rất nhiều lần. Người Tây-Tạng tổ chức lễ xuất gia cho người thân trong gia đình như tổ chức một... lễ cưới, đó là dịp hoan hỉ nhất, mãn nguyện nhất, được nhiều lời chúc phúc nhất. Theo tục lệ cổ truyền, họ có thể không cả mặc quần áo đẹp trong ngày lễ cưới, nhưng khi dự lễ xuất gia, khi đến thăm thầy, thăm chùa trong những ngày lễ lớn, họ sẽ mặc lên người những gì lành lặn nhất, đẹp đẽ quí giá nhất, như thể niềm tôn quý của họ đối với cái đẹp của Phật pháp không những được ủ, tẩm từ bên trong, mà còn toát cả ra đến bên ngoài .

Quyển sách dịch thứ nhì của Nguyên Phong mà tôi đọc mang tên *Hoa Sen Trên Tuyết*. Nội dung của sách viết về cuộc hành trình đi tìm chân lý cuộc đời của một vị bác sĩ y khoa Hoa Kỳ. Cuộc hành trình ấy đã dẫn dắt ông ta đến tận thành phố Dharamsala, Ấn Độ - thủ đô tị nạn của người Tây-Tạng và là hiện nơi cư ngụ của Đức Đạt-Lai Lạt-Ma. Thế giới bắt đầu chú ý đến Đức Đạt-Lai Lạt-Ma rất nhiều kể từ khi Ngài được trao giải Nobel Hoà-Bình vào năm 1989. Tôi đọc sách dịch của Nguyên Phong, đọc tập hồi ký Tự Do Trong Lưu Đày của Đức Đạt-Lai Lạt-Ma, đọc thêm nhiều tài liệu báo chí Anh-ngữ tường thuật những hoạt động của Ngài.

Bỗng một hôm, như người tỉnh ngủ, tôi bật kêu lên:

- Lạt-Ma! La-ma là... Lạt-Ma!

Ngay khoảnh khắc ấy, tôi tỉnh ngủ... thật! Tôi thấy mình bao năm nay sao ngờ nghệt quá! Y như người vừa tỉnh khỏi bùa mê, bước ra khỏi đêm tăm tối, thấy mọi thứ rõ mồn một như ban ngày.

'Lama' là tiếng nguyên thủy của người Tây-Tạng để gọi một nhà sư, một vị thầy, người hướng dẫn mình về Phật Pháp. Sách báo Anh-ngữ dùng lại nguyên âm từ ngữ đó. 'Lama', giống như là 'the Dalai Lama', tức 'Đức Đạt-Lai Lạt-Ma'. Chỉ có người Việt bắt chước người Trung Hoa dịch âm 'Lama' ra thành 'Lạt-Ma', và tôi, cái đứa bé mơ mộng, ngớ ngẩn năm lên tám tuổi, mới chỉ nhận biết ra được điều này sau hơn mấy chục năm... mơ ngủ mà thôi!

4.

Gần hai năm nay, căn nhà riêng của chúng tôi bỗng trở thành nơi tiếp đón các vị Đại Lạt-Ma Tây-Tạng đến vùng này giảng pháp. Có khi mười ngày. Có khi hai tuần. Có khi chỉ vài bữa. Các vị là trưởng lão thuộc giòng phái Drikung Kagyu, là một hệ trong bốn tông phái chánh của Phật Giáo Tây-Tạng. Nền tảng của phái Drikung Kagyu, cũng giống như những tông phái Đại-Thừa khác, là phát triển tâm Bồ Đề và thực hành Bồ-Tát-đạo. Tuy nhiên, một trong những chuyên biệt nổi tiếng nhất của phái Drikung Kagyu lại là pháp tập Phowa, tức pháp chuyển thần thức khi ta bắt đầu bước vào tiến trình chết và cả sau khi chết. Tôi chẳng còn phải đi lùng tìm Tử-Thư ở đâu xa. Có nhiều ngày tôi chỉ cần... ngồi yên là sẽ được nghe giảng giải tỉ mỉ tận tình về cái chết và tiến trình chuẩn bị cho cái chết.

Mùa hè năm 1998, chúng tôi chuẩn bị rời Cali để dọn về miền Đông Hoa Kỳ. Khoảng một vài tuần trước đó, đang ngồi gà gật giữa trưa, tôi mơ màng thoáng thấy hiện ra một vị sư mặc y vàng đứng trước mặt tôi, khuôn mặt vị ấy hiền từ sáng rỡ. Về lại miền Đông không lâu sau, một giấc mơ nữa lại đến với tôi. Tôi thấy tôi ngồi trong căn bếp với mẹ tôi cùng với một vị sư khác. Vị này quấn y màu rượu chát đỏ sẫm. Cả ba chúng tôi đang ngồi uống trà, và vui vẻ trò truyện với nhau chung quanh một chiếc bàn tròn. Lúc ấy, tôi vừa nhắc lại một câu hỏi của mẹ tôi và đang chờ để được nghe câu trả lờI của vị sư ấy. Khi thức giấc, nhớ lại về giấc mơ lạ, tôi phải bật cười chính mình! Nằm mơ thấy một vị sư ngồi trong bếp nhà mình thay vì ngồi trang nghiêm nơi chánh điện trong chùa thì thật là... mộng mơ quá đáng! Nhưng tôi nào có ngờ! Lẽ

dĩ nhiên, làm sao có thể ngờ!

Ở miền Đông, căn nhà của chúng tôi nằm trên một miếng đất tương đối rộng, sau nhà là khu rừng thưa nằm lưng chừng đồi. Đất rừng cũng thuộc vào địa phận đất của chúng tôi, nhưng đất rừng cao hơn đất nhà cả hơn mười mấy bậc tam cấp. Căn nhà và khu rừng thay đổi tùy theo mùa. Lam, tím, hồng, mơn mởn mùa xuân, xanh rì rậm rạp mùa hè, vàng ối đỏ rực mùa thu, nõn nà trắng toát mùa đông. Chẳng khác gì trong thơ Đường! Cỏ lam, trà biếc, rượu vàng, tuyết trắng, màu sắc rất yêu kiều, ngời ngời từng nét sóng sánh. Thoắt một cái, bỗng một hôm, căn nhà bốn mùa của chúng tôi trở thành nơi tụ hội của các vị Lạt-Ma Tây-Tạng, và rất đông những người từ khắp các nơi đổ về nghe pháp, không phải người Việt, mà là người Mỹ da trắng, người Mỹ gốc Phi châu, người Gia-Nã-Đại, người Đức, người Nga, người Do Thái, người Tây-Ban-Nha, người Venezuela, người Ấn, người Đài Loan, người Trung-Hoa, người Tây-Tạng... Chẳng khác nào một trụ sở Liên-Hiệp-Quốc tí hon!

Nhân duyên bất ngờ, hết sức kỳ lạ, sâu đậm một cách khó lường. Một năm bốn mùa. Mỗi mùa một vị Đại Lạt-Ma. Chúng tôi đâm ra bận rộn hết cả bốn mùa. Những cội rễ của tiền kiếp... trổ hoa, đôi lúc làm cho chính tôi phải kinh ngạc!

Những buổi sáng nấu xong món cháo bằng lúa mạch hầu thầy tôi, Garchen Triptul Rinpoche, vị Đại-Lạt-Ma Hoá-Thân sinh trưởng ở vùng Kham, miền Đông Tây-Tạng, chúng tôi hay ngồi ăn chung với thầy trong căn phòng bếp hoặc phòng ăn nhỏ. Lúc nào ánh nắng ban mai cũng chan hoà, vàng óng và tươi như những nhánh lau non, phết lên khắp nơi trong phòng một màu lóng lánh! Tôi mới bắt đầu học nấu món cháo luá mạch từ khi có các vị Lạt-Ma đến ngụ trong nhà, sáng nào cũng một món đó. Lúa mạch ngọt thơm tinh khiết, nấu chung với nước, sữa tươi, mật ong, nho khô, quế bột, cộng thêm với hạnh nhân thái mỏng. Người Tây-Tạng có một món cháo đặc biệt hơi tương tự như món cháo lúa mạch của tôi, họ gọi là tsampa. Thầy tôi, vị Đại-Lạt-Ma nổi tiếng là bậc giác ngộ, đã được tuyên nhận là một Hoá-Thân và đã đi tu từ năm lên bảy tuổi. Thầy tôi kể là tại các tu viện Tây-Tạng, sáng nào cũng như sáng nào, cả chùa cũng điểm tâm chỉ bằng một món tsampa! Bây giờ cũng thế, không khác. Sáng nào tôi cũng nấu một nồi cháo sáng thật to, và dọn thêm những lát bánh làm bằng luá mì hoặc bằng

ngũ cốc trét đầy bơ mặn. Đó là thời gian yên lắng nhất và được gần gũi với thầy tôi nhất. Nhiều vị Đại-Sư cũng đã ngồi ăn sáng trong căn phòng bếp đó, phòng ăn đó. Tôi đã học được rất nhiều từ quý thầy ngay trong những giây phút sớm mai đơn sơ, đôi lúc còn nhiều hơn cả những khi ngồi nghe thuyết pháp. Hỏi thầy tôi những câu hỏi không đầu không đuôi vào buổi sáng, hỏi những câu hỏi có phần thâm hậu hơn một chút cũng vào buổi sáng, được thầy đánh thức tâm mình dậy bằng những câu trả lời thấu đáo cho những câu hỏi mình chưa kịp lên tiếng hỏi cũng buổi sáng. Nụ cười nở tươi dung lượng của thầy tôi đọng lại trong nắng tỏa ra khắp nơi. Tôi tưởng tượng đến những nụ cười dung lượng y như thế trong hai mươi năm thầy tôi ở trong trại tù Trung Cộng kể từ sau khi Tây-Tạng bị Trung Cộng hoàn toàn cưỡng chiếm. Chưa bao giờ tôi nghe thầy lên tiếng kết án một ai, kể cả những kẻ đã cầm tù thầy. Người Tây-Tạng kể, trong trại tù, thầy đã kiên trì tiếp tục học pháp của Đức Phật, học hạnh nhẫn nhục của đất, học tánh từ bi của Bồ-Tát, thầy toạ thiền, nhập định liên tục, và chính ở trong tù, thầy tôi đã đắc pháp. Nắng sớm rồi cũng có lúc tan, nhưng nụ cười và tấm lòng dung lượng của thầy đã vượt ra khỏi cõi vô thường tạm bợ này. Nên những buổi điểm tâm tràn nắng mai và ngập tấm lòng từ bi của thầy, cho riêng chúng tôi, và cho tất cả chúng sinh, chính là những bài pháp thoại quý báu lắm! Tôi ao ước có ngày đủ được nhân duyên để có thể ghi lại hết những gì tôi học được từ thầy tôi, từ tất cả những vị Lạt-Ma đã đến ngụ trong căn nhà quanh năm bốn mùa thay đổi, và mỗi bình minh, đã cùng ngồi ăn những bát cháo lúa mạch nghi ngút khói với chúng tôi.

Nửa đời người, bây giờ tôi mới biết tại sao hai tiếng Lama đã từng theo đuổi tôi từ khi còn bé thơ, theo đuổi suốt! Bây giờ thì đi đâu cũng thấy Lama hết, chỉ thấy toàn Lama, phòng khách, phòng ăn, căn bếp, sân trước, rừng sau, lưng đồi!

Diễm-Âu

(Trích Bút Ký *Buổi Sáng, Điểm-Tâm Cùng Lạt-Ma*)

Mưa giữa năm

gửi nbt.

mưa dột đẫm khoảnh chiếu manh
trời lạnh hàn chân tôi khoanh đầu nằm
nghe như ai kể trăm năm
chỗ đời nay ai thì thầm cũng suông
đi ra đi đứng tập tuồng

Hai tay cặp rổ hoa, tuôn
ngó chìm trôi lẫn cội nguồn rối, hung
cời tro thấy lửa rùng rùng
nửa đêm bắt bóng rú cùng hắt hiu
đi về thôi lũ quạ kêu

Lời quê se thắt sớm chiều
mỗi chữ đắp mã mồ xiêu tán, thề
nhắm đôi mắt giấc ủ ê
mặt giấy sau trước bộn bề riêng, chung
dấu tôi rồi cũng thất tung.

lưu hy lạc.

Hương đêm vườn ổi chín

Ngô Nguyên Dũng

Giữa trưa, ông cò Răng ra lệnh tấp vô bờ rợp bóng cây, nghỉ mệt. Trên ghe gồm ba người: phu chèo, thầy thông Lợi và ông cò Răng, người gốc Tây tà. Ông sống ở miệt nước lợ nầy từ đời thâm căn cố đế nào rồi, lấy vợ Việt, nói trơn tru tiếng bản địa, biết uống rượu đế và ăn được mắm kho. Không như những ông cò, ông phán khác *toa, moa* với kẻ dưới quyền, ông cò Răng biết xưng hô theo lối Việt, kiểu người có ăn học. Nhưng, không có nghĩa ông hoà đồng trọn vẹn với tâm tình dân thuộc địa.

Mùa nắng năm nay oi bức khác thường. Trưa đứng bóng, không một miếng gió. Trời xanh leo lẻo. Xa tắp, trên ruộng sậy bên kia sông, nước bốc hơi, loé ảo ảnh trông như dải khăn nhăn nhúm.

Lên bờ xong xuôi, phu chèo lủi đâu mất; lát sau trở lại, tay cầm mấy tàu lá chuối lót chỗ ngồi. Thầy thông Lợi mở túi lương thực lấy ra vắt cơm nắm, muối mè va bình thuỷ đựng nước trà, bày ra đất. Ông cò Răng cởi nón cối, tháo nút áo trên cùng, quạt phành phạch, cất tiếng:

- Thầy chia cho chú chèo miếng cơm, chút nước.

- Dạ, nó có đồ ăn riêng rồi ông cò.

- Tốt.

Rồi ông dùng tay xẻ cơm, chấm muối, nhai uể oải. Tay ông ô dề, gân guốc, phủ lớp lông màu hung tới gần cùi chỏ. Ông bận bộ ka-ki màu rơm ngắn tay, quần cụt, chưn mang giày đế cao su, vớ trắng xoắn ngang bắp chuối. Hai chưn ông cũng loắn xoắn đầy lông. Mới đầu thầy thông Lợi thấy dị hợm, riết rồi quen mắt.

Không gian mệt mỏi, thinh vắng. Lâu lâu mới nghe tiếng chim kêu khan khản rồi nhịp cánh hối hả, xa dần. Sông nước ròng, phơi bùn xám xịt, lục bình quện thành giề, không muốn trôi. Tăm cá vỡ lách chách. Vài con cá thòi lòi trâng mắt láo liên. Ông cò Răng như đã lửng bụng,

cầm bình thuỷ rót trà ra tách thiếc, hớp ngụm nhỏ, mỗi ngụm mỗi xúc miệng ộc ạch. Thầy Thông rụt rè hỏi:

- Ông cò muốn mình đi tiếp hay ngủ trưa một giấc rồi đi?

Ông cò nhướng mắt hỏi ngược:

- Bao lâu nữa thì tới?

- Nếu đi liền, áng chừng xế chiều, thưa ông cò.

- Mùa nầy trời sáng lâu. Thôi, nghỉ thêm một lát.

Nói rồi ông nới thắt lưng, ngả người xuống tàu lá chuối, tay gối gáy. Một tia nắng lạc rọi lên báng súng lục nạm bạc giắt nịt lưng, lấp loé. Thầy thông Lợi lặng lẽ dọn thức ăn cất vô túi, còn tần ngần thì ông cò đã cao giọng:

- Thầy cũng nên nằm nghỉ một lát cho khoẻ.

- Dạ, cám ơn ông cò.

Thầy thông Lợi sửa lại tàu lá dưới chỗ ngồi, phủi bụi nằm xuống.

- Người Việt xứ thầy sao kỳ, chồng ưa hiếp đáp vợ. Tôi sống ở đây lâu đời rồi, vẫn chưa hiểu nổi.

Giọng ông cò đều đều, ngán ngẩm. Thầy thông không biết nói sao, đành lặng thinh. Ông cò chắt lưỡi, tiếp lời:

- Nếu thân nhân người vợ không đệ đơn thưa thì đâu ai biết tới vụ án mạng tày trời nầy. Chồng gì mà ác nhơn, nhẫn tâm giết vợ ngay đêm tân hôn. Thầy có nhớ đem theo trát bắt giam không đó?

- Bẩm, có.

Im lặng một đỗi. Từ chỗ nghỉ của phu chèo vẳng tiếng ngáy vấp váp như bị vật gì phân đoạn. Thầy thông Lợi tưởng tượng đó là những lưỡi dao ác mộng phụp xuống, không nương tay. Chuyện giết vợ mà ông cò vừa nhắc tới, thầy nghe thiên hạ đồn đại rùm beng. Nạn nhơn bị đâm bằng dao thọc huyết heo nhiều nhát liền, tắt thở tức thì. Nguyên do tại sao thì kẻ nói vầy người nói khác, không biết tin ai. Điều đáng quan tâm, cô dâu là tiểu thơ con địa chủ Lê đắc Phước, tên tây là Ăn-toan, còn thủ phạm, cũng là chú rể, lại là đứa tá điền với hai bàn tay trắng. Tự sự nghe trái cựa, khó tin như tiểu thuyết đăng nhựt trình, hẳn có ẩn tình gì bên trong.

Thầy thông Lợi rón rén đặt lưng nằm xuống, vừa lúc giọng ông cò Răng thầm thì cất lên:

- Thầy có dò la tình hình miệt nầy theo lời tôi dặn chưa?

Thầy thông day mặt:

- Rồi, thưa ông. Tương đối yên.

- Tương đối là sao?

- Đâu tháng trước nghe nói có Thổ dậy, nhưng chỗ đó cách đây hơn

một ngày đường. Ông cò chớ lo, dân chúng nơi nào cũng biết tiếng ông là người nhơn đức.

Ông cò chép miệng:

- Ậy, nhưng đề phòng vẫn hơn. Thầy để ý giùm, đứa chèo nghe mặt mũi hệt như người đàng Thổ, có đáng cho mình tin cậy?

Thầy thông rướn người tới gần ông cò, thấp giọng thều thào:

- Nó là trạo phu do điền chủ Phước gởi lên huyện đưa ông cò về bắt giam kẻ sát nhơn, không tin nó thì tin ai?

- Thầy có lý, nhưng đề phòng vẫn hơn.

Ông cò lặp lại câu nói mới nãy. Không hiểu vì gió hay có giống thú nào vừa trườn qua mà vòm lá rậm bên trên xào xạc lay động, rụng vài cánh úa. Cùng lúc là tiếng trở lưng và giọng người phu chèo mớ sảng: *Cô Ba... tui chờ... ứ..* Hai người đàn ông liếc mắt ngó nhau. Ông cò Răng tủm tỉm:

- Thầy tới đánh thức chú ấy dậy, mình đi tiếp!

Dáng nằm của người phu chèo ngó không thảnh thơi. Một tay che quanh đầu như sợ vật gì rơi nhằm, tay kia soãi ra đất, mấy ngón thô kệch khum quắm như bấu lấy. Chưn cong, chưn duỗi. Vết sẹo trăng trắng hình lưỡi liềm vắt ngang ống quyển. Ngực trần đẫm mồ hôi. Quả thật, anh ta không phải người mình. Nước da nâu sạm. Tóc rễ tre loăn xoăn. Mặt vuông, râu quai hàm tua tủa. Tay chưn u nần bắp thịt.

Thầy thông Lợi khom lưng, tay vừa chạm vai người phu chèo thì gã đã bật phắt dậy như lò xo, tròng mắt đảo quanh, giọng xớn xác:

- Cái gì, cái gì vậy?

Thầy thông lùi lại nửa bước, trấn an:

- Chú ngủ mớ, tôi tới gọi chú dậy, mình đi!

Gã đàn ông nhíp mắt định thần, tay bưng đầu, hỏi khẽ:

- Tui nói mớ chiện gì vậy?

- Ai hiểu đâu nà.

Cặp mắt với hai tròng đen như hai đốm mực tàu mở ra trâng trâng. Đôi môi dầy nhếch cười, bày hàm trăng trắng nhỡn. Khoé cười củ ấu hõm lúm má. Thầy thông Lợi nhủ thầm, cái thằng coi điệu bộ lực điền vậy mà có duyên. Thầy cười đáp, gợi chuyện:

- Ông cò tên Răng thì chú biết rồi, còn tôi tên Lợi.

- Tui tên Sầm. Thầy có đem theo súng không?

- Tôi tháp tùng làm thông ngôn, mắc gì đeo súng?

- Tại tui thấy ông cò giắt hông cây súng sáu, tưởng thầy có, bữa nào tui dẫn thầy đi bắn vịt trời.

Thầy thông cười ra tiếng:

- Thời giờ đâu mà săn với bắn. Hơn nữa, ai bắn vịt trời bằng súng sáu? Thôi, chú sửa soạn tra dầm, trễ đa!

Ngửng đầu, mặt trời đã nghếch về tây một nhích mất. Bóng lá nghiêng lên mặt sông nước dâng chầm chậm. Bây giờ gió mới nức lên, xô rạo rực ruộng sậy. Ảo ảnh dải khăn lụa mất biến. Mây cuối trời đụn ngấn trắng muốt. Thầy thông Lợi và ông cò Răng vô ngồi trong ghe rồi, chú Sầm mới thót chưn lên, hươ dầm bươn ra giữa sông. Một con trĩ mái từ ruộng sậy hốt nhiên tung lên không, theo sau là con trống đập cánh đuổi theo rần rật, khua tiếng oang oác, lay thức mảnh không gian còn sật sừ giấc ngủ trưa chập chờn, mộng mị.

Ghe tới làng An thới thì đã hoàng hôn. Bóng chạng vạng buông lê thê lên ruộng đất ven sông. Chân trời phương tây nhen lửa đỏ chạch. Gió chiều lướt rào rạt hai bờ lau sậy, gợn lăn tăn con nước no đầy. Phu chèo lơi dầm, nhoài người vốc nước rửa mặt, rồi cong tay chỉ một vòng:

- Ruộng đất của ông chủ.

Ông cò Răng đứng lên, cởi nón, đảo mắt ngắm quanh. Mênh mông nối mênh mông. Đang độ sau mùa gặt, ruộng trơ gốc như đầu tóc cắt ngắn. Cách quãng, khi thấy chênh vênh cây cầu khỉ bắc ngang là biết nơi đó có người ở. Vài mái lá sơ sài. Tiếng chó sủa bâng quơ. Năm ba đứa trẻ bụng ỏng trần truồng chạy theo chỉ trỏ, kêu thảng thốt: *Ông tây... ới, ông tây.*

Sầm khua chèo thơi thả, không biết vì mệt hay cốt để hai người khách lạ ngắm cảnh cho mãn nhãn. Thiên nhiên không có gì kỳ vĩ, nhưng đôi khi vài ảnh sắc linh động làm khung cảnh hoang dã vơi phần bí ẩn. Tâm trạng cò Răng vơi đi e ngại. Những tin đồn Thổ dậy chỗ nầy, kháng tây vùng lên chỗ kia khiến ông ít nhiều lo lắng trước khi quyết định tới đây. Vợ ông ngỏ ý khuyên can, nhưng tính ông sẵn quan liêu mực thước, nên rắp tâm làm cho ra lẽ vụ giết người man rợ nầy.

Vẳng lại tiếng vịt kêu chói tai. Ghe rẽ vô nhánh sông ốm. Đàn vịt hằng trăm con táo tác tẽ ra hai bên, có con te tái lủi lên bờ như gặp quái vật. Đứa chăn vịt, độc cái quần xà lỏn, dừng tay lùa, mắt ngó hau háu.

- Bầy vịt của ông chủ.

Sầm buột miệng. Ông cò lớn giọng:

- Sắp tới chưa?

- Coi như tới rồi. Ông không thấy gì khác à?

Nghe hỏi, hai người đàn ông mới ngoảnh mắt để ý. Đôi bờ dừa che vòm mát rượi. Lối đi đất nện phẳng lì. Hàng so đũa lốm đốm bông trắng, loé chút nắng tàn. Cùng một thổ ngơi, chung một mái trời, mà

chừng như xẻo đất nầy thuộc về chốn khác. Từ vườn cây ăn trái lá xanh um tới chiếc cầu tráng xi-măng sơn trắng cong bán nguyệt vắt ngang sông, mọi thứ đều lạ lùng, xung khắc như đêm ngày. Thấp thoáng sau vườn cây kiểng huê mỹ là màu tường vôi trắng, mái ngói đỏ tươi hắt ráng chiều, rực lên như cảnh đền đài cổ tích.

Sầm ngoặt dầm chèo vô đầm nước, dừng bên cây cầu ván có tay vịn. Bóng tối úp bàn tay, phất cái đã tràn lan. Dáng người nhấp nhô trên bờ, kẻ cầm đuốc kẻ xách đèn dầu, gọi tiếng láo nháo.

Địa chủ Phước ra đón khách tận bến nước. Ông vận đồ ta, quần lãnh trắng, áo gấm lục dệt hình dơi ngậm đồng tiền, tay chống gậy mun tra cán bạc chạm hình rồng. Đầu tóc hói, lơ thơ sợi cước. Dáng điệu ông, ngó qua, lộ vẻ quắc thước đạo hạnh, nhưng ngắm kỹ cặp mắt sáng ẩn dưới vòm chưn mày bạc rậm, thấy li ti đường gân máu đỏ chạch, khiến thầy thông Lợi bất giác e dè khi đối diện bắt tay ông.

Địa chủ Phước chào khách bằng tiếng tây. Cò Răng đáp lời, lạnh lùng nhưng lịch sự:

- Tôi nói và hiểu thạo tiếng Việt, thưa ông.

Địa chủ Phước tươi mặt:

- *Très bon*... Ô, xin lỗi, mời ông cò và thầy thông vô nhà. Bây đâu, soi đèn dẫn đường cho hai ông coi!

Hai khung gỗ nặng trịch mở ra nội thất xây hình chữ nhựt. Chánh giữa là huê viên, chia đôi bằng lối đi lót gạch nung, hai bên chưng đôn sành trồng bùm sụm tỉa hình muông thú, mái che lủng lẳng giò lan hồ điệp. Cả hai có cảm tưởng vừa lạc vô cảnh giới tuồng tích, hồ nghi thị giác mình.

Sảnh đường treo đèn măng-xông sáng trưng, trang trí bàn ghế cẩn xà cừ. Tủ buýp-phê gắn cửa kiếng chưng cổ vật. Cặp độc bình lớn, trẻ con vô lọt, bày hai bên tấm bình phong sơn mài mai lan cúc trúc dặm kim nhũ. Bàn ăn gỗ mun bày sẵn hai bộ chén đũa. Đứa gia nhân, quần áo trắng, chưn đất, mời thầy thông và ông cò ngồi vô bàn. Lát sau địa chủ Phước từ cửa hông bước ra, tươi cười:

- Quí ông đi đường xa hẳn mệt, để tôi kêu nó đưa khăn lau mặt, chùi tay rồi dọn bữa tối. Hành lý tôi sai chúng đem vô nhà khách rồi.

Cò Răng thắc mắc:

- Ông không dùng cơm với chúng tôi sao?

- Xin lỗi, tôi đã xong bữa rồi. Giờ giấc ở đây là như vậy. Quí ông cứ tự nhiên, coi như nhà mình. Ăn xong, tôi sẽ đưa hai ông qua nhà khách.

Nói rồi ông lui bước. Khăn và nước ấm được đem ra, ông cò đắp lên mặt. Hương chanh thơm thoảng làm ông khoẻ khoắn hẳn. Ông nhắm

mất tận hưởng cái cảm giác khi nước bốc hơi, đọng chút man mát từng lỗ chưn lông. Cảm xúc bỡ ngỡ ban đầu trước cơ ngơi thịnh mãn khó tưởng tượng của địa phú Lê đắc Phước mất dần. Ông lần khăn lau cổ, lướt chậm lên cánh tay nhớp mồ hôi, buông tiếng:

- Thiệt khó tin, không thể tin được, như một ông vua, phải không thầy?

Thầy thông xuýt xoa:

- Đúng vậy, mơ-xừ cò-mi. Nếu không thấy tận mắt, nói không ai tin.

Bữa cơm tươm tất ba món canh xào mặn. Giải khát bằng trà sen. Thầy thông Lợi chiếu cố tận tình, riêng ông cò vì chớm mệt, chỉ nhấp đũa cầm chừng. Xong, địa chủ Phước dẫn hai người về phòng riêng, có đứa ở cầm đèn dầu soi lối. Hơi đêm mát rượi. Cỏ đất dâng hương ngan ngát. Trăng thượng huyền ngấp nghé khe lá một mảnh méo cong. Đom đóm long lanh mắt đêm. Dế gọi tình réo rậm rật, lẫn tiếng ếch nhái uềnh oang đâu đó ngoài mương rạch. Đêm đồng nội xởn xơ, an lành như da thịt dương thì, không tì vết khiến ông cò Răng cảm thấy sảng khoái. Sau khi địa chủ Phước cáo lui, chúc ngủ ngon, thay quần áo vô giường nằm rồi mà thần trí ông vẫn ráo hoảnh hai vòm mắt. Giường bên, thầy thông Lợi bắt đầu ngáy đều. Phòng kê hai giường đơn ván lót, trải chiếu trơn, buông mùng sẵn. Hai vuông cửa sổ lá sách, chấn song sắt, mở toang. Thổi đèn rồi, lúc thị giác thẩm nhập cùng bóng tối, mới lờ mờ nhận ra hai vệt sáng tràn qua khung cửa trải mong manh hai tấm tơ vắt giữa thinh không. Có lúc thấy chúng uốn éo như gió bạt. Đêm đâu đã sâu mà cò Răng tưởng như khuya khắt vô tận. Chắc tại mấy tách trà đậm vị khi nãy. Khó tin, không thể tin được, tại một nơi quê rích quê rang nầy lại có người phú quí như vậy. Nhìn qua dinh cơ, kiểu bày trí trong ngoài và cách đối xử với gia nhân, nhận ra địa chủ là người có học thức và óc thẩm mỹ. Thiệt ra, trước đó cò Răng đã nghe thiên hạ tán tụng cơ nghiệp của Lê đắc Phước rồi, nhưng không ngờ nó đồ sộ tới mức độ nầy, như một cẩm thành thu nhỏ vậy. Rồi ông nghĩ ngợi lan man tới giai cấp so le giữa giàu nghèo, tới những bất công không thể tránh, tới chánh sách đô hộ khắc nghiệt của dân tộc ông. Tương lai cái xứ An nam khốn nạn nầy, vì vậy, khó mà sáng sủa.

Chuỗi suy tư miên man ru ông cò thiếp mất dật dờ. Giấc ngủ mỏng, trắc trở hoang tưởng như cánh chim mới tập tành, chao đảo lượn sát những đỉnh núi sắc lẻm. Có lúc gần như bị dao núi chém lìa, chim vút tránh. Vực sâu bên dưới tối bưng vô tận, dựng lên lớp lớp vách đá. Khi đất cựa mình, chúng va vào nhau khua tiếng gió hú, từng chặp từng

chặp âm u... Ông cò Răng nẩy người, thức giấc còn nghe tiếng hú loang rộng. Lát sau tỉnh hẳn, mới biết nó có thật, không phải dư âm của giấc mộng ngắn. Ông lắng tai, cố nhận coi đó là tiếng người hay tiếng thú. Chốn hoang địa sông lạch chằng chịt như máng nhện nầy, thú nhiều hơn người, nhưng ông chưa từng nghe nói tới giống khỉ giả nhơn rú rống như người. Ông cò Răng còn phân vân thì âm thanh quái dị chợt ngưng bặt, vài giây sau là giọng rên ư ử, lúc to nhỏ lúc rõ mất như bị gió nuốt. Bấy giờ cò Răng mới rõ, đó đích thực tiếng người. Ai vậy? Cớ gì hú hống, rên xiết thê lương giữa khuya khoắt?

Ông cò Răng trở mình, day mặt ra hướng cửa, giựt thót một cái như bị kim chích. Sau tấm vải mùng trắng toát, dải tơ ánh sáng soi chập chờn bóng một đứa nhỏ đầu trọc đang thập thò lách qua khe cửa. Ông cò nín thở nằm yên, trừng mắt chọc thủng bóng tối, theo dõi từng cử động của kẻ gian. Ông không mang khẩu súng lục theo vô giường. Người ông chỉ vỏn vẹn cái quần xà lỏn. Còn hoang mang thì đứa nhỏ đã tới đứng cạnh giường lúc nào không hay, luồn cánh tay khẳng khiu vô loắt ngoắt. Cò Răng bấn loạn, chưa biết xử trí ra sao thì bàn tay ốm đã sục sạo bấu lấy ngón cái ông kéo tới. Ông hiểu ra, bật dậy, sờ soạng vớ cái áo thun ba lỗ tròng vội lên người, theo chưn đứa trẻ men ra ngoài. Thằng nhỏ trạc chừng sáu, bảy tuổi, bận quần cụt, ở trần gio be xườn, bước lúp xúp như chạy giữa hành lang lót gạch mấp mô. Một lát nó rẽ trái, nhảy xuống bậc cấp, băng ngang vườn sau, tới hàng rào chỗ thưa lá, thoắt cái nó đã tọt qua lỗ chó chui. Ông cò Răng phải thót bụng, rướn người tới lui mới chui lọt. Đứa nhỏ dừng chưn chờ, thấy người đàn ông thân xác chần vần, cục mịch như con trâu nước lê lết dưới đất, che miệng cười rúc rích. Giờ, ngũ quan ông cò mới nhận thức được ngoại cảnh. Tiếng người lại nổi lên ai oán, một giọng đàn ông khắc khoải điệu vọng cổ não lòng. Hơi ngân ư ử lên bổng xuống trầm như ma hờn đêm trăng mỏng.

Đi thêm quãng ngắn, thằng nhỏ dừng lại trước túp lều lợp lá, trỏ tay chỉ. Ông cò Răng chỉnh lại nhãn quang. Ánh trăng tái mét lòn qua song tre xiêu vẹo, soi lợt lạt dáng một con thú nằm co. Chớp mắt ngó kỹ, không phải thú mà người, gần như trần truồng gấp lưng trên ổ rơm. Nghe động, thây người chõi tay ngồi dậy. Cò Răng thấy rõ hai hố mắt hoạch ra chưng hửng. Rồi hai ống chưn còi cọc chòi đạp, tống người ra sau.

Cò Răng giơ tay, chắt lưỡi trấn tĩnh:

- Đừng sợ, đừng sợ, tôi không làm gì chú đâu!

Rồi bất động giây lát. Ông cò ngoảnh mắt tìm đứa nhỏ, chỉ thấy

bóng lá rập rờn, mộng du lang thang theo gió. Ông hơi mất bình tĩnh, nhưng cố dằn, hắng tiếng nhỏ nhẹ:

- Tôi là ông cò trên huyện về đây có chuyện phân xử. Chú em là ai, phạm tội gì mà bị giam cầm như thú vậy nè?

Thây người ấm ứ đôi ba tiếng vô nghĩa, hai đầu gối co lên che phần loã lồ. Khi ấy ông cò mới thấy cổ chưn người đàn ông bị cột bằng lòi tói quấn cột tre đóng vách hai bên. Đợi ông cò gặng hỏi thêm vài câu, gã kia mới ấp úng:

- Tui... tui... có làm gì đâu. Tui... vô tội.

- Ai bắt chú em nhốt vô đây?

Giọng người lắp bắp, dè dặt:

- Thì... ổng.. ổng chớ ai!

- Địa chủ Phước?

Không nghe trả lời. Chợt có tiếng đối đáp vẳng lại từ xa. Ông cò Răng lách vội vô bụi rậm, mọp xuống. Lát sau thấy ánh đuốc bập bùng dáng hai người y phục kiểu gia nhơn địa chủ Phước vừa đi vừa lê la chuyện vãn. Họ dừng trước cửa liều. Một người khom lưng mở khoá, người kia cao giọng:

- Ông chủ ra lệnh thả mầy đìa nhà. Có ông cò tây trên huyện xuống điều tra.

Tiếng người yếu ớt:

- Tui vô tội.

- Mầy có tội hay không, đợi xử mới biết. Tụi tao khuyên mầy chớ có trốn, ổng bắt được, có nước đem thui. Thôi, đi!

Thây người lách qua cửa, quíu chưn ngơ ngác giây lâu, rồi thất thểu lê bước. Chốc sau mất biến như bị bóng đêm nuốt trộng.

Một đứa gia nhân ỏỏhừmõõ tiếng nghe rõ:

- Ai kiêu, lụi ai không lụi nhè ngay cô Ba.

- Vậy mới sanh chiện.

- Sáng sớm nhớ dắt heo nhốt lại vô chuồng nghe mậy! Ông chủ dặn đừng cho mấy người ở huyện biết ổng bắt nhốt thằng Phát hổm rày.

- Được rồi. Có điều ở đây thằng con nít cũng biết cái chuyện động trời nầy.

Tiếng người xa dần theo ánh đuốc nhá nhem. Ông cò Răng nhổm lưng, thở ra nhẹ nhõm. Quần áo, tay chưn ông vấy đất lấm lem. Ông dò dẫm tìm lối trở lại, giữa đường sực thấy lạch nước lấp lánh bóng trăng, nẩy ý lần ra cầu ván, cởi y phục, vốc nước lau rửa sạch sẽ. Nhưng không giấu được dấu chưn dính bùn in trên sàn gạch.

Sáng ra, thầy thông Lợi chỉ mấy dấu chưn, hỏi trổng:

- Chưn ai lấm đất trây trét dơ hầy hổng biết?

Ông cò Răng làm tỉnh:

- Tôi đó thầy à! Khuya qua nóng nức chịu không thấu, tôi đi chưn không ra ngoài hóng mát một lát.

Chuyện ông cò giữa đêm sột soạt rời chỗ nằm, thầy thông Lợi có nghe mà không thấy, nhưng nghĩ bụng ông cò đi bài tiết, nên không thắc mắc gì. Tới khi thấy cái áo thun và cái quần xà lỏn máng ở chấn song cửa sổ, thầy mới ngờ ngợ, nhưng không hỏi.

Sau bữa lót lòng, địa chủ Phước cho vời hai người khách sang sảnh đường bàn việc. Địa chủ Phước ra thế chủ động:

- Ông cò và thầy thông biết đó, cái đơn kiện đứa nhẫn tâm giết con gái tôi là do tôi viết. Trong đó tôi có ghi rõ tên họ kẻ sát nhơn, Nguyễn văn Phát, là tá điền của tôi. Để tôi kêu gia nhơn dẫn độ nó tới đây cho ông cò hỏi cung, có được chăng?

Cò Răng mau mắn:

- Tôi muốn tự mình tới nhà đương sự để tra hỏi riêng, thủ tục hình sự là như vậy.

Địa chủ Phước mím môi, tia mắt long lên giây lát rồi dịu xuống, cười nhẹ:

- Được chớ.

Nói rồi ông đứng lên mời khách ra ngoài. Ông gọi đứa ở chạy kêu phu chèo sửa soạn ghe đầm. Nắng đầu ngày rưới lên huê viên sắc vàng mơn mởn làm màu lục của lá thêm tươi tắn, màu trắng màu gạch cua màu tím mấy cụm bông trang thêm hực hỡ. Giờ mới thấy rõ tính phong lưu huê rạng của gia chủ qua cách chơi cây kiểng. Giữa vườn là hồ sen hình bầu dục nuôi cá chép xiêm. Một ụ đất, thành xây xi-măm giát vỏ sò, trồng cây mai chiếu thuỷ lùn, lấm tấm bông trắng. Một hòn giả sơn xanh rêu dưới gốc mai, đủ bộ ngư tiều canh mộc và nước tuôn róc rách. Ông cò Răng thấy vui mắt, bước tới ngắm kỹ. Một đập đá ngăn một mé hồ làm chuyển vận cái bánh quay trút nước lòn lách khe động tí hon. Ông cò tấm tắc khen ngợi. Địa chủ Phước đẹp dạ cười ha hả, giải thích, cái nầy do tôi học được từ sách tây. Đoạn ông hươ tay chỉ giàn ống dẫn và thoát nước dựng ngoằn ngoèo mà bây giờ cò Răng mới hiểu công dụng. Lúc ông dợm chưn tới ngắm lồng nuôi chim yến thì chú Sầm tới mời hai người xuống ghe.

Hết sông cái, Sầm rẽ vô con lạch hẹp, bờ trụi lơ không cây che bóng mát. Chèo lơi một đỗi, ghe chúi mũi dừng bên bến cầu ván chông chênh. Vài đứa con nít ở đâu chạy ra bẳm mắt ngó. Sầm xăng xái cắm

sào, quát tiếng:

- Tụi bây vô nhà kêu người lớn ra đây, mau!

Đám trẻ xô đẩy nhau chạy mất. Sầm giúp ông cò và thầy thông lên cầu. Cò Răng giơ tay phủi vết bùn lấm quần, ngẩng mặt thấy một bà lão nhỏ loắt choắt, nhăn nheo như trái héo đứng ở đầu cầu, miệng nhai trầu bỏm bẻm. Bà đứng chưa tới ngực ông cò Răng. Lúc ông cò gật đầu chào, nắm tay xá xá kiểu người An nam, bà lão lùi lại vài bước e dè. Thầy thông Lợi trấn an:

- Ngoại đừng ngại, ông cò Răng đây nói được tiếng mình sành sõi. Nếu có gì không hiểu đặng, ngoại cứ hỏi, con sẽ cắt nghĩa cho ngoại nghe.

Bà lão phun xoẹt xốt trầu đỏ tươi ra đất, tay lun run chỉ cò Răng mà mắt ngó chăm bẳm thầy thông Lợi:

- Ổng dìa đây bắt thằng Phát chớ gì?

Câu hỏi bất ngờ làm thầy thông lúng túng:

- Dạ... dạ không hẳn đâu ngoại, hỏi cung trước rồi tính.

Bà lão nhíu hai mắt lem nhem, quăn quíu. Qua khe mắt nhíp chỉ, đôi nhãn quang đục lờ thoáng quét ngang bộ mặt người đàn ông cao lớn, lông lá tùm lum, giọng lun run:

- Mời mấy người vô nhà.

Nhà đây là chéo dất nện đắp cao, mái vách lợp lá. để trống hai vuông cửa sổ chấn song tre, bày một bộ ngựa ván mỏng, một trang thờ lạnh lẽo nhang đèn trong góc, một cái bàn và vài chiếc ghế đẩu chỏng chơ. Con gà mái lổ mổ tìm mồi dưới đất. Bà lão lẹ tay túm lấy, quăng ra cửa. Con vật oác tiếng thất thanh. Trẻ con độ chục đứa, trùi trụi lúc nhúc ở cửa, giành nhau chỗ đứng coi, cãi cọ ồn ào. Bà lão nạt tiếng mới im.

Toạ vị đâu đó, bà lão tới trước mặt ông cò Răng, nói không ngửng mặt, khoé mắt hoen nước:

- Tui đi nấu trà rồi kiêu nó ra đây cho mấy ông hỏi chiện. Có điều tui nói trước, nó hiền lành vô tội, chớ bắt nó oan uổng.

Cò Răng gật đầu:

- Được rồi, để tôi tính.

Chặp sau từ cửa hông, một người bước ra tới đứng đối diện ông cò và thầy thông, thõng tay chắp, không nói. Ông cò Răng niểng đầu ngó kỹ. Đúng là gã thanh niên ông thấy khuya qua. Có điều bây giờ ngó bộ gã không đến nỗi tiều tuỵ. Áo quần dài nâu bạc màu nhuộm, vá lỗ chỗ. Tóc túm ngược búi củ hành. Cổ ốm tong, yết hầu trồi sụt lộ vẻ xúc động.

Thầy thông Lợi mở cặp-táp lấy ra xấp giấy, cây viết chì và con dao chuốc đặt lên bàn. Ông cò Răng hắng tiếng:

- Tên gì?

- Nguyễn văn Phát.

Thầy thông nhắc chừng:

- Nhớ thưa, bẩm đàng hoàng, không được nói trổng.

- Mấy tuổi?

- Bẩm, hai mươi chín.

- Làm nghề chi?

- Thưa, tá điền cho địa chủ Phước.

- Gia cảnh?

- Dạ, độc thân.

Cò Răng day qua thầy thông, ra lệnh:

- Thầy đọc giùm bản cáo trạng.

Thầy thông Lợi dẹp giấy viết, rút hồ sơ đánh máy sẵn, đứng lên lớn giọng trịnh trọng:

- Chiếu theo đơn kiện của nguyên cáo Lê đắc Phước, nộp ngày hăm chín tháng bảy năm 1942, tố giác người mang tên Nguyễn văn Phát đã chính tay hạ sát con gái ông, Lê thị Cẩm Hồng, bằng dao đêm mười lăm tháng bảy năm 1942. Sát nhơn là chú rể, nạn nhơn là cô dâu. Án mạng xảy ra trong dạ tiệc tân hôn. Xin dứt lời.

Thầy thông Lợi khẽ gật đầu, đưa mắt nhìn cò Răng rồi ngồi xuống. Cò Răng ngó thẳng Nguyễn văn Phát, nghiêm giọng:

- Chú thuật lại đầu đuôi sự tình diễn tiến ra sao!

Người đàn ông lặng thinh một chặp như để lựa lời. Trong khoảng khắc rỗng rang ngắn ngủi ấy, cò Răng đảo mắt ra cửa, chỗ đám con nít đứng ngồi xếp lớp tò mò theo dõi nhứt cử nhứt động của ba người đàn ông. Tia nhìn bất chợt dừng trên một gương mặt chờ đợi căng thẳng với cái đầu cạo nhẵn thín. Cơ thịt gò má phải ông giựt nhẹ vài cái. Đúng rồi, nó, thằng nhỏ như ma hiện khuya qua dẫn ông ra chuồng heo nhốt can phạm.

- Bẩm ông cò, lúc đó tiệc cưới sắp tàn, khách về gần hết, còn lại vài người quá chén và đám bà con bên đàng gái từ xa tới dự ở lại qua đêm. Không biết cô Ba Hồng nghĩ sao chớ lòng tui không vui chút nào. Tiệc cưới gì lạ đời, nhà trên thết đãi đàng gái có bàn ghế, đầy tớ phục dịch đường hoàng, còn bên đàng trai là thân bằng quyến thuộc tui đây chỉ được phép tụ họp ở nhà sau, ngồi chiếu trải dưới đất. Tui tủi thân hết sức. Dạ, rồi cô Ba than mệt, khó chịu trong người, bỏ ra ngoài. Cổ vắng mặt khá lâu. Chờ thét, không thấy cổ trở lui, tui sốt ruột, đi tìm.

Ngoài huê viên, không thấy. Trong cầu tiêu xây bên ao cá tra cũng không luôn. Rốt cuộc tui vòng ra nhà mát ngoài vườn ổi. Gọi là nhà thiệt ra không phải, vì không có vách; mái cong lợp ngói bán nguyệt, cột chèo gỗ trắc, nền lót gạch, xây tam cấp, băng ghế sơn trắng. Đêm đó nhằm ngày lành tháng tốt, trăng sáng chạch, vì vậy từ xa tui đã nhận ra sắc áo cô Ba trắng lờ nhờ. Cô ngồi day lưng trên băng ghế, đầu tựa vô cột gỗ. Tui lẹ chưn tới gần thì... trời đất, ngực cô còn cắm con dao, máu tuôn sẫm lè lên lớp áo lục bạch, trây ra ghế, đọng bãi dưới nền gạch. Tròng mắt cô trợn trắng, miệng há hốc. Tui đâu biết ất giáp gì, sà lại lay vai cô, bật khóc vì sợ. Cô chết tươi từ lúc nào không ai hay. Tui vô ý để xác chết chúi vô người, trét máu lên tay tui, làm lấm lem ngực áo gấm thượng hải. Tui ngồi bần thần như vậy một lát mới đẩy cô ra, sửa lại thế ngồi cho được mắt, rồi ba chưn bốn cẳng chạy vô nhà báo tin cho mọi người. Địa chủ Phước không tin lời tui nói, đinh ninh cho bằng được tui là đứa đã đâm chết cô Ba. Ổng sai gia nhơn trói tay tui nhốt vô chuồng heo ngay đêm hôm đó. Bẩm ông cò, tui tình ngay lý gian, xin ông cứu xét giùm cho mẹ con tui nhờ.

Lúc ấy bà lão đứng thập thò sau lưng mấy người đàn ông vụt chạy ra trước, quì xuống lạy sùm sụp, miệng láp dáp:

- Dạ, oan, oan cho con tui lắm mấy ông, mấy thầy ơi Nó hiền như cục đất, cổ gà còn không dám cắt, nói chi tới chiện giết người. Oan, oan lắm mấy ông, mấy thầy ơi!

Cò Răng chồm người, đỡ bà lão đứng lên, an ủi:

- Chuyện đâu còn có đó. Đứa nào làm ơn dẫn bà già ra nhà sau cho quan toà dễ làm việc!

Bà lão đi rồi, cò Răng tiếp lời:

- Thú thiệt, tôi không hiểu đầu đuôi ngọn ngành gì ráo. Chú nói tôi nghe, tại sao chú là tá điền, nghèo rớt mồng tơi mà lại cưới được vợ là con gái địa chủ, phú hộ giàu nức tiếng vùng nầy?

Vẻ mặt Phát xửng lửng:

- Tới giờ tui cũng không biết tại sao ổng lại nhè tui mà bắt lấy cô Ba Hồng, nại cớ tui là đứa đã dan díu với cổ tới độ mang bầu... Thiệt tình, có cho vàng cũng không khi nào tui dám đèo bồng. Tui có bầu bạn rồi chớ phải mình ên! Bẩm ông cò, tui đoán nội vụ có ẩn tình chi đây, chớ không phải suôn đuột vậy đâu. Có điều tui biết ông chủ rất thương tui vì tánh tui mềm mỏng ngay thẳng, thêm cần cù chịu khó.

Cò Răng hỏi ngay:

- Bầu bạn của chú là ai, tên gì?

- Dạ, cổ cũng là con gái tá điền cho địa chủ Phước, tên Võ thị Dậu.

- Có mặt đó không?

- Dạ, có.

- Kêu chỉ ra đây cho tôi hỏi cung! Chú vô trong được rồi!

Thị Dậu vóc vạc nhỏ nhắn, bận áo bà ba trắng quần đen vải thô, đi chưn không. Nước da cô nâu quánh, khoẻ mạnh. Cô đứng khoanh tay như học trò lễ, mặt cúi gầm, giọng lí nhí:

- Dạ, quan toà cho gọi con.

- Chị tên là Võ thị Dậu, bao nhiêu tuổi, liên hệ ra sao với bị can Nguyễn văn Phát?

- Thưa, con không có giấy khai sanh, theo tên mà tính thì hai mươi bảy tuổi. Con với anh Phát là bạn tá điền với nhau.

- Có hứa hẹn gì chưa?

Cô gái bẽn lẽn:

- Dạ... dạ, cũng có.

- Hứa gì?

- Anh Phát hứa sang năm lựa ngày tốt cho người qua nói chiện đường hoàng.

Chợt, giọng cô chùng xuống đứt đoạn:

- Vậy mà... mà... khi không mắc tội tày trời nầy.

Cô gái ngước mặt, mắt đỏ hoe. Cò Răng chuyển đề tài:

- Cô biết gì về nạn nhơn Lê thị Cẩm Hồng?

Thị Dậu giơ tay áo chặm lệ, mắt ngó ra vuông cửa sổ mở toác. Nắng trổ bông lập loè lên nền đất sần sượng. Không gian xởi lởi vô tâm. Vẳng tiếng gà trưa sửng sốt.

- Thưa, con có gặp cô Ba vài lần lúc theo tía tới tư dinh địa chủ Phước để nộp lúa. Cổ có gương mặt thiệt đẹp, tướng tá yểu điệu, lịch sự kiểu người tân học. Vì vậy con đâu có tin chiện thiên hạ xầm xì... nầy nọ.

- Chuyện gì?

- Dạ, chiện cổ mỗi tuần được phu trạo chèo ghe chở tới nhà thầy Độ học chữ. Họ đồn cổ và thầy thương nhau.

- Nhà thầy giáo Độ ở đâu, xa đây không?

- Dạ, ngoài chợ, độ nửa buổi chèo.

- Phu trạo có phải là chú Sầm không?

- Dạ, đúng.

Cò Răng hít hơi sâu, ngán ngẩm nghĩ bụng, vụ án càng lúc càng tréo ngoe, rối nùi. Ông thở dài nghe tiếng, hỏi truy cô gái thêm vài câu chiếu lệ rồi cho lui ra sau, gọi người chạy kêu phu trạo.

Lát sau chú Sầm bước vô,chắp tay xá chào, giọng tự nhiên:

- Bẩm, ông cò cho đòi tui có chiện chi?

- Chú là cái gì Sầm, thân thế ra sao?

- Thưa, tui góc đàng Thổ lai Tàu, tên Tống Sầm, sống mình ên vậy thôi.

- Chú hành nghề phu trạo cho địa chủ Phước được bao lâu rồi?

- Dạ, đâu chừng bảy, tám năm nay. Hồi đó tui là dân thương hồ, vất vưởng rày đây mai đó. Cái năm tui bị cướp đánh láng te của cải, tui bèn xin địa chủ Phước làm phu chèo. Chiện chỉ có vậy.

Ông cò Răng gõ nhịp vô ý thức đầu viết lên mặt bàn, lỡ tay làm gẫy cái ruột chì vừa chuốc nhọn. Ông nhởn nha cầm con dao cau nhấn từng lát lên thanh gỗ. Viết hiệu *Con mèo đen* sản xuất tại Pháp, gỗ thiệt dẻo, chì thiệt mềm. Ngón tay cò Răng ô dề, cục mịch như trái chuối cau, vậy mà bào viết chì dịu nhiễu, ngọt xớt. Lưỡi dao gọt lát dăm bào, mỏng như giấy lụa, uốn hình trôn ốc. Mắt ông chăm chú theo từng nhấn dao, miệng thẩn thơ tiếp tục cuộc thẩm vấn:

- Chú là người chèo ghe chở nạn nhơn Lê thị Cẩm Hồng mỗi tuần ba bận tới nhà thầy giáo Độ học chữ, đúng không?

- Bẩm, đúng. Thứ hai, tư, sáu.

- Vậy chú biết gì, kể nghe chơi!

Hai mắt Sầm cắm cúi nãy giờ chợt ngấc lên. Một bên chưn mày máy động từng chặp. Không nghe trả lời, cò Răng ngước mặt. Nhỡn quang ông không biết có phải vì sắc xanh trong veo lạnh lẽo nên phát ra hai luồng thị lực dị thường làm chú Sầm không khỏi lúng túng, không biết khởi đầu câu chuyện từ đâu. Hồi ức chú rục rịch chuyển động.

Khí tiết nơi nầy khắc nghiệt khó lường. Mùa khô, nắng xói đất tróc mảng lở lói. Gió từ vịnh Xiêm-la thổi xốc từng cơn như lửa táp. Sang mùa mưa, biển rút nước không kịp, lũ lụt lênh láng. Không những cá tôm mà rắn rết đỉa muỗi cũng đầy đìa. Chỉ những lúc giao mùa là thổ ngơi tương đối điều hoà. Sầm nhớ lúc ấy đầu mùa mưa. Sáng, xong bữa lót lòng, Sầm chèo ghe chở tiểu thơ Ba Hồng ra chợ bỏ nhà thầy giáo Độ, chiều rước về. Giữa đường, có hôm trúng mưa, phải cắm sào lên bờ tìm chỗ đụt. Cơ ngơi điền chủ Phước minh mông thiên địa, cách đoạn ngắn ông cho xây một cái lều trống vách làm chỗ nghỉ chưn cho tá điền.

Tiểu thơ Ba Hồng tuổi thập lục, mỹ miều như tranh vẽ. Cô đi học thường bận áo bà ba màu lợt, vải mỏng thấy lờ mờ hai quai áo lót cấn vai, quần mỹ a chấm gót. Cô che dù bông, mang guốc trơn, tay cắp giỏ mây nhỏ xíu đựng giấy viết. Không như các tiểu thơ con nhà địa phú khác, cô Ba Hồng rất mực bình dân, tiếp xúc với gia nhân không câu nệ

đẳng cấp.

Còn thầy giáo Độ ư? Thầy già rồi, đã ngoài bốn mươi, nghe nói không phải người vùng nầy mà đâu ngoài Quảng di cư vô từ mấy thập niên trước. Ông giáo không vợ con, thi cử mấy lần đều rớt, đâm bất mãn với triều đình nhà Nguyễn, xấu hổ với bà con làng xóm, nên lìa quê vô Nam. Đó là lời bàng dân khảo chuyện nghe chơi, chớ sự thật ra sao, không ai biết. Sầm chạm mặt thầy giáo Độ đôi ba lần nhân mấy dịp cúng đình hay lễ chùa rằm tháng giêng. Thầy ốm nhom, lưng dài, mỏng như tấm ván, ưa đeo kiếng đen như người có bệnh mắt. Thầy nuôi đứa ở trai. Nghe nói nó là người bưng cơm dưng nước, mài mực và đấm lưng, cạo gió cho thầy những khi chứng phong thấp hành.

Ông cò Răng lắng nghe Sầm dông dài một đỗi rồi thở ra tiếng ngắn, tỏ vẻ chán chường vì những tiết lộ của Sầm về ông giáo Độ chẳng có gì độc đáo: già, bệnh, nho phong mực thước. Nói tóm, là một nhơn vật lạt lẽo, vô vị trong vụ án nầy. Cò Răng buông viết xuống bàn, vung tay:

- Bấy nhiêu đủ rồi, cho chú ra ngoài!

Sầm chắp tay khúm núm xá chào mấylượt, rồi vạch đám con nít đứng ngồi lô nhô nơi cửa chánh, bước một mạch không ngoái lại.

Cò Răng day qua thầy thông Lợi, hỏi nhỏ:

- Còn nhơn chứng nào nữa không?

Thầy thông duỗi thẳng lưng nghe cái rắc, lắc đầu:

- Bẩm, không.

Cò Răng đổi qua nói bằng Pháp ngữ:

- Bây giờ mình tính sao? Tôi thấy nội vụ mơ hồ, lỏng lẻo quá, không có điểm nào khả nghi làm mấu chốt cho mình phăng ra. Tôi đề nghị ngưng lấy cung, cứ theo luật bảo hộ mà thi hành, dẫn độ thủ phạm về giam trong trại tù tỉnh để điều tra. Thú thiệt, tôi chán rồi. Cái xứ gì mà lạ lùng, bí ẩn quá chừng.

Thầy thông Lợi trả lời nhát chừng:

- Phải kiên nhẫn, thưa ông. Người An nam chúng tôi có câu châm ngôn...

Chưa nói hết câu, chợt từ hướng cửa có đứa trẻ loắt choắt tách đám đông chạy tới đứng khoanh tay chờ. Cò Răng sửng mặt chưng hửng. Cái đầu trọc lốm đốm thẹo cha thẹo con, cặp mắt đen thui lanh lợi, cái miệng ngàm vịt chực xạo sự, trên người vỏn vẹn chiếc quần xà lỏn dơ hầy muốn tuột, giơ cái bụng mum múp núm rún lồi và cặp be sườn đếm được.

Thầy thông Lợi toan lên tiếng rầy rà thì cô Răng đã tủm tỉm, giọng dịu dàng:

- Hình như mình gặp nhau đâu đó một lần rồi?

Thằng nhỏ láu táu:

- Tối qua đó, ông tây, con dẫn ông chui lỗ chó ra chuồng heo nhốt chú Phát.

Rồi nó toét miệng cười nhe hàm răng chuột siết ăn gần sún. Cô Răng có linh tính rằng đứa nhỏ muốn bộc bạch điều gì, nên gợi chuyện:

- Ông tây nhớ chớ. Vậy con tên gì, tía má là ai, nói đi rồi được thưởng!

Thằng nhỏ cong môi:

- Con tên Lượm, tía má là Bảy Thôi, làm ruộng cho địa chủ Phước. Con ở nhà coi em cho tía má đi cày. Má con đẻ xòn xòn năm một, con ẵm em cực muốn chết.

Cô Răng vô đề:

- Tối qua con dắt ông tây ra chuồng heo chi vậy?

Thằng nhỏ trả lời không chút đắn đo:

- Tại con thấy tội nghiệp chú Phát, con biết chú vô tội mà.

Trống ngực cô Răng khua tiếng. Ông hỏi tới:

- Con biết gì nà?

Cái đầu trọc ngúc ngoắc vài cái. Nét mặt trẻ con đương phẳng phiu vô tư đột ngột co lại như thể cô hồn quá vãng nào vừa lặng lẽ nhập vô, nhởn nhơ kháo chuyện:

- Đêm đó trăng sáng trưng, nhà địa chủ Phước làm tiệc cưới cho cô Ba với chú Phát lớn lắm. Con trốn nhà, lòn lỗ chó chui vô coi. Chèn ơi, vui hết sức. Con ra sau bếp ăn chực mấy miếng, ngon quá chừng. Lúc dìa, con băng ngang vườn ổi. Mùi ổi chín thơm điếc mũi. Con liền leo lên hái trộm vài trái. Chợt con thấy bên dưới có cái bóng trắng chập chờn như ma. Con thất kinh, cứng người nằm im re. Bóng trắng tới gần nhà mát, con mới nhận ra là cô Ba Hồng. Chỗ cô ngồi gần xịt cây ổi con đương núp. Con run quá, sợ bị bắt gặp. Chặp sau con nghe tiếng loạt soạt, rồi thêm một bóng người từ đâu không biết hấp tấp tới gần cô Ba. Họ to nhỏ với nhau chiện chi, con không nghe lọt, chỉ thấy có lúc giống như họ dằng co nhau. Bóng đen chụp lấy bóng trắng. Vẳng lại tiếng ú ớ như người ngủ mớ. Con lạc mất hồn vía, người toát mồ hôi mà ớn run cầm cập. Rồi họ buông nhau. Bóng đen dừng chưn một lát dưới gốc ổi con đương trốn. Quỉ thần ơi, chú Sầm, đúng là chú chớ không ai khác. Chú ngó qua ngó lại một hồi rồi lủi đi mất dạng. Con nằm như vậy không biết bao lâu, định chờ cô Ba vô trong mới trèo xuống, mà

chờ hoài chờ huỷ cứ thấy cô ngồi miết một chỗ như bị trời trồng. Rốt cuộc con đành leo xuống, rón rén tới gần thì... ghê quá, cô Ba chết tươi từ đời nào rồi, ngực còn lún con dao, máu me tùm lum. Con xanh lè mặt mày, co giò chạy một mạch dìa tới nhà, chun vô mùng nằm run.

Mọi người lớn nhỏ đều nín thở theo dõi câu chuyện mắt thấy tai nghe của thằng Lượm. Thầy thông Lợi lia tay ghi lấy lời khai.

Kể một hơi, tới đó, thằng Lượm dứt lời, há miệng thở dốc như cá mắc lưới. Im lặng trùm khắp. Cò Răng gõ nhịp lên mặt bàn, gật gù:

- Ông tây có lời khen con, thuật chuyện ngọn ngành liền lạc giỏi lắm. Ông tây sẽ có phần thưởng cho con.

Đoạn ông hất mặt ra hướng cửa, lớn giọng:

- Có đứa nào chạy kêu chú Sầm vô đây!

Đám đông như được đánh thức, mấy đứa nhỏ níu kéo, giành nhau đi. Lát sau một đứa trở lại, vừa thở vừa báo:

- Ông tây, ông tây, chú Sầm trốn đâu mất tiêu rồi!

Mọi người ngó nhau, bàn tán. Cò Răng khoa tay, tỉnh rụi:

- Ai đó kiếm người nào chèo ghe đưa chúng tôi về!

Sau khi lo toan xong xuôi mọi sự, cò Răng và thầy thông Lợi kiếu từ địa chủ Phước trở lại huyện. Ghe khẳm lườn vì chở nhiều quà cáp, phải cần tới hai đứa chèo. Khởi hành từ gà gáy, tới trưa nước ròng, trời đổ lửa chang chang, ghe dừng lại nghỉ trưa chổ ngàm đất rậm rì bóng lá. Cũng như bận đi, ăn trưa qua loa xong, mọi người tìm chỗ chợp mắt. Vừa thiu thiu, cò Răng bỗng nghe tiếng đối đáp càng lúc càng lớn. Ông đứng phắt người dậy, rút súng, bước qua chỗ hai đứa chèo, không khỏi giựt mình khi thấy Sầm đang vùng vằng điều gì như phân trần. Theo phản xạ, ông chĩa súng về hướng Sầm, hô lớn:

- Giơ tay lên, không tao bắn!

Sầm luống cuống làm theo lời, nói mau:

- Tui tới để nạp mình, đừng bắn!

Cò Răng hất mặt:

- Hai đứa chèo soát người nó coi có khí giới chi không!

Phu chèo mau mắn thi hành. Không thấy gì. Cò Răng xuôi tay, giắt súng vô thắp lưng, điềm giọng:

- Được rồi, chú thả tay xuống, qua chỗ tôi, mình nói chuyện.

Sầm lẳng lặng theo chưn cò Răng tới ngồi dưới tàn cây xoè bóng mát. Thầy thông Lợi đứng lóng ngóng nãy giờ, mặt lấm lét. Cò Răng day qua thằng thông, phất tay:

- Thầy lấy giấy viết ra chép lời khai. Còn chú, nếu khai thiệt toà sẽ

có luật khoan hồng, còn như có ý gian, ở tù rục xương.

Sầm chỉ gật đầu, gầm mặt. Râu mấy ngày không cạo, mọc lún phún quai hàm làm khuôn mặt đượm nét rừng rú. Chú ngồi xếp bằng, tréo chưn, lưng thẳng như phản gỗ. Không biết vì thiếu ăn tmất ngủ hay vì hoang mang lo nghĩ mà thần sắc chú hốc hác như nhuốm bệnh.

Thầy thông Lợi vuốt thẳng thớm xấp giấy trên cặp da kê đùi, ngấy ngọn viết chì, ngước mặt ngó chú Sầm. Gã đàn ông hít hơi sâu rồi thở ra nghe tiếng, mở mắt mông lung nhìn đâu đâu. Đốm nắng hắt gió chập chờn. Những mảnh vụn lắt lay ảnh sắc tựa ngàn miếng sành bén ngót rạch vết đắm đuối lên trí nhớ. Từng rãnh, từng rãnh thịt da tươi rói, ròng ròng cảm xúc tuôn theo giọng kể của người đàn ông. Những buổi đưa rước tiểu thơ Ba Hồng tới học nhà thầy giáo Độ. Chiều hôm ấy nhằm tiết tháng bảy, mưa dầm.

Giữa quãng chèo, trời nổi cơn vân vũ. Gió bốn bề ào ào quất rạp ruộng lau sậy ven sông. Sóng xô lao chao chiếc tam bản. Cô Ba Hồng ngẩng mặt lo âu nhìn trời, giương dù bông phòng hờ. Chú Sầm cong lưng tăng nhịp đầm. Một lằn chớp sáng giới ngoằn ngoèo ngang lưng mây xám xịt, tiếp theo là tiếng thịnh nộ đinh tai kèm theo tiếng rú thất thanh của cô gái. Cô xuôi tay. Chiếc dù bông gió quắp phăng phăng lên mặt nước gợn sóng, tắp vô bụi, run rẩy. Màu dù vàng bông mướp một thoáng loé lên trong cơn u ám như lời cảnh giác trước cử chỉ đất trời sàm sỡ. Sầm bối rối, chưa biết phản ứng ra sao thì mưa sập. Cô Ba Hồng thét lên:

- Chú Sầm ơi, ướt em!

Sầm vội vã bẻ lái ngoặt vô, hấp tấp tới xốc nách người con gái, trèo lên bờ, chạy miết tới lều lá. Mưa xối mờ mịt. Sấm sét choáng váng. Sầm phịch người xuống nền đất lót rơm, thở dốc. Vòng tay cô Ba Hồng khoá chặt gáy Sầm, đầu dúi sát ngực, hai mắt nhắm nghiền. Sầm ngó xuống. Mưa gội ướt tóc cô Ba dính lọn loà xoà lên mặt, quanh cổ. Mưa đẫm áo, dán sát da trắng, hằn rõ manh áo lót, phập phồng hai gò ngực chanh non. Lửa dục Sầm không khỏi giao động, nhưng cố cưỡng, buông tay đặt đứa con gái xuống. Vừa lúc sét loé. Vòng ôm cô gái vừa nới, lại siết chặt lưng Sầm, miệng láp dáp:

- Em sợ, Sầm ơi! Lạnh, Sầm ơi!

Sầm vươn vai lực lưỡng che lấy thân thể cô gái, gượng nhẹ, cách khoảng. Nhưng đứa con gái đã rướn lưng, lần những ngón tay lên vai Sầm, ghì xuống. Giọt mưa đọng tóc Sầm nhỏ giọt thơi thả xuống lòng mặt thiếu nữ loè nhoè cảm xúc. Gã đàn ông thả người trôi theo thịt da

tan tác, đắp thể xác gai góc ẩm ướt lên đứa con gái; môi cắm cúi, sục sạo.

Mưa cần chưn hai người trong túp lều trống vách trọn chiều hôm đó. Khi mưa tạnh, xuống ghe về nhà thì trời đã tối bưng. Không ai nói gì. Mỗi người mỗi âu lo riêng.

Kể từ chiều mưa giao ngộ trong lều lá, những lần Sầm đưa rước cô Ba Hồng là những lần hai người lén lút gặp gỡ. Khi trong đầm dừa nước, lúc trong ngôi miếu hoang mái xiêu ngoài đồng vắng. Một hôm cô gái cho biết mất kinh. Sầm hoảng hốt, trong khi cô Ba dửng dưng mặt lạnh như người bị ma nhập, lạc mất hồn phách. Lát sau cô buông giọng, không chút xúc động:

- Em với Sầm không thể tiếp tục như vậy nữa.

Sầm sững sờ, nắm tay người con gái lay nhẹ, lúng búng:

- Cô Ba, sao vậy? Không còn cách nào khác sao?

- Còn chớ, nhưng Sầm phải hiểu, giữa em với Sầm chỉ có thể bao nhiêu đó.

Gã đàn ông nhíu mày, không thốt ra lời, gầm mặt thẫn thờ. Hai bàn tay chai sần, thô tháp cong ngón trên bắp đùi cộm gân, da đóng phèn trổ đốm mốc cời. Không như da tay da chưn da ngực cô Ba Hồng, trắng như bông bưởi, mềm như nhung lụa, thơm như son phấn. Tất cả lại có thể vuột mất dễ dàng, mau lẹ như vậy sao? Sầm không hiểu, cũng không muốn tìm hiểu lý do tại sao.

Cả ngày hôm đó cô Ba Hồng không cho Sầm chạm tới người, cũng không ỏởừ, hửõõ đáp lời, không dịu dàng hỏi han chuyện gần xa, mây nước như mọi khi. Cô Ba làm mặt chầm vầm, ngồi xoay lưng như tượng. Cây dù vàng chiều mưa dông gió bẻ gẫy nan được thay bằng cây dù đàn ông vải đen, bạc trắng những đường gấp. Đêm đó và những đêm sau Sầm mất ngủ, đôi khi rớm lệ nhớ lại giấy phút bên nhau. Những sợi rơm mắc trên tóc. Hai chỉ mắt khép đê mê. Đôi gò má điểm tàn nhang ửng hồng. Khoé môi hé hàm răng ngọc trắng. Ngấn cổ rịn mồ hôi nấc tiếng mê sảng nghe như khuyến khích, thúc hối. Sầm cặm cụi xoi xói, tưởng như mình là con chim thầy bói đang chăm chú rình mồi. Luồng mắt sáng quắt xuyên thủng mặt nước rập rờn sâu hút bên dưới. Những cử động lấp nhấp, lúc nựng niu lúc dồn dập gom thành ngọn sóng lớn. Chim thầy bói gấp cánh đâm xuống. Âm thanh ngộp ngụa nuốt trửng, vùng vẫy, chống chỏi. Chim quắp lấy con mồi, vút lên, cánh toé nước lã chã. Cảm xúc tuênh huênh, trống hoác như tháo sạch chất nặng vướng mắc của dục vọng. Sầm phủ người, rà môi lên mặt đứa con gái ngâng ngấc hứng lấy.

Vậy mà, không thể tưởng tượng nổi, mọi chuyện lại có thể đứt lìa đành đoạn, nhẫn tâm như vậy. Sầm cứ tưởng lời cô Ba Hồng thều thào trong cơn tình tự ỏẻm thương Sầmõõ là thực lòng. Chú càng rối trí khi chỉ vài tuần sau nghe tin phong phanh tiểu thơ Ba Hồng sẽ xe tơ kết tóc với tá điền Nguyễn văn Phát.

Người nầy Sầm biết, tuy con nhà ruộng nhưng diện mạo được mắt, lại chăm chỉ chịu khó, đêm đêm chong đèn tự học chữ quốc ngữ. Phát được mọi người thương mến, đặc biệt là địa chủ Phước. Vì Phát biết đọc viết và tính toán cộng trừ nên còn giữ thêm nhiệm vụ làm sổ sách mỗi mùa thu hoạch. Điền thổ địa chủ Phước càng lúc càng lớn rộng. Khi ông mua được phân bón hoá học của người Pháp, huê lợi tăng gấp đôi gấp ba. Phát làm ruộng ít đi, lui tới cơ dinh địa chủ Phước để lo chuyện giấy tờ giao dịch thường xuyên hơn.

Vài hôm trước tối tân hôn, Sầm được lệnh chèo ghe chở tiểu thơ Ba Hồng ra chợ sắm sang đôi ba chuyện. Sầm xin được gặp cô Ba lần cuối ngoài vườn ổi. Cô gái thoạt đầu cương quyết không thuận, cho tới lúc Sầm bóng gió doạ dẫm, cô đành chấp nhận.

Bóng nguyệt đêm hẹn sáng leo lẻo khiến Sầm bồn chồn e ngại. Để dằn áp âu lo, chú cạn rượu không đắn đo trong bàn tiệc nhà dưới dành cho gia nhơn. Tiệc gần tàn, chú lẻn ra ngoài, rạp người tìm tới chỗ hẹn. Đã thấy cô dâu ngồi đợi, áo đẫm màu trăng sáng trưng. Sầm mò mẫm nắm tay, cô rút xoắt về. ởi rượu thốc lên choáng váng lúc Sầm kề mặt rạo rực, cô hất đầu tránh.

- Thôi mà, tôi nói rồi, không được...

Giọng cô Ba thì thầm, gắt gỏng. Sầm ấp úng:

- Cô Ba... tui thương... thương cô thiệt tình.

Cô Ba thở hắt, bực dọc:

- Tôi biết, nhưng chú làm ơn hiểu giùm hoàn cảnh của tôi với chú, không thể được.

Sầm xuôi xị:

- Còn đứa con?

Thiếu nữ gằn tiếng:

- Tôi cấm chú, không được nói với ai. Cấm, nghe rõ chưa?

Gã đàn ông gục mặt xuống vai người con gái. Hơi hướm những lần hoan lạc vụng trộm bốc ngây ngất, lẫn chút uất nghẹn. Phiến vai Sầm khẽ nấc, giọng ướt sũng:

- Sao cô lấy thằng Phát? Nó hơn gì tôi?

Cô Ba gắt gỏng:

- Chú không được phép kêu chồng tôi là thằng nầy, thằng nọ. Hỗn

xược!

Sầm ngước mặt, nước mắt đầm đìa, run rẩy lặp lại:

- Cớ gì cô ưng bụng lấy Phát, nói tôi nghe?

Lời cô Ba như từng nhát dao đành đoạn:

- Dẫu gì ảnh cũng là người biết đọc biết viết, còn chú chữ cái cũng không biết. Hơn nữa tôi thấy ảnh là người dễ thương. Lúc tôi thú thiệt với tía má chuyện tôi mang thai, tôi khai kẻ đó là anh Phát chớ không phải chú. Chú nghe rõ chưa, không phải chú.

Thính giác Sầm lùng bùng như ngấm nước. Người chú run bật:

- Vậy sao? Nó là con... con tui mà...

- Coi như tôi chửa hoang,.Một lần nữa tôi cấm chú, không được tiết lộ. Tôi mà nói với tía chú cưỡng hiếp tôi là tù mãn kiếp.

Sầm thót bụng, khom lưng xoắn lấy đứa con gái. Cánh tay vạm vỡ vươn ra, chỉ một cái đẩy, cô gái ngả ngửa ra băng ghế. Kiềng cổ va vô thanh gỗ, bật tiếng khô khốc. Miệng cô Ba Hồng chợp há đã bị bàn tay chai sần vồ lấy, siết cứng. Tròng mắt cô trợn ngược, tay chưn đập chõi. Mặt Sầm bừng bừng nộ khí. Mồ hôi rịn giọt khắp lỡ chưn lông. Con dao thọc huyết heo ban sáng còn đeo bên hông, lem luốt máu khô. Sầm rút xoạc, cắm lún ngực áo trắng tươi. Liên tục. Ngấn cổ thiếu nữ hức lên từng cơn. Con heo sữa sáng nầy cũng hức lên như vậy. Máu phún vòi đầy thau. Cứ mỗi lần dao cắm, Sầm thốc mạnh đáy lưng. Thoảng lại giọng người trong trẻo trong thính giác Sầm *Sầm ơi, em thương... thương Sầm...*. Rồi khắc khoải chìm dần.

Lúc Sầm lỏng tay, hai mắt cô gái đã lộn tròng, trắng dã. Sầm khiếp đảm, buông xác chết, đờ đẫn chạy ra vườn ổi, quay nhìn dáo dác. Khuôn mặt chan hoà mồ hôi lẫn nước mắt ngẩng lên vầng nguyệt sáng rỡ. Sầm giơ tay hoen máu vuốt má. Gợn mây xám ngậm lấy khung trăng, không muốn nhả. Hương ổi chín rạo rực, ngây ngất.

Người đàn ông nghẹn giọng:

- Thiệt tình... tui... không.. không muốn.. không nỡ... mhưng ma dẫn lối quỉ đưa đường sao đó. Tui xin chịu tội.

Sần dứt lời, nức lên, mặt mày xuất hạn dầm dề, tròng mắt đỏ ngầu hoen lệ. Phản lưng Sầm gục xuống như cành cây thiếu nước, hai bả vai nhấp nhô. Thầy thông Lợi ngưng tay chép, duỗi lóng lắc rắc. Cò Răng cong tay xoa cằm, đăm chiêu phóng mắt nhìn ra hướng sông nước, ruộng đồng chan hoà sắc nắng. Cái đất đai nhiệt đới man dã nầy, cái giống nòi An nam nhược tiểu nầy, không hiểu sao lắm chuyện chìm nổi bảy ba. Hết lụt lội tháng mưa tới nội loạn Việt minh, đàng Thổ; thêm

cái ách bảo hộ của người Pháp, dân tộc ông. Ngẫm cho ra lẽ, thủ phạm trong vụ án mạng nầy đáng thương hơn đáng trách. Từ Sầm cho tới Phát, lẫn cô Ba Hồng, tất cả đều là nạn nhơn của giai cấp địa chủ, tá điền và thái độ trịch thượng, dung túng của thực dân Pháp.

Ông cò Răng đứng lên, chắp tay sau lưng, lững thững ra chỗ nắng, nheo mắt ngó lòng sông thuỷ triều dâng chậm. Không ai nói gì. Chú Sầm và thầy thông Lợi hướng mặt ngó theo. Cò Răng chạnh nghĩ tới người vợ bản địa hiền lành, giỏi giắn và hai đứa con lai khôn lanh, kháu khỉnh. Nhứt định tiền kiếp ông là người An nam, nên kiếp nầy ông mới gắn bó với đất người nơi đây dữ thần vậy! Cò Răng nghĩ bụng rồi khẽ lắc đầu, xoay lưng trở lại, từ tốn:

- Tôi tin lời chú. Thôi như vầy, coi như không ai biết chuyện chú xuất đầu lộ diện. Tôi thả chú về quê làm ăn. Tôi không biết, không nghe, không thấy gì hết. Thầy thông làm ơn bật lửa đốt mấy tờ biên bản giùm tôi.

Chú Sầm không tin ở tai mình, lọng cọng đứng lên, thẳng người khum tay xá tạ ơn ông cò. Thầy thông dùng dằng giây lâu rồi moi túi lấy quẹt máy xẹt lửa. Xấp giấy bén lấy, phựt lên. Lửa nuốt vội những dòng chữ như đói khát lâu ngày. Gió phất tàn tro tản mác vô không gian lầm lì, bất động.

(21.04.02)

VÕ ĐÌNH
huyệt tuyết
10 truyện - 10 chuyện
Giá 12MK
VĂN NGHỆ

Ba miền

Nam Dao

Kịch bản này, bước đầu tác giả dự định là một hài kịch mua vui chọc cười. Không ngờ, khi đưa cho một số người đọc, có những phản ứng chẳng tiên liệu được. Thứ nhất, có kẻ lại khóc. Tác giả coi như mình thất bại và chỉ xin, thì thôi, cười trước khóc sau vậy (tốt hơn cả, là khóc khi màn đã hạ, và cười một khi rời sân khấu ra đối mặt với cuộc đời có thực vốn đã cam go). Thứ nhì, có kẻ bảo, kịch bản này mang tính ẩn dụ, nặng phê phán xã hội và như thế có phần chính trị. Trung Nam Bắc ba miền vốn là vấn đề, và có thể còn mãi là vấn đề dân tộc. Tác giả lại thêm một lần coi như mình thất bại. Xin thưa, không đâu, kịch bản này nhắm tính hài. Người đọc bảo chính trị tự nó có tính hài. Tác giả hỏi ngược, thế thì làm sao lại có người khóc ?

Không, một trăm lần không, *Ba Miền* chẳng đôi co ẩn dụ chi hết. Viết tặng Mẹ, Chị và Em sinh cùng giờ với tai ương trên mọi ngả đường, *Ba Miền* riêng gửi Miêng, người nhắn đòi một vai cho phụ nữ xứ Quảng trong bộ môn kịch bản xưa nay cứ đòi hỏi phát âm kiểu Bắc cho chuẩn.

Kịch Ba Miền có ba *nhân vật* nữ, ba mảng đời. Họ tình cờ gặp nhau trong ba màn, từ lúc Trời Chiều, đến Nửa Đêm, để rồi chia tay khi Về Sáng. Họ đều ở cái tuổi ta gọi họ là thiếu phụ. Bởi họ là những nhân vật có thật, nên để tránh ngộ nhận như kiểu các nhà văn thêm thắt làm duyên, tác giả không dám đặt tên cho nhân vật, chỉ gọi họ là thiếu phụ B, T và N, B là chữ Bắc viết tắt, T là Trung và N là Nam, sinh quán của ba nhân vật.

Cảnh cho vở kịch : bến xe đò. Phần này, đơn giản tối đa. Không cần xe cộ gì, mà chỉ dựng một mái tôn che mưa nắng, cho thêm 1 hay 2 cái ghế đẩu thì thế là sang lắm rồi.

Ánh sáng : cần 1 đèn rọi (khi tạo chú ý đến 1 nhân vật đặc biệt).

Âm thanh : chủ yếu là tiếng xe, tiếng chửi lộn, tiếng chân chạy. Thỉnh thoảng có tiếng nhạc nhẹ, buồn bã, mơ hồ.

Tóm lại, tác giả giản lược đến độ hy vọng vở kịch này sẽ được dựng trên sân khấu. Chỉ nhắc vị đạo diễn tương lai kia rằng hài là để cười, và nhiều khi giễu dở cũng là một cách hài. Nhưng chớ thành hề, thế thôi.

Màn 1

Trời chiều

Bến xe (Đà Nẵng chẳng hạn). Trời chiều, không gian đang chuyển sang màu huyết dụ. Tiếng mô tơ xe rần rần, tiếng người, tiếng chửi, tiếng nhốn nháo. Ba thiếu phụ ngơ ngác đứng dưới mái tôn, nói với nhau nhưng bị tiếng động át đi, nghe tiếng còn tiếng mất.

Thiếu phụ B : ...là một ...Núi có...dời, nhưng...không đời nào thay đổi được !

Thiếu phụ T : Nói chi...(*ghé tai vào gần Thiếu phụ B*) tui chưa nghe đặng...hè...

Thiếu phụ N : Chỉ biểu (*miệng gào lớn trong tiếng động, tay giơ lên*)...xe đò trễ là chuyện không thay đổi được ! Mấy chị coi giùm hành lý, để em đi hỏi coi...(*tất tả bước ra*)

Thiếu phụ B nhìn theo, tay bỏ chiếc va li xuống, mắt ngóng. Thiếu phụ T, miệng lầu bầu, mặt lạnh lùng, ngước nhìn trời. Tiếng động nhỏ dần, nhạc nổi lên (saxo chơi bài Biển Nhớ của Trịnh Công Sơn chẳng hạn), rất nhẹ, tạo cảm giác chia tay...Lát sau,

Thiếu phụ B: (*lẩm bẩm*) Súi quẩy thật! Đúng là ra ngõ gặp gái..(*nhìn*

đồng hồ, chép miệng) Chờ cả tiếng đồng hồ rồi chứ ít à ! (*quay về phía Thiếu phụ T , hỏi*) Chị cũng vào Thành Phố ?

Thiếu phụ T (*gật*)

Thiếu phụ B: Chuyến xe sau vào độ mấy giờ hả chị ?

Thiếu phụ T: Chuyến ni là chuyến chót !

Thiếu phụ B: (*thở dài, ngồi xệp xuống, bật miệng rên nho nhỏ*) Giời ơi là giời ...

Thiếu phụ T: (*nhìn Thiếu phụ B , bực bội*) Càng kêu trời càng cực! Kêu là lỡ luôn đó...

Thiếu phụ B: Chẳng kêu giời thì kêu ai hở chị ! Mà sao lại lỡ luôn cơ chứ ?

Thiếu phụ T: (*lạnh lùng, giọng sắt lại*) Ông Trời ổng zậy. Lúc cần, ổng ngó lơ...Kinh nghiệm dân gian đấy (*cười nhạt, quay sang hỏi*) Chị đi mô sao lỡ xe chỗ ni hè ? (*Ngắm Thiếu phụ B, tiếp*) ...Người Hà Nội hỉ?

Thiếu phụ B: Dạ không, em quê Vĩnh Phú...Trên đường vào Thành Phố, em ghé thăm người nhà ở Đà Nẵng...Còn chị ? Chắc chị người ở đây ?

Thiếu phụ T: (*cộc lốc*) ...không ! Tui đi xe ôm từ Cửa Đại vô . Vĩnh Phú ở đâu hỉ ?

Thiếu phụ B: Dạ, cách Hà Nội khoảng trên dưới trăm cây...(*Tiếng xe lại rần rần*) Mà chị ơi, *ngó lơ* là làm sao, chị ?

Thiếu phụ T: (*lại cười nhạt*)...là nhìn sang chỗ khác, là không làm chi hết. (*giọng cáu bẳn*). Có ai kêu trời mà được chi mô !

Thiếu phụ B: (*thở dài*)...nhưng mà em phải đi !

Thiếu phụ T: (*nhìn Thiếu phụ B , tò mò*) Lỡ xe là lỡ hẹn, không trả

tiền thì lỡ hàng lỡ họ hỉ ?

Thiếu phụ B: ...Không ! Em có buôn bán gì đâu ! Còn chị ?

Thiếu phụ T đáp, nhưng tiếng xe lại rần rần át đi. Lát sau, Thiếu phụ B lên tiếng.

Thiếu phụ B: Chị buôn gì hở chị ?

Thiếu phụ T: (*giọng khó chịu*) Tò mò hỉ!

Thiếu phụ B: (*lí nhí*) Ấy chết, em tọc mạch thật, xin lỗi chị...

Thiếu phụ T: (*lẩm bẩm*) Có chi mô mà lỗi với lầm! Tui í à (*nói như nói một mình*), tui đi mua một giấc mơ không có giá...(*cười nhạt, quay sang Thiếu phụ B, giọng bớt căng*) Vậy không đi buôn thì vô Thành Phố làm chi cà ?

Thiếu phụ B: (*lí nhí, quay mặt*)...có chút việc, chị ạ ! (*vai rung lên, mũi sụt sịt, khóc*)

Thiếu phụ T: (*ngồi xuống cạnh Thiếu phụ B , im lặng. Lát sau, nhẹ nhàng*) Chuyện buồn hỉ? (*nhìn Thiếu phụ B, an ủi*) ...Chuyện gì rồi cũng qua, khóc chi cho mệt ! (*lẩm bẩm*) Tui khóc từ khi tám tuổi, khóc liền ba mươi năm thì hết nước mắt...

Thình lình Thiếu phụ N xuất hiện, bươn bả đi vào, lớn tiếng.

Thiếu phụ N: Hỏi mấy chả, hổng ai hay vì sao xe không tới. Mấy chả kêu, chút xíu, đợi chút xíu đi. Cha lơ xe xởn lởn, cái mặt dễ ghét, hỏi đi Sè Gòong hỉ ? Ngồi uống miếng nước nghen...(*nhái giọng Quảng*)...Đi mô vậy cà ? Chèng đất, đi mô ? Hỏi xe zô Thành Phố mà còn hỏi (*lại nhái, kéo dài ra*) đi mô...

Thiếu phụ T: (*lầu bầu*)...chửi cha không bằng nhái tiếng đó. Coi chừng ! Bến xe là chỗ mấy chợ giang hồ. Tháng trước nghe đâu có đứa gái mười ba tuổi bị hiếp tới chết, xác quẳng xuống sông Hàn đó...Khi xác lềnh bềnh nổi lên, công an kêu tìm thấy trong túi nạn nhân một cái vé xe đò, có đăng báo đàng hoàng ...

Thiếu phụ N: Chu choa ơi! Nghe phát ớn lạnh. (*Nhìn về phía Thiếu phụ B , lưng quay ra sân khấu, tay ôm đầu*) Mà ủa, sao zậy chị ? (*Bước lại, tay lay vai*) Nè, chị nè…

Thiếu phụ B: (*ngửng lên, ngập ngừng*) Bụi bến xe vào mắt, cay cay là…

Thiếu phụ T: (*khoác tay*) Khóc thì khóc chớ có sao mà chối hè ! Ai khóc được cứ khóc. Khóc cho sạch bụi! *(hạ giọng)* Không khóc đặng thì bụi đầy tròng, cực mà phải chịu…Cực nhưng được tiếng kiên cường (*cười nhạt rồi đứng dậy*).

Thiếu phụ N: (*ngồi sụp xuống cạnh Thiếu phụ B, cao giọng*) Em đó hai chị, gặp chuyện là em vừa khóc vừa chưởi, mà nè, chưởi đã hơn khóc nghe…Bà già em biểu, chưởi được khóc được là tốt nhứt đó. Bà biểu, chưởi xong khóc xong là xong, hổng có để trong bụng, nhẹ mình!

Thiếu phụ B: (*ngượng ngập*) Bụi đấy chứ, em có khóc đâu mà khóc! (*Sụt sịt, thở dài rồi lẩm bẩm*) …còn chửi thì chửi ai bây giờ, hả giời ….

Thiếu phụ T: Lại giời…Trời chứ không phải giời!

Thiếu phụ N: Thì cũng zậy, (*nhái giọng Trung*) cũng rứa…(*nhái giọng Bắc*) Nhà em người Hà Nội đấy nhé…Ảnh biểu, tiếng vùng nào cũng không chuẩn. Ông Trời thì thành ông Giời, ông Trăng hóa ra ông Giăng. Đi vô, thành đi zô. Đi ra, lại nói đi za…(*cười, vui vẻ*) Hồi mới gặp, ảnh biểu (*nhái giọng Bắc*) tôi chẳng phải là loài giăng cuội đâu! Em kêu, nói cái chi zậy. Ảnh giải thích, em cũng không hiểu luôn…

Thiếu phụ B: …thì chú cuội nói dối bị đầy lên mặt Giăng đấy!

Thiếu phụ T:…mặt Trăng. Chú cuội ngồi gốc cây đa..

Thiếu phụ B: (*chêm*) …để trâu ăn lúa gọi cha ời ời!

Thiếu phụ N: Hay heng. Miệt em, kêu là đồ xạo. Em …thiệt dở! Ảnh biểu (*nhái giọng Bắc*) , em phải bổ túc văn hóa nhé! (*Cười*) Em mà

bổ túc văn hóa thì cha con nó không có cái mà ăn!

Thiếu phụ T: (*xách mé*) Vậy thì đi mô kiếm ăn rồi mới tới đây?

Thiếu phụ N: (*hồn nhiên, hát*) Đi mô rồi cũng nhớ về Hà Tịnh... Nhớ chớ không phải nhớ nghen....Em mới bên Viên-Chan zìa !

Thiếu phụ B: Việt Kiều hả?

Thiếu phụ N: (*trề môi*) Xí...đâu được zậy. Tụi em bắt mánh với mấy bà người Lèo gốc Việt mình làm ăn đó chị. Em giao hàng xong, về trước, để mấy người bạn ở lại mua hàng Thái chở lậu qua. Trúng thì một vốn bốn lời, chia cho công an biên phòng, còn ba...(*Bất chợt thở dài sườn sượt*) Con nhỏ nhà em đau, ông xã đánh điện gọi, em nóng lòng quá phải zìa liền...(*Ngưng một lát*) Thiệt khổ, bữa em đi, nó nóng có chút xíu hà...

Thiếu phụ T: (*chặc lưỡi*) Có thày có thuốc, lo chi...

Thiếu phụ B: Số mạng cả, lo cũng chẳng được!

Thiếu phụ N: (*đứng phắt lên*) Thì em cũng biết, nhưng (*nhái giọng Bắc*) nhà em đoảng lắm cơ ! Đã đoảng, lại sĩ! (*Thở ra*) Lúc phải lo, không lo. Lúc chẳng đáng lo, lại lo. Mà đụng tới là giảng giải, phân tích bắt nhức óc, lúc nào cũng (*nhái giọng Bắc*) hợp tình hợp lý. Hứ ! tình lý cái khỉ mốc, nói thì giỏi mà đụng tới việc thì, ôi thôi...

Thiếu phụ T: (*ngắt*) Sĩ là chi rứa?

Thiếu phụ B: Là sĩ diện!

Thiếu phụ T: Sĩ diện là chi cà?

Thiếu phụ N: (*cười ngặt nghẽo*) ...là khi lẽ phải cúi mặt xuống thì lại ngảnh mặt lên. Rồi khi phải ngảnh mặt lên thì...(*cười đến gập người lại, nói không thành tiếng*)

Thiếu phụ T: ...thì sao chừ?

Thiếu phụ N: ...thì ngảnh cao tới độ không ai thấymặt. Bắt cười dễ sợ...(*lại cười ngặt nghẽo*)

Thiếu phụ B: (*giọng có chiều tức tưởi*) Chị nói thế, người Bắc chúng em chẳng phải ai cũng thế...

Tiếng xe lại thình lình rần rần, rồi tiếng chửi lộn, xô xát và tiếng chân chạy thình thịch, tiếng còi công an huýt lên. Ba người đàn bà nhìn nhau. Tiếng động giảm dần...

Thiếu phụ B: Sợ nhỉ...Em chẳng thấy an ninh tí nào !

Thiếu phụ T: ...Bến xe có nhân viên an ninh, lo chi rứa...

Thiếu phụ N: Xí, ông xã em ổng biểu, khi phải lo an ninh tức là không có an ninh. Zậy mà không phải zậy là cái nghịch lý của nhân loại...

Thiếu phụ T: Nói năng chi mô rị mọ ! Khó tới cha tui cũng không hiểu ! Chắc ổng là thành phần trí thức hỉ?

Thiếu phụ N: *(lắc)* Ảnh biểu ảnh thuộc giai cấp công nông trăm phần trăm. Thứ xịn...

Thiếu phụ B: (*cười, ngắt*) Ai ở miền Bắc cũng nói vậy, chị ạ !

Thiếu phụ T: Nhưng tui không miền Bắc! Sao? (*nhìn Thiếu phụ N*) Cái gì...của nhân loại cà?

Thiếu phụ N: (*trề môi*)...thì cái nghịch lý đó !

Thiếu phụ T: (*nhìn quanh, thì thào*) Thôi, chớ nói chuyện chính trị.

Thiếu phụ B: Hôn nhân giữa anh chị là đúng chính sách lắm rồi! (*Cười, hóm hỉnh đọc lái, giọng làm vui*) *Bắc Nam ta vốn đồng bào. Xuân này xum họp Xuân nào vui hơn .*

Thiếu phụ N: (*lại trề môi*) Chính sách cái con ...khỉ khô! Hai chị ơi, (*hạ giọng, nói như hát cải lương*), cũng là nhân là duyên mà ra! Buổi đầu, em bị ảnh zụ đó hai chị ! Sau, thì em zụ lại ! (*nhái giọng Bắc*) Gậy ông lại đập lưng ông, hợp tình hợp lý là zậy !

Tiếng xe lại rần rần. Hai thiếu phụ B và T cười, nói nhưng không nghe được. Ánh sáng hiu hắt, trời tối dần. Thiếu phụ N ghé tai vào mặt Thiếu phụ T ...

Thiếu phụ N: ...thì rồi chút em sẽ kể hai chị nghe ! Chết cha, tối tới nơi !. Xe cộ điệu này coi bộ không khá! (*đứng lên, bước ra, ngoái lại nói*) Em ra hỏi coi sao ! Chị coi chừng giùm đồ nghen !

Thiếu phụ B kéo túi để cạnh mình, vẻ nhớn nhác. Thiếu phụ T đứng dậy, ngóng nhìn rồi bước theo Thiếu phụ N. Còn một mình, Thiếu phụ B dáng lúc một thiểu não, lại ngồi xệp xuống. Đèn rọi. Nhạc nhẹ dìu dặt lắng dần, mơ hồ....

Thiếu phụ B (*độc thoại*) :

Bao giờ mới có xe đây ? Giời lại tối rồi ! (*Nhìn đồng hồ, chép miệng*) Từ bao nhiêu năm nay, giời lúc nào cũng là giời chiều vàng vọt. Như cỏ úa...(*cười gượng*) ... như thân tôi. Lạc loài, tàn phai. Giấc mơ bình minh mỗi ngày một xa, tiếng gà đầu ô không ai được nghe, đến độ chẳng ai còn nhớ! Kể cả Mẹ ! Mẹ như rơm rạ, nằm bao nhiêu năm nay, mắt vẫn mở, nhưng vô hồn. Con gọi, mẹ, mẹ ơi. Mẹ mở mắt nhìn lên kèo, lên cột. Con lay, nhìn kèo nhìn cột làm gì hở mẹ. Con gọi, mẹ hãy nhìn con mẹ đây này ! Vô phương. Mẹ bất động, mắt trừng trừng giữa cái khoảng không lạnh lẽo vô tri. Mẹ ơi, cái chết hẳn cũng bất động như thế, khác chăng là không phải cậy răng đổ cháo. Không phải thay tã lót cứt đái. Phải không ? Con gào lên. Mẹ vẫn bất động, chỉ có hai giọt nước mắt, như hai giọt máu, ứa ra, lăn theo vết nhăn chảy xuống thái dương. Giời hỡi, sống không cho, chết chẳng được ! Hết thời bao cấp, cháo chẳng có, nói gì đến cơm. Giời thế, trách chi người ? (*Nức lên, nhìn xuống như đang nói với mẹ*) Mẹ, mẹ dậy đi mẹ! (*chợt đổi giọng, mơ màng*) Mẹ còn nhớ chứ ? Ngày con sơ tán lên Hòa Bình, mẹ lẽo đẽo theo suối một ngày đường, vừa đi vừa khóc. Mẹ dặn, coi chừng cái bọn Thần Sấm, Con Ma, nghe tiếng máy bay là phải chúi đầu vào bụi tre, tay bịt tai, mắt nhắm lại, con nhé! Các thày các cô trong trường nửa cười nửa mếu, khuyên, bà ơi, thôi bà về đi, nhà trường sẽ lo cho các cháu. Mẹ nài «...con bé cháu nhà tôi đẻ ra sài đẹn, lớn lên lại ngu ngơ...». Giời ơi, thế mà đến nay chỉ một chớp mắt, giờ thì mẹ chẳng nói lấy một câu. Mẹ, mẹ dậy nhé. Nhìn con mẹ đây này! Mẹ bảo, sau chiến tranh, con gái mẹ vẫn không trầy trụa, thế có may không ! Vâng, phần xác thì

không trầy trụa. Nhưng còn phần hồn con, trong sâu kín, làm sao mẹ nhìn thấy được ? Cái phần hồn ấy mẹ ơi ...

Thiếu phụ B tay ôm mặt, đầu gục xuống giữa hai gối, vai rung lên. Giữa tiếng thút thít, câu Cái phần hồn ấy mẹ ơi *...văng vẳng, lập đi lập lại. Đèn từ từ sáng lên. Có tiếng nói, tiếng chân...*

Thiếu phụ T : (*bước vào, giọng bực bội)* Đã dặn là đừng mắc mớ đối đáp với bọn côn đồ...

Thiếu phụ N : *(chua ngoa)* Hổng chưởi, tức thấy mồ nội. Chị biểu, cái thằng tay chống nạnh làm tàng, nó theo em, nó hỏi *« đi »* thì nhiêu ? Chèng ơi, táng được một bạt tai là em táng liền...Em chưởi, nó giả lả, tay chỉ chị, miệng kêu « con nhỏ có cái mặt đẹp như Thái hậu Dương vân Nga kia, thì trăm ngàn cũng OK »...Hứ ! tổ cha cái bọn đầu đường xó chợ ...

Thiếu phụ T : (*lẩm bẩm*) ...cái mặt đẹp, trăm ngàn...(*quay nhìn Thiếu phụ B*)... ủa, sao lại khóc nữa rồi nè ? Khóc hoài zậy ?

Thiếu phụ N : *(bước lại)* Trễ xe mà, đâu có chi! Chị nè, em nóng ruột lo con nhỏ mà cũng phải chịu zậy đó chị! Tới Thành Phố, em còn phải bắt xe đi An Giang nữa...Em là còn cực hơn mấy chị!

Thiếu phụ T : *(Tay đưa lên xuýt xuýt, nhìn ra, thì thào)* ...tụi nó theo mình kìa ! Nó lởn vởn ngoài tê, nhìn coi...

Thiếu phụ B : *(sợ sệt, tay quệt nước mắt)* Tụi nào ?

Thiếu phụ N : *(tay thọc vào bọc tìm tìm)* Còn tụi nào, mấy thằng côn đồ đứng bến chứ ai !

Thiếu phụ B : Hay ta đi trình công an ?

Thiếu phụ T : Cũng zậy thôi, vỏ dưa vỏ dừa đều là vỏ cả !

Thiếu phụ N : *(tay lôi khởi bọc, chìa ra)* ..Đêm nay, hai người ngủ thì một người thức canh chừng. Nè...

Thiếu phụ B : Gì vậy chị ?

Thiếu phụ N : Súng !

Thiếu phụ B : Giời ơi !

Thiếu phụ T : Lại kêu Trời ! Súng đâu mà có zậy ?

Thiếu phụ N : Thì mua ở chợ chớ còn ở đâu khác được ...Đi buôn mà không có nó là *(nhái giọng Bắc)* rách việc ! *(Kể lể)* Zậy mà khi em mua về nhờ ảnh dậy bắn, ảnh kêu, thôi, thời bình rồi. Nghe ảnh nói, *(cười cười)* em ngờ ảnh xạo khi ảnh nhận xưa ảnh là đặc công...

Thiếu phụ T : Hừ...Thời bình

Tiếng xe lại bất chợt rần rần, mùi xăng nhớt bốc lên. Thiếu phụ T bịt mũi, miệng thở dốc.

Thiếu phụ B: *(chạy lại, đỡ lưng)* Chị làm sao thế? Chị nằm xuống...

Thiếu phụ T : *(giọng nghẹt như ngộp thở)* Mùi xăng...Cho chút nước . Nóng quá...

Thiếu phụ N đưa chai nước, Thiếu phụ B đổ vào miệng Thiếu phụ T , tay lấy quạt phẩy gió, quay về phía Thiếu phụ N ...

Thiếu phụ B : Chị cho em cái gì em kê đầu cho chị ấy!

Thiếu phụ T : *(lảm nhảm la lớn)* Nóng , nóng chết mất...Lửa ở đâu mà cháy hung thế này. Chạy bay ơi, chạy cho lẹ. Lên đường nhựa trên cao kia , bay ơi ! Mạ ơi, mạ đâu mạ ?

Tiếng la nhỏ dần. Thiếu phụ T thiếp đi. Thiếu phụ B lấy khăn dấp nước lau mặt cho Thiếu phụ T . Tiếng động cơ xe im bặt trong màn đêm buông dần xuống trong khi nhạc lại cất lên, nhẹ như tơ. Đèn tắt.

Màn 2

Nửa Đêm

Mở màn, ánh sương đêm buông mờ ảo. Hai thiếu phụ, lưng dựa vách, tay phẩy quạt, thỉnh thoảng lại đập muỗi. Tiếng dế kêu ran, lâu lâu có tiếng xe chạy vù qua.

Thiếu phụ N : (*nhìn Thiếu phụ T nằm đằng sau)* Để bả ngủ! Nóng có vậy mà tức thở, chắc bả bị suyễn...

Thiếu phụ B : Suyễn? Là sao chị!

Thiêú phụ N : Thì đàm rút lên cổ, đó...

Thiếu phụ B : À, đờm... Thế là hen ! (Nhìn Thiếu phụ N đang mân mê khẩu súng rulô, giọng thán phục) Chị can đảm thật ! Em cứ thấy là em dúm người lại vì sợ...

Thiếu phụ N : (*Cười, tay vuốt nóng súng, mặt như bị ốp*) Thì lần đầu, ai cũng sợ ! (*đưa nòng súng lên miệng hôn như đóng tuồng*) Zậy mà không có là (*nhái giọng Bắc*) rách việc !

Thiếu phụ B (*chìa tay*) Chị cho em cầm thử ! (*rón rén cầm lấy súng*) Chẳng nặng như em tưởng (*bắt chước, tay vuốt ve nòng súng, buột miệng*) Lâu rồi... (*bất chợt khựng lại , mặt đỏ bừng*)

Thiếu phụ N : (*nhìn, dò hỏi*) ...Chi mà lâu ?

Thiếu phụ B: (*tay trả súng, giọng ngượng ngập, nói lảng*) Chị nẫy bảo anh ấy là đặc công, thì chồng em cũng vậy! Chồng em nằm dưới địa đạo Củ Chi hai năm liền cho tới ngày Giải Phóng...

Thiếu phụ N : (*nhái giọng Bắc*) Nhà tôi cũng thế. Rồi là phục viên, quay về Hà Nội. Ảnh nói Hà Nội không như xưa...

Thiếu phụ B : Anh ấy người ở đâu? Hà Nội hả chị?

Thiếu phụ N : Ờ, ảnh ở Hà Nội rồi móc nối zô Nam (*chép miệng*). Ấy, duyên số là zậy !

Thiếu phụ B : (*cầm cây súng, mơ màng*) Vâng, duyên số cả. Em

lấy nhà em khi anh ấy có giấy gọi nhập ngũ. Trai làng đi, đợt đó có lẽ là đợt chót, còn lại toàn trẻ con và dăm anh con một. Anh ấy tìm em bảo, anh không muốn làm ma không vợ. Còn em, cứ nhìn quanh xem, đàn ông không còn thì em cũng sẽ là ma không chồng. Chi bằng... Thế là cưới chạy (*tay lại mân mê nòng súng, giọng vui lên*), rồi ngủ cũng chạy, được phút nào hay phút ấy. Anh ấy lên đường, khóc như trẻ con, dặn «ba đảm đang nhé!» (*bật cười, hát nho nhỏ*)

« *Từ ngày anh đi, việc nhà em, ơ à, đảm đang a...* » (*nhạc nối lên nhè nhẹ*)

Chị có biết người ta hát câu sau thế nào không ?

Thiếu phụ N : (*lắc đầu*) Không, hát coi !

Thiếu phụ B :
« *đẻ đứa con giai, nó giống cả làng...* »

(*Cả hai cùng ré lên cười*)

Thiếu phụ N: (*tay phát vào vai Thiếu phụ B, nói*) Miền Bắc văn hóa thiệt ! Zưới miệt em, zọng cổ không hà !

Thiếu phụ B : (*ỏn ẻn*) Ấy, em là giáo viên cấp I đấy ! Đi sơ tán về hai năm là em được chọn đào tạo cấp tốc. Vừa xong thì lấy chồng, may không có con ngay ! Giải phóng xong, nhà em về, may mà chỉ có chút thương tật. Thế là chẳng « tam khoan » được, năm sau đẻ cháu. (*Lại mơ màng*) Gớm, đẻ ra chỉ hai kí hai, bé bằng cái tí... (*nhạc ru con thoáng qua*)

Thiếu phụ N : (*giọng hạ xuống*) Nói chuyện duyên số thì trường hợp em mới kỳ, chị à! (*ngưng lại một lát*) Ông bà già em dưới ruộng hổng ưa gì mấy ảnh bộ đội Bắc Kỳ. Hai ông anh em lính Cộng Hòa, chết hết, làm sao ông bà già thương bộ đội cho đặng... Zậy mà...

Thiếu phụ B nhìn, chờ đợi .

Thiếu phụ N : ...hồi đó em mười chín tuổi, tính vượt biên không à ! Rồi bữa gặp ảnh ở chợ. Ảnh bày đồ nghề sửa xe gắn máy thì mấy thằng « xâu chợ » trờn tới, hỏi « mày đâu tới, ai cho ngồi đây! ». Ảnh nói có xin phép rồi, trên công an phường. Tụi « xâu chợ » nhẩy zô làm liền,

đánh ảnh, cướp đồ nghề. Công an tới, ảnh la « tôi là thương binh », nhưng hổng biết tại sao ảnh bị điệu zô trụ sở. Lát sau, ảnh ra. Tới sạp hàng em, ảnh hỏi « ...cô có biết mấy thằng cướp dụng cụ của tôi không?» Trời đất ơi, biết nhưng nói ra thì làm sao em sống nổi với « xâu chợ ». Em lắc đầu. Ảnh ngồi gốc cây, nước mắt ứa ra, mũi sụt sịt. Bữa sau, cũng zậy. Tới ngày thứ ba, em biểu «...chú nhờ mấy chú công an đi, chớ chờ làm chi». Ảnh lắc đầu. Ảnh biểu hết tiền rồi, hai bữa nay không ăn uống chi. Rồi ảnh kêu để ảnh giúp em chở hàng khi dẹp chợ, chỉ cần cho ảnh tô cơm... (*chép miệng*) Thấy mà tội ! (*mơ màng*) Đó... duyên số bắt đầu như zậy! Cha, hồi đó ông bà già la quá xá la. Bà già chưởi, mày con gái zầy, đi đâu rước thằng cà thọt zìa. Em kêu, ảnh bị miểng bom Mỹ. Ông già la, còn hai thằng anh mày trúng đạn thì đạn Liên Xô, Trung Quốc, sao không thấy mày thương ! (*lại chép miệng*) Thiệt, chuyện đất nước xen zô tình yêu, hết chỗ nói... Khi em kêu, ba nè, hòa hợp hòa giải hết cho rồi, ổng quát, con đĩ thúi, mày mà còn léng phéng thì ra khỏi nhà tao, nghe chưa ! Lúc đó, em bén hơi ảnh rồi... (*mơ màng*) Ảnh lên công an quận, nói sao hổng biết mà tuần lễ sau công an chợ mang trả đồ nghề. Rồi ảnh sửa xe cặp kè bên sạp hàng em, tuần lễ bảy ngày, sáng từ sáu giờ tới tối. Ảnh lại có zăn hóa, chỉ em thơ Tố Hữu... Nè, chị biết thơ nè không (*nhái giọng Bắc ngâm*)

«Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim»

Thiếu phụ N bật cười sằng sặc.

Thiếu phụ B : Sao chị lại cười ! Thơ hay đấy chứ... Hồi em đi học, đứa nào không thuộc là kiểm điểm thành phần liền !

Thiếu phụ N : (*lại cười*) Hổng phải thơ zở ! (*bụm miệng, nhái giọng Bắc*) Nhà tôi ảnh ấy tinh quái lắm cơ, ảnh sửa :

... giường tôi, em chẳng cần chăn chiếu
bấu vào lưng khi rộn tiếng chim.

Thiếu phụ B khúc khích. Bỗng có tiếng chân, tiếng đàn ông cười hô hố kèm vào tiếng ca cải lương.

Thiếu phụ N : Chắc mấy thằng mắc dịch !

Thiếu phụ B: (*luống cuống*) Làm sao bây giờ ?

Thiếu phụ N: (*gằn giọng*) Chiếu đèn pin zô đây !

Đèn pin chiếu vào, Thiếu phụ N tay cầm súng giơ lên.

Thiếu phụ N : (*quát*) Thằng nào lạng quạng, tao bắn bỏ !

Có tiếng chửi, tiếng chân, tiếng đàn ông «...mấy đứa gối ni bà chằng thiệt ! ». Tiếng cười, rồi tiếng ca cải lương xa dần.

Thiếu phụ B: (*thở ra*) Chắc họ đi rồi !

Thình lình có tiếng xe, tiếng máy nổ. Thiếu phụ T bỗng nhổm lên.

Thiếu phụ T : Ngộp quá. Mùi xăng... cho miếng nước !

Thiếu phụ B cầm chai nước lại ngồi xuống. Thiếu phụ N quay nhìn.

Thiếu phụ T : Ngộp (*uống ừng ực*) Nóng quá. Cháy (*mê hoảng*), coi cà, cháy... chạy đi tụi bay. Lên đường cái. Cái lưng tau xót quá, trời ơi... chạy (*khò khè thở*).

Thiếu phụ B : Sao thế này (*giọng hốt hoảng*) Này... này ...

Thiếu phụ N lấy khăn, đổ nước vào, chạy lại lau mặt Thiếu phụ T.

Thiếu phụ N : Cởi áo ! Lau lưng cho bả... Trời đất...

Thiếu phụ T : *(gào*) Mạ ơi, mạ... Con đau quá mạ ơi ! Ông trời xập xuống, trốn đâu hở mạ...

Thiếu phụ B xốc Thiếu phụ T. Cởi áo. Thiếu phụ N cầm khăn ướt, tay rọi đèn pin vào lưng, hét lên kinh hoảng.

Thiếu phụ N : Trời đất ơi, sao vầy nè (*tắt đèn pin*) !

Thiếu phụ B : Sao, sao thế... Bật đèn lên chị.

Thiếu phụ N : Thôi... (*ngập ngừng*). Hổng cần. (*Ngồi xuống, tay lấy khăn thấm nước xoa nhẹ vào lưng Thiếu phụ T, nói một mình*) Cái mặt đẹp zậy mà...

Thiếu phụ B : ...Chị nói gì ?

Thiếu phụ N đỡ cho Thiếu phụ T nằm xuống, ngẩn ngơ.

Thiếu phụ N : ...zậy mà (*tay bụm lấy mặt*), thấy ghê...

Thiếu phụ B : Em không hiểu ?

Im lặng. Đèn tắt dần. Khi đèn từ từ sáng lên, Thiếu phụ T đang ngồi dậy, tay cài lại khuy áo.

Thiếu phụ T : (*ngượng ngập, tay với ra sau lưng*) Ủa, sao ướt quá vậy ?

Thiếu phụ B : Chị mê hoảng kêu nóng, chúng em phải lấy nước dấp vào mình chị !

Thiếu phụ T : Chừ thấy cái lưng tui rồi hỉ !

Thiếu phụ B lắc đầu.

Thiếu phụ T : Thấy có ghê không ? (*giọng lạc đi*) Bom xăng hồi mặt trận Quảng Trị đấy ! (*tay đưa lên trời, mặt nhăn nhúm*) Máy bay nó thả xuống, vừa nghe bom nổ thì lửa đã bắt vào mình... (*im lặng*) Tụi tui mấy đứa nít vừa chạy vừa cởi quần cởi áo. Vừa chạy vừa nghe thịt da mình cháy xèo xèo. Có đứa chết liền, người như cây đuốc, lăn lông lốc. Có đứa nhào xuống mương, gặp nước, lửa lại cháy hung hơn... Phỏng cấp ba là như tui, bị cái lưng, chết không chết được, nhưng... ai thấy cũng ghê, còn ghê hơn cùi hủi. (*nghẹn giọng*) Vậy là sống kể như chết... Chuyện chồng con, bỏ ! Nếu như... (*ngập ngừng*)

Thiếu phụ N : Nếu như sao, chị ?

Thiếu phụ T : Nếu như chuyến này vô Thành Phố mà không xong. Con nhỏ có hình trên báo Times đó, hồi đó nó chạy trước, tui chạy sau. Nó quăng quần áo, trần truồng chạy, có ông phóng viên chụp hình. Bức hình vậy mà cứu nó. Tụi Mỹ đưa nó qua làm giải phẫu thẩm mỹ, mất cả trăm ngàn đô. Nó viết thư cho tui, nói nó hiện liên lạc với Cao Ủy Liên Hiệp quốc, xin chữa chạy cho mấy đứa cũng bị phỏng bom như nó. Rồi nó xúi tui vô Thành Phố xin gặp mấy người trong Cao Ủy... (*đập tay vào cái xách*) với hồ sơ bệnh lý đầy đủ. Mấy ông bác sĩ mình ghi, hễ bị xúc động là tui nghẹt thở, và rồi không biết tại sao cứ ngửi ... mùi xăng dầu là tui lại thấy cái lưng tui nó rát bỏng... Các ổng kêu là tâm thần... Thây kệ, tui thì tui đau thiệt, tâm thần chi mà tâm thần. (*Cao giọng*) Lần này, tui vô Thành Phố là lần thứ hai đó ! Hổng có gì, ai gọi vô ! Chắc được (*cười...)* Tui hỏi nhỏ bạn, nó kêu giải phẫu thẩm mỹ, cấy da lại thì cái lưng mười phần bớt bảy. (*Chép miệng*) Vậy là quá mừng rồi. Cấy da xong, nó cũng chồng con như ai. Hên được như nó, (*hít hà*) chắc rồi tui cũng chồng con bình thường chớ hỉ ?

Thiếu phụ N : Chắc trăm phần trăm. Chị đẹp zầy, em đàn bà mà còn ưng !

Thiếu phụ B : Ấy, đi Mỹ giải phẫu lắm khi lại lấy chồng ngoại quốc không chừng ! Trong nước, chồng con cũng khổ (*thở dài...)* Như cái thân em đây này ! (*tay lại quệt nước mắt*).

Thiếu phụ T : Bởi vậy mới khóc hoài, hỉ ?

Thiếu phụ B : Các chị bảo, lấy chồng chưa được mười ngày thì chồng đi Nam. Tháng sau, nhận được dăm chữ, em yêu, (*cười nhạt*) trên đường mòn mang tên Bác (*giọng giễu cợt*), anh thề sẽ lập chiến công để dâng lên tình yêu lứa đôi của chúng mình... Khỉ thế ! Rồi bặt sáu tháng. Lại nhận được thư, nhưng không biết từ đâu, chỉ kể, tinh thần anh vững, anh tin ngày chiến thắng chẳng còn bao xa. Ba năm sau, em được biết là anh ấy ở địa đạo Củ Chi... Anh ấy về, chân khập khiễng. Hỏi ra, chẳng phải bom Mỹ, mìn Mỹ mà là chông của du kích mình chưa kịp gỡ (*cười mũi*). Thôi, cứ về là may rồi. Thế là vợ chồng xoắn xít lấy nhau cả tháng. Đùng một cái, mẹ em bị tai biến mạch máu não. Mẹ nằm đấy, mắt cứ trừng trừng mở, nhắm không được, ăn phải đổ cho

ăn, ỉa cũng phải tã lót như trẻ sơ sinh. (*Im lặng, giọng lạc đi, như nói một mình*) Đã thế, em lại chửa con cháu. Nhà ba miệng ăn, tiền trợ cấp phục viên với lại lương giáo viên cấp I ăn chỉ mươi ngày là cạn. Anh ấy lên xin việc. Ông chủ tịch xã bảo, đất nước ta còn nghèo, có rau ăn rau, có cháo ăn cháo. Anh ấy đáp rau không, cháo cũng không, ăn gì ? Ông chủ tịch bảo ăn xin. Nhưng lên Hà Nội, không ai biết ai. Vả lại ở trong làng thì xin cũng chẳng ai có mà cho. Thế là nhà em ra đi, chẳng để ăn xin, nhưng hy vọng là chỗ xã hội thương binh tìm cho công việc. Đấy, hai chị xem...

Thiếu phụ T : (*chặc lưỡi*) Chắc rồi cũng xong, Hà Nội là thành phố lớn mà...

Thiếu phụ B : (*xua tay*) Không chị ơi ! Giúi cho tí tiền, anh ấy lên nhà một ông chú họ. Ba tháng sau, lại mò về, xơ xác, nhìn thân tàn ma dại... Em chửa vượt bụng, mẹ em vẫn nằm đấy, lại vẫn phải đi dậy học. Anh ấy nói, muốn sống chỉ có một cách là vào Sài Gòn. Nay anh ấy học được nghề sửa mô-tơ, mà Hà Nội thì chỉ có độ vài chục chiếc xe gắn máy, còn ngoài ra toàn là xe đạp. Em xin anh ấy ở cho đến khi em sinh cháu, đỡ đần cho em chứ chửa đẻ một thân một mình, lại còn mẹ em nằm đó, làm sao em đương nổi. Cháu được hai tháng, anh ấy đi làm gạch, bảo có cơm ăn cơm, có cháo ăn cháo. Đâu được thêm đến nửa năm thì chỗ nào cũng làm gạch, bán không được, thế là từ cơm sang cháo, rồi cháo sang nước lã. Nhà em phải đi. Anh ấy vào Thành Phố ở nhà bà dì họ, thư về. Rồi bẵng đi đến nửa năm, chẳng tin tức gì. (*Ôm mặt khóc rấm rứt, lát sau nghẹn ngào tiếp*) Thế là em một thân nuôi mẹ nuôi con... Nói thì tội, có lúc em chỉ cầu cho mẹ em yên ổn về với các cụ. Nhưng giời hành, không cho sống mà cũng chẳng cho chết, các chị ạ ! Hai tháng trước thì mẹ em đi, (*lại khóc rấm rứt*) chôn cất xong, đợi cúng bốn chín ngày rồi em nay mới vào Thành Phố đi tìm anh ấy...

Thiếu phụ N : (*chặc lưỡi*) Thiệt tình... Em thấy chị vô Thành Phố tìm ảnh rồi đừng ra nữa. Khổ zậy đủ rồi !

Thiếu phụ T : (*thở dài*) Chồng con thế cũng là nợ nần nhau... (*nhìn Thiếu phụ N, tay đập vai*) Chỉ có em là hên ! Xuông xẻ...

Thiếu phụ N : (*trề môi*) Gì mà xuông xẻ ! Nãy em kể, em (*nhái giọng Bắc*) bén hơi nhà em, nhưng ông bà già đuổi. Bữa đó, em không

dọn hàng về. Ảnh hỏi (*lại nhái giọng Bắc*) sao hôm nay lạ thế. Em khóc, biểu bây giờ nhà đâu mà về. Thế là... em về nhà ảnh. Trời đất ơi, em sợ, đêm đầu nằm co chân lên bụng. Ảnh cũng chịu, để yên. Đêm thứ hai, ảnh xì nẹt, (*lại nhái giọng Bắc*) kêu « phi ân ái bất thành phu phụ ». Em nghe, hỏi ảnh nói chi đó... (*cười, mơ màng*). Ảnh hổng giải thích, áp tới, vậy là xong...

Thiếu phụ T : (*thè lưỡi, liếm liếm*) ...là xong làm sao ?

Thiếu phụ N : (*lại cười*) ...là thành phu phụ chứ sao ! Nhưng gần năm, hổng chửa đẻ gì được. Mà hổng được, thì không đưa ông già bà già vào cái thế « đặng chẳng đừng », phải chịu rể Bắc ! Đó, hai chị coi, ông trời ông cho cái này, lấy cái kia. Tụi em đi coi bác sĩ, ổng chẩn rồi phán, hổng biết ai là thủ phạm, nhưng cứ thử nữa coi. Trời đất, ổng khỏi lo, thử tới thử lui, hổng cần thúc (*cười*). Rồi em đi hết chùa này tới chùa kia, cúng vái lung tung, vô tới Thất Sơn đảnh lễ mà cầu một đứa con không được đó hai chị !

Thiếu phụ T : (*lấy quạt phe phẩy, tay chỉ lên trời*) Thôi, cho sao được vậy !

Thiếu phụ B : (giọng *ngạc nhiên*) Hồi nãy em lại tưởng chị nóng ruột về vì cháu nó bị ốm cơ mà !

Thiếu phụ N : (*cười, nhái giọng Bắc*) ...con nuôi em đấy chị !

Thiếu phụ T : Con nuôi ?

Thiếu phụ N : Không đẻ bộ không nuôi được sao ! Mà thiệt, con nhỏ cũng có máu mủ với ảnh. Ảnh kể em là có một người anh mới chết năm trước, chị dâu ảnh (*nhái giọng Bắc*) « lỡ bước sang ngang » thêm một lần, bên nhà chồng lại rẻ rúng con chị. Ảnh nói, em ưng thì ảnh về Bắc xin nó làm con nuôi... Hồi đầu, em suy nghĩ lung lắm. Ảnh dụ (*nhái giọng Bắc*) « con người chỉ nối mình vào được tương lai qua hai cách, tình yêu và truyền giống ». Con nhỏ, là giống nhà ảnh mà tình yêu là em đó. Em ưng, ảnh về rồi hai tuần sau, ôm con nhỏ vô Nam... (*mơ màng*)

Nhạc dìu dặt cất lên. Có tiếng cú rúc từng chập vẳng lại. Thiếu

phụ N lui dần vào góc, miệng ngáp, tay đưa lên che.

Thiếu phụ N : (*uể oải*) Em ngủ một chập nghen. Bữa qua từ Viên-Chan về đã đi suốt một ngày đường !

Màn hạ dần trong tiếng nhạc dặt dìu.

Màn 3
Về Sáng

Ánh đêm tan dần, trời màu sữa chuyển sang hồng nhạt và đâu đây đã văng vẳng tiếng người. Lâu lâu, có tiếng chó sủa từ xa vọng lại. Hai người đàn bà vẫn ngồi, im lặng, xa vắng. Thiếu phụ T đứng lên, đi vài bước...

Thiếu phụ T : (*nhìn Thiếu phụ B*) Thôi, chị đi ngủ chút đi ! Tui canh chừng được rồi.

Thiếu phụ B ngồi bó gối, mắt nhìn vô hồn vào màn đêm đang dần sáng, khe khẽ lắc đầu.

Thiếu phụ T : Vô Thành Phố, địa chỉ ảnh ở vùng mô?

Thiếu phụ B : (*im lặng, lát sau, nói như thở dài*) Em đến nhà bà dì, hỏi may ra... Nhà em gần năm nay chẳng tin tức gì. Năm ngoái về làng, anh ấy nhìn con, nhìn em, nhìn mẹ em rồi bảo để anh ấy bế con vào Nam. Chôn bà cụ rồi em hẳng vào. Nếu giả anh ấy có dịp vượt biên (*thì thào*), anh ấy sẽ tin cho em rồi kiếm cách toàn tụ sau (*thở dài*). Còn như không, thì cứ coi như bố con anh ấy chết sông chết biển, chết đường chết chợ. (*Nức lên*) Chị bảo, ngày nào em cũng chờ. Chờ tin người sống, rồi nhìn mẹ em bất động, chờ tin người chết... Một tối, em buột mồm, bảo mẹ em « ...bà đẻ con ra thế này thì thà là bóp mũi cho con chết nghẹt đi còn hơn ! » Em không ngờ lúc đó mẹ em tỉnh táo. Mẹ vẫn trơ trơ bất động, chỉ có nước mắt ứa ra xối xả. Mẹ em dẫu muốn cũng chẳng làm sao chết đi được! (*Thiếu phụ B nghiến răng*) Em hỏi mẹ em, mẹ ơi, sống thế này không gọi là sống được, nếu mẹ muốn theo về với các cụ, mẹ chớp mắt ba lần cho con biết. Em nhìn, mẹ em vẫn trơ trơ, chỉ có nước mắt chảy ra, ướt đẫm gối. (*Im lặng một lúc lâu*)

Hôm sau đổ cháo cho mẹ, mẹ em chớp mắt. Chớp đúng ba lần. Em lại nhắc lại, có thật mẹ muốn theo về với các cụ dưới suối vàng không. Mẹ em chớp mắt, cũng đúng ba lần. Giời ơi, lúc ấy em mới hoảng lên. Em rụng rời, em lạy mẹ em, em kêu, mẹ định bỏ con đi thật à ? Mẹ em lại chớp mắt, vẫn ba lần. Đường trước mặt, xa vời vợi, mẹ bỏ con, mẹ bỏ con sao ? (*Thiếu phụ B gào*) Mẹ vẫn chớp mắt, vẫn cứ ba lần một, như thôi thúc. Em lấy cái gối, em nhấn vào mặt mẹ em, em nằm đè lên mẹ em rồi em kêu Ma gọi Quỉ, em chửi Thánh chửi Thần, cứ thế... cho đến lúc em tỉnh dậy khi gà gáy sáng. (*Thiếu phụ B là người xuống*).

Thiếu phụ N : (*nghe tiếng gào, choàng dậy*) Có chuyện chi vậy ? (*nhìn Thiếu phụ B nằm gục xuống đất*) Ủa, chị bịnh hả ?

Thiếu phụ T tay ôm đầu, lắc, không nói gì, rồi lại gật gật .

Thiếu phụ N : (*thọc tay vào túi*) Để em thoa dầu cù là cho ! (*ngồi xuống cạnh Thiếu phụ B, thoa dầu*) Chút xíu là hết à, ráng ngủ đi ! (*nhìn đồng hồ, quay sang Thiếu phụ T*) ...Lơ xe hồi nãy nói chừng năm giờ là có chuyến về Thành Phố. Em ngủ thêm chút xíu nghen chị !

Đèn tắt. Tiếng nhạc nhẹ. Một lúc, đèn rọi vào Thiếu phụ T, người dựa vào vách. Sóng biển vẳng lại rì rào. Tiếng hát, rất mơ hồ, « ngày mai anh đi, biển nhớ tên anh gọi về...»

Thiếu phụ T (*độc thoại*) : Ngày mai... (*buột miệng hát nhỏ*)

«...ngày mai anh đi, thành phố mất đêm đèn vàng, nửa bóng xuân qua ngập hờn, nghe ngoài trời giăng mây tuôn... Ngày mai anh đi, biển nhớ anh quay về nguồn...»

(*Bất thần ngưng hát, môi mím lại, gằn giọng*) Thôi, nhớ với thương... Đi, đi luôn đi ! Đi khỏi, đi như chưa từng bao giờ anh tới Cửa Đại, miệng ngậm điếu thuốc, mắt nhìn ra khơi, thỉnh thoảng lại ngước lên, rồi cúi xuống loay hoay viết... Em hỏi « ...viết chi rứa ? » anh biểu « ... phóng sự về những năm mở cửa cho du lịch » ... « Anh viết cho báo nào ? Nhân Dân ? » Anh lắc « ...cho Sài Gòn giải phóng ! ». Rồi trưa nào anh cũng vô quán, ngồi đúng một chỗ. Tới hết một tuần lễ, em hiểu, chẳng phải chỉ có tiếng biển gọi và bãi cát chạy tới cuối mắt như anh nói. Anh nhìn vào mắt em, anh thì thào, qua mắt em, anh thấy từ trời

cao đất rộng cho đến những hạt bụi li ti chốn trần ai thoáng biến thoáng hiện. Em hiểu đó là một lời tỏ tình. Em quên hết, quên cả thân phận mình. Lần đầu, em cảm thấy đời sống có mặt ở mọi nơi, từ những cánh dừa thấp thoáng bóng nắng tinh mơ cho tới những con dã tràng lăng quăng trên những đụn cát ẩm. Và em yêu. Yêu từ con sóng bạc đầu. Yêu cho đến ánh dương nhuộm chân trời hoàng hôn nơi biển xa, xa tít tắp. Ngồi bên anh, em nín thinh, để sóng vật vờ ru em dưới ánh trăng non lúc đêm về. Anh hôn em. Hôn miệt mài tựa thuở bắt đầu có trời có đất, vô cùng, vô tận. Anh áp tay em lên mặt, thì thầm những lời của chim tìm tổ. Anh lần vào ngực, mở nút áo, hít hà hương con gái, cắn nhẹ, nhay răng lên hơi thở trái tim trinh nữ phập phồng... Rồi anh quàng tay... Thế là em quên, quên hết, quên rằng cái cảm giác bàn tay anh trên tấm lưng em không thể bình thường. Anh hoảng hốt. Anh hỏi. Em cắn răng, đáp, bom xăng đó... Anh quay người em lại, kéo áo. Sau đó, em chỉ còn nghe tiếng chân anh trên bãi cát nhạt nhòa ánh trăng bạc bẽo. Tiếng chân xa dần, xa dần. Và lặng đi trong tiếng sóng vỗ bờ ì ầm khôn nguôi. Bấy giờ em hiểu, người ta muốn cũng không yêu được một tấm lưng da dẻ cháy sạm nhăn nhíu những vết thương đau. Em đứng lên, tay quệt nước mắt, nhủ mình, từ nay mi không được khóc. Mi không có quyền sống thời mi có quyền chết. Biển trước mặt, cứ hướng biển mà đi, đi cho xa. Em để chân xuống nước, cắn răng, bước... Hụt chân, em vùng vẫy, bụm hơi, đầu lao xuống cho thật sâu trong lòng biển mặn chát. Lúc đó, em không còn nghe tiếng sóng. Và rồi nước bỗng mênh mang xanh biếc, và im lặng chẳng có lấy một lời. Cho đến khi em tỉnh dậy. Trời hỡi, em lại tỉnh, người ta bu quanh. Sóng đánh em dạt lại vô bờ, dẫu em chỉ muốn trôi xa... (*miệng bỗng kêu ừng ực như sắp nghẹt thở*)

Thiếu phụ N : (*choàng dậy*) ..Kìa chị, lại bị nữa hả ? (*với chai nước, xốc Thiếu phụ T lên cho uống*) Uống miếng nước cho mát cổ nè!

Thiếu phụ T uống xong, thở khò khè một lát. Thiếu phụ N đứng lên nhìn Thiếu phụ B vẫn nằm, ra đứng nhìn lên trời rồi quay vào.

Thiếu phụ N : (*nhìn Thiếu phụ T*) Còn chừng hai giờ nữa là có xe đó chị. Chị zô, lần này chắc thế nào cũng đi Mỹ giải phẫu thẩm mỹ nghen ! Bom xăng là bom nó, nó phải chịu trách nhiệm chớ ! Rồi biết đâu chị lại chẳng định cư bển... (*giọng thèm thuồng*) Tụi em thì tính

khác rồi, hổng vượt biên nữa. Ảnh thiệt là hay, chị à. Tự học thôi mà máy chi ảnh sửa cũng được. Máy xe Honda, xe Dream. Cả mô-tơ thuyền đuôi tôm hai lốc, ba lốc. Rồi máy bơm nước Toyota. Ảnh biểu, giả như không có chiến tranh chắc ảnh học kỹ sư cơ khí đó chị... (*chép miệng*) Thôi, giờ thì hổng cần. (*Nhìn trời đêm*) Em buôn thêm hai chuyến, đủ tiền mở cái xưởng cho ảnh. Có hai năm mà ảnh có uy tín, máy móc gì hư cũng tới « cầu » thầy đó. Tháng trước, tụi em mua được mảnh đất ngay bờ sông Hậu để chỗ làm xưởng. Ảnh đặt tên « Xưởng cơ khí Tương Lai », chị nghe được hổng chị ? (*nhìn Thiếu phụ T gục gặc, tiếp*). Ảnh kêu (*nhái giọng Bắc*) phải đào tạo đội ngũ thợ phụ. Xã hội chủ nghĩa là cơ khí thứ thiệt. (*Cười*) Chị nghe có ngon không ? Thiệt, lấy được một người đàn ông không đi nhậu, có lý tưởng, thì Bắc kỳ cũng có sao ! (*lại cười, giọng tự mãn*) Mà ảnh cũng biết (*nhái giọng Bắc*) « tiếp thu và thích ứng » lắm nghen ! Con nhỏ cháu nhận về nuôi tên thật là Ngọc, ảnh kêu ở Hậu Giang, gọi nó là Ngà nghe cho có (*nhái giọng Bắc*) « chất miền Nam »... (*mơ màng*) Hai cha con quấn quít nhau, em đi buôn xa cũng bớt lo. (*Giọng lại âu lo*) Nhưng không hiểu sao ảnh đánh điện kêu con ốm, kỳ thiệt !

Thiếu phụ T : (*chặc lưỡi*) Lo rứa chỉ mệt ! Có tiền là có thầy, có thuốc. Chỉ sợ không có tiền thôi !

Thiếu phụ N : (*chép miệng*) Em sợ là mấy chả ở sở Y Tế chữa ẩu! Em có kêu ảnh, hết bao cấp rồi, bịnh là cho tới mấy ông bác sĩ thời nguỵ, đỡ «rách việc»... (*tay mở bóp, lôi ra một tấm ảnh...*)

Thiếu phụ B không biết từ lúc nào đã lồm cồm ngồi, nãy giờ im lặng nghe, tự nhiên cứ nhấp nhổm.

Thiếu phụ B : Chị xem ảnh cháu ?

Thiếu phụ N : (*gật đầu*) Tấm này mới chụp tháng trước, ngày sanh nhựt nó đó. (*tay đưa cho Thiếu phụ T*) Tóc thắt nơ nè, (*lại nhái giọng Bắc*) Chị xem có « *oách* » không !

Thiếu phụ T : (*xem ảnh*) Chụp bóng mầu ngộ hỉ !

Thiếu phụ B thò tay, chụp lấy bức ảnh, chăm chăm nhìn, rồi cắn

răng lại, nước mắt ứa ra. Thiếu phụ N nhìn, vẻ ngạc nhiên. Thiếu phụ B ngửng lên.

Thiếu phụ B : (*giọng nghẹn ngào*) ...Đẹp, đẹp quá !

Nước mắt ròng ròng, Thiếu phụ B ghé mắt sát vào tấm ảnh.

Thiếu phụ N : Coi chừng ướt ảnh của em. Sao lại khóc zậy ?

Thiếu phụ B : (*ngập ngừng*) Em nhớ đến con em !

Thiếu phụ N : (*cười xòa*) Thì chút lên xe, zô tới Thành Phố chiều nay là chị gặp ảnh với cháu, tha hồ (*nhái giọng Bắc*) « *vui ngày đoàn viên* »... Mà nè, chị biểu ông xã chị cũng biết mô-tơ, không chừng xuống chỗ em hợp tác với ông chồng em mà hay nghen ! Nè, em để địa chỉ cho chị ! (*tay lấy bút, hí hoáy viết*) .

Thiếu phụ T : (*giọng thông cảm*) Vô nhà bà dì hỏi, chắc là tìm không khó lắm đâu...

Thiếu phụ B : Dạ, dạ...

Tiếng còi xe. Trời rạng dần. Thiếu phụ N đưa chọ Thiếu phụ B tờ giấy ghi địa chỉ, Thiếu phụ B trả Thiếu phụ N tấm ảnh.

Thiếu phụ B : (*buột miệng*) Giá mà biết vậy... (*ngưng bặt*).

Thiếu phụ T : (*dò hỏi*) Biết vậy...

Thiếu phụ B : (*quay mặt*) Nhưng thế cũng may...

Thiếu phụ N : (*cười*) Ờ, nói chuyện may cho lên tinh thần nghen! Ảnh lâu lâu leo lên giường, hò :

« Đèo cao, hò zô, thì mặc đèo cao, hò zô ta. Tinh thần chiến sĩ, hò zô, còn cao hơn đèo... »
rồi, như con nít, đòi bú tí (*cười ngặt nghẽo*)...

Thiếu phụ T : (*quay mặt, tay để lên ngực, sợ sệt*) Cái chi mà may...

Thiếu phụ B : Sống, chị ạ. Sống được là may !

Thiếu phụ T : lành lặn, lại càng may (*nhìn thiếu phụ N*). Rồi chồng con đàng hoàng, thì là phép lạ...

Thiếu phụ N : Đúng đó hai chị. Mỗi một sáng, khi thức giấc, em đều như thấy phép lạ. Ngay khi ở cái bến xe này, cũng zậy !

Thiếu phụ B : Cám ơn chị...

Thiếu phụ N : Sao lại cám ơn em ? Em có làm được chi đâu ?

Thiếu phụ B : Phép lạ, có chứ !

Thiếu phụ T : Giải phẫu thẩm mỹ là một phép lạ !

Thiếu phụ B : Xưởng cơ khí Tương Lai cũng thế ! Mong sao cho thành...

Thiếu phụ N : (*vui vẻ*) Chắc ăn, trăm phần trăm. (*Oăng oẳng hát giọng Bắc*)

« Cuộc đời vẫn đẹp sao. Tình yêu vẫn đẹp sao. Dù đạn bom man rợ thét gào, dù thân thể triền miên mang đầy thương tích... »

Tiếng xe rần rần, tiếng thắng xe nghiến ken két. Xe ngừng, vẫn để động cơ nổ, rồi tiếng lơ xe gọi « ...xe vào Thành Phố, khởi hành trong mười phút nữa, bà con lên xe... »

Thiếu phụ N : (*đứng dậy, tay sách nách mang*) Đi, mấy chị ! Lên trước, tìm chỗ cạnh cửa sổ (*tất tả đi ra*).

Thiếu phụ T : (*cũng đứng dậy*) Bi chừ đi, tới giờ rồi !

Thiếu phụ B vẫn ngồi bất động.

Thiếu phụ T : (*nhìn, ngỡ ngàng*) Đi chớ !

Thiếu phụ B : (*lắc đầu, giọng vô hồn*) Thế là không vượt biên đi đâu cả. Cả hai sống, như vậy, lạy trời lạy đất, là phép lạ. Chẳng lẽ vào mà phá...

Thiếu phụ T : (*kéo Thiếu phụ B*) Đi thôi ! Không, lỡ xe nữa !

Thiếu phụ B : (*từ tốn gỡ tay Thiếu phụ T*) Chị đi đi ! Em thì lỡ mãi rồi. Lỡ cả một chuyến đời, xá gì một chuyến xe, hở chị !

Thiếu phụ T chậm rãi đi, nhưng ngoái đầu lại, buồn rầu nhìn. Thiếu phụ B lại ngồi xuống, bất động, rồi nhạt nhoà dần như một giấc mơ đành đoạn. Tiếng lơ xe, rồi tiếng xe đò chuyển bánh. Tiếng saxo chơi một đoạn Biển Nhớ cất lên thê lương, rồi lắng xuống, im bặt...

Màn hạ

phân ưu

Được tin Bà Quả phụ Đỗ Ngọc Ái
khuê danh Đặng thị Tỵ

thân mẫu của Chị Nhật Tiến (nhà văn Phương Khanh) vừa qua đời lúc 10 giờ sáng ngày 6 tháng Năm năm 2002 tại Orange County Hoa Kỳ, hưởng thọ 98 tuổi.

Chúng tôi, các văn hữu của Anh Chị Nhật Tiến - Phương Khanh, xin chia buồn cùng Anh Chị, và cầu chúc hương hồn Cụ Bà sớm tiêu diêu Miền Cực Lạc.

Châu văn Thọ, Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Thụy Khuê, Ngu Yên, Nguyễn Khắc Phú, Nguyễn Khánh Hòa, Võ Thắng Tiết, Võ Phiến, Lê Tất Điều, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Đình Toàn, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Viên Linh, Nguyễn văn Sâm, Đặng Phùng Quân, Trần Hoài Thư, Phan Nhật Nam,, Nguyên Vũ,Võ Đình, Trúc Chi, Hoàng Khởi Phong, Cao Xuân Huy, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Đức Lập, Trịnh Y Thư, Nguyễn Mạnh Trinh, Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Hồ Minh Dũng, Triều Hoa Đại, Nguyễn Bá Trạc, Vũ Huy Quang, Tuấn Huy, Định Nguyên, Khánh Trường, Trương Vũ, Vi Khuê, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Trương Anh Thụy, Nguyễn Ngọc Bích,Ngô Vương Toại, Hoàng Xuân Sơn, Nam Dao,Luân Hoán, Hồ Đình Nghiêm,Song Thao.

sau vườn mùa hạ

ĐẶNG HIỀN

Em đã nghe mùa hè trở lại
Sau khu vườn râm ran tiếng ve
Hát khúc nhạc thêng thang trưa nắng
Nắng chừng ui ui mắt cay

Mùa nắng trêu em bằng nỗi nhớ
Anh trêu em bằng yên lặng thờ ơ
Ơ hay đêm về sâu thẳm
Làm sao anh vẽ được em

Sau khu vườn hồ trăng mùa hạ
Là cô đơn rất đỗi tội tình
Em ngồi chép câu thơ yêu đấu
Anh ngập ngừng trong ngoài chiêm bao

Em lại quên như mùa hè xưa
Anh lại quên chưa hề trở lại
Đêm vô tình buồn hơn hạ tưởng
Đêm vô tình và anh nhớ em

Em đã nghe mùa hè trở lại
Sau khu vườn râm ran tiếng ve
Anh suốt ngày như mây đờ đẫn
Hè về hè về tim anh đau...

(tháng 5/ 02)

Chuông

Mai Văn

Trường học bãi ra những đứa trẻ khoẻ, hồng, mắt sáng, môi tươi. Áo màu rực rỡ, giày êm, liếng thoắng nhảy ùa vào dãy xe bóng loáng cha mẹ đang dang tay chờ đợi. Một ngày học dài, mệt. Học trò túa ra theo lệnh tiếng trống, mặt mũi bơ phờ, chân không, cặp rách. Từng nhóm nhỏ ríu rít vô tư rẽ vào xóm nghèo. Bụi tung mù trời. Cô thầy giáo cặp, nón ra xe đạp. Lỉnh kỉnh áo mưa phân phối, vỏ xe, thịt mỡ công đoàn. Một ngày làm việc dài. Dài hơn mười cây số từ trường đạp về nhà.

Coi đi coi lại tờ giấy, chốc chốc lại dừng xe. Suy nghĩ. Từ trường, đi về hướng đường rầy xe lửa. Xổ dốc đường rầy, quẹo trái. Xổ dốc đường rầy không lọt xuống ruộng thì cũng mòn thắng! Vô đường nhỏ, dọc ruộng mía, đếm đủ bảy gò mối. Nhà thằng Sáng ở ngay đó, sát bìa núi.

Ngôi nhà gạch cũ ba gian hẹp. Lơ thơ mặt tiền mấy cây lựu lá nhỏ, cành yếu nặng trĩu trái đỏ tươi. Lựu chợ Mỹ to bằng ba, đỏ rực nằm chơi lăn lóc bên mấy trái dừa khô, khoai mì vỏ bóng, tạo vẻ bản sắc cho chợ nhà giàu.

Phảng phất mùi trầm hương. Lặng lẽ tiếng chuông mõ. Cô Hòa dựng xe đạp bên bụi chuối già, vào nhà. Tranh thủ giờ trống giữa hai buổi họp công đoàn và chuyên môn, cô đi thăm học sinh. Hai lần bị kiểm điểm trong buổi họp toàn trường. Mặc những lời ra tiếng vào. Để làm gì? Cô Hòa bị lôi cuốn thêm một lần nữa. Cô không còn là chủ nhiệm của Sáng. Cô chỉ là giáo viên phụ trách môn. Hãy lo cho lớp của cô. Cô nghĩ là giáo viên chủ nhiệm không đầy đủ trách nhiệm với học sinh Sáng trong trường hợp này? Cô phấn đấu lấy cảm tình riêng với

học sinh, với phụ huynh? Dòm ngó ghế hiệu phó? Những buổi họp công đoàn tranh giành từng miếng thịt mỡ, đôi dép nhựa, đã quá mỏi mệt! Họp tổ chuyên môn mỗi người như đi guốc trong bụng nhau. Nói cười thận trọng. Âm thầm đăng ký thi đua thao giảng, dự giờ.

Bàn thờ Phật giữa nhà bông chuối sơ sài. Sau lưng Thầy chủ lễ y vàng, ba của Sáng thành tâm quỳ đội sớ dài. Chuông mõ nhịp đều điệu buồn tênh! Mọi người trong gia đình lặng lẽ. Mắt đỏ hoe chực khóc nhưng đã cạn khô nước mắt! Cô giáo thấy buồn lây.

Sau tấm màn bạt màu che bàn thờ, Sáng ngồi xếp bằng, ngật ngừ. Căn buồng u ám chật chội nhốt trọn hơi nóng mùa hè. Trên người Sáng chỉ có một chiếc quần đùi đen ngắn. Cô thấy rõ cái lưng ốm, dài của cậu bé mười sáu đầy những vết quất còn rướm máu. Cậu không nhận ra cô giáo chủ nhiệm năm lớp tám.

"Sáng, cô mang sách tới cho em chép bài!".

Sáng mắt nai ngây dại nhìn cô. Ánh mắt chợt rực sáng hờn căm ném vào khoảng không trước mặt. Sáng cười. Sáng khóc. Hai tay đấm mạnh xuống nền đất. Miệng lầm rầm. Tiếng chuông mõ nhịp nhàng đưa câu kinh không che được tiếng rên rỉ từ phía sau màn. Khi to khi nhỏ. Khi tỉnh khi mê.

Cậu học trò lớp trưởng ngồi bàn cuối, danh hiệu tiên tiến cuối năm, trong cơn bệnh, có một lúc nhận ra cô giáo. Cô Hòa nắm vai, giữ chặt hai bàn tay cứng run giật từng hồi trong chốc lát. Cô không ngăn được nước mắt nóng ràn rụa trào ra. Vẫn ánh mắt ngây thơ của cậu học trò thông minh! Vẫn cái vẻ lễ phép với thầy cô! Bỗng như có tiếng gọi từ cõi xa xăm nào, Sáng hốt hoảng giật khỏi tay cô giáo. Ngật ngừ. Lầm rầm. Trừng trừng vào khoảng không trước mặt.

Cô giáo lau vội nước mắt.

Bên ngoài, từng cơn gió hạ nóng hổi tạt vào mặt. Bên bộ bàn bốn ghế đặt trước thềm, mẹ Sáng ngồi rót nước trà tiếp hai bà bạn già. Mấy đứa trẻ hàng xóm bó gối ngồi dưới đất há miệng theo dõi câu chuyện.

...

Hôm qua có thầy chủ nhiệm thằng Sáng bên trường ghé qua thăm. Tôi xin thầy cho nó nghỉ học thêm hai tuần. Nói cho ngay bịnh phát hôm nó đi lao động trồng mì về. Giữa trưa đứng bóng ma quỉ nhập. Thầy Phước Bổn nổi tiếng trị tà ma ở trên huyện nghe thương tâm thằng Sáng còn nhỏ tuổi, tôi năn nỉ lắm Thầy mới xuống cầu an cho ba ngày ba đêm. Nói cho ngay mình nghèo đâu có tiền bạc gì, Thầy phát tâm. Đúng ngọ hôm qua Thầy lấy roi mây trừ tà, quất thằng Sáng túi bụi. Nó khóc. Chạy la khắp xóm. Tôi thấy đau lòng. Mô Phật xin Thầy

nhẹ tay. Nói cho ngay bữa giờ thấy nó bớt. Trị bịnh phải có đức tin. Cả nhà phát nguyện trường trai tiếp sức với Thầy. Thầy đức hạnh cả tỉnh chắc có ai bằng. Tôi biết Thầy xuất gia hồi năm tuổi. Lóng sau nầy Thầy ít đi cúng. Đệ tử thỉnh Thầy mới đi. Nói cho ngay cũng là cái nghiệp. Mà đâu có gì. Chị Huê thương Thầy một mình ốm yếu cáng đáng sao nổi một cảnh chùa. Chị thêm một tay cùng Thầy vun bồi cửa Phật. Làm vậy may ra sám hối giùm chồng hồi làm công an lỡ tay có giết oan người nào. Cơm nước, giặt dũ chị lo. Thầy có thì giờ đi đám, cầu an, cầu siêu. Sáu làng mười ba thôn còn có một cảnh chùa nhỏ này đây. Chị trồng thêm rau cải đất chùa kiếm chút ít nuôi ba thằng con không cha. Nói cho ngay Thầy cho chị tiền sửa cái chái sau chùa làm chỗ ngủ. Phần Thầy trường trai giữ giới. Con nít xóm trên không biết chuyện. Dán giấy ngay trước cửa chùa. *"Sư cọ đầu bum / Đánh trống bùm bùm / Bà vợ lùng bùng / Đẻ con một mắt / Đánh bài tứ sắc / Bị bắt vô lao / Ăn ba hũ chao..."* Mô Phật. Miệng thế gian. Nói cho ngay được cảnh chùa trang nghiêm, rằm, mồng một, đạo hữu có chỗ lui tới cúng bái tụng niệm, cũng là công khó Thầy Phước Bổn với chị Huê. Cái thời còn cỏ mọc hoang phế, Phật ngồi nhện giăng thì không thấy ai nói tới!

...

Tiếng chuông mõ ngưng. Xong thời kinh sám hối. Thầy Phước Bổn xếp y vàng vào tay nải chuẩn bị về. Mẹ của Sáng còn muốn kéo Thầy ngồi lại uống nước trà, vội đứng dậy lấy quạt phe phẩy cho Thầy mấy cái. Thầy mệt mỏi vén áo đạp xe.

Cô Hòa chán nản ra bụi chuối dắt xe về. Nước mắt không làm được gì. Cô tự trách mình. Trách Thầy Phước Bổn. Ít học. Thôi trở về với đồng chí hiệu trưởng cấp 2. Cực kỳ nghiêm trang. Một nhà đại trí thức quan trọng. Trở về với những người bạn dạy học nửa tỉnh nửa mê. Khoe khoang trống rỗng. Tự hào nhảm nhí. Lạc quan dễ dãi.

Con đường đi-về xa mà hoá gần nhờ lấy beltway 495. Ngày đêm xe cộ hung dữ cắm đầu tranh nhau từng khoảng trống nhỏ. Không bụi mờ. Không dốc cao. Xa lộ tuyệt hảo. Mỗi ngày tới trường cô Hòa lái như say trên xa lộ. Rồi mùa thu, cô phung phí cán vô số những chiếc lá vàng. Những cái lá vàng rực hiếm hoi nơi quê cô. Có sá gì một cái lá vàng ?

Hồi chuông điện nhạt nhẽo reo báo hiệu hết giờ. Đâu thôi thúc, đâu rạo rực như tiếng trống trường làng xưa? Không biết giờ này Sáng ra sao?

Tháng 3/02

Tình khúc

truyện đăng nhiều kỳ

Hoàng Chính

(tiếp theo kỳ trước, trích đoạn cuối)

43

Lâu lắm rồi, bác sĩ không còn nói với anh về thời gian; về dự hậu của bệnh ung thư não nữa. Thời gian đối với anh bây giờ là cái gì đó mơ hồ không tưởng. Thời gian co giãn thất thường. Và ngày tháng của anh mang những dáng hình không thuần nhất. Anh thường nằm, mê mê trong cơn say trầm uất. Và ngày tháng trong trí dài ngoằng ra như những hang động bằng cao su bị kéo dài mãi đến vô tận. Rồi cũng thứ ngày tháng ấy, co rút, thắt chặt lại thành khoảng không gian đặc nghịt như cục đất sét bị vo tròn. Anh vùng vẫy trong thứ không gian mộng mị không tên gọi ấy. Mà nghĩ cũng lạ lùng. Từ lúc biết mình bị bệnh nan y đến giờ, anh biến thành những con người khác nhau lạ kỳ. Có lúc, anh như thú điên, lùng kiếm một con mồi để cào xé, đọa đày cho thỏa cơn giận dữ. Có lúc, anh trở thành một vị thánh hiền hòa, bao dung, cao cả ngần nào. Anh thèm ôm tất cả nhân loại vào đôi vòng tay gầy guộc như hai thanh củi nỏ. Có lúc anh là tín đồ ngoan đạo. Anh về quỳ dưới chân Chúa, nài nỉ một ân huệ. Chúa ơi, cho con thêm một thời gian nữa thôi; một thời gian ngắn. Chừng hai ba tháng trời. Cho con thêm một mùa hạ nữa chẳng hạn. Để con có đủ thời gian thuyết phục người con gái ấy, rằng con là kẻ duy nhất trên thế gian này yêu nàng với tấm lòng chân thật; để con có thời gian viết cho trọn câu chuyện của hai người. Thế thôi. Cũng có lúc anh lại thành kẻ hiền lương; một thứ người công chính

trong Kinh thánh. Anh bao dung với cuộc đời. Anh muốn tới bắt tay gã đàn ông chở em tới hãng (chắc em chỉ đi nhờ xe tới hãng thôi) bằng chiếc xe Nhật Bản thứ thiệt. Anh muốn gửi gấm em cho hắn. Em gái tôi đấy. Cậu hãy lo cho cô ấy tới nơi tới chốn. Tôi có việc phải đi xa. Nhờ cậu hết đấy! Đám tang vào một chiều thứ bảy. Hay thứ sáu? Mà hôm nào thì cũng vậy thôi. Buổi sáng hay buổi chiều? Buổi sáng thường êm ả, tinh khiết hơn buổi chiều. Không hẳn vậy. Buổi chiều đi. Buổi chiều em làm việc trong hãng, không thể tình cờ bắt gặp đám tang anh trên đường phố được. Cầu trời cho hôm đó có tuyết rơi. Anh thèm được ngủ vùi trong tuyết trắng. Tuyết phủ kín xác thân èo uột của anh. Em đi lang thang một hôm nào đó trong nghĩa trang, bắt gặp ngôi mộ có cái tên quen. Anh sẽ không cho in hình vào tấm bia. Em ngỡ mộ của ai đó trùng tên anh. Mà biết lúc đó em có còn nhớ tên anh không. Cũng dám quên lắm chứ Thục Quyên nhỉ. Thôi anh ngừng viết. Cô y tá lại đẩy cửa bước vào thăm cái bọc nước biển nữa rồi đây.

44

Người con gái vào nghĩa trang thăm mộ bà ngoại của một cô bạn. Bây giờ đang là mùa hạ. Trời xanh thăm thẳm, và gió hây hây luồn qua kẽ tóc nàng. Cô bạn ngồi ủ rũ trên nền đất bằng phẳng trải cỏ xanh. Tấm bia ở ngay phía trước. Người con gái bỏ mặc bạn ở đó với nỗi buồn, đi lang thang dưới những tàng cây rậm lá. Có tiếng chim gọi nhau trên không. Những con chim lạ hoắc. Nàng tò mò nhìn những tấm bia đá nằm san sát bên nhau. Nàng đọc thầm những cái tên lạ. Ông già này chết năm bảy mươi tám tuổi. Thọ quá. Còn cô gái này chết quá trẻ. Chắc là chết vì tai nạn. Bức hình tươi rói một nụ cười khắc trên bia đá. Không có vẻ gì bệnh hoạn. Chắc là chết vì tình. Ễ bên Việt Nam có thiếu gì người chết vì tình. Dù bây giờ có vô số người chết vì đói, vì chiến tranh với Khờ Me Đỏ, vẫn còn không ít những người chết vì tình. Nàng nghĩ thầm. Việc gì phải khổ sở thế nhỉ. Người ta không thương mình thì thôi. Cứ giả bộ quên đi, rồi cũng quên thật mấy hồi. Nàng thong thả bước đi. Một cái tên quen. Nghĩa trang này cũng có người Việt Nam nữa. Nàng đọc thầm cái tên. Ánh lửa nhá lên trước mắt nàng. Đầu óc nàng quay quay. Cái tên giống hệt tên người đàn ông đã đưa đón nàng thuở trước. Ai đâu mà trùng tên chi ác như vậy không biết. Rồi trùng luôn cả năm sinh nữa. Mắt nàng hoa đi. Gió âm u thổi bên tai nàng. Nàng chóng mặt. Trời đất tối thui. Hai đầu gối nàng sụm xuống. Những ngón tay nàng níu lấy cụm cỏ xanh trên nền mộ phẳng phiu. Tai

nàng loáng thoáng nghe tiếng cô bạn loãng đi trong gió. "Quyên ơi, làm gì ở đó vậy? Về thôi. Sắp tới giờ đi làm rồi..."

45

"Làm gì mà thừ người ra vậy hở Quyên?" Cô bạn lắc vai nàng.
"Ngôi mộ chi mà tàn tạ!" Nàng thở dài.
"Ngớ ngẩn quá, cô ơi."
"Làm lại tấm bia mộ hết bao nhiêu Thu nhỉ?"
"Ai biết đâu. Mà mắc mớ gì hỏi chuyện đó chứ."
"Mình sẽ xây lại ngôi mộ này..."
Cô bạn nhìn nàng đăm đăm. "Chi vậy?"
"Phải xây lại, Thu à."
"Ngớ ngẩn. Khi không xài tiền một cách phí phạm..."
"Cứ coi như mình làm một việc thiện."
"Dư tiền để làm việc khác có lý hơn; đưa tôi xài dùm cho chẳng hạn..." Cô bạn cười rộn rã sau câu nói đùa.
"Tiền bây giờ dư giả, mình muốn làm một việc gì đó có ý nghĩa..."
"Lẩm cẩm!"

46

Những cơn mê sảng tuyệt vời. Anh thấy em; thấy em đi với bạn vào nghĩa trang, tình cờ gặp mộ anh. Em đòi xây lại cho coi được. Sau đó chuyện gì xảy ra anh cũng không biết nữa. Bởi vì đúng lúc em quỳ xuống trên thảm cỏ xanh non, hai mắt nhìn đăm đắm xuống cánh hoa dại mầu vàng phủ trên mộ anh, giống như cánh hoa cẩm chướng em nói với anh độ nào trong quán hẹn, thì ông bác sĩ chuyên khoa vào tới, lay anh dậy, hỏi han chiếu lệ như vẫn thường thăm hỏi mỗi ngày.

Rồi ông yêu cầu anh đánh vần tên và địa chỉ người thừa kế. Anh ngập ngừng một chút, rồi mạnh dạn đọc cho ông ta viết tên em. Cả số điện thoại nữa. Lâu quá không gọi; chẳng biết có còn nhớ đúng không.

47

Căn phòng trống trải. Mùi ẩm mốc làm anh nghẹt mũi. Anh dẫn em lại đó. Căn phòng của thằng bạn độc thân. Em nhìn quanh quất căn phòng bằng đôi con mắt ngại ngần.

"Phòng gì... ghê!"

"Tại nó mắc đi làm tối ngày..." Anh lừng khừng bênh vực thằng bạn.

Rồi anh xoay lại, ôm chầm lấy em, hôn lấy hôn để. Em giẫy dụa. Em uốn éo quanh co. Em khỏe hơn anh rồi. Thành ra anh buông em ra. Ngơ ngẩn. Phải em không Quyên? Anh nhìn sâu vào đôi mắt thất thần. Phải em không vậy? Sao em tránh né những nụ hôn. Anh hỏi em sao vậy bằng giọng hơi sẳng.

Giọng nói của em nghe như mảnh thủy tinh có những đường rạn vỡ, "Em sợ!"

Anh chợt nhớ là anh đã hứa không làm em sợ. Nhưng không có cách nào khác hơn. Anh run run từ tốn cởi cúc áo cho em. Anh cởi xong cúc áo thứ ba thì em cũng cài xong lại cúc áo thứ nhất. Rồi anh lại bắt đầu từ cái thứ nhất. Cứ thế, chúng mình say mê với cái trò chơi trẻ con hứng thú. Nhưng sau cùng anh thắng. Anh được hôn lên ngực em một lần như em giao hẹn. Anh mê chất mầu hồng lợt của thịt da. Anh bần thần hôn lên cái mụn ruồi ở khoảng trũng sâu phía dưới chiếc cổ thon, dài. Rồi anh gian lận. Rồi môi anh biến thành cây cọ của người nghệ sĩ sơn miết lên chất mầu hồng thơm ngời ân sủng.

Em ngọt mềm như cây trái đầu mùa. Em tan biến nhập nhằng trên chiếc sofa bed kẽo kẹt những âm thanh mưa móc. Anh hụt hơi leo trèo dốc cao hạnh phúc. Em như ngọn gió trên đỉnh đồi cheo leo. Anh miệt mài rướn cao trên những ngọn cây tìm bắt những cơn gió nồng nàn. Và anh hụt hẫng lao đao. Anh chóng mặt quay cuồng. Em ở đó chứ đâu. Anh thấy em rõ ràng. Nhưng sao anh vẫn như chơi vơi, ngụp lặn trong vũng không khí keo đặc.

Rồi căn phòng mốc meo biến đi. Anh ở đâu đó phía sau những thanh sắt đan dầy khung cửa hẹp. Em dẫn một đứa bé đang chập chững tập đi, đến thăm anh. Em không nói một lời. Thằng bé giống anh như đúc. Anh lặng người trong cảm xúc. Mãi, mới hỏi em được một câu.

"Con ai vậy, Quyên?"

Em lặng thinh.

Thằng bé loay hoay mân mê cái chấn song sắt rỉ sét.

Rồi em dắt tay thằng bé, thì thào vào tai nó, (em nói nhỏ nhưng anh nghe được rõ ràng.) Em bảo, "Con chào ba đi!"

Nhưng thằng bé chỉ nhìn anh đăm đắm. Rồi em dắt nó đi. Anh cuống cuồng réo gọi. Anh hung hăng bẻ cong những thanh sắt chặn lối ra. Anh đạp giẫy điên loạn. Anh réo gọi tên em rát cổ, khàn tiếng, tê môi, ê ẩm lồng ngực. Nhưng em không nghe thấy gì. Em coi như không có anh trên cõi đời này...

48

"Hình như ông có điều gì muốn nói?"

Người con gái nhìn anh bằng cái nhìn mềm mại qua đôi mắt mầu hạt dẻ. Những sợi tóc vàng rũ xuống trên vừng trán, vạch những nét cong trên chiếc sóng mũi cao và đôi môi mịn màng mầu son lợt.

Anh quăng tia nhìn ra phía sau người con gái, như người ngư phủ rộng tay quăng mẻ lưới vào hư không. Tia nhìn của anh vướng lại trên vách tường mầu xanh nhạt. Anh ngẩn ngừ như người vừa mới thoát ra khỏi giấc ngủ đầy mộng mị giữa ban ngày.

"Phải vậy không?" Cô gái nhắc lại.

"Tôi cũng không biết nữa," anh trả lời, mắt vẫn nhìn đăm đắm vào khoảng không mờ ảo phía sau lưng thiếu nữ.

"Tôi có cảm tưởng ông đang tìm kiếm một thứ gì đó ở đáy sâu thời gian."

"Sao cô biết?" Anh hỏi lại bằng cái giọng phát âm tiếng Anh èo uột.

"Nhìn vào mắt ông, tôi biết ngay chứ."

Anh thu tia nhìn lại từ bốn phương trí tưởng, tuôn đổ vào khuôn mặt trắng hồng, khả ái của người con gái da trắng ngồi ân cần bên giường bệnh của mình.

Anh muốn nói một câu gì đó để tán dương cái nhan sắc ngọt ngào, thanh cao của nàng, nhưng tìm hoài không ra một chữ nào vừa ý. Lâu lắm rồi anh không học thêm tiếng Anh. Mà học thêm làm gì nữa chứ. Ễ thiên đàng (hay địa ngục?) nơi anh sắp đến, có dùng tiếng Anh hay tiếng Việt làm ngôn ngữ chính thức đâu.

"Say something." Cô gái chợt nói.

Câu nói quen thuộc gỡ bung miếng băng keo đang dán cứng lấy vết thương dường như chưa kịp kéo da non trong trí nhớ. Câu nói làm bung ra vết cắt chưa khép miệng. Và máu chảy ướt đẫm tâm can anh. *Say something!* Cái câu ngày xưa em vẫn nói. *Say something!* Nói gì đi anh. Nói gì đi. Ngồi im lặng hoài kỳ thấy mồ. Khi không những giọt nước ứa ra mí mắt anh. Kỳ cục quá. Có vậy thôi mà cũng không cầm lòng được. Cô gái cầm vội lấy bàn tay xương xẩu của anh. Bàn tay nàng ấm áp như vừa hong trên bếp lửa. Bàn tay nàng không lạnh và ẩm ướt như bàn tay em. Nàng ân cần và tha thiết hơn em vô cùng, nhưng nàng cứ khơi ra trong anh những kỷ niệm ngọt ngào thuở trước, làm anh cuống cuồng che dấu những biểu lộ tình cảm yếu mềm.

"Are you OK, Quyen?" Nàng bóp nhẹ những ngón tay anh, và đọc

tên anh thành "Quai-en" nghe xa lạ vô cùng.

"Yes." Anh nuốt cơn nghẹn, thì thầm trả lời.

"God loves you so much." Thượng đế yêu ông vô cùng. Tại sao nàng không dám thay thế chữ God bằng chữ I nhỉ. Anh thích nghe Em yêu ông vô cùng, hơn là Chúa yêu ông vô cùng.

Nhưng đó chỉ là niềm ước muốn cuối mùa.

Anh hít một hơi thở dài, nén xuống trong lồng ngực. Cảm giác đau như những ngón tay táy máy cào xước thân thể anh. Anh cố gắng đổi đề tài. Anh muốn nói chuyện trời mưa trời nắng; anh muốn nói những chuyện gì đừng gợi nhớ tới em.

Nghĩ một hồi, anh nhớ ra.

"Mấy hôm nay chắc ba cô bận?"

"Ông cứ gọi tôi là Angela. Không. Đúng ra là ba tôi bị cúm, thành ra không đến thăm ông được."

"Ba cô hiền lành nhất thế gian." Anh ngậm ngùi.

"Ông cũng vậy. Từ trong những câu nói của ông tỏa ra sự bao dung."

Giọng nói Angela đều đều bên tai anh. Nàng đâu biết rằng anh là kẻ đã ngang ngạnh gỡ bỏ đi những điều răn của Chúa. Và anh cũng là người đã rủ em đi vào một ngõ hẹn hò trăng mật.

"Cô nhắm chừng khi nào ông mục sư mới hết bệnh?"

"Ba tôi cũng hơi yếu, thành ra chỉ một cơn bệnh cúm nho nhỏ, cũng làm ông nằm liệt cả tuần lễ. Nhưng bây giờ chắc cũng khá hơn mấy hôm trước nhiều." Angela nói một thôi. Rồi mỉm cười nhìn anh thật nhân từ. Lâu lắm, mới lại có một đôi môi hồng thắm, nở ra cho anh những nụ cười đầy tin yêu.

Rồi Angela đổi đề-tài, "Mấy bữa nay ông ăn uống được không?"

"Cũng được..."

Anh ngần ngừ một chút, rồi buông lơi câu trả lời. Hình ảnh chén súp khoai tây mầu vàng lợt lạt, điểm lấm tấm những miếng cà rốt mầu đỏ cam hiện ra trong trí tưởng, xen lẫn với vài miếng bánh mì nướng mầu nâu khô khốc. Những món ăn giống nhau như một sự lập lại nhàm chán.

"Ông có cần tôi giúp gì không?" Angela bóp nhẹ những đốt ngón tay xương xẩu của anh.

Anh nghĩ đến tô phở tái nạm bốc khói, với những nét phết xanh biếc dọc ngang của rau thơm, những khoanh ớt đỏ vướng ở đầu đôi đũa ngà một lần nào đó anh với em trong quán ăn Việt Nam ở trung tâm thành phố. Nước miếng anh trào ra đầy miệng. Anh nuốt cơn thèm thuồng rẻ rúng xuống bao tử. Và nuốt luôn bóng dáng em mềm mại

khói sương.

"No, Iõm OK." Anh trả lời với nụ cười mỏng teo như giấy vở học trò. "Cám ơn Angela; cám ơn nhiều lắm..."

49

Mấy hôm nay cơn đau quyện lấy anh như những cánh tay bạch tuộc vắt ngang thân thể con mồi yếu đuối. Bác sĩ tăng liều lượng thuốc giảm đau và an thần trong chai nước biển trong vắt. Anh tỉnh tỉnh mê mê những cơn ngủ ngày đồng thiếp. Những hình ảnh chung quanh nhập nhòa trước mắt.

Tiếng nhạc giáng sinh tỏa ra từ chiếc loa nhỏ gắn trên trần nhà rót đầy không gian nồng ấm. Những bài hát giáng sinh cứ nhắc nhớ anh tới những ngày tháng đã qua của thời tuổi trẻ. Tiếng chuông. Tiếng chuông giáo đường ngân nga trong trí nhớ. Em đến thăm anh trong bệnh viện. Em đến thăm anh trong nghĩa trang. Em đến thăm anh trong căn phòng chung cư chật chội. Em thấy anh đi với người ta. Có biết bao nhiêu người thương anh. Em biết hết. Nhưng chả sao. *I donõt care!* Em cứ lờ đi. Những con đường anh đã đưa em đi qua. Những con đường thành phố thẳng tắp. Những con đường se sắt cái lạnh buổi sớm mai. Những con đường viền hai hàng cây trơ trọi cành khô và lá mục. Em đến thăm anh trong bệnh viện. Em sững sờ nhìn gã bệnh nhân gầy gò nằm co quắp bên dưới tấm chăn dày. Dây nhợ vướng vít chung quanh. Giọt nước biển trong veo từ từ nhỏ xuống sợi dây dài vòng vèo nối với mũi kim nhọn. Những vết đâm bầm tím lưng bàn tay. Đám tĩnh mạch mầu xanh thẫm. Cô y tá bước vào thăm chai nước biển. Dường như cô y tá có mỉm cười với anh. Hay là cô ta mỉm cười với bọc nước biển, lúc quay về phía anh nụ cười còn vướng trên môi. Cô y tá giống em lạ lùng. Cô y tá ơi. *Could you do me a favor? Sure.* Cô có thể giúp tôi một chuyện được không? Được chứ. Tôi có thể hôn cô được không? Cô y tá sựng lại đôi chút, rồi lại mỉm cười. Cô y tá giống em. Anh thèm hôn em một lần cuối. Anh chả đòi có với em một đứa con nữa đâu. Anh chỉ cần một nụ hôn. Lẩm cẩm quá phải không. Em vẫn mỉm cười. Em nhìn anh đăm đăm. Rồi em lẩm bẩm bằng tiếng Anh. Sao em nói với anh bằng tiếng Anh như vậy nhỉ. Em bảo, chắc tôi phải báo cho bác sĩ giảm bớt liều thuốc an thần. Nhiều quá, ông mê sảng, không tốt. Nhưng mà anh có mê sảng bao giờ đâu. Anh vẫn tỉnh táo. Bằng chứng là anh chẳng nhớ ai khác ngoài em. Phải không, hở Thục Quyên?

50

Bây giờ nếu như có một bà tiên, hiện ra cho anh một điều ước nhỏ, anh sẽ chỉ xin lại một hẹn hò. Anh sẽ đưa em đi "vòng vòng". Rồi dừng lại trong khu công viên còn khẳng khiu những cành cây trụi lá. Anh sẽ đưa xấp giấy này cho em đọc. Và khi em vừa đọc xong những dòng chữ cuối, đôi mắt còn rưng rưng cảm xúc, anh sẽ nói nhỏ với những sợi tóc mầu đen nâu; những sợi tóc chẻ đôi ở ngọn; những sợi tóc ôm ấp một bờ vai mềm, rằng đó là lời tỏ tình của anh; lời tỏ tình viết ngày viết đêm; lời tỏ tình viết giữa những cơn đau ngặt nghèo và nỗi nhớ chất chồng năm tháng; lời tỏ tình viết trên giường bệnh viện, trong trại ung thư xa lạ đến vô cùng; lời tỏ tình có tên là Tình Khúc, (anh chẳng biết lựa tên gì khác bây giờ nữa!) Lời tỏ tình chân chất hơn bất kỳ câu I love you nào trên thế gian này; kể cả câu anh đã nói với em trong rừng thu độ nào. (Chỉ nói I love you không thôi thì ai mà không nói được!)

Nhưng biết tìm đâu ra một bà tiên hiền hậu cổ tích bây giờ, hở Thục Quyên?

51

Giữa tháng mười hai rồi mà vẫn chưa có tuyết. Anh nằm nghiêng đầu, nhìn lơ mơ ra phía ngoài khung cửa sổ. Vẫn một khoảng chữ nhật mầu xám tối. Một đôi khi nắng vỡ ra từ những đám mây. Những vạt nắng mỏng trong veo đùa giỡn trên khung cửa sổ. Rồi chỉ trong chốc lát, những mảnh nắng mềm ấy tan đi, như bị cuốn hút vào bầu trời tháng chạp xám ngắt mầu chì. Anh chờ cơn tuyết đầu mùa như chờ một niềm vui không tên gọi. Cũng có thể tuyết sẽ rơi đúng ngày người ta chôn cất anh. Tuyết sẽ phủ xuống trên nền đất đen xỉn, biến nơi anh an nghỉ thành một vùng trắng xóa, tuyết sẽ đọng trên cây, đong đưa đầu những cành khô gầy guộc. Anh nhớ một cuốn phim Nhật Bản đã coi hồi trước. Câu chuyện về những người già ở một vùng núi non, theo phong tục, thường được con cái đưa lên bỏ chết cóng ở một vùng núi non hiểm trở, để thần linh rước họ đi. Và nếu như lúc họ vừa đến vùng núi non đầy xương khô và quạ với kên kên ấy mà tuyết rơi, thì đó là một điềm may mắn cho họ, rằng thần linh đã đến đón kịp thời. Anh không nghĩ đến thần linh. Anh chỉ nghĩ đến nét đẹp dị kỳ của cơn tuyết đầu mùa. Những bông tuyết mềm trải thảm trên ngôi mộ phẳng lỳ còn thơm mùi đất mới. Vậy thôi.

À mà anh đã kể cho em nghe chưa nhỉ. Chắc là chưa. Bác sĩ bảo rằng anh sẽ ra đi êm ả, như sương, như khói. Anh sẽ chìm dần vào

cơn mê ảo muội. Cơ thể anh còn đó. Những ngón tay níu kéo vai em độ nào vẫn còn sống, còn thở. Mạch ở cổ tay vẫn chạy. Nhưng đầu óc anh sẽ đi xa, đi trước, vào cõi mịt mù vô tận. Ở đó không còn biết gì đến những cơn đau xẻ da, cắt thịt. Vài ngày; có khi là vài tuần. Có trường hợp người ta tỉnh lại sau vài ngày hôn mê. Còn anh, không ai có thể biết trước được. Nhưng ai cũng biết chắc một điều. Không đau đớn; hoàn toàn không đau đớn. Tình trạng ấy hình như tiếng Anh gọi là coma thì phải. Chữ này, anh nhớ có gặp đâu đó đôi ba lần...

52

"... Chúa sẽ đón ông đi bình an."

Dứt lời cầu nguyện, ông mục sư trấn an anh, một tay nắm lấy bàn tay anh, tay kia vẫn ôm cứng cuốn sách kinh có mạ vàng ở gáy.

Anh mệt mỏi lắm rồi. Anh không muốn nói bất cứ một câu nào. Lòng trí anh nặng nề như cối đá. Những khuôn mặt hồng hào che kín tầm mắt, khiến anh không nhìn thấy được những ngõ ngách mình đã đi qua nhập nhằng giữa hư và thực.

Cả ông bác sĩ và cô y tá lẫn người y công cùng có vẻ nhấp nhổm, chờ đợi một thứ gì đó không tiện nói ra. Những kẻ đưa tiễn kỳ quái. Có ai đi tiễn một người quen, mà lại mong cho tầu chóng rời bến chứ.

Nhân viên bệnh viện nhìn nhau, nháy mắt với nhau. Cô y tá kín đáo đưa tay xem đồng hồ. Anh hiểu chứ! Người ta chờ anh "đi" đấy mà.

Còn chừng hai chục phút nữa chứ gì. Xin chào hết mọi người. Chào bố mẹ, anh em; chào những bạn bè còn ở lại bên kia đại dương; chào những người quen trong thành phố nhỏ bé, dễ thương xứ người. Còn ai nữa nhỉ. Em. Vâng, chào em. Những vòng tròn quay cuồng trước mắt. Mây trắng tràn vào căn phòng chật hẹp. Mây đóng thành băng, rụng xuống những đầu ngón tay buốt lạnh. Những đầu ngón tay nước đá cứng ngắc. Mười đầu ngón chân tê buốt. Chăn nệm nhẹ tênh như sương mù bập bềnh. Ông mục sư, ông bác sĩ chuyên khoa, cô y tá, người y công nhòa nhập vào nhau. Nét phiền muộn vướng trên những khuôn mặt trắng hồng. Chúa sẽ đón ông đi bình an. Đầu óc anh nhởn nhơ như cụm bông gòn chao bay trong gió nhẹ. Cho tôi tờ giấy, cây bút. Hình như anh gào lên như vậy. Ai đó dúi vào tay anh tờ giấy. Anh nghe rõ tiếng xột xoạt. Cây bút Bic đã mở nắp sẵn. Anh viết. Như con thú say máu, hung hăng xé mồi. Anh viết những dòng cuối của xấp bản thảo. Anh lật sang trang. Hình như có một tờ giấy tuột ra, chao rụng xuống nền nhà. Bàn tay ai đó kềm giữ dùm anh tấm bìa cứng. Cây bút Bic viết ngược không

ra mực. Ai đó nhét cây bút chì vào tay anh.

Cô ấy đây rồi. *Here she is!* Anh nghe tiếng nói quen thuộc. Hình như Angela. Đúng là Angela. Angela tới muộn. Nhưng cũng còn kịp. Anh ghi vội lấy tên nàng lên trang giấy.

Bóng người lờ mờ đổ xuống trước mặt anh. Anh, anh sao vậy? Sao bệnh mà không cho em biết. Giọng nói của em. Rõ ràng là giọng nói của em. Dù tai ù như thân thể đang lao vùn vụt xuống vực sâu, anh vẫn nhận ra giọng nói của em.

Ai đấy? Anh thều thào hụt hơi. Em đây. Thục Quyên đây mà!

Khuôn mặt xanh xao nhạt nhòa trước mắt. Mái tóc đen rũ xuống trước vừng trán cao. Chắc chắn là em rồi. Chỉ có mình em tóc đen. Giọng em ướt sũng. Anh sao vậy? Sao không gọi cho em? Anh đâu có thương em! Chúa ơi. Sao biết anh ở đây? Anh cố nguyệch ngoạc những chữ quơ quào viết bằng bàn tay không còn máu huyết. Anh viết cái gì thế? Em. Em đấy sao? Sao em biết anh ở đây? Anh lắp bắp mà tay không rời cây bút chì. Anh thành thằng người máy viết cuống cuồng những dòng chữ cuối đời. Em khóc sụt sùi. Có một giọt nước mắt ấm áp nhỏ xuống cánh tay anh. Một giọt khác nhỏ xuống má anh. Anh xoay qua một bên, tránh dòng tóc lòa xòa, cố nhìn đăm đắm vào trang giấy dở dang chữ viết. Những dòng chữ đã mờ căm nhưng anh không thể ngưng viết. Em khóc. Trời ơi, em khóc như mưa như gió. Viết xong những dòng chữ này, anh sẽ quăng xấp bản thảo xuống đất. Anh sẽ ôm choàng lấy em. Em mặc áo mùa đông dày cộm. Anh sẽ siết em cho ngộp thở. Anh sẽ bảo em là bây giờ anh không dụ dỗ em bỏ Mười điều răn nữa đâu. Em sẽ ngoan đạo như chưa hề ngoan đạo. Và anh sẽ nói anh yêu em luôn cả ở đời kiếp khác. Em tức tưởi cởi bỏ áo choàng, quăng xuống sàn nhà. Em ôm chầm lấy anh. Em tì ngực vào cánh tay anh. Ngực em mềm và ấm như chỗ nằm quen hơi trên mặt nệm. Em khóc lớn quá. Anh không thương em. Anh dấu em. Không. Anh có đi tìm em... Cứ hỏi ông bác sĩ.. không phải... hỏi ông mục sư mà coi. Rồi anh gọi điện thoại... gọi bao nhiêu lần. Anh không thương em. Anh dấu em... Mẹ già rồi. Mẹ đâu có ở với em suốt đời. Hở Quyên. Không phải tại mẹ. Tại anh không thương em. Anh bảo anh bị phong thấp. Em tin anh. Em nói lung tung, Quyên ơi. Em hôn cuống cuồng lên môi, lên mắt anh. Không gian anh ngập một mùi hương của tóc. Em tưởng anh có bồ tây nên tìm cách xa lánh em. Em gọi lại anh, cô gái tây bắt phôn, không cho em nói chuyện với anh. Em biết anh ở ngay đó chứ đâu. Em tưởng anh thôi em. Tưởng anh bỏ em. Em nhận lời cầu hôn của người ta. Rồi em tra tự điển, em hỏi bác sĩ gia đình nghĩa chữ tumor. Em cuống cuồng

gọi cho anh. Điện thoại anh bị cắt. Em lại cả hãng anh, người ta bảo anh quit job. Em lại tưởng anh bỏ thành phố này, để khỏi thấy mặt em; để đi ở với vợ tây. Em không còn biết đâu là thật đâu là giả. Anh không thương em. Chắc chắn. Thôi, cho anh dặn một điều. Nhớ nghe Thục Quyên, đừng bỏ... Mười điều răn. Không cần thiết... nữa đâu. Em tức tưởi. Nước mắt nhòe nhoẹt cả mặt anh. Không phải vậy đâu. Anh thương em hơn những... trang bản thảo, hơn những truyện ngắn, truyện dài... anh viết nhiều chứ. ừ thì anh... ngưng viết đây. Mai mốt... sửa lỗi chính tả... dùm anh... Văn phạm nữa. Nhiều lắm... ừ. Anh... thôi viết rồi... Thật mà... Anh chóng mặt. Trời đất... tối mù. Không... thở được... Không gian... trắng mỏng... Em, em yêu dấu... Còn mãi.. 10 điều răn... Nhớ... Xấp... bản... thảo này... như... một lời... t.. ỏ t... ì... n... h... Q.. u.. y.. ê.. n...

Hoàng Chính
Viết xong thứ tư 26 tháng 10, 1994
sửa xong lúc 6:30 ngày 13 tháng 06, 1995

hộp thư

*** Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:**

Nguyễn Đình Phụng (Al Paso TX), Hoang Nguyen (Lawndale CA), Hoàng Xuân Thanh (San Francisco CA), Dr. Phan van Thinh (Rockville MD), Nguyễn thị Sương (Houston TX), Thái thị Bích Lan (Bonn Germany), Phạm văn Minh (Australia), Ngô Nhựt Tân (Orléans Canada), Nguyễn văn Thiệu (NSW Australia), Thu Thuyền Lưu (Richardson TX), Hoàng Anh Tuấn (San Jose CA), Vi Khuê (Burke VA, Ho Huu Lam (Dorchester MA), Tu Luc Bookstore (Westminster CA), Lai & Lieu Tran (Cocoa FL), DaiTrang Tran (Sacramento CA), Phù thị Kiêm Anh (Grand Prairie TX), Tam Nguyen (Vienna VA), Medex Drugs (San Jose CA), Nguyễn Nam An (Santa Ana CA, đổi địa chỉ qua email), Nguyễn Kim Sa (France, gia hạn qua liên lạc với Mr Lê Tất Luyện email), Nguyễn Mạnh Thắng (Ottawa Canada), Hoài Ziang Duy (Annadale VA), Quang Nguyen (Houston TX), Ha thi Hong Mai (Phoenix AZ)

*** Bài nhận được qua bưu điện:**

"Yêu sông", "Vô cớ Hạ Long" gửi rừ Westminster CA, "Các cách chết khác nhau" truyện phóng tác gửi từ Garden Grove CA, "Bụi đường", "Rừng xưa", "Hoa cỏ" "M Bậu", "Ngoại tình"..gửi từ Sacramento CA, "Nếu có những điều", "Lòng ước như mây" gửi từ Chamblee GA, "Vỗ về", "Điểm tựa" gửi từ Long Beach CA

Tin Văn

Thế Quân

Tin Văn kỳ này xin giới thiệu hai nhà văn di dân: Ha Jin, gốc Trung Hoa và Edwidge Dantican, gốc Haiti.

Ha Jin

Giới phê bình văn học Hoa Kỳ nói chung, khi nhận xét về nhà văn (và cũng là nhà thơ) Ha Jin (*), đã ca ngợi ông là người mở ra một chương mới trong tiểu thuyết viết bằng Anh ngữ dành cho độc giả phương Tây. Jim Grimsley, giám khảo giải văn chương PEN/Hemingway năm 1997 phát biểu: "Ha Jin sáng tạo ra một loại văn chương hoàn toàn mới mà chỉ có ông mới viết được vì ông đã từng sống ở đó (Hoa Lục). Ông lớn lên nói tiếng Trung Hoa...nhưng lại viết văn bằng Anh ngữ về những kinh nghiệm sống trực tiếp của mình". (dẫn theo Stacey Wilkins, CNN, 4/3/2000). Còn Frank Manley, trưởng khoa viết văn trường đại học Emory cho rằng "Tôi xem Ha Jin không chỉ là một trong những nhà văn trẻ Hoa Kỳ quan trọng nhất mà còn là một trong những nhà văn hiếm hoi nhất. Ông là thiên tài thực sự duy nhất mà tôi từng biết ..." (dẫn theo John Thomas)

Đọc qua những giòng nhận xét trên, có lẽ trong chúng ta không ai không khỏi giật mình tự hỏi: Ha Jin là ai mà ghê thế? Có đúng đó là những nhận xét khách quan hay nhà văn Mỹ gốc Trung Hoa này nhờ bạn bè, người quen viết bài điểm sách khen lấy khen để, để bán sách hoặc để...chơi cho vui? Trước khi trả lời những câu hỏi trên, ta thử nhìn qua một vài dữ kiện. Ha Jin tập tễnh sáng tác bằng Anh văn cách đây chừng 14 năm (1988). Tác phẩm đầu tay là một tập thơ có tựa đề "Between Silences" do "University of Chicago Press" xuất bản năm 1990.

Từ đó đến nay, ông xuất bản thêm 7 tác phẩm nữa, tức là 8 tác phẩm tất cả:

- Ba tập thơ: Between Silences, Facing Shadows, và Wreckage.
- Ba tập truyện ngắn: Ocean of Words, Under the Red Flag, và The Bridegroom
- Hai truyện dài: In the Pond, Waiting.

Trong số 8 tác phẩm nói trên, có 3 tác phẩm đoạt các giải văn chương Hoa Kỳ. Tập truyện ngắn đầu tay "Ocean of Words" đoạt giải văn bút PEN/Hemingway năm 1996. Tập truyện ngắn thứ hai "Under the Red Flag" đoạt giải "Flannery O'Connor Award for Fiction" năm 1997. Riêng truyện dài "Waiting" đoạt hai giải: giải "National Book Award" năm 1999 và giải "PEN/Faulkner Award for Fiction" năm 2000. Cũng cần lưu ý, những giải trên không phải là giải dành cho các tác phẩm nước ngoài mà là dành cho những nhà văn Hoa Kỳ chính cống. Để đoạt những giải như thế, Ha Jin phải đánh bại hàng bao nhiêu nhà văn trứ danh khác của Hoa Kỳ. Riêng về giải "National Book Award", trong lịch sử 50 năm của giải, Ha Jin là người thứ ba mà Anh văn không phải là tiếng mẹ đẻ, đoạt giải. Hai tác giả kia, một là Isaac Bashevis Singer (gốc Do Thái, đoạt giải Nobel văn chương năm 1978) và Jerzy Kosinski (cũng gốc Do Thái).

Ha Jin, tên thật là Xuefei Jin (*), sinh năm 1956 tại một thành phố phía bắc Trung Hoa, thuộc tỉnh Liêu Đông. Cha là một sĩ quan trong Quân Đội Nhân Dân Trung Cộng. Lúc còn nhỏ, ông mới đi học được 2 năm thì trường được lệnh đóng cửa vì Mao Trạch Đông bắt đầu thực hiện cuộc Cách Mạng Văn Hóa. Gia đình Jin cũng là một trong những đối tượng bị phê phán. Sách của cha ông bị mang ra đốt. Mẹ ông thì bị phê bình dữ dội. Không biết làm gì hơn, ông phải gia nhập Hồng Vệ Binh. Trong mấy năm trời, ông phải "mang băng đỏ, vẫy cờ và hát những bài ca cách mạng". Đến năm 14 tuổi, ông khai gian tuổi để được gia nhập quân đội, chỉ vì lúc đó, nhà nước tuyên truyền rằng Liên Xô sắp tấn công Trung Quốc mà ông thì không muốn chết tại nhà. Giống như mọi người, Ha Jin "muốn được trở thành một anh hùng, một kẻ tuẫn đạo". Ông được điều ra đóng quân ở biên giới Liên Xô- Trung Quốc. Rốt cuộc sau mấy năm nhà cầm quyền làm ầm ĩ, chẳng hề có chiến tranh. Ông được giải ngũ năm 19 tuổi, đi làm và bắt đầu học Anh văn. Năm 1977, ông được nhận vào trường đại học Hắc Long Giang và học hết 4 năm ở đó, môn chính là Anh văn. Vào những năm đầu thập niên 1980, khi các chính sách của nhà nước nới lỏng, ông theo học đại học Shangdon và tốt nghiệp cao học văn chương Mỹ. Thời gian này, ông mê

say Faulkner, Roethke và Bellow và bắt đầu nuôi mộng viết văn bằng Anh ngữ. Nhờ sự giúp đỡ của một số giáo sư thỉnh giảng từ Hoa Kỳ sang dạy tại đại học Shangdon, năm 1985, ông được học bổng sang du học ở Hoa Kỳ để lấy bằng tiến sĩ.. Ông theo học tại trường đại học Brandeis, thành phố Waltham, bang Massachusetts. Ông đặc biệt nghiên cứu về thơ của Ezra Pound, T.S. Eliot, và Yeats. Ông có ý định về lại Trung Quốc để dạy học sau khi tốt nghiệp tiến sĩ tại đây. Nhưng vào năm 1989, khi chứng kiến cảnh sinh viên biểu tình và cảnh nhà cầm quyền Trung Quốc đàn áp thô bạo tại quảng trường Thiên An Môn, ông quyết định xin định cư tại Hoa Kỳ. "Trong thâm tâm, tôi không nghĩ là điều đó lại xảy ra. Tôi đã luôn luôn cho rằng quân đội Trung Quốc có mặt để bảo vệ nhân dân". Từ đó, số mệnh của Ha Jin rẽ sang một khúc ngoặc mới.

Ha Jin bắt đầu viết khi đang còn theo học tại đại học Brandeis. Ông thường lợi dụng thì giờ rảnh rỗi khi làm ca đêm tại một xưởng hóa chất ở Waltham, để viết. Lúc đầu, theo ông, "tôi chỉ viết cho có viết". Nhưng khi đã viết được rồi, ông cảm thấy viết tiếng Anh mang lại cho ông một mùi vị tự do mà ông không bao giờ cảm nhận được khi viết bằng tiếng mẹ đẻ. "Tôi đã từng nhiều phen làm thơ bằng chữ Hán, nhưng tôi không thích mấy. Chữ Hán quá văn chương, quá trí thức và bị tách khỏi ngôn ngữ đời thường hàng ngày. Nó không có cái uyển chuyển của tiếng Anh. Bởi thế mà tôi dần dần bắt đầu vắt cái tinh thần văn chương kiểu Trung Hoa ra khỏi đầu óc". (...So I slowly began to squeeze the Chinese literary mentality out of my mind). Và ông làm thơ bằng tiếng Anh. Do sự gợi ý của một ông thầy, Jin mang một vài bài thơ đến cho nhà thơ Frank Bidart, cũng đang dạy học tại đại học Brandeis. Đọc xong mấy bài thơ, Bidart sửng sốt phát biểu: "Thật là kỳ lạ khi biết ra rằng những bài thơ được sáng tác bởi một người mà tiếng mẹ đẻ không phải là tiếng Anh. Anh ta có một cách diễn đạt tuyệt vời". Một trong những bài mà Bidart thích nhất là "The Dead Soldier 's Talk". Bài thơ, theo Bidart, hay đến nỗi khi ông đọc qua điện thoại cho một người bạn là Jonathan Galassi (lúc đó là tổng biên tập nhà xuất bản The Paris Review và sau đó là tổng biên tập của nhà xuất bản Farrar, Straus & Giroux), Galassi công nhận ngay là thơ hay. Ít năm sau, tập thơ đầu tiên ra đời, trong đó có bài "The Dead Soldier 's Talk".

Jin cũng thích viết văn. Ông ghi danh tham dự chương trình viết văn tại trường đại học Boston University (BU). Tuy viết tiếng Anh rất đạt, nhưng ông lại nói không lưu loát. Lối phát âm của ông nặng nề, khiến cho không khí lớp học những lúc có thảo luận tương đối khó

khăn. Một trong những lý do khác nữa là, truyện của Jin viết rất táo bạo, nhất là khi diễn tả những cảnh hiếp dâm, khiến một vài nữ sinh viên cảm thấy không thoải mái. Cô Jhumpa Lahiri, bạn cùng lớp, người có một tuyển tập truyện ngắn "Interpreter of Maladies" (x/b năm 1999) cho biết "Anh ấy là một người rất dễ thương, nhưng truyện của anh ấy thật ghê. Có nhiều cảnh hiếp dâm tàn nhẫn. Có cảnh một người đàn ông tự thiến mình. Tôi nhớ là có người đã khiếp đảm và nổi giận vì cái cảnh ấy". Một trong những thầy dạy ông, giáo sư Leslie Epstein, cho biết ông còn nhớ rất rõ những lần thảo luận sôi nổi trong lớp học. "Một trong những truyện hay nhất của anh ta "Man to Be" có một cảnh hiếp dâm kinh khủng trong đó một người đàn ông chỉ phục hồi được nhân tính khi anh ta nhìn vào trong đôi mắt của người đàn bà mà anh ta sắp hiếp". Một trong những màn gây ấn tượng mạnh nhất trong tác phẩm nổi tiếng "Waiting" cũng là cảnh hiếp dâm, trong đó, nhân vật chính là cô Manna Wu bị hiếp dâm một cách tàn nhẫn. Được hỏi về những màn sex đó, Jin cho biết "Truyện của tôi không phải là những chuyện nhẹ nhàng. Vấn đề tôi luôn luôn đặt ra là: làm sao viết về những điều khủng khiếp mà không đưa tới chỗ tầm thường, dung tục. Tôi cho rằng tôi có thể đẩy mọi điều xa hơn cái người ta mong đợi. Nhưng theo tôi chính cái đó là cách trắc nghiệm chính mình như là một nhà văn" (...The question for me has always been: how do you write about terrible things without resorting to vulgarity? I think I might push things farther than people expect. But that's how you test yourself as a writer).

Khi các tác phẩm lần lượt đoạt hết giải này đến giải khác, nhiều người bắt đầu hỏi anh: làm thế nào mà một người viết tiếng Anh hay như thế lại nói không trôi chảy? Jin trả lời "Trên trang giấy, tôi có thể dùng tất cả thời gian tôi cần. Tôi có thể kiên nhẫn. Tôi có thể làm việc, làm việc cho đến khi tôi nghĩ rằng tôi đã hầu như đúng". Cho đến nay, ông vẫn nói thứ tiếng Anh ngọng nghịu, vấp váp. Theo Dwight Garner, phóng viên New York Times, Jin hầu như chẳng biết gì về nền văn hóa phổ thông Mỹ. Ông không thể nhớ bộ phim vừa mới xem, và kiến thức về truyền hình chỉ giới hạn trong một vài chương trình đặc biệt nào đó.

Giống như hầu hết những nhà văn, nhà thơ Việt Nam hải ngoại, Ha Jin chỉ viết về quá khứ, tức là về cuộc sống ở nước Trung Hoa Cộng Sản mà anh từng sống. Chẳng có truyện nào viết về kinh nghiệm sống ở Hoa Kỳ. Điều này làm ông khác hẳn với một số nhà văn Mỹ gốc Á châu nổi tiếng khác như Amy Tan, Gish Jen (gốc Trung Hoa) và Chang-rae Lee (gốc Đại Hàn), những người chỉ viết về xã hội Hoa Kỳ mà họ đang sống. Gish Jen nói về Jin như sau "Cái ý tưởng trông chờ ở các bậc thầy

thay vì lật tung mọi điều trông rất là Tàu (very Chinese). Ở một mức độ nào đó, Ha Jin đã chọn sự thông thạo hơn là tài năng. Như anh ta đã từng nói 'Tôi sẽ làm một điều gì giống như cái đó'. Điều này không xảy ra đối với nhà văn Mỹ".

Truyện dài nổi tiếng của ông, "Waiting", tái hiện khung cảnh miền Bắc Trung Quốc vào những năm đầu thập niên 1980, tức là vào cuối thời kỳ của cuộc cách mạng văn hóa và dựa trên một câu chuyện có thật. Gardner cho rằng "Waiting" có cái giản dị của một chuyện ngụ ngôn. Nhân vật chính của truyện, Liu Kong, một bác sĩ tiêm nhiễm nếp sống thị dân, bỏ bê người vợ do gia đình sắp đặt ở nông thôn để yêu một cô y tá. Hàng năm, anh phải về làng cũ để ra toà xin ly dị, nhưng lần nào cũng thế, anh thua kiện. Anh phải đợi đến 18 năm theo luật định mới có thể ly dị vợ để sống với người yêu. Trong suốt thời gian đó, anh ta sống "giống như một người mộng du, luôn luôn bị ảnh hưởng bởi dư luận". Một số nhà phê bình xem "Waiting" như là một loại "Dr. Jivago" của Trung Quốc. Tất nhiên không phải vì giá trị của nó mà vì sự tương tự: hai nhân vật chính đều là bác sĩ, có vợ, và yêu một người y tá. Ha Jin đã dùng kiến thức hết sức phong phú của mình về nước Trung Hoa hiện tại để tạo nên một tác phẩm đa dạng ngoài sự mong ước. Lisa Lee, tác giả của "On Gold Mountain", gọi "Waiting" là "Một chuyện tình xuất sắc". Vừa mới phát hành, Waiting đã đánh bại nhiều tác phẩm nặng ký khác và nằm trong danh sách bestseller của New York Times trong một thời gian dài. Theo các nhà phê bình văn học, Waiting được Ha Jin viết với hình ảnh của độc giả phương Tây trong đầu, dù rằng tất cả chi tiết (khung cảnh và chủ đề) đều được dựng ở Trung Hoa. Ông thêu dệt cốt truyện trong bối cảnh lịch sử và văn hóa Tây Phương. Theo Dave Weich, "Waiting là một liều thuốc tuyệt hảo cho đời sống cuống cuồng vội vã hàng ngày của người Mỹ chúng ta".

Được hỏi về chuyện học Anh văn và viết văn bằng Anh văn, Jin cho biết "Trong những năm đầu, trông giống như (tôi) phải chịu một sự chuyển máu, giống như phải thay máu hoàn toàn". Còn bây giờ thì sao? Jin trả lời: "Tôi đã đi quá sâu vào Anh văn rồi. Ngôn ngữ cũng giống như nước. Ta sống trong đó rồi, rất khó mà trở lại được như cũ".

Về kinh nghiệm viết truyện, ông nhận xét: "Ta có thể đi vào một truyện ngắn và đi ra dễ dàng. Nhưng nếu viết truyện dài, phải lặn sâu mình vào trong đó hoàn toàn trong một thời gian đã. Ta giống như bị hút bởi tác phẩm". Hỏi về dự tính trong tương lai, ông cho biết ông sẽ cố gắng viết một tác phẩm mà khung cảnh được xây dựng ở Hoa Kỳ. Nhưng ông thú nhận, ý tưởng viết về Hoa Kỳ như thế vẫn thường làm ông ngần

ngại. "Tôi không hiểu rõ Hoa Kỳ sâu xa cho lắm, nhưng có lẽ tôi sẽ viết những cảm nhận về nó từ một góc độ khác, góc độ một người di dân chẳng hạn. Tác phẩm này sẽ là một thử thách lớn đối với tôi. Tôi sẽ viết hết sức chậm".

Để hiểu rõ hơn về Ha Jin và các tác phẩm của ông, ta hãy theo dõi một vài trích đoạn cuộc phỏng vấn do Dave Weich thực hiện vào ngày 2/2/2000, được đưa lên Internet ở Powells.com.

Dave: Tôi tự hỏi cái ý tưởng viết nên truyện "Waiting" phát sinh ra từ đâu?

Jin: Tác phẩm căn cứ trên một câu chuyện có thật. Không hoàn toàn giống như thế nhưng tương tự.

D: Waiting khác hẳn hầu hết những gì tôi đã đọc - và, khác hẳn hầu hết những gì đã được xuất bản và đã được đọc ngày nay ở Hoa Kỳ, trong chừng mực nào đó. Ông thực sự đã đi vào cái thế giới Trung Quốc đó ngay từ đầu. Thật sống động và đáng tin cậy.

J: Nhân vật rất gần gũi với mọi diễn biến của câu chuyện. Nhà văn phải quan sát và kể chuyện, cố gắng bộc lộ những cái phức tạp, những nét tế vi của những gì xảy ra. Không nên tìm cách giải thích quá nhiều mà phải tôn trọng sự thông minh của độc giả. Độc giả luôn luôn có sự giải thích riêng của họ. Với tôi, tôi chỉ có việc kể chuyện. Hoàn thành chuyện. Vâng, thỉnh thoảng, có nhiều chi tiết tuy có có ý nghĩa thật, nhưng không cần thiết cho câu chuyện là tôi loại bỏ.

D: Một nhà phê bình đề cập đến điểm "cá nhân nhưng lại là chính trị" trong các tác phẩm của ông. Dẫu vậy, về căn bản, "Waiting" không dính dáng gì đến chính trị. Nó là về con người: Lin, Manna, và Shuyu.

J: Chính trị chỉ là cái cớ. Mục tiêu là con người, là đời sống nội tâm, và những thay đổi của nó, sinh hoạt tình cảm bị tác động bởi thời gian và môi trường như thế nào.

D: Tuy mới chỉ tập viết Anh văn có mười một mười hai năm,thế mà ông làm việc dữ thật: có đến hai truyện dài, hai tập truyện ngắn và hai tập thơ.

J: Tôi có cái may mắn là những gì tôi viết ra không bỏ phí. Cuốn nào viết ra xong cũng được nhà xuất bản nhận in. Và như ông rõ, tôi bị thúc bách bởi sự lo sợ, đó là một bản năng sống còn. Công việc của tôi là dạy viết văn, do đó, tôi phải có tác phẩm xuất bản đều đều mới giữ được việc làm của mình.

D: Sao ông lại về dạy ở đại học Emory?

J: Vì chẳng có nơi nào thuê tôi cả.

D: Bây giờ ông nghỉ dạy học rồi phải không?

J: Vâng, tôi có học bổng Guggenheim

D: Ông dạy môn gì ở đó? Sáng tác?

J: Dạy sáng tác thơ là chính, cũng có lúc dạy viết văn. Đôi khi là một vài giảng khóa về văn học.

D: Ông vẫn còn làm thơ nhiều, phải không?

J: Vâng, tôi sắp có một tác phẩm khác xuất bản mùa thu này, tên là "Wreckage" *(Chú thích: mùa thu năm 2000)*

D: Ông sắp xếp việc dạy học và việc viết lách như thế nào?

J: Đối với tôi, dạy học là một cách kiếm sống. Nó cho tôi thứ tự do mà tôi không thể có được nếu chỉ lo viết văn mà thôi. Tôi muốn thử thời vận. Cái giúp tôi nhiều là tôi chẳng lo gì về cái vụ sách có bán được hay không.

D: Ông làm việc theo một thời biểu sắp đặt sẵn? Ông có thể viết được bao nhiêu?

J: Khi tôi dạy học, tôi không thể viết nhiều được, nhưng tôi cố gắng viết mỗi ngày một ít. Nếu không có gì mới, tôi dò lại, sửa chữa, nghĩa là phải làm một cái gì đó hàng ngày.

D: Ông học văn chương ở Brandis. Ông chuyên về đề tài nào?

J: Chuyên về thơ. Tôi viết luận án về thơ hiện đại của các nhà thơ Ezra, T.S. Eliot, Anden và Yeats. Toàn là những tay tổ về chủ nghĩa hiện đại.

D: Tại sao ông lại chọn những nhà thơ đặc biệt này?

J: Cả bốn người đều có những bài thơ liên hệ đến Trung Quốc và những bài thơ giới thiệu về văn hóa. Luận án của tôi nhắm tìm việc làm ở Trung Quốc. Tôi định về lại Trung Quốc.

D: Nhưng sau vụ tàn sát ở Trung Quốc, ông quyết định ở lại?

J: Vâng.

D: Nếu giả như ông trở lại Trung Quốc và mọi việc xảy ra khác đi, ông nghĩ là ông sẽ làm gì bây giờ?

J: Tôi nghĩ là tôi sẽ là một dịch giả. Một nhà phê bình.

D: Ông có nghĩ là lúc đó ông sẽ viết tiểu thuyết (như hiện giờ)?

J: Không đâu. Có lẽ tôi sẽ viết một, hai cuốn gì đó, một cuốn hồi ký về cuộc đời mình chẳng hạn, nhưng chắc chắn không phải những tác phẩm như bây giờ. Sẽ không có một áp lực nào để viết.

D: Vậy, hiểu theo một cách nào đó, áp lực là một điều hay?

J: Đó là một ân huệ. Nó rất có ý nghĩa đối với tôi.

D: Một số người cho rằng ông viết hay.

J: Tôi không rõ, nhưng chuyện viết lách thì tôi quán xuyến được.

D: Viết văn bằng tiếng Anh bây giờ có dễ dàng đối với ông không?

J: Không dễ đâu, nhưng giờ thì trông bớt căng hơn khi mới bắt đầu. Tôi vẫn còn phải mất nhiều thời gian lắm khi viết, nhưng những lo âu và bất trắc thì ít hơn trước.

D: Truyện ngắn đầu tiên trong tập "Under the Red Flag" là "In broad Daylight" đoạt giải Pushcart. Đó là một câu chuyện tàn bạo. "Waiting" trông êm ả hơn nhiều.

J: Khó mà giữ được không khí căng thẳng trong truyện dài, nếu không muốn nói là không thể được. Ta phải lệ thuộc vào giọng kể chuyện, lại phải dùng một loại nhịp điệu khác.

D: "Waiting" viết rất khác với với "In The Pond". Đó là vì ông muốn thử một cách viết khác hay đơn giản chỉ là do câu chuyện đòi hỏi?

J: Đó là một câu chuyện khác. Chuyện bi thảm.

D: Tôi rất thích "In the Pond". Tôi có ấn tượng mạnh vì ông đã mang cái chất hài hước vượt qua biên giới văn hóa. Tôi không rõ là tôi đã từng đọc một cái gì như thế hay chưa.

(....)

D: Có lẽ cái nhìn của tôi hơi thiên lệch, vì tôi làm việc cho mạng lưới Internet, nhưng bây giờ thì không thể nào không suy nghĩ với nhãn quan toàn cầu được. Hàng ngày ở Prague hay ở Auckland và hàng trăm thành phố khác, người ta lên lưới để tìm tòi cái này cái nọ trong khi đó thì cái thế giới bên ngoài hoàn toàn chẳng có vai trò gì trong "Waiting" của ông cả. Nó không hề hiện hữu với những nhân vật trong đó.

J: Đúng là những cái mới mẻ đó chẳng dính dáng gì đến đời sống của các nhân vật đó thật. Nhưng đấy là những gì tôi cảm nhận. Tác phẩm nhắm đến cấu trúc của nó và các yếu tố liên hệ để đặt câu chuyện đúng nơi, đúng lúc; và hơn thế, tôi không thấy có gì quan trọng phải mang quá nhiều yếu tố hiện nay vào. Tôi cho rằng mục đích cuối cùng của một tác phẩm văn chương là vượt lên trên thời gian, không phải để bỏ trống nó mà là chịu đựng nó.

D: Trong Waiting, một nhân vật nhắc lại lời của Beethoven "Nhân vật là số phận". Ý tưởng này có vẻ như thích hợp với chủ đề của truyện?

J: Vâng. Nhất là trong trường hợp của Lin Kong. Anh ta bị què quặt về mặt tình cảm. Anh ta không thể phát triển được.

D: Cái khởi đầu cho một chuỗi biến cố là do một cuộc hôn nhân sắp đặt sẵn, nhưng nhìn sâu xa hơn, hình như toàn bộ cuộc đời anh ta cũng bị sắp đặt?

J: Vâng. Và anh ta cộng tác một cách vô thức với sự sắp đặt đó. Anh ta biến những quy luật bên ngoài thành cuộc sống bên trong của anh ta, vậy anh ta cũng phải chịu trách nhiệm một phần nào đó.

D: Ông có nói đâu đó rằng ông sẽ viết về kinh nghiệm di dân.

J: Tôi không về lại Trung Quốc từ khi tôi sang đây. Trung Quốc giờ quá xa xôi. Tôi không rõ đời sống bên đó hiện nay như thế nào. Tôi theo dõi tin tức, nhưng không có cảm giác rõ ràng. Tôi không nghe tiếng động, không ngửi mùi vị. Tôi không còn dính dáng đến nó nữa. Vậy thì nói đến kinh nghiệm di dân, nghĩa là đời sống Mỹ, đâu có ý nghĩa gì?

D: Nước Mỹ có truyền thống lâu dài về một nền văn học di dân đặc sắc đấy chứ. Những tác phẩm hay tác giả đặc biệt mà ông thích?

J: "Pnin" của Nabokov. Tôi cho đó là cuốn hay nhất. Nó bàn về vấn đề ngôn ngữ và tôi nghĩ rằng cái đó là trung tâm của kinh nghiệm di dân: làm sao để học được ngôn ngữ - hay không học được! - nhưng dù có học được thì lại không thể làm chủ tuyệt đối được ngôn ngữ, đó là cái bất khả đối với một di dân. Đời sống của người di dân luôn luôn bị tác động bởi sự bất túc.

(....)

D: Ông có định tiếp tục viết không?

J: Tôi nghĩ là tôi đã đi quá xa trên con đường này rồi khiến tôi không thể thay đổi được nữa. Khi tôi quyết định chỉ viết văn bằng tiếng Anh, tôi đã tự xác định là đi cho hết con đường dù có khó khăn, dù có cô đơn đến đâu chăng nữa. Tôi phải đi cho đến cùng, xem thử tôi có thể làm được gì.

Người viết có đọc qua một vài truyện ngắn, và mới đây, đọc hết truyện dài "Waiting" của Ha Jin. Theo cái nhìn chủ quan của mình, Waiting cũng "thường thường bậc trung", xét về cả văn phong (tiếng Anh), cốt truyện và cách xây dựng nhân vật. Ấy thế mà như ta thấy, công chúng Hoa Kỳ rất ưa chuộng. Thử làm một so sánh, nếu Waiting đoạt được mấy giải văn học Hoa Kỳ, thì theo tôi, nhiều truyện (ngắn cũng như dài) của các nhà văn Việt Nam hải ngoại nói chung xứng

đáng đoạt giải không thua gì và có thể còn hơn "Waiting" nhiều. Chỉ tiếc một điều là hầu như tất cả các tác phẩm của chúng ta đều viết bằng tiếng Việt! Thì biết làm sao bây giờ? *Chuyện nhỏ thôi* (tôi tự bảo), nhưng càng nghĩ càng cảm thấy ngậm ngùi.

Edwidge Danticat

Cassandra Spratling, biên tập viên của "Free Press" nhận xét về tác phẩm của Danticat như sau: "Đọc văn của Danticat cũng như uống thuốc bổ. Bạn dùng nó vì nó tốt cho sức khỏe của bạn. Bạn muốn nhâm nhi nó hay nốc hết một hơi là tùy bạn bởi vì bạn biết bạn sẽ khỏe hơn nhờ nó".

Cũng như Ha Jin và chúng ta, Danticat là một di dân từ vùng Trung Mỹ. Cô sinh trưởng tại nước Haiti. Năm lên 4 tuổi cô đã phải sống xa cha mẹ, ở nhờ tại nhà người cô. Mãi đến năm 12 tuổi cô mới được bảo lãnh sang New York để đoàn tụ với cha mẹ, vốn là những thuyền nhân vượt biên qua Hoa Kỳ từ nhiều năm trước đó để tránh sự đàn áp về chính trị và thoát khỏi cảnh nghèo khổ.

Năm nay 33 tuổi, cô tốt nghiệp cử nhân văn chương Pháp tại đại học Bernard College và cao học sáng tác văn học tại đại học Brown University. Danticat thích viết từ hồi còn nhỏ. Khi đến vùng đất mới, cũng như mọi đứa bé khác, cô phải thay đổi tất cả để thích nghi với môi trường, từ nếp sống cho đến ngôn ngữ và thói quen...Khi trình độ Anh văn đã khá, cô bắt đầu tập tễnh viết văn. Cô nhớ lại, hồi đó, ngoài việc học tại trường, viết lách là sở thích đặc biệt của cô, vì cô muốn diễn tả lại tất cả những cảm giác của một thiếu nữ mới lớn trên vùng đất mới. Ngoài ra, qua viết lách, cô có thể ghi lại rất nhiều câu chuyện bi đát, hấp dẫn của người Haiti đang còn sống tại đó hay những người đã sang định cư tại Hoa Kỳ. Những câu chuyện mà người lớn kể thường làm cô chìm đắm trong đó đến nỗi quên cả thực tế. Và chỉ khi viết hết ra được rồi, cô mới cảm thấy thoải mái. Sau này, khi được hỏi về lý do tại sao chọn nghề viết lách, cô cho biết là cô không chọn nghề viết mà chính nghề viết đã chọn cô. Viết như một ơn kêu gọi từ đâu đó đến với cô. "Hầu như viết lách đã chọn tôi. Y như thể tôi chẳng còn chọn lựa nào khác.". Chính vì thế mà cô có thể chống chỏi lại với sự can ngăn của cha mẹ cô không muốn cho cô theo con đường văn nghiệp. Theo họ, viết văn không phải là cách kiếm sống hữu hiệu cho những người di dân như gia đình cô là những người phải bươn chải tối đa trong xã hội mới để vươn lên. Vả lại, theo họ, nhà văn không phải là điều hay ho gì. Ở

Haiti, dưới chế độ độc tài, nhà văn là cái gì mà người dân chỉ nghe loáng thoáng với nỗi sợ hãi. Hầu hết những nhà văn ở đó đều bị ở tù, hay nếu không thì cũng luôn luôn bị công an mật vụ quấy rầy, không thể nào sống yên ổn được.

Thực ra, cô cũng gặp may. Trong lúc miễn cưỡng nhập học tại trường y tá theo lời cha mẹ, thì cô bỗng nhận được học bổng của Brown University để theo học cao học về sáng tác văn học. Thế là, không một chút suy nghĩ, cô bỏ ngay trường y tá để theo nghề văn. Hồi tưởng lại thời điểm quyết định đó, cô cho biết cô chẳng hề hối hận chút nào. Cô hoàn toàn không thích hợp với khung cảnh nhà thương. "Bất cứ khi nào có người chết là tôi khóc, khóc mãi cho đến khi tôi biết rằng không cách gì tôi làm nghề này được".

Tại Brown University, cô viết truyện ngắn theo đề tài chọn sẵn, sau này triển khai ra thành truyện dài, đó là tác phẩm đầu tay có tựa đề "Breath, Eyes, Memory". Tác phẩm được nhà xuất bản nổi tiếng Hoa Kỳ Random House nhận ngay và xuất bản vào năm 1994. Truyện nửa hư cấu nửa hồi ký. Chính Danticat cũng thừa nhận như vậy. Vì trong truyện, có rất nhiều chi tiết giống với hoàn cảnh trong đời sống của cô. "Tôi viết truyện này vào lúc tôi 24 tuổi, tức là 12 năm sau khi tôi đến Hoa Kỳ, cho nên những cảm giác, dù có bị chuyển dịch và nối kết lại, vẫn còn tươi rói trong tôi". Vừa phát hành, tác phẩm đã được dư luận đánh giá cao. Đến năm 1998, tác phẩm được Oprah Winfrey chọn để giới thiệu trong câu lạc bộ sách của chương trình Oprah trên đài truyền hình (là một trong những chương trình đông khán giả nhất của Hoa Kỳ). Nhờ thế, sách bắt đầu có tiếng vang trên toàn quốc. Cô hết sức hài lòng với tình hình đó. Tuy nhiên, cô cho biết "Mọi người tưởng rằng người ta sẽ kiếm được rất hàng triệu đô la sau khi được Oprah chọn giới thiệu sách. Không đúng đâu. Nó chẳng thay đổi gì cuộc sống của tôi cả, nhưng nó cho phép tôi có thể viết mà khỏi lo lắng gì về công ăn việc làm trong vài ba năm".

Tác phẩm thứ hai của cô là một tuyển tập truyện ngắn có tựa đề "Krik? Krak!". Tựa đề này lấy lại tên của một trò chơi truyền thống Haiti. Khi một người sắp bắt đầu kể chuyện, ông hay bà ta sẽ hỏi "Krik?" và khán thính giả trả lời "Krak" sau đó mới đến phần kể chuyện.

Nhưng tác phẩm đầy tham vọng của cô là "The Farming of Bones". Đó là một truyện tình diễn ra trong khung cảnh bi thương của cuộc đại tàn sát người dân Haiti vào năm 1937 do nhà độc tài xứ Dominic là Trujilo thực hiện (Về nhà độc tài này, xem lại Tin Văn, Văn Học số 193, tháng 5/2002). Để viết truyện này, cô phải dành ra nhiều năm sưu tập

tài liệu lịch sử, phỏng vấn những người sống sót và nhiều công việc khác. Cô cho biết cuộc tàn sát rùng rợn đến nỗi, nhiều khi đang viết nửa chừng, cô phải dừng lại, vì không chịu nổi sự thực khủng khiếp mà cô muốn diễn tả. "Tôi cảm thấy có trách nhiệm lớn lao khi viết lại câu chuyện. Bốn mươi ngàn người đã chết. Tôi cảm thấy có trách nhiệm không phải chỉ như là người biên soạn lại mà còn là để diễn tả quan điểm dứt khoát của mình: lên án những gì đã xảy ra". Cô đã khóc rất nhiều lần khi đang viết và cả sau này khi sách đã phát hành. "Lần đầu tiên tôi đọc "The Farming of Bones" khi sách phát hành, tôi không thể chịu đựng nổi. Tôi bối rối bởi vì tôi nghĩ rằng người ta sẽ cho tôi suy nghĩ quá cao về tác phẩm của tôi. Nhưng truyện tàn nhẫn thiệt. Nó không giống như ta vẽ sự vật nằm ngoài không khí. Nhiều điều như thế đã thực sự xảy ra và vì thế mà nó làm cho càng đau đớn hơn".

Tác phẩm đã được lọt vào vòng chung kết (finalists) giải "National Book Award" của Hoa Kỳ. Và mới đây, cô đã được trường đại học Marygrove College chọn là tác giả trẻ xuất sắc trong nền văn học Hoa Kỳ hiện nay.

Trong một cuộc phỏng vấn, Danticat thú nhận: một trong những lý do thúc đẩy cô quyết tâm cầm bút là vì có quá nhiều ngộ nhận về con người và dân tộc Haiti. Hầu hết những ngộ nhận đó là từ các cơ quan truyền thông. Thông thường khi nói đến Haiti, người ta liền nghĩ ngay đến một đất nước đói nghèo, lạc hậu, nghĩ đến những "boat people" - những người vượt biển hy sinh thân mạng cố tìm đến Hoa Kỳ một cách bất hợp pháp, hoặc là những người chuyên môn làm trò phù phép, ma giáo hoặc tệ hơn nữa là những kẻ bị bịnh AIDS. "Tôi muốn người ta hiểu rằng người Haiti cũng như những di dân các nước khác, đến đây với giấc mơ và hy vọng cho một tương lai tốt đẹp hơn và họ làm việc rất nhọc nhằn và chịu những hy sinh to lớn để thực hiện giấc mơ của mình".

Đề cập đến nghề viết lách, cô phát biểu "Tôi cảm thấy may mắn là tôi có thể làm công việc này. Tôi tự buộc mình phải ngồi xuống và viết. Xuất thân từ một gia đình di dân nơi mà mọi người làm việc rất nhọc nhằn để kiếm sống, đôi khi tôi cảm thấy có tội về cái nghề viết của tôi, do đó, tôi cố gắng thức dậy mỗi ngày và làm việc bằng cách viết"

Dantican dự tính cuối năm nay sẽ cho phát hành 2 tác phẩm non-fiction: "After the dance: A Walk through Carnivel in Jacmel" và "Behind the Mountains: The Diary of Celiane Esperana".

Một số tin văn khác

Ebook đang gặp khó khăn.

Sau một thời gian trông có vẻ hưng thịnh, hiện nay, sách điện tử đang trong cơn khủng hoảng trong khi sách in truyền thống có vẻ như lấy lại được phong độ cũ, trái với dự đoán về "cái chết của sách" mấy năm trước đó. Những tin tức xấu chồng chất. Ở Hoa Kỳ, các nhà xuất bản sách điện tử, trong đó có Thomson-RCA đang kêu rêu là số lượng sách bán không đủ cho sở phí. Ở Pháp, sách điện tử cũng đang suy giảm trong số lượng tiêu thụ. Cuộc phiêu lưu sách điện tử bắt đầu ở Pháp với Olivier Pujol, Jacques Attali và Erik Orsenna trong cuộc triển lãm sách điện tử đầu tiên tại hội sách Paris năm 2000 với danh hiện Cytale. Ebook nghe hấp dẫn thật nhưng gặp khó khăn trong việc thương mại hóa. Giá lại đắt. Do đó, nó không thu hút được các nhà đầu tư. Vào tháng 3/2001, các nhà đầu tư hứa với công ty Cytale là sẽ bỏ tiền ra vào tháng 9/2001. Nhưng khi vụ khủng bố 11/9 xảy ra ở Hoa Kỳ, mọi dự tính đều bị bãi bỏ. Tính chung toàn năm 2001, doanh thu của Cytale chỉ đạt đến một con số quá khiêm tốn so với dự tính lúc ban đầu, khoảng 520.000 euro, thâm thủng gần 5 triệu euro. Tuy thế, theo Olivier Pujol, sách điện tử sẽ không bao giờ chết. "Nhưng phải thừa nhận rằng đó không phải là một thị trường lớn"

Các tác phẩm văn chương Á Rập tại Do Thái.

Năm 2000, ngay trước khi cuộc đụng độ giữa người Palestine và Do Thái tái diễn, bà Yael Lehrer, một phụ nữ Do Thái cư ngụ tại Tel-Aviv đã thành lập một nhà xuất bản có tên gọi là "Andulus" với mục đích xuất bản những tác phẩm dịch thuật từ nền văn chương các nước Á Rập đương đại. Bà cho biết "Mặc dù nước Do Thái nằm ngay giữa lòng các nước Á Rập, nhưng những độc giả Do Thái không có cơ hội nào khám phá những tác phẩm văn chương Á Rập". Vì thế khi hiệp ước Oslo được ký kết, bà thấy đó là cơ hội để cho hai dân tộc đến với nhau. Bà cảm thấy buồn lòng vì "Chỉ có 32 tác phẩm văn chương Á Rập hiện đại được dịch sang tiếng Do Thái kể từ năm 1930 so với khoảng 400 tác phẩm văn chương dịch từ tiếng Pháp". Điều đáng nói là tiếng Hébreu (Do Thái cổ) và tiếng Á Rập là hai ngôn ngữ chị em.

Andulus đã xuất bản nhiều dịch phẩm văn chương Á Rập, trong đó có "Le Pain nu" của nhà văn Ma-Rốc Mohamed Choukri, "Les Noces de Zein" của nhà văn Soudan Tayyib Saleh, một trong những tiểu thuyết gia nổi tiếng nhất thế giới Á Rập, "La Porte du soleil" của Elias Khoury, nhà văn Li-Băng lai Palestine. Đồng thời, Yael Lehrer cũng cho xuất

bản tác phẩm "Pourquoi as-tu laissé le cheval à sa solitude?" của nhà thơ Palestine rất nổi tiếng Mahmoud Darwich. Một số bài thơ trong tập thơ này đã được dịch sang tiếng Hébreu trước đây để đăng vào tuyển tập thơ đồng thời cũng được đưa vào chương trình học của một số trường Do Thái. Phần trình bày bìa của nhà xuất bản được giao cho một tay đồ họa người Palestine ở Haifa, Sharif Waked.

Do tình hình xung đột hiện nay, chưa có dấu hiệu cho thấy sự thành công về mặt thương mại của nhà xuất bản. Những tác phẩm đầu tiên chỉ bán được chừng 1000 ấn bản mỗi cuốn. Tuy thế, 12 bản dịch khác cũng đang chuẩn bị lên khuôn.

+ Một biệt thự thời La Mã cổ xưa có thể chứa đựng một kho tàng văn chương vô giá. Đó là một trong những ngôi nhà lớn nhất thời đế quốc La Mã cách đây hai ngàn năm, nằm trên Vịnh Naples, trong vùng ngoại ô của khu nghỉ mát sang trọng Herculaneum. Ngôi nhà mang tên là cung điện Blenheim, trải dài khoảng 200 mét dọc theo bờ biển và có một bể bơi rộng bằng vận động trường Olympic. Kiến trúc đặc biệt này chưa bao giờ được khai quật, hiện giờ là chủ đề tranh cãi trong giới học giả hàn lâm quốc tế.

Theo các tài liệu để lại, người ta cho rằng biệt thự là tài sản của Lucius Calpurnius Piso, cha vợ của "bạo chúa" Julius Caesar, là một trong những tiểu vương của Cộng Hòa La Mã. Vào năm 79 sau Tây Lịch, 100 năm sau khi Piso chết, biệt thự đã bị chôn vùi chừng 30 mét dưới đống tro tàn của ngọn núi lửa Vesuvius, ngọn núi đã xóa bỏ thành phố Pompeii và Herculaneum. Mãi đến năm 1752, do một sự tình cờ, người ta mới biết được rằng biệt thự này có một thư viện lớn khi tìm thấy 1800 cuộn giấy *papyrus* (Papyrus là một loại giấy làm bằng cây lau mà người Ai Cập cổ dùng để viết) trong đó ghi lại những tác phẩm văn học cổ xưa. Nhưng phải đợi đến hơn 2 thế kỷ sau, vào những năm đầu thập niên 1970, 1800 cuộn giấy papyrus kia lần đầu tiên mới được đọc và được nghiên cứu một cách khoa học bởi một đội ngũ học giả quốc tế do giáo sư Marcello Gigante thuộc đại học Naples lãnh đạo. Và nhờ thế người ta mới biết, thư viện có thể chứa đựng hàng trăm tác phẩm nghệ thuật, trong đó có những tác phẩm của Epicurus đã bị thất lạc cả 2300 năm, của triết gia khắc kỷ Philodemus, nhiều bài tụng thi La Mã và những kiệt tác văn chương và triết học khác mà nhân loại đã bị mất trong 2000 năm qua. Theo đánh giá của họ, thư viện là một kho tàng văn chương vô giá. Năm 1990, do sự vận động của đội ngũ học giả nói trên, người ta thử khai quật phần dưới của biệt thự. Nhưng rủi thay,

Nếu có những điều
XUYÊN TRÀ

Nếu có những điều
anh muốn hỏi em
Dẫu đã quá xa cũng đừng nói thật
Anh diễm phúc không còn gì để mất
Thì xin em hư ảo một phù sinh

Nếu có những điều
anh đã lãng quên
Dẫu mới hôm qua bên kia đời sống
Ta hữu hạn giữa đất trời cao rộng
Mượn kiếp người đi cảo một tà dương

Nếu có những điều
ta nhớ ta thương
Dẫu chỉ để làm vui khi nhắm mắt
Hạnh phúc khô như trái sầu bất trắc
Rụng quanh đời
thêm
một đóa hồ nghi.

công việc chưa đi đến đâu thì dự án hết tiền và giáo sư Marcello chết.

Hiện nay, có 8 học giả trong số những học giả hàng đầu của thế giới về văn học cổ đại, trong đó có 4 người là gốc Hy Lạp từ các đại học Bristol, Harvard, London và Oxford, tiếp tục công việc của giáo sư Marcello, phát động một cuộc vận động phục hồi lại thư viện Blenheim bằng cách khai quật, nghiên cứu, đọc và bảo tồn kho tàng văn chương của nó. Họ báo động: nếu không tiến hành sớm thì nhân loại có thể mất vĩnh viễn kho tàng đó, vì lụt lội và núi lửa.

(*) Các tác phẩm đã xuất bản của Ha Jin (cũng như các bài viết về ông) không có phụ chú thêm chữ Hán, không thể đọc ra tiếng Hán-Việt được, nên xin để nguyên văn những từ mà các ký giả Tây Phương phiên âm từ tiếng Trung Hoa (pin yin)

giới thiệu sách mới

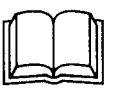

THƠ

🕮 Nguyễn Bá Chung & Kevin Bowen, ***Six Vietnamese Poets***, Thi uyển dịch sang Anh ngữ, Curbstone Press phối hợp với William Joiner Center xuất bản 2002, Nguyễn Bá Chung và Kevin Bowen giới thiệu bà biên tập, với các bản Anh dịch của Martha Collins, Carolyn Forché, Linh Green, Fred Marchant, Marilyn Nelson, Ngo Vĩnh Hải, Nguyễn Quang Thiều, Thuy Dinh, Bruce Weigl.

Sáu nhà thơ Việt được tuyển chọn và dịch trong tập sách là Ý Nhi, Nguyễn Khoa Điềm, Lâm thị Mỹ Dạ, Nguyễn Đức Mậu, Xuân Quỳnh, Phạm Tiến Duật. Trong tập, thơ Việt in bên trang trái, thơ dịch sang Anh ngữ in bên trang phải, rất tiện cho bạn đọc theo dõi và so sánh.

Sách dày 254 trang, giá 15.95 Mỹ kim.

Địa chỉ liên lạc: Curbstone Press

321 Jackson Street, Willimantic, CT 06226

Phone: (860) 423-5110 Fax: (860) 423-9242

Website: www.curbstone.org

hoặc liên lạc với Alex Taylor qua điện thoại số (860) 423-5110, hay địa chỉ email sandy@curbstone.org

KHẢO CỨU, TRUYỆN

🕮 Lâm Chương, ***Đi giữa bầy thú dữ***, Truyện vừa, Văn Mới xuất bản, gồm hai truyện vừa Gió Về Phố Biển và Đi Giữa Bầy Thú Dữ (đã đăng trên Văn Học), bìa Khánh Trường, trình bày Sơn Ca, sách dày 170 trang, giá 11 MK.

Trong vài năm gần đây, nhà thơ Lâm Chương chuyển qua viết

truyện, và một điều gây kinh ngạc cho văn giới là anh thành công trong thể loại này còn hơn khi anh làm thơ. Mỗi truyện ngắn của Lâm Chương đăng trên các tạp chí là một thích thú mới cho bạn đọc. Văn của anh trực tiếp, gân guốc và sâu sắc. Hai truyện vừa do Văn Mới xuất bản cũng thành công như các truyện ngắn đã xuất bản của anh. Đây là một tác phẩm giá trị cần tìm đọc.

Liên lạc nhà xuất bản Văn Mới.

📖 Tâm Thanh, ***Gỗ thức trên rừng***, tập truyện ngắn, bìa Khánh Trường, Văn Mới xuất bản, sách dày 220 trang, giá 12 MK.

Sau thành công của tập truyện đầu tay (Thiên Nga Giữa Cõi Người, Văn Học xuất bản 1998), Tâm Thanh lại cho xuất bản tập truyện ngắn thứ haigồm 17 truyện ngắn anh viết trong mấy năm gần đây. Nhiều truyện trong tập lấy hứng từ tư tưởng Phật giáo, một thử nghiệm khó khăn nhưng cuối cùng tác giả đã thành công. Trong các văn hữu cộng tác với Văn Học, Tâm Thanh ở trong số những tác giả được bạn đọc yêu thích. Truyện Tặng Vật in trên số trước là một bằng chứng.

Sách đã phát hành rộng rãi khắp nơi. Bạn đọc ở xa các khu có cộng đồng Việt Nam, xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Mới.

📖 Nguyên Vũ, ***Ngàn năm soi mặt***, tâm bút, gồm bốn bài nghiên cứu sử đề cập tới những vấn đề tế nhị thường gây tranh luận trong cộng đồng người Việt: Cái chết của một hàng tướng: Dương văn Minh; Góp phần vào việc nghiên cứu Petrus Ký; Vấn đề nghiên cứu nhà Tây Sơn; Vấn đề tài liệu nghiên cứu Việt sử.

Trong từng bài, sử gia Nguyên Vũ-Vũ Ngự Chiêu có cái can đảm nói thẳng những điều ông cho là lịch sử đích thực, không ngại mất lòng những thế lực chính trị hiện chi phối sinh hoạt của cộng đồng, chẳng hạn ông phê phán nặng nề thái độ của các dư đảng Cần Lao và Công giáo VN đối với Đại tướng Dương văn Minh, hoặc giải ảo huyền thoại về lòng yêu nước và học thức uyên bác của Pétrus Ký.

Trong phụ bản, Nguyên Vũ công bố một số tài liệu sử quí giá ông sưu tầm được.

Sách do nhà xuất bản Văn Hóa xuất bản và phát hành, dày 400 trang, giá 20 MK.

Thư từ và liên lạc: Hoàng Đỗ
1005 St. Emanuel #5, Houston TX 77003 USA
Phone/Fax: 713-223-9988
Email: vanhoaxbph@aol.com

📖 Stephen Hawking, ***Lược sử thời gian*** *(A Brief History of Time)*, sách biên khảo, do Thích Viên Lý dịch, Viện Triết lý Việt Nam & Triết học Thế giới xuất bản năm 2002. Sách dày 320 trang, chỉ phổ biến trong các Phật viện để nghiên cứu, không bán.

Mọi thư từ đóng góp ý kiến xin liên lạc:
Viện Triết lý Việt Nam & Triết học Thế giới
311 Mission Rd. San Gabriel CA 91776
Phone: (626) 288-5359

📖 Hoàng Ngọc Tuấn, ***Văn học hiện đại và Hậu hiện đại qua thực tiễn sáng tác và góc nhìn lý thuyết***, biên khảo, bìa Nguyễn Hưng Trinh Lê Thành Chơn, Văn Nghệ xuất bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ năm 200, Nguyễn Hưng Quốc viết giới thiệu, sách dày 630 trang, giá 25 Mỹ kim.

Sách gồm ba phần:

Phần thứ nhất: Thực tiễn sáng tác: viết về Dada, Nishiwaki Junzaburo, Dan Graham, James Prichett/Frances White, thơ Jazz, thơ Ấn độ cuối thế kỷ 20, Cristina Peri Rossi, Morris West, Donald Barthelme.

Phần thứ hai: Góc nhìn lý thuyết gồm chín bài đề cập đến những vấn đề cốt tủy của văn chương, dĩ nhiên theo cái nhìn hậu hiện đại.

Phần thứ ba; Tiến tới một nền văn chương VN toàn cầu hóa.

Sách đòi hỏi người đọc phải có trình độ cao, ít ra phải là những người đang theo học văn chương tại các đại học Âu Mỹ hiện nay mới có thể chia sẻ các ý kiến của tác giả, bạn đọc lớp trước hoàn toàn xa lạ với những tên tuổi dẫn chứng trong sách, chắc chắn là khó lòng tiếp cận hơn giới trí thức trẻ. Mà những bạn đọc trẻ đủ sức đọc sách này cũng không bao nhiêu! Biết thế nhưng Hoàng Ngọc Tuấn vẫn kiên trì nghiên cứu chủ đề, và kết quả là cuốn sách đồ sộ này.

Sách do Văn Nghệ phát hành khắp nơi.

📖 Tâm Triều, ***Đời sống hai lần,*** tập truyện ngắn, Hoài Bão xuất bản năm 2002, tranh bìa Lam Thủy, tựa của nhà văn Doãn Quốc Sỹ, Đỗ Tiến Đức và Nhất Phương, sách dày 250 trang, giá 12 Mỹ kim.

Trong bài giới thiệu, nhà văn Đỗ Tiến Đức nhận xét: "Khi dựng nhiều nhân vật thuộc nhiều môi trường, và tạo cho những nhân vật có cá tính riêng, có ngôn ngữ riêng thì người đọc nhận thấy ngay Tâm Triều là một cây bút có nhiều kinh nghiệm sống và sành sõi tâm lý...Nhưng điểm tôi thích nhất là truyện của Tâm Triều không đẩy người

đọc vào những hoàn cảnh ngang trái éo le, rồi ép buộc độc giả phải phiêu lưu vào một ngả đường vô định giằng co giữa tình cảm tội lỗi và lương tri bổn phận. Những nhân vật của anh hầu hết tự phấn đấu để dừng lại kịp thời vào giây phút cuối cùng của sự cám dỗ"

Mọi thư từ và ý kiến xin liên lạc: Tâm Triều
PO Box 2166 WEstminster CA 92648
hoặc Cơ sở Phát hành Hoài Bão:
9361 Bolsa Ave # 203 WEstminster CA 92683
Phone: (714) 531-3604

📖 Nguyên Sa- Trần Bích Lan, ***Quan Điểm - Văn học và Triết học,*** nguyên là một tập tiểu luận về văn chương và triết học nhà Nam Sơn xuất bản ở Sài Gòn năm 1960, nay gia đình thi sĩ Nguyên Sa cho in lại, kèm theo phần tiểu sử Nguyên Sa do GS Lưu Trung Khảo viết năm 1998, và bài viết ngắn "Bài học Tâm lý" đăng trên báo Dân Chúng năm 1996. Ấn phí 12 Mỹ kim.

Địa chỉ liên lãc: Nancy Nga Tran
PO Box 4658 Irvine CA 92616 USA
Phone: (949) 552-7728

Những ai đã từng trải qua các trại tị nạn Bidong, Galang, Palawan, Sikiew, Songkhla, Phanat Nikhom, Bataan, Sungei Besi, White Head... đã từng chứng kiến những giây phút kinh hoàng trên biển cả...đã từng tham dự cuộc bỏ nước ra đi bi tráng chưa từng có trong lịch sử dân tộc...
Hãy tìm đọc

Thiên Sử Thi Của Người Vượt Biển
của Đào Văn Bình
mới vừa xuất bản

Giá bán: Tại Hoa Kỳ 10 MK - Canada 13 MK
Úc châu và Âu châu 18 MK

Chi phiếu xin đề: Đào văn Bình
Và gửi về địa chỉ:
P.O. Box 1808 San Jose, CA 95109

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 * Fax: (310) 366-6967

ĐẤT TRỜI

Tiểu thuyết của Nam Dao
Bìa Nguyễn Trọng Khôi
Sách dày 408 trang, giá $17.00, tính luôn cước phí.

Quí vị muốn mua sách, chi phiếu xin đề
Nguyễn Khoa, và gửi về địa chỉ trên.

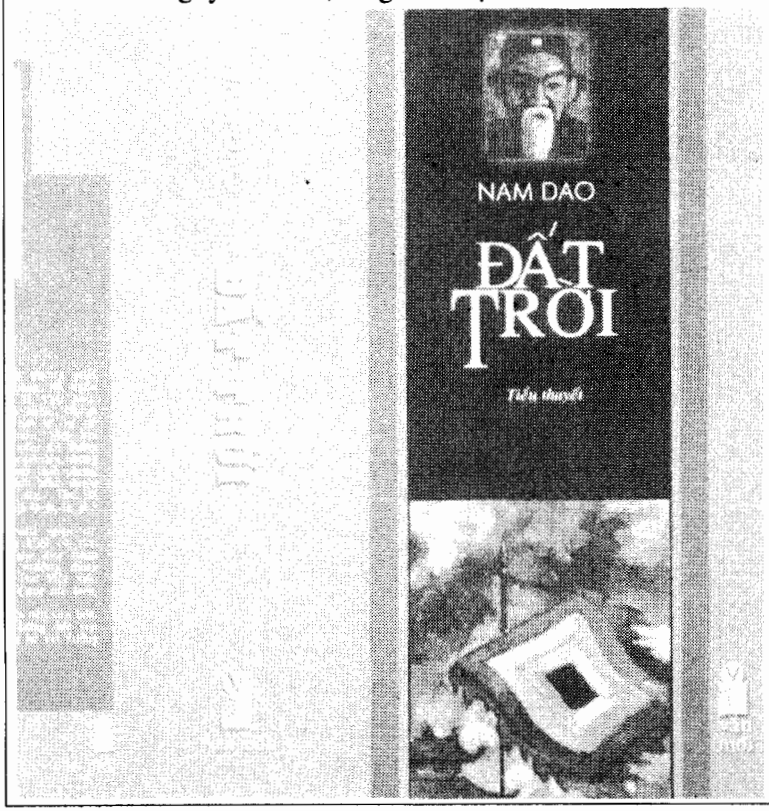

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

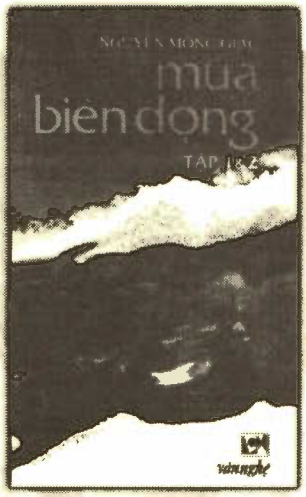

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Người USA thêm 5MK)

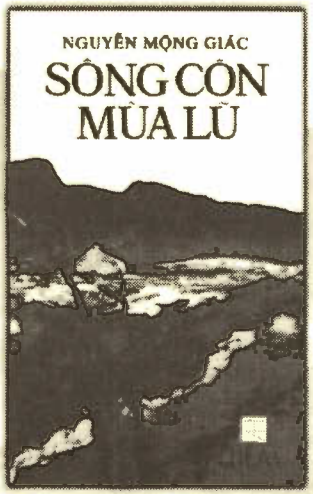

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Người USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

SÁCH MỚI MÙA XUÂN-HÈ

- **HUYỆT TUYẾT** 12 MK
  10 truyện 10 chuyện, *Võ Đình*
- **SÓNG TỪ TRƯỜNG II** 12 MK
  lý luận văn học, *Thụy Khuê*
- **VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VÀ HẬU HIỆN ĐẠI QUA THỰC TIỄN SÁNG TÁC VÀ GÓC NHÌN LÝ THUYẾT** 25 MK
  lý luận văn học, *Hoàng Ngọc Tuấn*

PHÁT HÀNH

- **ĐI GIỮA BẦY THÚ DỮ** 11 MK
  truyện *Lâm Chương*
- **GỖ THỨC TRÊN RỪNG** 12 MK
  truyện *Tâm Thanh*
- **NÓI CHO CON NGƯỜI** 15 MK
  linh mục *Chân Tín*
- **HỒ SƠ ĐEN CSVN 54-02** 14 MK
  Michel Tauriac, Nguyễn Văn dịch
- **MIỀN LẶNG** 12 MK
  truyện *Phạm Chi Lan*
- **NGẬM HẾT MẶT TRỜI** 12 MK
  truyện *Phan Hội Yên*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone/Fax (714) 934-8514

Giá 5 Mỹ kim